

LÊ QUÝ ĐÔN

PHỤ BIÊN TẬP LỤC

Tập I

Quyển 1, 2 & 3

bản dịch của
LÊ XUÂN GIÁO



TƯ SÁCH CỐ VĂN - ỦY BAN DỊCH THUẬT





PHỦ BIÊN TẠP LỤC





LÊ QUÝ ĐÔN

PHỦ BIÊN TẠP LỤC

Tập I

Quyển 1, 2 và 3

*Bản dịch
của*

LÊ XUÂN GIÁO

*Nguyên tác là thư bản lưu trữ
tại Viện Khảo Cổ dưới số VĐ. 9*

TỦ SÁCH CỒ VĂN

ỦY BAN DỊCH THUẬT

PHỦ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HOÁ XUẤT BẢN

1972





Vài nét sơ lược về sách «PHỦ BIÊN TẠP LỤC»

I. Tác - giả

Tác-giả sách «Phủ biên tạp lục» là Ông Lê-quỳ-Đôn, một nhà bác-học về thời Lê mạt.

Họ Lê là người xã Duyên-hà, huyện Duyên-hà, tỉnh Thái-bình, Bắc-Việt, và là con Ông Lê-phù-Thừ đậu Tiến-sĩ khoa Giáp-thìn đời Lê Bảo-thái.

Lê-quỳ-Đôn Tiên-sinh đã nổi tiếng hay chữ từ thuở còn nhỏ. Năm 18 tuổi, Ông đậu Giải-nguyên thi Hương; năm 27 tuổi, đậu Tiến-sĩ cập đệ nhất danh tức Bảng-nhãn vào triều Lê Hiến-tông niên-hiệu Cảnh-hưng năm thứ 13 (1752).

Năm 1753 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng năm thứ 14, sơ bổ Hàn-lâm Viện Thị-thư.

Niên-hiệu Cảnh-hưng năm thứ 21 (1760), vâng lệnh vua Lê đi sứ qua Tàu.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Vào những năm 1769, 1770, Ông được cầm quân đi đánh dẹp bọn phản-loạn Lê-duy-Mật tại vùng Thanh-hoá, Nghệ-an và Trấn-ninh.

Năm 1775, tức là năm Canh-hưng thứ 36, Ông được triều-đình cử giữ chức Tổng-tài Quốc-sử-quán coi việc tục biên Quốc-sử với Nguyễn-Hoàn thi đậu Tiến-sĩ về đời Lê Cảnh-hưng năm thứ 7.

Tiếp đó, Ông vâng lệnh vua Lê vào trấn-nhậm tại vùng Thuận-hoá, Quảng-nam, lúc bấy giờ nơi đây là cương-giới Việt-nam.

Sau cùng, họ Lê làm quan tới chức Công-bộ Thượng-thơ.

Ông mất ngày 14 tháng 4 năm Giáp-thìn (1784), hưởng thọ được 59 tuổi.

II. Văn-nghiệp của Lê-quý-Đôn.

Lê-quý-Đôn rất xứng-dáng với danh-hiệu nhà bác-học của Việt-nam vào thượng bán thế-kỷ 18, vì ông đã viết đề lại cho hậu thế nhiều bộ sách rất có giá-trị. Chúng tôi xin lược kê lại một số như sau :

a) Bằng Hán-văn.

- | | |
|----------------------------|----------|
| 1. Dịch kinh phu thuyết. | 6 quyền |
| 2. Thư kinh diễn nghĩa. | 3 quyền |
| 3. Quàn thư khảo biện. | 8 quyền |
| 4. Thánh hiền mô phạm lục. | 12 quyền |



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

5. Văn dài loại ngữ.	4 quyền
6. Toàn Việt thi lục.	15 quyền
7. Hoàng Việt văn hải.	? quyền
8. Lê triều thông sử hay « Đại Việt thông sử »	4 quyền
9. Bắc sử thông lục.	4 quyền
10. Kiến văn tiểu lục.	12 quyền
11. Quế đường thi tập.	4 quyền
12. Liên châu thi tập.	4 quyền
13. Quế đường văn tập.	4 quyền
14. Âm chất văn chú.	2 quyền
15. Danh thần lục.	2 quyền
16. Phủ biên tạp lục.	6 quyền

« Phủ biên tạp lục » tức là bộ sách được dịch này.

b) Thi văn bằng quốc-âm.

1. Một bài thơ « Rắn đầu biếng học » làm lúc tác-giả chưa đầy 10 tuổi đời, đã thành một kiệt-tác được truyền-tụng cho tới bây giờ.

2. Một bài kinh nghĩa « Vãng chi nữ gia, tất kinh tất giới, vô vi phu tử ».

3. Bài văn sách « Lấy chồng cho đáng mặt chồng, bỏ công trang-điểm má hồng răng đen ».

Tất cả đều là những áng văn kiệt-tác, được hậu thế truyền đọc và hiện nay đều nằm trong văn-học-sử Việt-ngữ.

c) Tác-phẩm được dịch.

Tác-phẩm được dịch đây nhan-đề là « Phủ biên tạp lục ».



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Phủ biên có nghĩa là phủ-dụ, trấn-an vùng biên-thuỳ, hay là chính-sách trấn-an vùng biên-giới. Tạp lục là ghi chép những sự-kiện đã xảy ra cùng những phương-sách đối xử, giải-quyết trong thời-gian ấy.

Sách này được viết vào thời-kỳ tác-giả vâng lệnh vua Lê phái đi trấn nhậm hai Đạo Thuận-hoá và Quảng-nam. Lúc bấy giờ, cương-giới Việt-nam giáp Chiêm-thành ở đó.

Bộ sách này không những có giá-trị về văn-học, về lịch-sử của một văn-hào vào đầu thế-kỷ 18 của Việt-nam chúng ta, mà còn là những biện-pháp chính-trị của tiền-nhân chúng ta trong sự-nghiệp Nam-tiến vĩ-đại.

Đề cho độc-giả dễ phân-biệt, về phần chú-thích của tác-giả, tôi xin dùng dấu (), và về phần chú-thích của dịch-giả, tôi xin dùng dấu [].

Saigon, ngày 20-5-1971

Dịch-giả cần chí.



Bài tựa sách **«PHỦ BIÊN TẠP LỤC»**

[1a] Những kẻ sĩ quân-tử [tức kẻ hiền tài] được bổ đi làm quan để thi-hành việc chính giúp nước, há chỉ nên ung-dung tự-tại ở chốn lang-miếu triều-đình để đàm-luận văn-chương nhã-thú, và xưng-tụng đức-vọng các Tiên-nhân hay các Đế-vương?

Những kẻ hiền tài ấy cần phải thường đi tuần-hành hay đi du-lịch tới các chốn biên-cương hẻo-lánh và những nơi quan-ải xạ-xôi nữa.

Đã được nhận-lãnh chức-trách « phương-diện », nghĩa là thay mặt Chính-phủ Trung-ương cầm quyền cai-trị nhân-dân một địa-phương trong nước, các quan-chức phải hết sức lo-lắng chăm-sóc, an-ủi và thương-xót các quân-nhân cũng như các nông-dân trong địa-hạt của mình.

Các quan-chức ấy cần phải tìm cách mang lại lợi-ích và trừ-khử điều hại cho nhân-dân ở dưới quyền mình. Cần phải



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

tuyên-truyền những huấn-thị và ban-bố những giáo-điều của Thượng-cấp để dân-chúng thấm-nhuần hiểu-biết.

Các quan lại cần phải làm thế nào để thay đổi các phong-tục, tập-quán hủ-lậu xấu-xa, để trở thành những phong-tục tập-quán tốt-đẹp.

Nói tóm lại, các quan địa-phương cần phải hết lòng, hết dạ phục-vụ quốc-gia ; và phải noi theo chức-trách, bổn-phận của mình như thế nào, để đáp-ứng mỹ-ý thịnh tâm của đức Hoàng-thượng muốn gia-ban ơn-buệ cho nhân-dân trăm họ.

Tuy thời có khi khó, khi dễ, thế cũng có lúc nên, lúc không, các quan phải biết tùy thời mà điều-giải, cân-nhắc kỹ-lượng, thì mọi việc sẽ được giải-quyết thích-đáng cả.

Ông Âu-dương-Tu nhà Tống ¹ đã từng nói :

1. Âu-dương-Tu là người đất Lu-lãng nhà Tống, tự Vĩnh-thúc, thi đậu Tiến-sĩ giáp-khoa.

Dưới triều vua Tống Nhân-tông, Âu-dương-Tu làm chức Giám-quan tể Ngự-sử.

Âu-dương-Tu luận sự rất thiết-thực và cương-trực, được phong chức Tham-tri Chánh-sự.

Đến khi dời tới Thanh-châu, Âu-dương-Tu và Vương-yên-Thạch (Thủ-tướng) không hợp ý nhau, nên Âu-dương-Tu đái hàm « Thái-tử Thiểu-sử » trí sự.

Âu-dương-Tu là tay bác-học cực quàn-thư, văn-chương quán thiên-hạ. Đến sau, Âu-dương-Tu tự hiệu Tuý-ông. Và đến khi tuổi già, lại hiệu « Lục-nhứt cư-sĩ ».

Đến khi mất, Ông được đặt thụy-hiệu « Văn-trung ».

Âu-dương-Tu soạn hai quyển sách rất có giá-trị là : « Tân đường thư » và « Tân ngũ đại sử ».



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

« Đối với các viên quan-lại cai-trị nhân-dân, người ta không cần phải hỏi họ có tài-năng hay không, mà chỉ cần nghe-ngóng người dân đã khen-ngợi quan-lại nào giúp ích, làm lợi cho dân, tức là quan-lại đó tuần-lương, là quan-lại tốt. Trái lại, làm việc chính-trị mà đề đến nỗi dân-chúng phải than-van, kêu-ca là bất-tiện, thì thử hỏi những viên quan-lại ấy có xứng-đáng hay không ? ».

[1b] Chúng tôi vốn là kẻ tài-năng tầm-thường, nhưng may-mắn thay chúng tôi lại gặp được các đấng Nhân-quân, Thánh chúa !

Mùa thu năm Giáp-ngọ [tức năm 1774 sau Công-nguyên], chúng tôi được Quân-vương cho tham-dự Chính-phủ.

Vừa lúc ấy, lại có chiến-dịch Nam-chinh [đi đánh phương Nam], nên Triều-đình truyền lệnh sai-khiến tướng-quân xuất-phát binh-sĩ.

Tiếp theo đó, xa-giá sáu ngựa [tức xe chúa Trịnh-Sâm] cũng được sửa-soạn lên đường.

Mùa đông tháng 11 năm ấy, Triều-đình bình-định xong trấn Thuận-hoá.

Rồi đến mùa hạ năm Ất-vị [tức năm 1775 sau Công-nguyên], quan quân ta lại lược-định xong trấn Quảng-nam.

Chúng tôi lại may-mắn được tham-dự vào việc trừ-liệu mưu-mô và sắp-đặt kế-hoạch bình-định hai trấn đã kể ở trên.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Mùa đông năm này, trấn-phủ nha môn được thiết-lập tại thành Phú-xuân [tức Huế sau này], và Đoan Quận-công [tức Bùi-thế-Đạt] lấy tư-cách là Đốc-suất quân-vụ kiêm lãnh chức Trấn-phủ.

Sang năm Bính-thân [tức năm 1776 sau Công-nguyên], chúng tôi vâng mệnh lệnh nhà vua nhận chức Tham-thị quân-vụ, đồng thời được lãnh chức Hiệp-trấn tại cõi đất mới này [tức Thuận-hoá trấn].

Khi đến nhiệm-sở mới, chúng tôi nhận thấy ở trong trấn Thuận-hoá, từ các viên lại-thuộc cho đến toàn thể nhân-dân đều được yên-ôn vững bền; ruộng-nương đất-đai cũng đều được khai-khẩn mỗi ngày mỗi nhiều. Cho đến những người đi cày ruộng làm mùa-màng cũng như người đi đào giếng lấy nước uống, ai nấy đều yên phận làm ăn cả.

Nói tóm lại, tất cả mọi người ở nơi đây đều vọng hường về Triều-đình với một tấm lòng ngưỡng-mộ đức-hoá sâu-đậm. Ấy là nhờ oai-phong, đức-trạch lớn-lao của Thánh-Chúa đã chinh-thảo những kẻ phản nghịch, và phủ-ủy, thương-mến nhân-dân, nên mới được như vậy.

Ngoài ra, chúng ta cũng cần phải nhớ đến công-lao của vị Thượng-tướng trước đây là Việc Quận-công nữa. Với quân-lệnh nghiêm-minh trang-kính, vị Thượng-tướng ấy đã lo chiêu-tập nhân-dân khi Ngài tới nhậm chức nơi đây.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHÚT

Chúng tôi nhìn lại trấn-ty này mới được thiết-lập, nên trăm việc ở đây cũng mới được khai-sáng qua-loa mà thôi.

Lúc bấy giờ, quân-binh và nhân-dân [2a] đang ở lẫn-lộn với nhau. Các ty-tướng và quân-hiệu thì ý lại thế-lực, họ lấy trộm các vật-liệu và triệt-hạ những chốn quân-phòng cũ để làm những đồn mới. Họ lại còn chuyên quyền bắt-bớ, giam-cầm và khám-xét những người khác nữa.

Đồng tiền kềm không được lưu-hành, giá lúa gạo càng ngày càng nhảy vọt. Những nhà làm muối đều phải bỏ nghề-nghiệp của mình. Các viên quan-chức cũ cùng với nhân-dân ở các địa-phương trong hạt tranh-giành nhau ruộng-nương, đất-đai, rồi do đó mà xảy ra không biết bao nhiêu vụ kiện-thưa và bới-móc chuyện riêng của nhau nữa.

Cách ăn mặc của các quan-lại và nhân-dân thì khác biệt nhau hẳn. Vì vậy mà những kẻ hung-hãn, bạo-tàn càng ngày càng điêu-ngoa đặc-chí; còn những kẻ yếu-hèn cô thế càng ngày càng sinh lòng phẫn-uất oán-hờn.

Đứng trước tình cảnh ấy, chúng tôi cùng các quan đồng liêu trù-liệu bàn-bạc, và khu-xử mọi việc đều được thích-nghi.

Chúng tôi bắt đầu tạm đặt những viên Đề-lại [cũng như Thư-ký trưởng tại mỗi quận nha], qui-định thề-lệ tổ-tụng, và nghiêm-cấm các đồn-quan không được phép khám-xét những



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

người thừa-kiện. Còn những vụ thuộc phạm-vi các huyện phải khám-xét hay thuộc phạm-vi trấn phải khám-xét thì đều có đặt thẻ-thức thông-thường cả.

Chúng tôi lại nghiêm-sức các tướng-hiệu phải cấm chỉ không cho quân-lính ở dưới quyền mình hiếp-chế và cướp-bóc của-cải nhân-dân ở các địa-phương trong trấn.

Mỗi khi sai-phái quân-nhân lên các miền Thượng-lưu công-cán, các chiến-sĩ nào có đi hái củi cắt cỏ chẳng hạn, đều phải nhứt-thiết nghiêm-cấm họ không được tự-do vào nhà nhân-dân.

Chúng tôi hiệu-thị cho dân-gian thông dùng tiền kẽm, cứ tính ba quan tiền kẽm trị giá một quan tiền đồng.

Chúng tôi đã từng cho phép thông-thương các hạng lúa thóc từ trên đầu nguồn sông Cam-lộ [thuộc địa-phận huyện Cam-lộ, tỉnh Quảng-trị ngày nay], và tha hẳn thứ thuế chợ « cựa tuần bến » trong trấn cộng 140 sớ lặt-vặt và phiên-toái. Còn bao nhiêu sớ nữa, nếu có xã dân nào tình-nguyện ngồi tại xã mình mà thâu [2b] thứ thuế ấy, thì quan trên cấp giấy phép cho họ, hoặc y theo lệ cũ, hoặc giảm bớt đi một đôi phần tùy theo họ xin.

Chúng tôi cũng đã chiêu-tập các thôn hoặc phường có sở làm muối cũ, và đã cấp bằng cho họ mở lò nấu muối. Còn thuế lò muối thì do họ thuận tình bỏ nạp, chứ không bắt-buộc.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Các chức-vụ là các viên-chức mà trước kia họ Nguyễn đã thiết-lập và điền-bổ, thì nhứt-thiết đề y như cũ, không máy-may thay-đổi.

Các quan-lại cũng như các quân-nhân và thường dân đều được chiếu theo số ruộng và số binh từng nơi mà nhận khẩu-phần quân-cấp.

Ngoài việc tuyên-truyền, quảng-cáo, hiệu-thị các huấn-điều cho dân-chúng được rõ, những luật-lệ và thời-hạn về cầm-thế ruộng, chuộc ruộng cũng đều được thân-định lại cho rõ-ràng để chấm-dứt những vụ tranh-tụng từ lâu nay.

Còn cách-thức may y-phục như áo mặc và mũ đội từ lâu nay người ta theo dị-dạng, thì bắt-buộc phải sửa-đổi lại cho hợp thức, khiến ai nấy đều phải tuân theo chế-độ Quốc-triều.

Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ số tiền sắm-sanh y-phục tuy không đáng bao nhiêu, nhưng vật-dụng lại đáng quý, cho nên chúng tôi cũng khoan cho người ta một thời-hạn, trước khi bắt-buộc ai nấy phải thay đổi hẳn kiểu ăn mặc cũ.

Lại nữa, số nhân-định cũng như số điền-địa trong trấn này từ lâu nay chưa từng được kê-khai và phân loại rõ-ràng.

Vì vậy, nay chúng tôi đã thông sức cho các quan Huyện và quan Đồn trong Trấn, chuyển sức xuống các tổng-trưởng thuộc các huyện từ nay phải sắp-bày phương-thức và cắm tiêu-chí tại các nơi biên-giới địa-phận tổng mình, để họ phân

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

loại và lập bộ. Kỳ-hạn cho họ nộp trong một tháng phải hoàn-thành các thứ bộ và trình nạp lên Thượng-cấp.

Vậy số đình-khâu mỗi nơi nhiều hay ít, số điền-thồ mỗi nơi đã thành-thục được bao nhiêu mẫu, và còn hoang-phế bao nhiêu mẫu, người ta cứ y theo các bộ đình, điền mà thâu và tiến nạp lên cấp trên.

Về việc tu bộ đình cũng như bộ điền, các quan không nên bác-khước hay hạch-bỏi, bắt-bẻ một điều gì, là vì nhà-nước muốn làm yên lòng nhân-dân mới được qui-phụ với Triều-đình.

Bọn nguy Miên-đức-hầu làm loạn ở Hải-lăng [thuộc tỉnh Quảng-trị ngày nay], chúng tôi sai-phái quan quân đến tiêu-trừ và bắt [3a] được bọn chúng. Nhưng chỉ có vài người tỳ-tướng bị giết chết mà thôi. Còn vũ dực [tay chân] của nguy đảng ấy hơn trăm người đều được hưởng ơn khoan-hồng và đều được tha tội cả.

Việc ấy, chúng tôi không hề thời phòng thế-lực của bọn giặc, trình-bày cho lớn chuyện với Triều-đình, đề mong được ghi công-trạng và được dự phần khen thưởng.

Những người trong họ Nguyễn cùng các cỰu-thần, có ai tới Trấn-phủ nha, xin yết-kiến bản-chức, bản-chức dùng những lời ngon tiếng ngọt đề an-ủi, vổ-về họ. Còn những lễ-



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

vật được đưa tới tặng bản-chức, dù trọng-hậu đến đâu, bản-chức cũng nhứt-thiết không lấy một món nào.

Thình-thoảng người trong trấn có thết-đãi những bữa tiệc ăn uống, bản-chức cũng phải nhận lời họ mà tham-dự một đôi lần. Nhưng khi nào bản-chức cũng ăn uống chung với mọi người, để tỏ rằng bản-chức đối với nhân-dân vốn không phân-biệt đẳng-cấp.

Đối với những người trong họ Nguyễn, bản-chức vẫn chiếu theo lệ cũ mà phân-biệt cấp-phát công-diền cho họ, để họ có nghề-nghiệp làm ăn sinh sống.

Những người họ Nguyễn từ các nơi xa tới Kinh-đô, ngoài việc họ được cấp-phát cơm ăn, áo mặc, bản-chức còn cho họ thêm những món tiền ăn đường.

Mỗi năm, tới ngày tế Đình [tức tế Thánh], bản-chức thân-hành tới học-cung xem lễ. Các sinh-viên tới học-cung học-tập có vài trăm người. Có đôi lúc, bản-chức giảng học và luận văn cùng các sinh-viên, và luôn luôn bản-chức có những lời khuyên-lơn và dạy-dỗ họ một cách ân-cần, chu-đáo.

Chúng tôi vốn không có tài minh-mẫn, nên không dám hy-vọng bắt chước người đời xưa đã từng nói : « Minh là kẻ lớn trung-tín, là bậc thầy từ-huệ ». Nhưng từ ngày tới lý-sở nhậm chức đến nay, bản-chức vẫn lo-lắng làm thế nào để võ-về trăm họ, tập-hợp yên-ôn nhân-dân một địa-phương.

PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Mỗi khi ngàng đầu trông lên đấng Cửu-trùng [3b] [tức đương niên Hoàng-thượng] vào lúc tang-du vạn cảnh [cảnh chiều tối], bản-chức không khỏi đêm ngày bấn-khoăn lo-lắng trong lòng. May nhờ có quan Đại-tướng đồng-liêu là người hoà-nhã vui-vẻ, lại được quan Tán-ly và quan Đốc-thị đôi ba kẻ trợng-phu tâm đầu ý hợp, nên bản-chức có thể ung-dung bận chiếc áo cầu mông vừa đi vừa ngâm-nga ngạo-nghe trong khoảng Hà-kê Thiên-mỹ. Nhưng đâu dám tự cho đó là « chính thông nhân hoà »¹ mà khoe-khoang khoác-lác!

Làm quan-chức cai-trị nhân-dân một địa-phương là làm sao cho địa-phương đó được vô sự. Ấy cho nên quan-chức không được sinh sự, mà cũng không được phế sự, bỏ bê công việc, thì tự-nhiên nhân-dân khen-ngợi quan-chức tuần-lương. Nhân-dân trong địa-phương đã được yên-đón làm ăn tiện-lợi, thì lẽ đương-nhiên địa-phương ấy được vô sự. Do đó, mỗi khi nhàn-rỗi công việc quan, bản-chức đi kinh-lịch núi sông trong trấn-hạt và tìm-tòi hỏi thăm các di-tích. Rồi duyệt xét lại các thề-lệ cũ.

Bản-chức lại sưu-tầm và hỏi-han các vị nhân-tài trong hạt, rồi mới mượn bút ghi-chép đóng thành một cuốn sách được mang tên « Phủ biên tạp lục »².

1. « Chính thông nhân hoà » việc chính-trị hanh-thông, không bế-tắc một điều gì, thì nhân-dân trong hạt ắt được hoà-thuận yên vui.

2. « Phủ biên tạp lục » là cuốn sách ghi-chép những việc phức-tạp trong lúc làm chức quan Trấn-phủ ở chốn biên-cương, tức là trấn Thuận-hoá.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

« Phi hồng nhứt trảo »¹ là chim hồng cao bay mà còn lưu lại dấu một móng chân, cuốn sách này chỉ đề lưu ghi-nhớ những sự việc lúc bấy giờ mà thôi.

Tuy nhiên, những bậc quân-tử ở Triều-đình, có người nào muốn tra-khảo, nghiên-cứu những sự-tích ở Nam-thuỳ, mà không ra khỏi nhà mình, nhưng biết được những sự việc ở ngoài muôn dặm, thì cuốn sách Tạp lục này cũng có thể [4a] cung-ứng một phần nhàn-lãm vậy.



Ngày Vọng [tức ngày rằm] tháng 8 niên-hiệu Cảnh-hung nhà Lê năm thứ 37 [tức năm 1776 sau Công-nguyên].

Phụng sai Thuận-hoá Quảng-nam đẳng đạo Tham-thị Tham-tán quân-cơ, Thuận-hoá trấn Hiệp-trấn-phủ Hữu Thăng-cơ, Nhập-thị Bồi-tụng, Hộ-bộ Tả Thị-lang, Dĩnh-thành-hầu Duyên-hà Quế-đường Lê-quý-Đôn, tỵ Doãn-hậu, viết cuốn sách này tại cửa Triều-dương thành Phú-xuân.



1. « Phi hồng nhứt trảo » xuất từ câu cô thi của Tô-Thức: « Nhân sinh đáo xứ tri hà tỵ, ưng tỵ phi hồng đạp tuyết nê » nghĩa là: « Người ta ở đời rốt cuộc giống cái gì? Giống con hồng bay còn lưu dấu trên tuyết », nghĩa là những việc đã qua còn lưu lại dấu tích, hay người ta đi đâu, cũng còn tiếng-tâm lưu lại chỗ đó.





[7a] Phủ Biên Tạp Lục Quyển Nhứt

Soạn-giả là Lê-quí-Đôn, người vàng mệnh Hoàng-đế làm chức Tham-thị Tham-tán quân-cơ hai đạo Thuận-hoá, Quảng-nam, lãnh chức Hiệp-trấn-phủ trấn Thuận-hoá, kiêm quản Hữu Thăng-cơ, đồng thời dao-lãnh chức Nhập-thị Bồi-tụng Hộ-bộ Tả Thị-lang, được phong tước Dĩnh-thành-Hầu.

+

Sau khi bình-định xong Nam-Việt, vua Võ-đế nhà Hán [nhà Tiền Hán] lấy đất-đai Nam-Việt chia thành chín quận, tức là tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây hiện nay, và nước ta chỉ được đất ba quận mà thôi. Nói như vậy, hình như không đúng sự thực.

Nay chúng tôi xin lấy sách Hán-chí mà so-sánh số hộ-kbầu như sau :

Lúc bấy giờ, nước ta được ba quận là Giao-chi, Cửu-chân và Nhật-nam, tổng cộng có hơn hai mươi huyện.



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Vào thời nhà Hán làm vua Trung-quốc, nước ta có 143.743 hộ [nóc nhà] và 981.828 nhân-khẩu [tức nhân-suất]. Mà tỉnh Quảng-đông, cũng trong thời-gian nhà Hán ấy, gồm có ba quận là Nam-hải, Thương-ngô và Hợp-phố. [7b] Trừ hai quận ở ngoài biên là Châu-nhai và Đam-nhĩ, tức Châu Quỳnh và Châu Nhai hiện nay nhưng vào thời nhà Hán đã được bãi-bỏ, nên sách Ban-chí¹ không chép, và nhân-khẩu không được tính thì không nhắc đến.

Nay chỉ lấy ba quận ở trong đất liền mà nói, thì tỉnh Quảng-đông — vào thời nhà Hán — không quá 59.390 hộ, và 318.511 khẩu.

Tỉnh Quảng-tây — cũng vào thời nhà Hán — chỉ là một quận Uất-lâm mà thôi. Lúc bấy giờ, tỉnh này không quá 12.415 hộ, và 71.161 khẩu.

Nay thông tính cả hai tỉnh Quảng-đông và Quảng-tây — vào thời nhà Hán — chỉ được 71.805 hộ, và 389.673 khẩu. Như vậy, vào thời nhà Hán, hộ nước ta chiếm hơn phần nửa tổng-số hộ của Nam-Việt trong đó có Lưỡng-Quảng, và khẩu nước ta chiếm gần bằng hai phần ba tổng-số khẩu Nam-Việt.

Hơn nữa, trước khi Tôn-Ngô [tức Ngô Tôn-Quyền] chưa

1. Sách Ban-chí, tức là sách Ban-sử, hay sách Hán-thư. Bởi vì Hán-thư do Ban-thị sáng-tác, người đời sau nhân đó mới gọi Ban-sử hay Ban-chí.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

chia Giao, Quảng làm hai châu [tức Giao-châu và Quảng-châu], và vào thời-đại Lữ-ng-Hán [tức Tiền-Hán và Hậu-Hán], chức quan Thứ-sử Giao-chỉ kiêm quản cả Lữ-ng-Quảng, trị-sở tại huyện Long-biên. [8a] Như thế, há chẳng phải người ta đã lấy Đô-thành nước ta hiện nay làm nơi trung chính tám điếm, đề bốn phương tấu-tập tụ-hội hay sao?

Vào thời nhà Hán, mỗi huyện đất-đai rất rộng lớn. Như hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam là nước Chiêm-thành về đời nhà Tống. Về thời-đại nhà Tấn và nhà Đường, thì hai xứ ấy là nước Lâm-ấp. Mà vào đời nhà Hán, thì hai xứ ấy chỉ là đất của huyện Tượng-châu.

Theo sách Đường-thư địa-lý chí, thì chức « An-nam đạo Tĩnh hải quân Tiết-độ » quản-trị 12 châu là :

Giao-châu, Lục-châu, Phong-châu, Ái-châu, Hoan-châu, Trường-châu, Phúc-châu, Lộc-châu, Võ-châu, Diển-châu và An-châu.

Nước Chiêm-thành ban đầu được gọi là nước Lâm-ấp, đến sau lại được gọi là Hoàn-quốc, người ta không biết nước ấy phân ranh-giới tại nơi nào? Như trong sách Đường-thư địa-lý chí ấy lại có nói : Giáp-châu Hoàn-sơn quận 5 huyện, hoặc là đất Thuận-hoá ngày nay chẳng?

Năm thứ 2 niên-hiệu Thiên-huống báu-tượng vua Thánh-



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

tông nhà Lý (năm Kỷ-dậu) [tức năm 1069 sau Công-nguyên] ¹, nhà vua thân hành đi đánh nước Chiêm-thành, bắt được chúa nước này là Chế-Củ ² đem về nước. [8b] Chế-Củ xin lấy ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bồ-chánh dâng cho nước ta để chuộc tội. Nhà vua chấp nhận lời thỉnh cầu của Chế-Củ và tha cho Chế-Củ được trở về nước Chiêm-thành.

Đến năm thứ 4 niên-hiệu Thái-ninh vua Lý Nhân-tông (năm Ất-mão) [tức năm 1075 sau Công-nguyên], nhà vua sai Ông Lý Thường-Kiệt đi tuần-hành biên-cương, và phác-hoạ bản-đồ hình-thể núi sông hai châu. Lại đổi châu Địa-lý làm châu Lâm-bình, và châu Ma-linh làm Minh-linh, cùng chiêu-tập nhân-dân đến cư-ngụ tại hai châu ấy. Từ đấy, từ đất Kỳ-hoa [tức huyện Kỳ-anh, tỉnh Hà-tĩnh hiện nay, giáp núi Hoành-sơn] trở vào phương Nam, ngoài một giải Hoành-sơn, non nước bao-la mới được trở về với bản-đồ nước Việt-nam chúng ta vậy.

Sang năm thứ 3 niên-hiệu Long-phù vua Lý Nhân-tông (năm Quý-vị) [tức năm 1103 sau Công-nguyên], vua nước Chiêm-thành là Chế-ma-Na vào cướp-bóc nước ta và lấy lại ba châu đã kể trên.

1. Năm Kỷ-dậu (1069) là năm đầu niên-hiệu Thần-Võ vua Lý Thánh-tông, chứ không phải năm thứ 2 niên-hiệu Thiên-huống báu-tượng vua Lý Thánh-tông, vì năm Kỷ-dậu (1069), nhà vua đã cải-nguyên, lấy niên-hiệu Thần-Võ.

2. Chế-Củ là họ Chế, tên Củ. Họ Chế là một trong số bốn họ lớn nhất của nước Chiêm-thành: Ung, Ma, Trà, Chế.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm thứ 4 niên-hiệu Long-phù (năm Giáp-tý) [tức năm 1104 sau Công-nguyên], Ông Lý Thường-Kiệt đi đánh phá nước Chiêm-thành. Bị đại-bại, Chế-ma-Na lại xin dâng nạp đất ba châu ấy cho nước ta, và xin tiếp-tục dâng lễ triều-cống vua ta mà mấy lâu đã gián-đoạn.

Năm thứ 5 niên-hiệu Thiên-thuận vua Thần-tông nhà Lý (năm Nhâm-tý) [tức năm 1132 sau Công-nguyên], người nước Chiêm-thành sắm-sanh ghe-thuyền trốn về nước họ. Nhưng mới đến cửa biển Nhựt-lệ thì bị người trại bắt và giải đến chốn Kinh-sur [tức Kinh-đô].

Trong năm này, người nước Chiêm-thành và người nước Chân-lạp lại liên-hợp binh-lực vào cướp [9a] Nghệ-an. Nước Chân-lạp tức là nước Cao-miên ngày nay.

Năm thứ 14 niên-hiệu Hưng-long vua Trần Anh-tông (năm Bính-ngọ) [tức năm 1306 sau Công-nguyên], nhà vua gả Huyền-Trần Công-chúa cho vua Chiêm-thành là Chế-Mân, người Chiêm-thành lấy hai châu Ô và Lý làm của nạp-trung tức lễ cưới.

Năm thứ 15 niên-hiệu Hưng-long (năm Đinh-vi) [tức năm 1307 sau Công-nguyên], nhà vua bắt thôn La-thuỷ làm những tấm buồm sắc hồng, nên người thôn ấy không phục tình. Nhà vua mới phái quan Hành-khiển là Đoàn-nhữ-Hài đi tuyên-truyền đức-ý của triều-đình ta. Nhà vua lại truyền lệnh đòi hai châu Ô, Lý làm hai châu Thuận, Quảng [tức Thuận-hoá và Quảng-nam], phái quan tới nơi hiểu-dụ dân-chúng, và cho người họ làm

quan, cấp ruộng đất cho họ như trước, miễn thuế tô cho họ 3 năm.

Năm thứ 20 niên-hiệu Hưng-long (năm Nhâm-tý) [tức năm 1312 sau Công-nguyên], vua ta thân-hành đi đánh nước Chiêm-thành.

Đi đến châu Lâm-bình, nhà vua chia quân làm ba đạo : một đạo quân do đường núi, một đạo quân do đường biển, còn một đạo quân do đường bộ, đều phải đến trại Chiêm. Nhà vua dụ vua Chiêm-thành là Chẽ-Chí đầu hàng, và phong cho em Chẽ-Chí làm chức Hầu.

Năm thứ 21 niên-hiệu Hưng-long (năm Quý-sửu) [tức năm 1313 sau Công-nguyên], nước Chiêm-thành bị người nước [9b] Tiêm [tức Tiêm-la, tức Thái-lan ngày nay] xâm-phạm và cướp-bóc, vua ta sai Đỗ-Thiên-Thứ [tức em Đỗ-khắc-Chung hay Trần-khắc-Chung] làm chức Kinh-lược-sứ Nghệ-an và Lâm-bình.

Năm thứ 13 niên-hiệu Thiệu-phong (năm Quý-ty) [tức năm 1353 sau Công-nguyên], vua ta truyền lệnh cử đại-binh đi đánh nước Chiêm-thành, bộ quân của ta đến Cỗ-luy, còn thủy quân của ta tiến không được, nên quay trở về.

Quân Chiêm-thành vào cướp Hoá-châu, nhà vua sai Trương Hán-Siêu lãnh đạo quân « Thần-sách » coi các trấn Thuận-hoá và Quảng-nam.

Năm thứ 4 niên-hiệu Đại-trị vua Trần Dụ-tông (năm Tân-



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

sử) [tức năm 1361 sau Công-nguyên], nhà vua bổ-nhậm Phạm-A-Song làm chức Tri-phủ phủ Lâm-bình (châu Lâm-bình được đổi làm phủ Lâm-bình không biết từ đời nào), phái Đỗ-tử-Bình bổ-sung đạo quân Lâm-bình, Thuận-hoá, và làm cho xong thành Hoá-châu.

Năm thứ 9 niên-hiệu Đại-trị là năm Bính-ngọ [tức năm 1366 sau Công-nguyên], người nước Chiêm-thành vào cướp phá phủ Lâm-bình, Phạm-A-Song đánh phá được quân địch, rồi nhà vua phong cho A-Song làm chức « Đại tri-phủ hành quân thủ ngự sứ ».

Năm thứ 10 niên-hiệu Đại-trị (năm Đinh-vị) [tức năm 1367 sau Công-nguyên], vua sai Trần-Thế-Hung đi đánh Chiêm-thành, Trần-Thế-Hung bị thua trận và chết mất tích.

Năm thứ 2 niên-hiệu Thiệu-khánh vua Trần Nghệ-tông (năm Tân-hợi) [tức năm 1371 sau Công-nguyên], tháng 3 nhuận, người Chiêm-thành vào cướp phá nước ta. Thuyền họ vào cửa biển Đại-an [thuộc địa-phận tỉnh Nam-định], [10a] rồi thẳng đến xâm-phạm chốn Kinh-kỳ, đốt-phá, cướp-bóc rồi trở về. Vì trước kia, ta thường cho người Chiêm-thành do đường biển vào triều-cống vua ta, nên họ đã quen thuộc đường biển của ta xa gần như thế nào rồi.

Năm thứ 3 niên-hiệu Long-khánh vua Trần Duệ-tông (năm Ất-mão) [tức năm 1375 sau Công-nguyên], phủ Lâm-bình được đổi làm phủ Tân-bình, quan quân ta đốc-suất người ở Thanh-

PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

hoá, Nghệ-an và Tân-bình bồi đắp con đường từ Cửu-chân [Thanh-hoá] vào đến Hà-hoa [thuộc Kỳ-anh, gần Hoàn-sơn]. Lúc ấy, sắp có chiến-dịch đi đánh Chiêm-thành, nên nhà vua lại phái Lê-quí-Ly [ngoại thích của Trần Nghệ-tông] đốc-suất công việc chuyên-chở từ Nghệ-an vào Tân-bình và Thuận-hoá.

Lúc bấy giờ, hai lộ [cũng như tỉnh bây giờ] Tân-bình, Thuận-hoá cùng với ba lộ Thanh-hoá, Nghệ-an và Diễn-châu đều được coi là những trấn quan-trọng.

Người nước Chiêm-thành đã hai lần theo đường biển vào xâm-phạm chốn Kinh-kỳ của ta. Chúa Chiêm-thành là Chế-bồng-Nga lại lén-lút đi đường núi, rồi do trấn Quảng-oai mà ra sách Khổng-mục, huyện Mỹ-lương. Thủy-quân của Chiêm-thành thì nương theo cửa biển mà vào sông Hoàng-mai [thuộc bắc Nghệ-an].

Thanh-thế của giặc rất lẫy-lừng, và có nhiều người ở Tân-bình, Thuận-hoá đã phản lại triều-đình ta mà theo giặc Chiêm-thành.

Chế-bồng-Nga bị tướng [10b] Trần-khắc-Chân đánh phá và bị đại-bại, chết ở sông Hải-triều. Còn bao nhiêu quân-lính đều trở về nước họ.

Những tay thồ-hào ở hai lộ này là Phan-Mạnh và Phạm-Cặng mới đem quân qui-thuận với triều-đình ta.

Phan-Mạnh đón đường đánh quân Chiêm-thành phải bỏ chạy và chết rất nhiều.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Vì có công-lao, Phan-Mạnh được quản-lãnh đạo quân Thánh-dực hai lộ.

Năm thứ 4 niên-hiệu Quang-thái Trần Thuận-tông (năm Tân-vị) [tức năm 1391 sau Công-nguyên], nhà vua sai Lê-quí-Ly lãnh binh đi tuần Hoá-châu duyệt định quân-ngũ và sửa-sang, xây-đắp các thành trì tại địa-phương ấy.

Nước Chiêm-thành có nhiều người tài trí. Lúc bấy giờ, quân ta bắt được tướng Chiêm là BỐ-đông, ta cũng cho BỐ-đông làm tướng. Đến đời Hậu-Hồ [tức Hồ-Hán-Thương], BỐ-đông được phái coi giữ thành Đa-bang.

BỐ-đông xin tuyển chọn tinh-binh để đưa tới nơi biên-cảnh đón đường đánh giặc, và khuyên không nên buông-tuồng, thả lỏng cho bọn giặc phương Bắc có cơ-hội tràn vào vùng đất bằng của ta, chúng sẽ cậy có quân giỏi và thông thạo mạch lạc đất nước ta. Nhưng các tướng không nghe lời BỐ-đông.

Đến khi tướng nhà Minh là Trương-Phụ cùng Mộc-Thạnh hợp binh tới đánh nước ta, ta chống-chỏi không được, bấy giờ người ta mới biết hối-tiếc đã không theo [11a] lời nói của BỐ-đông.

Năm thứ 2 niên-hiệu Thiệu-thành Hồ Hán-Thương (năm Nhâm-ngọ) [tức năm 1402 sau Công-nguyên], tháng ba, con đường từ thành Tây-đô [tức Thanh-hoá] đến Hoá-châu được sửa-sang xây-đắp lại, dọc đường cho đến Phố-xá có thể truyền thư tín, nên được gọi là đường thiên-lý.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Tháng 6 năm ấy, nước ta đại cử binh mã đi đánh nước Chiêm-thành, vua nước này là Ba-dích-Lại phải dâng đất Chiêm-động và Cồ-luy-động cho ta¹. Lê-Quý-Lý tự chia làm bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, rồi đặt chức quan « An-phủ-sứ » Thăng-hoa lộ để cai-trị dân địa-phương. Đất Nguyên-hiền lại được đặt làm trấn Tân-ninh.

Bấy giờ, nhà cầm-quyền bắt đầu phát-động công-cuộc thiên-cư. Những người không có ruộng đất mà có của-cải thì được dời qua ở châu Thăng-hoa, rồi người ta biên sổ những người vào quân-ngũ, và mộ nhân-dân nạp trâu bò thì được thưởng phẩm tước, để có trâu bò cấp cho những người mới thiên-cư.

Năm đầu niên-hiệu Khai-đại Hồ Hán-Thương (năm Quý-vị) [tức năm 1403 sau Công-nguyên], nước ta lại đánh nước Chiêm-thành.

Bấy giờ, người ta dự-định chia từ Tư-nghĩa trở vào Nam đến biên-giới Tiêm-la những đất Bản-đạt tức Hắc-bạch và đất Sa-ly làm châu, huyện. Quân ta vây đánh thành Đồ-bàn không được rồi trở về.

1. Năm Nhâm-ngọ, tức năm 1402 sau Công-nguyên, Đỗ-Mãn được phái đi đánh Chiêm-thành, vua Chiêm-thành xin đầu hàng, và xin hiến cho ta Chiêm-động và Cồ-luy-động.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

[11b] Từ đấy, phủ Thăng-hoa đã trở thành nội-địa của ta, đã được liệt vào bản-đồ và sổ-sách của ta.

Phủ Thăng-hoa cùng với Tân-bình và Thuận-hoá trở thành ba phủ, các đồn binh đều được thiết-lập khắp nơi trong nội-địa ba phủ ấy để khống-chế người nước Chiêm-thành.

Năm thứ 2 niên-hiệu Khai-đại (năm Giáp-thân) [tức năm 1404 sau Công-nguyên], Hồ Hán-Thương ra lệnh đào kênh Vạn-hoa từ Tân-bình đến Thuận-hoá, nhưng cát bùn cứ từ dưới đất đùn lên, nên đào kênh không thành, phải đình-chỉ công-tác.

Trong khoảng thời-gian ấy, cửa Hải-yêu thuộc Hoá-châu bị vỡ, quân lính Kinh-đô được huy-động đến liền lấp chỗ vỡ ấy.

Năm thứ 4 niên-hiệu Khai-đại (năm Bính-tuất) [tức năm 1406 sau Công-nguyên], quan quân nhà Minh sắp sang đánh nước ta ¹. Hồ Hán-Thương đổi chức An-phủ-sứ Nghĩa-châu Lê-quang-Tổ đi nhậm chức An-phủ-sứ Thăng-hoa, triệu Tuyên-Phủ-sứ Nguyễn-tham-Quang về Kinh, và phái Hoàng-Hối-Khanh lấy tư-cách chức quan Hành-khiển mà lãnh chức Thăng-hoa Thái-thú kiêm Tân-ninh trấn Tiết-chế.

Trong năm ấy, quan quân nhà Minh đánh phá Đông-đô [tức Hà-nội] nước ta.

1. Năm Bính-tuất (1403), vua Minh phái binh đưa Trần-Thiên-Binh trở về nước, Hồ Hán-Thương đón đường giết Trần-Thiên-Binh.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Sang năm sau (Đinh-hợi) [tức năm 1407 sau Công-nguyên], hai cha con họ Hồ bị bắt [ở Kỳ-la và bị giải tới Kim-lăng]. Hoàng-Hối-Khanh đến quận Thăng-hoa, lấy hai vị quan tại địa-phương là Đặng-Tất và Phạm-Thế-Căng [12a] làm bạn tâm phúc.

Sau khi hai cha con họ Hồ bị bại trận, người nước Chiêm-thành lại động binh. Họ muốn thâu-hồi đất cũ của họ, nên giết chức Thượng-hầu huyện Cồ-luy là Chế-ma-Nô. Hoàng-Hối-Khanh phải chạy về Hoá-châu. Thổ-quan là Thổ-Rõ cùng Đặng-Tất cũng đều trở về Hoá-châu. Thổ-Rõ lãnh-đạo đám dân thiên-cư đi đường bộ có hơi chậm-trễ, còn Đặng-Tất đi đường thủy thì tới được trước. Trấn-phủ-sứ Thuận-hoá lộ là Nguyễn-Phong chống-cự, không nạp Đặng-Tất. Tất ra sức đánh giết được Nguyễn-Phong, rồi Tất vào thành, và chống-cự Thổ-Rõ luôn. Thổ-Rõ không thắng được Tất, phải chạy về Chiêm-Thành. Người Chiêm-thành trở lại chiếm-cứ đất Thăng-hoa, và nhân cơ-hội ấy họ vào cướp-bóc Hoá-châu.

Đặng-Tất hàng tướng nhà Minh là Trương-Phụ, Phụ sai quan quân giúp-đỡ Đặng-Tất, nên người Chiêm-thành kéo nhau trở về nước ấy.

Quân Phạm-Thế-Căng cũng đầu hàng Trương-Phụ, Phụ cho Phạm-Thế-Căng làm chức Tri-phủ Tân-bình.

Mùa đông năm đó [tức năm 1407], Trần-Giản-định-đế dấy



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

binh khởi-nghĩa. Ngài lấy niên-hiệu Hưng-khánh, và đồn-trú binh ở Nghệ-an.

Đặng-Tất lập-tức suất-lãnh quân-đội lời xin hàng vua Trần Giản-định đề cùng nhà vua mưu toan công việc khôi-phục đất nước.

Năm thứ 2 niên-hiệu Hưng-khánh (Mậu-tý) [tức năm 1408 sau Công-nguyên], tháng 6, [12b] Đặng-Tất đại phá quân Phạm-Thế-Căng ở cửa biển Nhứt-lệ, đuổi theo bắt được Phạm-Thế-Căng ở núi Yên-dại.

Tháng 10 năm ấy [tức năm 1408], quân binh năm lộ là Thuận-hoá, Tân-bình, Nghệ-an, Diễn-châu và Thanh-hoá tiến đánh Đông-dô phá tan quân của Mộc-Thạnh [tướng nhà Minh] ở bến Bô-cô.

Thanh-thế quân ta lúc này rất lẫy-lừng khắp nơi.

Sang năm sau (Kỷ-sửu) [tức năm 1409], vua Trần Giản-định nghe những lời gièm-pha, giết Đặng-Tất cùng quan Tham-mưu là Nguyễn-Cảnh-Chân.

Con Đặng-Tất là Đặng-Dung và con Nguyễn-Cảnh-Chân là Nguyễn-Cảnh-Dị lấy quân ở Thuận-hoá kéo trở về Thanh-hoá, tôn lập Trần-Quy-Khoách lên làm vua, và đổi niên-hiệu là Trùng-quang.

Trần Giản-định-đế bị Trương-Phụ bắt. Trùng-quang-đế rút



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

lui về bảo-thủ Nghệ-an, chống-cự với quân Trương-Phụ được vài ba năm. Trong thời-gian này, quân hai lộ Tân-bình và Thuận-hoá đều ra sức chiến-đấu rất hăng-hái.

Năm thứ 4 niên-hiệu Trùng-quang (Nhâm-thìn) [tức năm 1412 sau Công-nguyên], Trương-Phụ xâm-phạm Nghệ-an và công-hãm Diễn-châu.

Năm thứ 5 niên-hiệu Trùng-quang (Quý-tị) [tức năm 1413 sau Công-nguyên], tháng tư, vua Trần Trùng-quang bị quân nhà Minh bức-bách đến gần, phải tuần-hành Hoá-châu.

Tháng 6 năm này, Trương-Phụ và Mộc-Thạnh hội-ngập [13a] bàn kế-hoạch công và thủ.

Mộc-Thạnh nói : « Hoá-châu ở trong một địa-thể núi cao biển rộng, chúng ta chưa dễ mưu toan việc gì được ».

Trương-Phụ nói : « Làm cho ta sống vẻ-vang là Hoá-châu, mà làm cho ta chết thành ma quỷ cũng là Hoá-châu. Hoá-châu chưa bình-định xong, ta có mặt mũi nào trông thấy Chúa-Thượng?... ».

Rồi Trương-Phụ ra lệnh xuất-phát ghe-thuyền và binh-đội đi đến hai mươi một ngày thì tới Hoá-châu, và xâm-phạm thành Hoá-châu.

Trương-Phụ đánh phá quân Nguyễn-Cảnh-Dị ở kênh Thái-gia và bắt được cả Nguyễn-Cảnh-Dị, Đặng-Dung.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Vua Trùng-quang chạy sang Lão-quá [thuộc về Ai-lao] rồi cũng bị bắt. Người Hoá-châu đều phải hàng giặc. Thế là nhà Hậu-Trần đến đây bị diệt-vong hẳn.

Trương-Phụ mới trở về đến Nghệ-an, lại được Trần hàng-thần là Phan-Liêu cho biết Liêu đã hỏi dò được trong hàng tướng văn tướng võ của Trùng-quang-đế ai hay, ai dở, quân-số của Ngài hiện còn nhiều ít thế nào, và núi sông ở Hoá-châu chỗ nào hiểm-trở, chỗ nào dễ đi. Nên lúc bấy giờ Trương-Phụ mới quyết kế vào lấy Thuận-châu.

Mùa xuân năm Giáp-ngọ [tức năm 1414 sau Công-nguyên], Trương-Phụ cùng Mộc-Thạnh chiêu-tập dân ở Tân-bình và Thuận-hoá, rồi chia ra từng xứ đặt quan cai-trị, cùng các Thổ-quan đồng làm việc với nhau.

Trương-Phụ và Mộc-Thạnh cũng giúp-đỡ Thổ-quan về việc kiểm-xét số nhân-khẩu, và tạo-lập các thứ hộ-tịch.

Nhưng lúc bấy giờ, phủ Thăng-hoa hiện còn bị hãm trong tay người Chiêm-thành, [13b] nên bọn Trương-Phụ chưa tiện hỏi-ban bàn-bạc đến phủ ấy.

Xét sách Minh-chí, vào thời-gian niên-hiệu Vĩnh-lạc nhà Minh có nói: Nhà Minh thiết-lập phủ Tân-bình thuộc Giao-chí có 37 xã; phủ Thuận-hoá có 79 xã. Phủ Tân-bình có 2.132 hộ [nóc nhà] và 4.138 nhân-khẩu. Phủ Thuận-hoá có 1.407 hộ và 3.663 nhân-khẩu.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Phủ Tân-bình có hai huyện trực-thuộc là huyện Nha-nghi và huyện Phước-khang. Phủ ấy còn kiêm-lãnh hai châu và một huyện nữa, ấy là châu Chánh-bình, châu Nam-linh và huyện Tả-bình.

Còn ruộng đất của dân thuộc phủ Tân-bình có 27 khoảnh cộng 56 mẫu 7 sào.

Hằng năm, kể cả vụ hạ và vụ thu, phủ Tân-bình phải đóng : về lương-mễ 133 thạch ; về tơ-lụa 9 cân 13 lượng 4 đồng ; về của-cải thuê đất quan-phòng là báu-sa 10 tấm.

Phủ Thuận-hoá lãnh 2 châu và 11 huyện. Trong đó, Thuận-châu gồm 4 huyện là : huyện Lợi-điều, huyện Phi-lan, huyện Ba-lan và huyện Yên-nhân.

Hoá-châu gồm 7 huyện là : huyện Trà-kệ, huyện Lợi-bồng, huyện Sã-linh, huyện Tư-dung, huyện Bồ-đài, huyện Bồ-lãng và huyện Sĩ-vinh.

Ruộng của dân thuộc phủ Thuận-hoá được 72 khoảnh. Hằng năm, vụ hạ và vụ thu, [14a] phủ Thuận-hoá phải đóng lương là 273 thạch, 2 đấu, 9 thăng và 9 hớp.

Còn phủ Thăng-hoa thì không thấy ghi-chép có mấy xã và bao nhiêu hộ-khẩu. Chỉ nói : Phủ ấy lãnh 4 châu và 11 huyện. Trong đó, Thăng-châu gồm 3 huyện là : huyện Lê-giang, huyện Đô-hoà và huyện Yên-bị.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Hoa-châu gồm 3 huyện là : huyện Vạn-yên, huyện Cự-hy, và huyện Lê-đề.

Tư-châu gồm 2 huyện là : huyện Tri-bình và huyện Bạch-ô.

Nghĩa-châu gồm 3 huyện là : huyện Nghĩa-thuần, huyện Nga-bôi và huyện Khê-miên.

Bởi vì phủ Thăng-hoa lúc ấy đã bị người Chiêm-thành chiếm-cử lại, cho nên châu và huyện thuộc phủ ấy chỉ đặt có tiếng không mà thôi.

Đối với phủ Tân-bình và phủ Thuận-hoá, người nhà Minh đều đặt các ty « Thủ bạc đề-cử ». Còn riêng ở Thuận-hoá, người nhà Minh lại đặt trường « Trừu phân », vì đường biển có nhiều người buôn bán qua lại tụ-tập, nhân đó người ta đánh thuế.

Vua Thái-tổ Cao hoàng-đế triều ta [tức triều nhà Lê], vào năm Mậu-tuất [tức năm 1418 sau Công-nguyên], khởi binh ở đất Lam-sơn ¹.

Đến năm Nhâm-dần [tức năm 1422 sau Công-nguyên], Ngài chạy vào Nghệ-an, và lấy được châu Trà-long [14b].

Năm Ất-tị [tức năm 1425 sau Công-nguyên], Ngài vây thành Nghệ-an.

1. Năm 1418, Lê-Lợi dấy binh ở đất Lam-sơn, tự lập làm Bình-định-vương. Bình-định-vương đầu tiên khai chiến với Mã-Kỳ nhà Minh và Ngài thắng Mã-Kỳ.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Tháng 7 mùa thu năm ấy, Ngài phái Trần-Hãn đem hơn một nghìn quân với một con voi tấn-công các thành Tân-bình và Thuận-hoá, thu phục được lòng nhân-dân tại hai nơi.

Khi đến sông Bồ-chánh, đoàn quân Trần-Hãn gặp quân nhà Minh. Trần-Hãn và các tướng-hiệu ta dàn quân, rồi cho quân vào từ-từ ần-phục ở Hà-khương, cùng với tướng nhà Minh đánh nhau. Bên Trần-Hãn giả vờ thua chạy, quân nhà Minh đuổi theo, rồi phục-binh ta nổi lên đánh giáp lá-cà với quân nhà Minh, cả phá được quân địch.

Vua Lê Thái-tổ lại phái Lê-Ngân đem 70 chiếc chiến-thuyền, vượt biển đến thẳng nơi trận-địa, nhân-dân các địa-phương đều qui-thuận với vua ta. Bấy giờ, các ông Lê-Ngân, Trần-Hãn thâu- nạp những quân-nhân tinh-nhuệ, chia đặt quân-biệu rồi kéo quân ra vây Đông-đô, đánh luôn mấy trận, quân vua Lê đều thắng-lợi cả.

Năm Đinh-vị [tức năm 1427 sau Công-nguyên], vua ta sai các người đã đầu hàng quân ta ¹ phải nhận lãnh 357 con ngựa đưa vào Hoá-châu chăn nuôi.

Nhà vua lại chia những người Tàu mà ta bắt được và ra lệnh khiến chúng phải vào ở trong phủ-hạt Tân-bình.

1. Năm 1427, Bình-định-vương đánh thành Đông-quan. Các tướng nhà Minh giữ thành Nghệ-an và thành Diễn-châu đều ra hàng quan quân ta cả.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Mùa hè năm ấy [tức năm Đinh-vị], vua Lê xuống Dụ cho các tướng-hiệu cũng như quân-nhân ở phủ Tân-bình và phủ Thuận-hoá, đại-ý nói : [15a]

« Trước kia, người nước Chiêm-thành đã nghịch mệnh, xâm-lấn bờ-cõi nước ta. Ông cha các ngươi đã hay dốc lòng trung-thành trợ thuận, mưu-đồ đền-đáp nước nhà, nên đã giết và đánh bại quân giặc, khôi-phục giang-sơn lãnh-thổ. Tiếng thơm nghiệp lớn được lưu-truyền tại sử-sách đến muôn ngàn đời sau vẫn còn sáng chói.

Ngày nay, bọn người nhà Minh thật là vô đạo, trên đã trái hẳn với lòng trời. Chúng chuộng võ-lực binh-đao đến cùng-cực, cốt để mở-mang đất-đai cho nhiều. Nhân-dân nước ta đã làm-than cực-khổ hơn hai mươi năm nay.

Khắp trong đất nước, tại chốn kinh-đô cũng như tại các lộ (tỉnh), Trẫm chưa thấy một ai tỏ lộ tấm lòng trung-thành, cùng nhau gắng-gỏi, đua sức để tạo-lập công-danh huân-nghiệp.

Thế mà các ngươi chỉ là hàng bầy-tôi ở chốn phiên-bình, mà đã hay tưởng-nhớ đến công sức của ông cha ngày trước, đã hết lòng trung-thành đối với vua, và đã làm trận xung-phong đánh giặc rất có công-trạng.

Tấm lòng trung-thành của các ngươi như thế, thật đáng khen-ngợi vô cùng !

Nay Trẫm đặc-cách thăng cho các ngươi lên tước « Á đại-liêu ban ». Các ngươi hãy cố-gắng lên ! »



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Lúc bấy giờ, có người ở châu Bố-chánh là Nguyễn-tử-Hoan hiến kế sách rất vừa ý nhà vua, nên Ngài trao cho quân sư thi-hành.

Năm Mậu-thân [tức năm 1428 sau Công-nguyên], quân nhà Minh phải rút về nước, nên khắp nơi trong đất nước ta đều được bình-định. Nhà vua lấy Hoá-châu [15b] làm trọng-trấn, cho nên Ngài từng phái những vị trọng-thần về đó làm trấn-thủ. Ngài lại đặt những chức « Lộ Tổng-quản » và « Lộ Tri-phủ » tại trọng-trấn này.

Năm đầu niên-hiệu Thiệu-bình vua Lê Thái-tông (năm Giáp-dần) [tức năm 1434 sau Công-nguyên], người nước Chiêm-thành vào cướp-bóc Hoá-châu. Nhà vua phái quan Tư-mã [cũng như Binh-bộ Thượng-thư sau này] là Lê-Liệt tổng-đốc các đạo quân ở Nghệ-an, Tân-bình và Thuận-hoá tới địa-phận Tân-bình và Thuận-hoá tuần-hành quan-sát tình-hình. Nhà vua lại sai quan Thiểu-úy Lê-Khôi cùng quan Tổng-quản Lê-Chính đốc-suất các đạo quân khác ở Tân-bình và Thuận-hoá đi theo sau Lê-Liệt nữa. Nhưng khi quan quân ta đến nơi, thì người Chiêm-thành đã rút lui từ lâu.

Lúc ấy, người Man ở Hoá-châu là tên Đạo-Thành bị tên Đạo-Luận tấn-công.

Tên Đạo-Thành xin quan quân ta viện-trợ, nên các ông Lê-Liệt dẫn binh đến giúp Đạo-Thành đánh lại Đạo-Luận. Tại trận



này, quan quân ta bắt được hơn một nghìn nhân-định và vài chục con voi đem về Kinh-đô.

Năm thứ 2 niên-hiệu Thái-hoà vua Lê Nhân-tông [năm Giáp-tý] [tức năm 1444 sau Công-nguyên], người Chiêm-thành lại vào cướp-bóc Hoá-châu.

Năm thứ 3 niên-hiệu Thái-hoà vua Lê Nhân-tông (năm Ất-sửu) [tức năm 1445 sau Công-nguyên], quân Chiêm-thành lại vào cướp thành Yên-xá [ngoài Huế 5 cây số] thuộc Hoá-châu, [16a] nhưng chúng bị đại-bại rồi rút lui về nước.

Năm thứ 4 niên-hiệu Thái-hoà (năm Bính-dần) [tức năm 1446 sau Công-nguyên], quan quân ta đại-cử binh mã đi đánh nước Chiêm-thành.

Tháng hai năm ấy, các đạo quân ông của Lê-Thụ kéo đến mấy xứ Ly-giang, Linh-lang và Cồ-lũy, rồi mở thông đường thuỷ, xây-đắp thành lũy đề cùng quân Chiêm-thành khai-chiến. Lần này, quân ta cũng đại phá quân địch. Thừa thắng, quan quân ta kéo thẳng đến cửa biển Thị-nại [tức cửa biển Bình-định].

Tháng tư năm ấy, quân ta lại đánh phá thành Đồ-bàn [Qui-nhơn ngày nay], bắt được chúa Chiêm-thành là Bí-Cai đưa về Kinh-đô ta, và lập Bí-Lai làm vua Chiêm-thành.

Xét bài văn khắc ở bia kỷ-niệm Lê-Chích thần-đạo do Nguyễn-mộng-Tuân soạn, có nói :

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

« Lê-Chích làm chức Tổng-trấn Tân-bình và Thuận-hoá vào khoảng niên-hiệu Thiệu-bình [Lê Thái-tông].

Đất Tân-bình và đất Thuận-hoá liên-tiếp với đất nước Chiêm-thành, thế mà ở nơi đây, việc phòng-thủ cũng như việc phòng-bị, người ta đều bỏ bê cả. Còn các đồn luỹ tại hai nơi ấy cũng đều bị sụp-đổ ngửa-nghiêng.

Khi mới xuống xe đến nhiệm-sở, Lê-Chích đã lo sửa-sang, trau-dồi các hạng khí-giới, đắp thành cao, đào hào sâu, luyện tập binh-sĩ, chất-chứa lương-thực. Lê-Chích còn bố-tri gián-điệp khắp nơi và sắp-đặt mọi việc đều được thích-nghi chu-đáo

Năm đầu niên-hiệu Thái-hoà [tức năm 1443 sau Công-nguyên], Lê-Chích được triều-đình phái [16b] làm chức quan « Tri nhị phủ quân dân sự » là chức quan coi cả quân dân sự hai phủ [Tân-bình và Thuận-hoá].

Mùa hè năm Giáp-tý [tức năm 1444 sau Công-nguyên], chúa Chiêm-thành thân-hành đốc-suất binh-sĩ và voi cùng với hải-thuyền đến vây Hoá-châu. Lê-Chích ngày đêm gắng sức gìn-giữ cửa thành, rồi ông lấy dây dồng từ trên thành xuống để ra ngoài thành đánh giặc, Lê-Chích bao giờ cũng đi trước các binh-sĩ mỗi khi lâm trận.

Quân giặc tan-vỡ, bỏ chạy tán loạn, Lê-Chích tung quân đuổi theo giặc, và cho thuỷ-quân tiếm-phục để bắt cho được đại-tướng của giặc.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHÚT

Giặc lại đem thủy-quân đến đánh lên quan quân ta, Lê-Chích cũng đã biết trước, và cho thủy-quân ta ần-nấp bắt được tướng giặc cùng tất cả các thuyền của giặc.

Vua xuống Chiếu-thư khen-ngợi Lê-Chích, và cho Lê-Chích là « vạn lý trường thành », nghĩa là bức thành dài muôn dặm vững-bền.

Mùa hè năm Ất-sửu [tức năm 1445 sau Công-nguyên], chúa Chiêm-thành lại vào cướp-bóc Hoá-châu. Nhân đêm ấy, mưa to gió lớn, nước sông lên cao, Lê-Chích lấy thủy-quân giao-chiến kịch-liệt với thủy-quân giặc, và bắt được hơn hai nghìn chiếc chiến-thuyền của địch quân. Bí-Cai [chúa Chiêm-thành] nhân đêm tối tìm cách chạy trốn. Lê-Chích chia quân, và giao cho Tuyên-phủ-sứ là Nguyễn-Liêu giữ thành, rồi tự mình đuổi theo bọn giặc, bắt được thuyền buồm lớn của chúa Chiêm-thành và chiến-thuyền không biết bao nhiêu mà kể.

Thế là người Chiêm-thành đại-bại, tan vỡ, bỏ chạy lung-tung. Lê-Chích xua quân đuổi theo đến đất Cổ-duy, thì Bí-Cai [17a] vội vàng vịn cây trèo núi, chỉ cầu cho được thoát thân mà thôi.

Lê-Chích lại chia quân vượt biển công-kích bọn giặc, bắt giết được quân giặc vô kể.

Mùa xuân năm Bính-dần [tức năm 1446 sau Công-nguyên], trong chiến-dịch hồi tội Chiêm-thành, Lê-Chích lãnh đạo quân



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

tiền-phong đi đánh giặc ở các xứ Thăng-hoa và Tư-nghĩa. Trong khi Lê-Chích cùng các tướng hội-nghị thảo-luận kế-hoạch, thì được chức « Vương-tôn-tả » Chiêm-thành là Bí-Lai đi đường tắt vào thành Đồ-bàn, bắt Bí-Cai nạp cho quan quân ta.

Lại xét bài văn khắc ở bia đặt tại miếu thờ ông Lê-Khôi do Nguyễn-như-Đỗ soạn có nói :

« Năm thứ 3 niên-hiệu Thuận-thiên vua Lê Thái-tổ [tức năm 1430 sau Công-nguyên], nhà vua nghĩ Hoá-châu là đất cũ của nước ta, lại giáp-giới với nước Chiêm-thành, nên cần phải có một vị trọng-thần chế-khôn¹ làm Trấn-thủ. Vì vậy, nhà vua phái ông [tức Lê-Khôi] lấy tư-cách một vị Tổng-quản hành-quân mà trấn giữ đất ấy.

Sau khi đã tới Hoá-châu, ông Lê-Khôi chiêu-tập những dân phiêu-lưu di-tán, khuyên-lơn những người làm ruộng cùng những nhà trồng dâu nuôi tằm, luyện-tập binh-sĩ, và gắng sức giữ-gìn bờ-cõi.

Ông thi-hành việc chính rất nghiêm-trang, mà lại ôn-hoà,

1. Chế có nghĩa đen là cầm, là cai-quản. Khôn có nghĩa đen là cái then cửa, là công thành ngoài. Chế khôn xuất từ câu cữ sử : « Khôn dĩ nội, quả-nhân chế chi. Khôn dĩ ngoại, tướng-quân chế chi » nghĩa là : Từ công thành ngoài trở vào, thì Quả-nhân trông coi. Từ công thành ngoài trở ra, thì Tướng-quân trông coi.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

nên nhân-dân trong hạt đã kính-trọng, mà còn sợ-hãi ông nữa.

Người nước Chiêm-thành đã sợ oai-phong của ông lại còn ngưỡng-mộ ông là người có đạo nghĩa, nên họ trả lại cho ta những người đã bị họ cướp bắt.

Năm thứ 4 niên-hiệu Thuận-thiên [tức năm Tân-bợi, là năm 1431 sau Công-nguyên], ông được Triều-đình triệu-tập về Kinh-đô.

Năm đầu niên-hiệu Thái-hoà vua Lê Nhân-tông [tức năm 1443 sau Công-nguyên], ông lại được phái làm chức « Tri Nghệ-an » [tức chức quan Trấn-thủ Nghệ-an].

Năm thứ 3 niên-hiệu Thái-hoà [tức năm 1445 sau Công-nguyên], người Chiêm-thành vào cướp-bóc Hoá-châu [17b], ông Lê-Khôi được suất lãnh binh-sĩ đi cứu-viện châu ấy. Chỉ trong một trống canh mà ông đã đại-phá được quân giặc.

Sang năm sau, nhà vua truyền lệnh mệnh-tướng xuất-sur, ông Lê-Khôi đem quân Nghệ-an ra đi tiên-phong mở đường.

Khi Lê-Công vượt qua biển tới phần đất của địch-quốc rồi, thủ-tướng [tướng giữ đất, giữ thành] của địch quân thấy quân ta kỷ-luật nghiêm-minh, hàng-ngũ chỉnh-đốn, địch biết là đạo quân của ông, nên truyền kêu lớn tiếng rằng :

« Tướng-quân có phải là quan Tư-mã hay không ? »

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Ông Lê-Khôi cất mũ tỏ dấu-hiệu đáp lời lại. Thế là quân giặc lay la-liệt. Giặc còn chạy tới dâng tặng quân ta những sản-phẩm hay vật-dụng địa-phương. Bên địch không còn dám tranh nhau xung-phong nữa.

Từ đấy về sau, hễ ông Lê-Khôi đi đến đâu, giặc nghe tiếng đều bỏ chạy tán-loạn. Chưa từng có một tên địch nào dám kiên-trì chống lại ông. Cho nên rốt cuộc ông Lê-Khôi có thể dùng một sợi dây dài trói tay hàng-vương giặc dễ như chơi để làm cho quân-đội ta thêm hăng-hái, rồi ông kéo quân về.

Sách biệt-lục chép : « Ngày mùng bảy tháng tám năm Giáp-tý niên-hiệu Thái-hoà [tức năm 1444 sau Công-nguyên], vua Lê Nhân-tông xuống Chiếu-thư sắc dụ các tướng-sĩ và quân-dân Hoá-châu như sau :

« Nay các ngươi, đất các ngươi tiếp-giáp với nước Chiêm-thành, từng bị quân giặc cướp-bóc. Ông cha các ngươi đã hay hết sức đánh giặc giữ đất, giữ vững cõi-bờ nước ta [18a].

Vào đời đức Thái-tổ Cao hoàng-đế chúng ta, khi Ngài mới dựng nước, Ngài nghĩ các ngươi đã hết sức phòng-bị ngăn chống quân giặc, trước sau một lòng, đời đời giữ lòng trung nghĩa, nên Ngài đã hậu gia ban ân tước cho các ngươi.

Trước đây, chúa Chiêm-thành suất-lãnh quân lính và voi tới đánh, vây hãm Hoá-châu.

Lúc bấy giờ, viện-binh ta chưa tới kịp, sự thế rất là nguy-nan và cấp-bách !



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Thế mà các người đã hay hăng-hái đứng lên, say-sưa phấn-đấu không kể đến thân mình. Các người chiến-đấu trong một tinh-thể vạn tử nhứt sinh, lấy một người mà địch với muôn người. Rốt cuộc các người đã giết chết bọn cường-lỗ, mà gìn-giữ được cô-thành, khiến oai-phong của Hoàng-gia được phổ-cập đến các chốn xa-xôi. Ấy là nhờ sức của các người vậy.

Nay Trẫm phái « Chính-sự viện mật tham-muru » là Nghiê-m-tử-Kiệt cùng « Hàn-lâm viện đại-chế » là Hoàng-bút-Phu mang Sắc-dụ tới nơi để uỷ-lạo nhân-dân trong hạt.

Những ấp nào xét có chiến-công cùng những nhà nào có người bị trận vong, thì các viên thủ-quan phải kê khai rõ-ràng đề tâu lên Trẫm sắc ban tinh thưởng.

Còn những nơi bị giặc đốt nhà cướp của, thì Trẫm tha cho ba năm tô thuế.

Chiếu dụ này, khiến mọi người [18b] đều được nghe biết ».

+

Tháng hai năm thứ 7 niên-hiệu Quang-thuận vua Lê Thán-h-tông (năm Bính-tuất) [tức năm 1466 sau Công-nguyên], nhà vua đặt ty « Tuyên-chánh-sứ » tại các đạo, và lựa chọn Nguyễn-đặc-Đạt làm « Tuyên-chánh-sứ » Hoá-châu.

Tháng sáu năm ấy, nhà vua thiết-lập chức Thừa-tuyên tại 13 đạo, ấy là :



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

1. Đạo Thanh-hoa,
2. Đạo Nghệ-an,
3. Đạo Thuận-hoá,
4. Đạo Thiên-trường,
5. Đạo Nam-sách,
6. Đạo Quốc-oai,
7. Đạo Bắc-giang,
8. Đạo Yên-bang,
9. Đạo Hưng-hoá,
10. Đạo Tuyên-quang,
11. Đạo Thái-nguyên,
12. Đạo Lạng-sơn,
13. Đạo Ninh-sóc.

Vào khoảng giữa niên-hiệu Quang-thuận vua Lê Thánh-tông, Ngài lại đổi lộ làm phủ, và đổi trấn làm châu.

Tháng sáu năm thứ 8 niên-hiệu Quang-thuận (năm Đinh-hợi) [tức năm 1467 sau Công-nguyên], nhà vua truyền lệnh cho 12 Thừa-tuyên phải đi khám-xét và coi-sóc núi sông trong hạt mình, có chỗ nào hiểm-trở, chỗ nào không, cùng những sự-tích xưa nay trong hạt, các quan Thừa-tuyên phải hoạ-đồ và chú-thích rõ-ràng, rồi đệ trình lên bộ Hộ.

Tiếp sau đó, chức Tham-ngự ở Hoá-châu là Đặng-Chiêm dâng bản sớ lên vua xin « Chấn hưng tiện-lợi » 5 điều như sau :

1. Bảo-thủ cửa biển Tư-dung,



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

2. Lắp cửa Nại-hải,

3. Mở rộng Liên-cử,

4. Bãi bỏ thứ thuế đầu nguồn,

5. Chiêu-tập [19a] dân lưu-vong [tức những kẻ phiêu-lưu, vong gia thất thồ] đưa họ đến cấy cấy, khai-khẩn các hạng ruộng đất bỏ hoang ở châu Bố-chánh.

Sớ được dâng lên, nhà vua đều chấp-thuận cho thi-hành.

Năm thứ 10 niên-hiệu Quang-thuận (năm Kỷ-sửu) [tức năm 1469 sau Công-nguyên], nhà vua định lại bản-đồ trong nước như sau :

Xứ Thuận-hoá gồm 2 phủ 7 huyện 4 châu,
Xứ Thanh-hoá gồm 4 phủ 16 huyện 4 châu,
Xứ Nghệ-an gồm 9 phủ 27 huyện 2 châu,
Xứ Hải-dương gồm 4 phủ 18 huyện,
Xứ Sơn-nam gồm 11 phủ 42 huyện 5 châu,
Xứ Hưng-hoá gồm 3 phủ 4 huyện 17 châu,
Xứ Lạng-sơn gồm 1 huyện 7 châu,
Xứ Ninh-sóc gồm 1 phủ 7 huyện.

Trong loạn quốc cộng có 12 Thừa-tuyên.

+

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm đầu niên-hiệu Hồng-đức (năm Canh-dần) [tức năm 1470 sau Công-nguyên], tháng 8, chúa Chiêm-thành là Trà-Tuyền vào cướp phá ở Hoá-châu, thủ-tướng [tướng giữ thành] là Phạm-văn-Hiền không địch nổi quân giặc, bèn đưa nhân-dân vào trong thành, rồi cấp-tốc gửi thư báo-cáo lên Triều-đình.

Tháng 9 năm ấy, nhà vua xuống chiếu thân-hành đi đánh Chiêm-thành.

Tháng 12 năm ấy, nhà vua trú-tất ở thành Thuận-hoá.

[19b] Tháng giêng năm thứ 2 niên-hiệu Hồng-đức (năm Tân-mão) [tức năm 1471 sau Công-nguyên], vua truyền lệnh cho quân ở trấn Thuận-hoá phải ra biển thủ tập thủy-quân tham chiến.

Ngài lại hạ lệnh cho thổ-tù Nguyễn-Võ hoạ bản-đồ về núi sông nước Chiêm-thành, nơi nào hiểm-trở, nơi nào bình-thường, rồi dâng lên Ngài duyệt lãm.

Lúc bấy giờ, thổ-tù đất Sa-bôi là Cầm-Tục, và thổ-tù đất Thuận-bình là Đạo-Nbị đều tới dâng lễ triều-cống lên vua ở nhà Hành-tại [tức hành-cung] Thuận-hoá.

Ngài lại cho phát-xuất lúa và gạo từ kho Thuận-thành để chuyên-chở đến các chỗ đóng quân.

Tháng 2 năm này, Ngài ra lệnh đánh phá thành Đồ-bàn của Chiêm-thành.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Quân Thuận-hoá bắt sống được Trà-Tuyền. Còn tướng Chiêm-thành là Bô-Tri thì chạy tới đất Phiên-lung, chiếm-cứ đất ấy xưng vương.

Bô-Tri chỉ chiếm được một phần năm đất-đai so với đất nước Chiêm-thành, nhưng hấn lại sai người vào dâng lễ cống hiến vua ta, nên Ngài phong cho hấn làm vua Chiêm-thành.

Nhà vua lại phong cho Thuý-Anh vương và Nam-Bàn vương, hợp với Chiêm-thành vương cộng là ba nước [Chiêm-thành chia ra ba nước]. Ta chỉ lấy đất Thái-chiêm [tức Cồ-chiêm] và đất Cồ-luỹ.

Vua ta cho người Chiêm-thành đầu-hàng là Ba-Thái làm chức « Đồng tri-phủ » Thái-chiêm, và cho Đa-Thuỷ [cũng người Chiêm-thành đầu-hàng] làm chức « Thiêm tri-phủ » [cũng như phó tri-phủ].

Vua Lê Thánh-tông xuống Dụ nói rằng :

« Đất Thái-chiêm và đất Cồ-luỹ nguyên trước đều là cảnh-thò của ta. Gần đây, hai nơi ấy lại phải chìm-đắm vào đất Chiêm-quốc. Ngày nay, ta lại thâu-phục hết cả hai đất ấy.

Nay Trẫm ban mệnh-lệnh đặc-biệt cho viên trấn-thủ : [20a] hễ có người nào dám không phục-tùng mệnh-lệnh Triều-đình, thì trấn-thủ được quyền chém đầu ngay rồi sẽ tâu lên Trẫm sau ».

Nhà vua lại phái Đỗ-tử-Quy làm chức « Đồng-tri-châu » coi



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHÚT

các việc quân dân sự ở Thái-chiêm, và phái Lê-ý-Đà làm chức tri-châu Cồ-luỹ, coi mọi việc quân dân sự châu ấy.

Nếu có người Chiêm nào dám bội-ngịch làm phản loạn, thì tri-châu Đổ-tử-Quy cũng như tri-châu Lê-ý-Đà đều được đặc-quyền giết ngay kẻ bội-ngịch phản loạn ấy rồi mới tâu lên vua sau.

Tháng 6 năm ấy, Triều-đình lấy đất Chiêm-thành cũ thiết-lập ty thừa-tuyên-sứ Quảng-nam cùng với vệ Thăng-hoa. Rồi lại đặt thêm ty tổng-binh và ty Án-sát nữa thành ra ba ty.

Hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam đều được thiết-lập ba ty, thật bắt đầu từ đây vậy.

Tháng 4 năm thứ 12 niên-hiệu Hồng-đức (năm Tân-sửu) [tức năm 1481 sau Công-nguyên], nhà vua xét vì tại Quảng-nam không có thuyền, nên hằng năm giang thuế quân-dân thường bị tổn-thất. Vì vậy Ngài ban Sắc từ nay trở đi, hễ mỗi khi tới kỳ nộp thuế, Ngài cho phép ty thừa-tuyên Quảng-nam đưa văn-thư tới tam ty Thuận-hoá, đồng thời giao-phó các vật-hạng thuế cho tam ty Thuận-hoá ấy, để nơi đây sai-phái người chuyên đệ lên cấp trên dâng nộp.

Tháng 10 năm thứ 19 niên-hiệu Hồng-đức (năm Mậu-thân) [tức năm 1488 sau Công-nguyên], nhà vua hạ lệnh cho viên tham-chánh Quảng-nam là Phạm-bá-Tôn rằng: hễ quân-sĩ hay nhân-dân [20b] sinh con trai từ 15 tuổi trở lên mà có vẻ thông-minh



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

hiếu học, thì đến ngày thi Hương, hội-đồng phải lựa chọn lấy sinh-viên sung vào danh-sách sinh-đồ trong phủ.

Tháng 4 năm thứ 21 niên-hiệu Hồng-đức (năm Canh-tuất) [tức năm 1490 sau Công-nguyên], nhà vua định lại bản-đồ trong toàn quốc gồm :

13 xứ thừa-tuyên,
52 phủ,
178 huyện,
50 châu,
20 hương,
36 phường,
6.851 xã,
322 thôn,
637 trang,
40 sách,
40 động,
30 nguyên [nguyên ở thượng-du cũng như tổng ở trung-châu],
30 trường.

Từ đây trở về sau, đời đời phải noi theo và gìn-giữ như vậy.

Các xứ cùng với xã, thôn, trang, sách tuy có lúc chia ra hoặc hợp lại, nhưng trấn, phủ, huyện và châu thì đến nay vẫn không thay đổi. Chỉ có hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam thì họ Nguyễn nối đời nhau làm chức trấn-thủ, và trong thời-gian ấy, họ có khai-thác thêm nhiều, hãy xem chép rõ ở sau này :

PHỦ BIÊN \ TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Xét sách « Thiên nam dư-hạ tập » triều ta [tức triều Lê] có chép :

« Trong niên-biểu Hồng-đức, bản-đồ nước ta được định lại như sau :

Thuận-hoá thừa-tuyên-sứ ty quản-trị 2 phủ, [21a] 8 huyện, 4 châu như sau :

Phủ Tân-bình gồm	có 2 huyện, 2 châu là :
Huyện Khang-lộc	có 4 tổng, 80 xã, 7 thôn, 4 trang.
Huyện Lệ-thủy	có 6 tổng, 28 xã, 2 châu.
Châu Nam Bỗ-chánh	có 12 tổng, 60 xã, 2 trang.
Châu Minh-linh	có 8 tổng, 63 xã.
Phủ Triệu-phong gồm	có 6 huyện, 3 châu là :
Huyện Kim-trà	có 8 tổng, 72 xã.
Huyện Đan-điền	có 8 tổng, 65 xã.
Huyện Hải-lăng	có 7 tổng, 55 xã.
Châu Sa-bôi	có 10 tổng, 68 xã.
Huyện Thuận-bình	có 6 tổng, 26 xã.

+

Quảng-nam thừa-tuyên-sứ ty quản-trị 3 phủ, 9 huyện như sau :

Phủ Thăng-hoa [nay là Thăng-bình] gồm 3 huyện là :
Huyện Lê-giang có 9 tổng, 73 xã.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Huyện Hy-giang	có 8 tổng, 58 xã.
Huyện Hà-đông	có 8 tổng, 46 xã.
Phủ Tư-nghĩa gồm có 3 huyện là :	
Huyện Nghĩa-giang	có 12 tổng, 93 xã. [21b]
Huyện Bình-sơn	có 6 tổng, 70 xã.
Huyện Mộ-hoa [nay là Mộ-đức]	có 6 tổng, 53 xã.
Phủ Hoài-nhân gồm 3 huyện là :	
Huyện Bồng-sơn	có 7 tổng, 32 xã.
Huyện Phù-ly [nay là Phù-mỹ]	có 60 xã.
Huyện Tuy-viễn [nay là Tuy-phước]	có 6 tổng, 20 xã.

+

(Vào đời Lê Trung-hưng, khoảng đầu niên-hiệu Hoảng-định ¹, phủ Tân-bình được đổi tên là phủ Tiên-bình, rồi họ Nguyễn lại đổi phủ Tiên-bình làm phủ Quảng-bình.

Họ Nguyễn lại lấy huyện Điện-bàn nguyên thuộc phủ Triệu-phong đề kiến-thiết thành phủ quản-lãnh 5 huyện và lệ-thuộc vào Quảng-nam.

1. Niên-hiệu Hoảng-định là niên-hiệu thứ 2 của vua Lê Kinh-tông.

Lê Kinh-tông là con vua Lê Thế-tông, húy Tân, ở ngôi được 20 năm thì bị Trịnh-Tùng giết. Năm Canh-tý (1600), Lê Kinh-tông lên ngôi, lấy niên-hiệu là Thuận-đức.

Sang năm sau, năm Tân-sửu (1601), Lê Kinh-tông cải-nguyên Hoảng-định.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Họ Nguyễn lại đổi huyện Lê-giang thuộc phủ Thăng-hoa làm huyện Lệ-dương, huyện Hy-giang làm huyện Duy-xuyên; lại đổi phủ Tư-nghĩa làm phủ Quảng-nghĩa, phủ Hoài-nhân làm phủ Qui-nhân.

Họ Nguyễn lại đánh lấy đất của nước Chiêm-thành và đất của nước Cao-miên để kiến-thiết thêm 5 phủ là Phú-yên, Bình-khang, Bình-thuận, Diên-khánh và Gia định, cùng với trấn Hà-tiên, rồi người ta thiết-lập mấy xứ Phiên-trấn, Trấn-biên, Long-hồ. Đất-đai nước ta được mở-mang rất rộng.

Khoảng giữa niên-biểu Cảnh-thống vua Lê Hiến-tông ¹, triều-đình thiết-lập sở « Thủ-ngũ » Thuận-hoá [để gìn-giữ Thuận-hoá và ngăn-chống ngoại-xâm].

Đến năm thứ 4 niên-hiệu Đoan-khánh Uy-mục đế ²; người nước Hắc-la xâm-phạm Chu-thôn thuộc Thuận-hoá, Triều-đình

1. Lê Hiến-tông, huý Tăng, là con trưởng của vua Lê Thánh-tông.

Ở ngôi Đông-cung ngoài 30 năm, đến năm Mậu-ngọ (1498), Lê Hiến-tông mới lên ngôi vua, lấy niên-hiệu Cảnh-thống, và ở ngôi được 7 năm.

Mấy năm đầu, Ngài đã tỏ cho quốc-dân đều biết Ngài là một nhân-quân có nhiều đức tánh tốt, như là đức khoan-hoà. Nhưng mấy năm sau, vì đàn-bà, con gái vào yết-kiến nhà vua nhiều quá, nên Ngài mang tật bệnh rồi băng-hà.

Trích Việt-sử tổng-vịnh.

2. Uy-mục đế, huý Huyền, là con vua Lê Hiến-tông, ở ngôi được 5 năm.

Năm Ất-sửu (1505), Uy-mục đế lên ngôi, lấy niên-hiệu Đoan-khánh.

Tháng chạp năm Mậu-thìn (1508), Uy-mục đế bị Giản-tu công tên là Oanh giết. Rồi Giản-tu công lên ngôi, lấy niên-hiệu Hồng-thuận, tức Tương-dục đế. Làm vua được 7 năm, Tương-dục đế lại bị Trịnh-duy-Sản giết.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

phái « Chinh-man tướng-quân » là ông Lê-Quýnh đem quân đi đánh. Lê-Quýnh đến Chu-thôn, chia giới-hạn và trồng hòn đá « Thạch-kiệt » làm mốc. Lê-Quýnh lại đi kinh-lý đất Thủy-vĩ và cửa Chu-quan, rồi cho sửa-sang, chỉnh-đốn những nơi biên-ải hiểm-yếu.

Sang năm sau, Lê-Quýnh kéo quân trở về.

Lúc bấy giờ, những người Chiêm-thành bị quan quân ta bắt, phần nhiều đã trốn về nước cũ của họ.

Nhà vua lại phái các ông Lê-tử-Vân đi kinh-lý Quảng-nam, và giết hết những người Chiêm-thành hiện còn ở Kinh-đô.

Năm thứ 2 niên-hiệu Quang-thiệu vua Lê Chiêu-tông (năm Đinh-sửu) ¹, nhà vua định lệnh như sau :

« Phàm những người đã chuyên-chở lúa cấp-phát cho quân-nhân ở Thuận-hoá đến hai lần đều được ký thăng quan một cấp và được thưởng « tam-tư »².

1. Vua Chiêu-tông, húy Kỳ, là tăng-tôn vua Lê Thánh-tông, ở ngôi được 11 năm.

Sau khi Trương-dực-đế bị giết, Lê-nghĩa-Chiêu và Trịnh-duy-Sản đi rước Lê-Kỳ và lập lên làm vua tại năm Bính-tý (1516), lấy niên-hiệu Quang-thiệu.

Về sau, Mạc-đăng-Dung truất Đế xuống làm Đà-dương-vương rồi cũng bị Đăng-Dung giết.

2. Tam-tư, theo Trung-văn đại tự-diễn, là ba giai-cấp, nghĩa là ba cấp bậc về phẩm hàm. Tam-tư còn có nghĩa khác là địa-quảng (đất rộng), dân phú (dân giàu) và đức bác (đức rộng lớn).

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Những người từ trước đã xuất-thân từ võ-sĩ thì được [22a] phong chức « Trung-uy ».

Những người tân-tiến xuất-thân nghĩa là mới đậu võ-sĩ sau này thì được phong chức « Võ-uy ».

Còn hàng văn quan thuộc các binh vệ thì được chia ra như sau :

Người nào đã xuất-thân văn-học nghĩa là thi đậu có bằng-cấp thì được bổ chức « Tri-huyện thừa ».

Những người không xuất-thân văn-học, nghĩa là không thi đậu, cùng các sắc quân-nhân với nhân-dân thì được bổ chức « Phó Vệ-uy ».

Lúc bấy giờ ở trong nước ta, kỷ luật cương-thường hỗn-loạn, trộm cướp, giặc-giả đều nổi lên khắp nơi, triều-đình không thể nào chế-ngự được.

Năm thứ 5 niên-hiệu Thiệu-quang (năm Canh-thìn) [tức năm 1520 sau Công-nguyên], con em của thổ-tù Thuận-hoá là Hồ-bá-Quang giận Tổng-binh [cũng như chức Lãnh-binh sau này] là Phạm-văn-Huấn giết-hại Hồ-bá-Quang, nên họ đốc-suất hơn bốn nghìn người bản-xứ đến vây chặt thành Thuận-hoá để đuổi Phạm-văn-Huấn.

Phạm-văn-Huấn vội-vàng bỏ vợ con chạy đến Tân-bình.

Thừa-tuyên-sứ [cũng như chức Tổng-đốc hay Tuần-phủ sau



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

này] là Phạm-khiêm-Bính và Hiến-sát [cũng như chức Án-sát sau này] là Ngô-quang-Tồ đều cỡi thuyền đi trốn cả.

Dân Thuận-hoá vào lục-soát, cướp-bóc của-cải, đồ vật-dụng của vợ con Phạm-văn-Huấn, và cố sức yêu-cầu quan Thừa-tuyên-sứ, quan Hiến-sát trở về nhiệm-sở cũ, nhưng triều-đình đang phải đối-phó với nhiều chuyện rối-ren, nên không hề hỏi-han đến việc ấy.

Lúc này, nhà Nguy-Mạc đã cướp ngôi vua Lê, họ Mạc phái em là Nguy Tín-vương Mạc-Quyết lãnh chức quan trấn-thủ đạo Thuận-hoá.

Bấy giờ, địa-phương Thuận-hoá đang trải qua một thời-kỳ nhiễu-nhương hỗn-loạn, các tay hào-trưởng các nơi đều nắm [22b] giữ binh-lính để đánh lẫn nhau. Đến khi họ nghe Mạc-đăng-Dung đã cướp được ngôi vua Lê và sai quan đến võ-về thăm-hỏi họ, nên họ cũng tạm dẹp yên việc đánh nhau.

Phó-tướng là Hoàng-công-Châu đem nhau đi làm lễ triều-bái, mừng họ Mạc, và chịu nhận tước Đông-bá do Nguy Mạc triều-đình phong cho.

Đến đây Nguy Tín-vương [Mạc-Quyết] sắp-sửa đi kinh-lược trong đạo Thuận-hoá, nhưng Hoàng-công-Châu lại chống mệnh-lệnh của Tín-vương.

Hoàng-công-Châu làm một chiếc thuyền buồm thật lớn, thuyền được che bằng một tấm mui cuốn từ đầu đến đuôi.

PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Và ở trên mũi thuyền, người ta đặt một đường thang để đi thông từ dưới thuyền lên trên mũi thuyền.

Hoàng-công-Châu lấy năm sáu thuyền lớn lắp ngang cửa biển Nhứt-lệ. Nhưng về sau, Hoàng-công-Châu cũng bị đánh thua rồi bị bắt, giải về Kinh-đô chém đầu.

Năm thứ 5 niên-hiệu Đại-chính nguy Mạc-đăng-Dinh (năm Giáp-ngọ) [tức năm 1534 sau Công-nguyên], tên Dương-Liễn lại âm-mưu làm phản, chống lại nguy Mạc triều-đình.

Tên Dương-Liễn cùng với tên đầu-mục người Thô gây thù-hiềm và mưu hại nhau, nhưng cả đôi bên đều thất-bại và đều bị chết cả, Thuận-hoá được tạm-thời yên-ổn.

Năm thứ 20 nhà nguy Mạc, có loạn bởi nguy Hoảng-vương là Mạc-chính-Trung cùng với con của Mạc-phúc-Hải là Mạc-phúc-Nguyên tranh-giành nhau làm vua. Mạc-kính-Điền và Nguyễn-Kính mới triệu-lập các tướng ở Thuận-hoá về Kinh-đô, và sai-phái các tướng theo các dinh tiến đánh phá [23a] Mạc-chính-Trung phải chạy về Sơn-nam.

Bấy giờ luận công, nguy-triều lấy người ở Điện-bàn là Nguyễn-Lễ làm Đồng-xuân hầu, người ở Kim-trà là Hoàng-đình-Hiền làm Quế-lâm-bá, người ở Hải-lăng là Hoàng-Bôi làm Viên-đàm-bá, Hồ-Biền làm Diên-trường-bá, người ở Bỗ-chánh là



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Phạm-khắc-Khoan làm Kỳ-giang-bá, người ở Minh-linh là Hồ-công-Khanh làm Liễu-chủ-bá.

Còn những người thi đậu Cống-sĩ [tức Cử-nhân sau này] mà giữ-gìn được lòng trung-nghĩa bền-vững cũng đều được cân-nhắc và theo thứ-tự bổ-dụng, để làm đẹp lòng mọi người.

Lúc bấy-giờ, triều ta [tức triều Lê] đã Trung-hung, đức Thế-tổ Thái-vương [tức Nguyễn-Kim] đã tôn-phù Trang-tông¹ Dụ hoàng-đế ở Tây-đô [tức Thanh-hoá] nhà vua chỉ có đất-đai là châu Ái [Thanh-hoá] và châu Hoan [Nghệ-an] mà thôi.

Năm cuối niên-hiệu Nguyên-hoà [tức năm Mậu-thân, là năm 1548 sau Công-nguyên], nhà vua phái Tây quận-công Lê-phi-Thừa tặn thâu binh-sĩ đi đánh-phá Thuận-hoá, các tay thân-hào địa-phương trong các huyện cùng với những người làm quan với Nguy-triều điều nối gót nhau qui-thuận Triều-đình.

1. Lê Trang-tông, huý Ninh, là con vua Lê Chiêu-tông, ở ngôi được 16 năm.

Sau khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê (giết Lê Chiêu-tông và Lê Cung-vương để cướp ngôi), vua Trang-tông phải tị-nạn ở nước Ai-lao, Ông Nguyễn-Kim mới đứng ra cầm đầu xưng lên việc đại-nghĩa, đi rước Đế về để lên ngôi báu. Để tấn-phong Nguyễn-Kim làm « Thượng-phủ Thái-sur hưng quốc công » nắm giữ mọi việc trong và ngoài nước.

Lúc bấy giờ, quân Triều-đình đi đến đâu kéo cờ báo tiếp đến đấy. Những bậc thân-hào trong các châu Hoan, Diễn, Ô, Quảng đều một lòng về với triều-đình. Thanh-thế nhà vua càng ngày càng to-lớn, lẫy-lừng. Về đời Trang-tông, tuy đất nước chưa quét sạch bọn đại-gian đại-ác, non sông chưa thu-hồi hết bờ-cõi ngày xưa, nhưng sự-nghiệp Lê Trung-hung thật đã xây nền đắp móng từ đây.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm thứ 4 niên-hiệu Thuận-bình ¹ vua Lê Trung-tông (năm Nhâm-tý) [tức năm 1552 sau Công-nguyên], là năm thứ 5 niên-hiệu Cảnh-lich nhà ngụy Mạc [23b], quân vua ta đi đánh dẹp yên Thuận-hoá.

Thừa thắng, quân ta bình-định luôn Quảng-nam, rồi triều-đình đặt quan-chức và chia quân-sĩ để trấn-phủ hai xứ ấy.

Nhà ngụy Mạc cũng phái Phạm-khắc-Khoan làm Tham-tướng dinh Thuận-hoá.

Phạm-khắc-Khoan mới từ Kinh-đô trở về chiêu-tập đồ-đảng binh-lính, thì bị Liễu-lâm-hầu đánh phá và giết chết.

Còn Tịnh-xuyên-bá là Hoàng-Hiền cũng bị Lê-phi-Thừa [Tây Quận-công] giết chết.

Chỉ có Hoàng-Bồi [ngụy quan] chống giữ đầu nguồn Hải-lăng đến 5 năm không chịu đầu-hàng, tướng Hương-dương-bá là Phạm-đức-Trung mới mật đưa lễ-vật dụ hấn và bắt giết đi. Thế là hai xứ Quảng-nam và Thuận-hoá đều được triều-đình bình-định cả.

1. Niên-hiệu Thuận-bình là niên-hiệu duy-nhứt vua Lê Trung-tông. Lê Trung-tông, huý Huyền, là con trưởng vua Lê Trang-tông, ở ngôi được 8 năm.

Năm đầu niên-hiệu Thuận-bình, Mạc-phúc-Nguyên thiên-cư ở ngoài thành Thăng-long.

Năm thứ 2 niên-hiệu Thuận-bình, bọn tướng nhà Mạc là Lê-bá-Ly và Nguyễn-Thuyến đầu-hàng triều-đình nhà Lê..



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Nhưng phần nhiều các viên cống-sĩ đã vượt biển theo về họ Mạc, nên triều-đình phải lưu-ý phủ-dụ họ.

Triều-đình đặt ra Tam-ty [tức Thừa-tuyên sứ, Hiến-sát ty và Tổng-binh ty] và các quan phủ, huyện cai-trị nhân-dân hai xứ đó, nhưng lòng người ta vẫn còn phản-trắc khó lường.

Năm đầu niên-hiệu Chính-trị¹ vua Lê Anh-tông (năm Mậu-ngọ) [tức năm 1558 sau Công-nguyên], đức Thế-tổ Thái-vương [Nguyễn-Kim] sai Đoan Quận-công Nguyễn-Hoàng đem quân lính tại bản-dinh vào trấn-thủ [24a] Thuận-bóa, đề đề-phòng bọn giặc cướp phương đông. Nguyễn-Hoàng cùng với trấn-thủ Quảng-nam là Trần Quận-công [tức Bùi-tá-Hán] cứu-tế viện-trợ cho nhau mỗi khi cần đến. Mọi việc ở hai địa-phương ấy, không kể việc lớn hay nhỏ, đều được uỷ-thác cho hai quan trấn-thủ.

Năm thứ 11 niên-hiệu Chính-trị (năm Mậu-thìn) [tức năm 1568 sau Công-nguyên], Trần Quận-công mất, triều-đình lấy Nguyễn Quận-công là Nguyễn-bá-Quỳnh thay chức trấn-thủ Quảng-nam.

1. Lê Anh-tông, húy Duy-Bang, là huyền-tôn của Lam Quốc-công Lê-Trừ, anh thứ hai của vua Lê Thái-tổ, ở ngôi được 16 năm.

Năm Đinh-tị (1557), Lê Anh-tông lên ngôi lấy niên-hiệu Thiên-hữu.

Năm Mậu-ngọ (1558), Ngài cải-nguyên Chính-trị, rồi lại cải-nguyên Hồng-phúc.

Sau khi Trịnh-Tùng giết Lê-cập-Đệ, vua Anh-tông sợ-hãi, đi viếng Nghệ-an.

Khi trở về đến đất Lôi-dương, Lê Anh-tông bị Trịnh-Tùng giết.

PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm thứ 13 niên-hiệu Chính-trị (năm Canh-ngọ) [năm 1570 sau Công-nguyên], đức Thế-tổ triệu-tập Nguyễn-bá-Quỳnh về Kinh-đô, rồi sai Nguyễn-Hoàng kiêm-hành trấn-thủ hai xứ Thuận-hoá, Quảng-nam, thống-suất binh-lính, voi, ghe thuyền cả hai xứ, trấn-phủ nhân-dân hai địa-phương ấy. Họ Nguyễn gồm có đất-đai hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam từ đấy.

Sau khi đức Thế-tổ tạ thế, các hạng lính ở chốn tiêu-tường¹ nổi lên lung-tung, hai xứ Thanh-hoá và Nghệ-an cũng đều bị giao-động, chỉ có Thuận-hoá và Quảng-nam được yên-ôn vững-vàng.

Năm thứ 14 niên-hiệu Chính-trị (năm Tân-vị) [tức năm 1571 sau Công-nguyên], người làng Hành-phổ thuộc huyện Khang-lộc là Viên Quận-công mưu-toan xui-giục Nguyễn-Hoàng đầu-hàng nhà Mạc, nên Nguyễn-Hoàng giết đi.

Mấy tay thổ-tướng ở Quảng-nam sát-hại, cướp-bóc lẫn nhau, Nguyễn-Hoàng đều giết chết tất cả, rồi uỷ-thác cho tướng thân-tín là Dũng Quận-công lưu lại làm trấn-thủ Quảng-nam [24b] phủ-uỷ dân-chúng.

1. Tiêu-tường: ở trong chỗ kín-đáo, trong tường kín.

Tiêu-tường chi ưu: mỗi lo về nội loạn.

Tiêu-tường binh khí: lính ở trong tường kín nổi lên, là lính ở trong thành nổi lên lung-tung.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm đầu niên-hiệu Hồng-phúc vua Lê Anh-tông (năm Nhâm-thân) [tức năm 1572 sau Công-nguyên], ngụy Tiên Quận-công nguyên là người ở Bồ-chánh, do họ Mạc dẫn đường, mới dẫn ngụy Lập Quận-công từ Hải-dương đốc-suất 60 chiếc thuyền thủy-quân vào cướp-bóc Thuận-hoá và Quảng-nam, phần nhiều người ở địa-phương phải đầu-hàng ngụy quân.

Nguyễn-Hoàng chia các đạo binh chống ngụy quân và giữ đất, rồi dụ bắt được ngụy tướng là Lập đem chém đầu tại đất Qua-qua (Qua-qua là tên đất ở vực Qua-qua thuộc huyện Hải-lăng). Lĩnh của ngụy tướng là Tiên Quận-công tan-vỡ, bỏ chạy tán-loạn và đều bị chết đuối. Còn Lập Quận-công chạy tới Bồ-chánh may được thoát thân.

Từ đấy về sau, bọn ngụy-quyền họ Mạc không dám dòm-ngó Thuận-hoá và Quảng-nam nữa.

Nguyễn-Hoàng là người có oai-phong và mưu-lược, mặt xét người rất nghiêm-minh. nên người ta không thể lừa-dối được.

Hơn nữa, Nguyễn-Hoàng thi-hành chánh-sự một cách khoan-dung hoà-nhã, tiết-chế quân-đội rất nghiêm-minh và kính-cần, cho nên quân-đội cũng như nhân-dân hai xứ đều thân-yêu tin-phục ông.

Hằng năm, Nguyễn-Hoàng cho chuyên-vận thuế-khoá ra giúp cho quân-nhân và nhà nước, triều-đình được nhờ rất nhiều.

PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm thứ 15 niên-hiệu Quang-hưng¹ vua Lê Thế-tông (năm Nhâm-thìn) [tức năm 1592 sau Công-nguyên], Thành-tổ Triết-vương [tức Trịnh-Tùng] đại-cử binh mã đánh phương Đông, bắt Mạc-mậu-Hạp², khôi-phục [25a] Kinh-thành.

Năm thứ 16 niên-hiệu Quang-hưng (năm Quý-tị) [tức năm 1593 sau Công-nguyên], xa-giá chúa Trịnh trở về Kinh-thành.

Tháng 5 năm ấy, Nguyễn-Hoàng vào làm lễ triều-yết vua Lê.

Lúc này, Nguyễn-Hoàng đã đến bảy mươi tuổi. Ông được lưu lại làm chức quan Thái-uy hữu-tướng [tướng văn], rồi được tiến phong tước Quốc-công [tức Đoan Quốc-công], nhưng cứ lãnh đạo Thuận-hoá, Quảng-nam như cũ.

Trong thời-gian lưu lại Kinh-đò, Nguyễn-Hoàng hộ xa-giá chúa Trịnh đi Lạng-son, tiến-công Hải-dương, đi chinh-thảo Tuyên-quang rất có công-lao.

1. Niên-hiệu Quang-hưng là niên-hiệu thứ hai của vua Lê Thế-tông, húy Duy-Đàm. Năm Quý-dậu (1573), Trịnh-Tùng giết Lê Anh-tông ở đất Lôi-dương, rồi rước con Lê Anh-tông là Lê Thế-tông lên làm vua, lấy niên-hiệu Gia-thái.

Đến năm Mậu-dần (1588), Lê Thế-tông cải-nguyên Quang-hưng. Ngài ở ngôi được 27 năm rồi băng-hà.

2. Năm Nhâm-thìn (1592), Trịnh-Tùng đại-cử binh mã đi đánh Mạc chúa là Mạc-mậu-Hạp. Mậu-Hạp chạy đến Gia lâm, rồi chạy đến Kim-thành thuộc Kinh-bác (tức Bắc ninh). Trịnh-Tùng sai các ông Phạm-văn-Khoái tiến đánh Kinh-bác, bắt được Mạc-mậu-Hạp rồi giết đi.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm đầu niên-hiệu Thận-đức vua Lê Kính-tông (năm Canh-tý) [tức năm 1600 sau Công-nguyên], Đoan Quốc-công Nguyễn-Hoàng âm-mưu xui khiến thủy-quân Phan-Ngạn và Ngô-đình-Nghĩa làm phản ở cửa biển Đại-an, rồi Nguyễn-Hoàng xin tự mình đi đánh giặc. Nhưng đến nơi, Nguyễn-Hoàng giả vờ đánh giặc không thắng, rồi do đường biển trở về Thuận-hoá [vì Nguyễn-Hoàng đã thấy rõ Trịnh-Tùng quá kiêu-hoạnh và xảo-trá, nên nhứt quyết không hợp-tác với họ Trịnh, và tìm cách trở về Thuận-hoá để rồi chống lại họ Trịnh].

Thành-tô [tức Trịnh-Tùng] nghĩ tình chi-thân giữa họ Nguyễn và họ Trịnh, nên gửi thơ phủ-ủy Nguyễn-Hoàng, và trách lấy đại nghĩa.

Nguyễn-Hoàng xin lưu lại trấn Thuận-Hoá, Trịnh-Tùng cũng chấp-thuận. Thế là họ Nguyễn có đất-đai dụng võ riêng bắt đầu từ đây.

Nguyễn-Hoàng khi mới bắt đầu vào miền trong, đã xây dựng dinh-thự tại bãi phủ-sa thuộc xã Ái-tử về địa-phận huyện Võ-xương [tức phủ Vĩnh-linh hiện nay].

Đến nay Nguyễn-Hoàng lại trở về trấn cũ.

Nguyễn-Hoàng có 18 người con. Ông chỉ đem theo người con thứ sáu là Thụy Quận-công Phúc-Nguyên mà thôi.

Nguyễn-Hoàng lại sai ba người con [25b] là Cẩm Quận-công và hai người nữa đứng bên đường đón xe Vương-sur [tức



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Triết-vương Trịnh-Tùng] đi qua mà tạ tội-lỗi, nhân lưu lại Kinh-thành để làm con tin.

Tháng 10 năm ấy [tức năm 1600 sau Công-nguyên], Nguyễn-Hoàng tiến con gái làm phu-nhân chính Thanh Quận-công là Thế-tử của Triết-vương.

Năm thứ 3 niên-hiệu Hoảng-định ¹ vua Lê Kính-tông (năm Nhâm-dần) [tức năm 1602 sau Công-nguyên], Nguyễn-Hoàng sai con là Phúc-Nguyên làm trấn-thủ Quảng-nam.

Năm thứ 14 niên-hiệu Hoảng-định (năm Quý-sửu) [tức năm 1613 sau Công-nguyên], Nguyễn-Hoàng tạ thế.

Nguyễn-Hoàng trước sau phủ-trị Thuận-hoá, Quảng-nam được 56 năm, hưởng thọ được 89 tuổi.

Lúc lâm-chung, Nguyễn - Hoàng được truy sách tặng Càn-nghĩa-công, tên thụy hiệu là Cung-ý.

Trước khi mệnh một, Nguyễn-Hoàng khiến Phúc-Nguyên ²

1. Niên-hiệu Hoảng-định là niên-hiệu thứ hai vua Lê Kính-tông, húy Tàn, con vua Lê Thế-tông.

Năm Canh-tý (1600), Lê Kính-tông lên ngôi, lấy niên-hiệu Thận-dức. Năm Tân-sửu (1601), Ngài đổi niên-hiệu Hoảng-định.

Ở ngôi được 20 năm, Lê Kính-tông bị Trịnh-Tùng giết.

2. Phúc-Nguyên, hiệu Phật-chúa, đời quốc-tánh là họ Nguyễn-Phúc. Phúc-Nguyên tại vị được 22 năm, thọ 73 tuổi, yên-táng tại lăng Trường-diễn. Phúc-Nguyên được truy-tặng Hy-tông Hiếu-văn hoàng-đế.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

nổi gót làm kiêm trấn-thủ Thuận-hoá và Quảng-nam, Phúc-
Nguyễn được gia-phong hàm Thái-bảo.

Lúc bấy giờ, Phúc-Nguyễn đã 51 tuổi.

Về sau, Phúc-Nguyễn thiết-lập dinh trấn-thủ tại địa-phận
các xã Phước-yên, Bắc-vọng thuộc địa-phận huyện Quảng-diền.

Năm thứ 2 niên-hiệu Vĩnh-tộ¹ vua Lê Thần-tông (năm
Canh-thân) [tức năm 1620 sau Công-nguyên], em Phúc-Nguyễn
là Văn Quận-công và Hữu Quận-công mật gửi tờ khải lên triều-
đình đại-ý nói: « Phúc-Nguyễn phản-bội triều-đình, xin cho
quan quân đến đánh, hai người ấy xin làm nội-ứng. Sau khi
mọi việc yên-đón, hai người ấy xin chia nhau làm trấn-thủ hai
xứ (Thuận-hoá và Quảng-nam) v.v... »

Chúa-thượng sai Đãng Quận-công là Nguyễn-Khải đi đón
[26a] Văn Quận-công và Hữu Quận-công [họ Trịnh lấy Đãng
Quận-công là Nguyễn-Khải làm « Chỉnh-nam đại tướng-quân »
đề tiến đánh Thuận-hóa].

1. Niên-hiệu Vĩnh-tộ là niên-hiệu đầu tiên của vua Lê Thần-tông,
húy Duy-Kỳ.

Sau khi Trịnh-Tùng giết vua Lê Kinh-tông, rồi lập con trưởng của
Kinh-tông là Duy-Kỳ lên ngôi, tức Lê Thần-tông, lấy niên-hiệu Vĩnh-tộ,
rồi đổi niên-hiệu Đức-long, rồi lại đổi niên-hiệu Dương-hoà.

Lần sau làm vua, Lê Thần-tông lấy niên-hiệu Khánh-đức, rồi đổi niên-
hiệu Thịnh-đức, rồi lại đổi niên-hiệu Vĩnh-thọ, và cuối cùng lại đổi niên-
hiệu Vạn-khánh.

Lê Thần-tông, kể cả hai lần làm vua, tổng-cộng được 25 năm.

PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Phúc-Nguyên biết rõ âm-mưu ấy, lòng bắt Văn và Hữu, rồi giết hết cả đảng-phái.

Nguyễn-Khải đến biên Nhứt-lệ nghe rõ câu chuyện, kéo quân trở về.

Phúc-Nguyên oán-giận và khinh-nhờn triều-đình từ đó.

Năm thứ 3 niên-hiệu Vĩnh-tộ (năm Tân-dậu) [tức năm 1621 sau Công-nguyên], Phúc-Nguyên sai hộ-tướng Hoà Quận-công đánh-phá đất Lạc-hòn thuộc nước Ai-lao.

Năm thứ 5 niên-hiệu Vĩnh-tộ [tức năm 1623 sau Công-nguyên], Thành-tổ [tức Trịnh-Tùng] hoǎng, Văn-tổ Nghị-vương [tức Trịnh-Tráng] binh-định xong nội-nạn [con thứ Trịnh-Tùng là Trịnh-Xuân làm loạn, bị giết], Phúc-Nguyên dâng tờ khai tiến lễ phúng-điếu cùng với những lời chúc mừng họ Trịnh.

Chẳng bao lâu, Đào-duy-Từ trốn vào Nam, khuyên Phúc-Nguyên đừng vận-chuyển, dâng- nạp lễ cống-hiến và thuế-khoá cho triều-đình cùng họ Trịnh nữa, bấy giờ mưu-phản của họ Nguyễn mới được quyết-định.

Đào-duy-Từ là người quê ở làng Hoa-trai, huyện Ngọc-sơn [nay là phủ Tĩnh-gia thuộc tỉnh Thanh-hoá].

Khoa Ất-sửu niên-hiệu Vĩnh-tộ [tức năm 1625 sau Công-nguyên], triều-đình mở khoa thi chọn các sĩ-nhân [tức khoa



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

thi Sĩ-vọng], nhưng quan Hữu-ty nghĩ Đào-duy-Từ là con nhà hát-xương, nên theo lệ cũ phải thẳng tay đuổi Duy-Từ, không cho vào trường thi.

Quá giận, Đào-duy-Từ vào Quảng-nam, Thuận-hoá, rồi nhân gặp Khám-lý Cống Quận-công [tức Trần-đức-Hoà] tiến-cử lên chúa Phúc-Nguyên.

Đào-duy-Từ tự ví mình với Gia-cát-Lượng Khổng-Minh; và khi Phúc-Nguyên và Đào-duy-Từ gặp-gỡ nhau, cả hai bên đều lấy làm tâm đầu ý hợp.

Phúc-Nguyên cho Đào-duy-Từ làm chức quan « Nội-tán đại-lý tự khanh » với tước « Lộc-khê-bầu ».

Từ đây, Đào-duy-Từ đêm ngày mưu bàn với Phúc-Nguyên [26b] nhứt-định chống lại mệnh-lệnh triều-đình cùng họ Trịnh.

Đào-duy-Từ còn dẫn người rề quê làng Vân-trai, huyện Ngọc-sơn là Thuận-nghĩa-hầu Nguyễn-hữu-Tiến làm tướng, cùng với kẻ đồ-đệ ở Gia-miêu ngoại trại, huyện Tống-sơn là Chiêu-võ-hầu Nguyễn-hữu-Dật làm đốc-chiến.

Năm thứ 2 niên-hiệu Đức-long vua Lê Thần-tông (năm Canh-ngọ) [tức năm 1630 sau Công-nguyên], mùa xuân, Đào-duy-Từ xây-đắp một lũy dài từ núi Trường-dục xuống đến vùng đồng nội, tiếp-giáp với bãi cát biển cạn [tức lũy Thầy].

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Tháng 9 năm ấy, quân Phúc-Nguyên cướp-phá, chiếm-cứ châu Nam Bố-chánh, giết quan cai trị châu ấy và lấy hết tiền của trong kho, cùng bắt hết dân nội-tịch trong châu làm lính.

Năm thứ 3 niên-hiệu Đức-long (năm Tân-vị) [tức năm 1631 sau Công-nguyên], mùa đông, Đào-duy-Từ xây-đắp lũy Đồng-hải. Lũy này dựa theo núi, ở bên khe, trên từ núi Đâu-mâu xuống đến cửa biển Nhựt-lệ.

Năm thứ 4 niên-hiệu Đức-long (năm Nhâm-tuất) [tức năm 1632 sau Công-nguyên], hai lũy trên đã được xây-đắp hoàn-thành, Phúc-Nguyên bèn không dâng lễ cống-hiến và thuế-khoá lên triều-đình cùng họ Trịnh như trước nữa.

Phúc-Nguyên lại còn không đợi khâm-mệnh của triều-đình, tự mình thiết-lập hai nơi tuyển-trường, duyệt định hạng tráng-đinh, hạng quân-nhân và hạng dân thường, đề tăng số quân, ngạch quân, và thêm số thuế binh đình.

Bấy giờ quân-nhân và của-cải hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam có phần thừa-thãi.

Năm thứ 5 niên-hiệu Đức-long (năm Quý-dậu) [tức năm 1633 sau Công-nguyên], con Phúc-nguyên [27a] hiện làm trấn-thủ Quảng-nam là Dương-nghĩa-hầu Phúc-Anh mật gởi tờ trình bày tỏ nỗi lòng, đại-đề nói : « Thân-phụ [tức Phúc-nguyên] biện nay tuổi già sức yếu, sợ ngày sau không khỏi mang tiếng một



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

kẻ tặc-thần. Vậy xin quan quân triều-đình tiến vào, chúng tôi sẽ đem quân tới đầu-hàng... ».

Văn-tô [tức Trịnh-Tráng] tin theo lời khải kê trên, nên rước vua Lê Thần-Tông đi Nam-tuần, và trú đóng tại cửa biển Nhựt-lệ.

Phúc-Nguyên sai các tướng là Mỹ-thắng-hầu, Chiêu-võ-hầu cùng với Quảng-lâm-hầu chống giữ, và cho xây-đắp một lũy cát cách sông, rồi trồng cây khắp cửa biển Nhựt-lệ.

Quân của Nghị-vương [tức Trịnh-Tráng] trú đóng lâu một nơi, mãi không thấy Phúc-Anh tới xin đầu-hàng, Trịnh-Tráng bèn ra lệnh rút quân về Bắc, và sai Hiền-tuấn-hầu là Nguyễn-khắc-Loát trấn-thủ Bắc Bỗ-chánh [nay là vùng Quảng-trạch] để phòng-bị quân địch.

Mùa đông, năm thứ 6 niên-hiệu Đức-long (năm Giáp-tuất) [tức năm 1634 sau Công-nguyên], Đào-duy-Từ từ trần.

Tháng 10 năm đầu niên-hiệu Dương-hoà vua Lê Thần-tông (năm Ất-hợi) [tức năm 1635 sau Công-nguyên], Nguyễn Phúc-Nguyên tạ thế.

Phúc-Nguyên tại ly-sở được 22 năm, hưởng thọ được 73 tuổi, tự đặt tên thụy hiệu là « Đại-đô-thống lãnh Nam-phương tổng quốc chính Thụy dương-vương ».

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Phúc-Nguyên qua đời rồi, con thứ hai của Phúc-Nguyên là Nhân-lộc-hầu Nguyễn Phúc-Lan ¹ lên nối nghiệp, và tự [27b] xưng « Tiết-chế thủy bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại binh-chương quân quốc sự Thái-bảo Nhân Quận-công ».

Bấy giờ Nguyễn Phúc-Anh [nguyên trấn-thủ Quảng-nam] làm loạn.

Phúc-Anh xây-đắp một cái lũy tại cửa biển Cầu-đê và dàn bày thủy-quân tại cửa biển Đà-nẵng.

Phúc-Lan sai tướng đánh Phúc-Anh. Bộ binh của Phúc-Lan đến lũy Cầu-đê, còn thủy-quân thì lặn ngầm dưới nước ra khỏi vũng Sơn-trà giao-chiến với thủy-quân Phúc-Anh. Còn Tuyên-lộc-hầu coi đội thủy-quân ấy thì đã chạy trước, qua khỏi cửa ải, thẳng đến Quảng-nam đốt dinh trại, và bắt được Phúc-Anh đem về giết đi. Phúc-lan lấy người chưởng-dinh là Hùng-Lương thay Phúc-Anh làm trấn-thủ.

Phúc-Lan cho dời phủ dinh, và làm phủ dinh mới tại địa-phận xã Kim-luông [cách Kinh-thành Huế 3 cây số] thuộc huyện Hương-trà.

1. Phúc-Lan là con thứ hai của Phúc-Nguyên (Hy-tông Hiếu văn hoàng-đế).

Phúc-Lan tại vị được 13 năm, hưởng thọ được 48 tuổi, an-táng tại lăng Trường-diễn.

Phúc-Lan được người đương thời tôn-xưng là Chúa Thượng. Và về sau, được truy-tặng Thần-tông Hiếu-chiêu hoàng đế.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm thứ 2 niên-hiệu Dương-hoà (năm Bính-tý) [tức năm 1636 sau Công-nguyên], Phúc-Lan cáo-phó về triều-đình [về việc Phúc-Nguyên từ trần], triều-đình phái quan vào kính điếu Phúc-Nguyên và phủ-uy Phức-Lan.

Năm thứ 6 niên-hiệu Dương-hoà [tức năm Canh-thìn, là năm 1640 sau Công-nguyên], triều-đình sai người giết viên trấn-thủ châu Bắc Bỗ-chánh là Hiền Quận-công Nguyễn-khắc-Loát, Nguyễn-phức-Lan lấy làm mừng-rỡ, vì đã trừ-khử được một người mà mình vốn không ưa.

Nguyễn-Phức-Lan lại cùng với chị dâu họ Tống thông-đồng hoang-dâm, rồi chém giết làm càn. Ở trong cảnh-địa thì xảy ra đại-hạn, [28a] mất mùa, nhân-dân trôi-giạt và chết đói rất nhiều.

Năm thứ 8 niên-hiệu Dương-hoà (năm Nhâm-ngọ) [tức năm 1642 sau Công-nguyên], Phúc-Lan khiến quân và dân ba huyện Hương-trà, Quảng-điền, Phú-vang xây-dựng một toà nhà làm trường luyện-tập thủy-binh tại địa-phận xã Hồng-phúc. Phúc-Lan lại cho xây-đắp một hòn núi đất cao hơn 30 trượng, và lấy kỳ tháng bảy thao-luyện thủy-quân, tập bắn đạn bay cùng bắn súng đại-bác.

Năm đầu niên-hiệu Phúc-thái ¹ vua Lê Chân-tông [năm

1. Lê Chân-tông, huý Duy-hựu, con vua Lê Thần-tông, ở ngôi được 7 năm rồi băng. Năm Quý-vị (1643), Lê Thần-tông truyền ngôi cho con là Lê Chân-tông. →

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Qui-vị, chứ không phải năm Mậu-tý như trên đây đã chép] [tức năm 1643 sau Công-nguyên], tháng giêng, Chúa-Thượng phái quan trấn-thủ Nghệ-an là Tiến Quận-công Trịnh-Đào đốc-suất các đạo quân đi đánh phương Nam, và sai Gia Quận-công đốc-suất thủy-quân vượt bể vào cửa biển Nhứt-lệ đánh phá dinh Quảng-bình. Quân phương Bắc đóng đồn ở làng Võ-xá [một trong bốn làng to và có tiếng trong phủ Quảng-ninh hiện nay]. Phúc-Tần chống-cự lại quân của triều-đình.

Lúc bấy giờ, Phúc-Lan trú đóng ở trại Tuyên-thắng thuộc huyện Võ-xương. Phúc-Lan khiến Phúc-Tần chọn hơn một trăm con voi đực gấp-rút lên đường đánh lên phá dinh Gia Quận-công.

Phúc-Tần bắt sống được tất cả quân lính theo Gia Quận-công. Trịnh-Đào bỏ chạy. Bấy giờ Phúc-Tần lưu quân đóng tại đồn Võ-xá. Đồn này được gọi là dinh « Lưu-đồn » để phòng-ngự quan quân của triều-đình vào đánh nữa.

Phúc-Lan trở về phủ rồi mệnh-một sau đó [28b].

Chúa Phúc-Lan tại vị được 13 năm, hưởng thọ được 48

→

Lên ngôi, Lê Chân-tông lấy niên-hiệu Phúc-thái, và tôn Lê Thần-tông làm Thái-thượng-hoàng. Năm Mậu-tý (1648), Lê Chân-tông băng-hà, Lê Thần-tông trở lại ngôi báu.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

tuổi, tự đặt tên thụy hiệu là « Đại nguyên-suý Thuận Quảng đẳng xứ Nhân Chiêu-vương ».

Thế-tử Dũng-lễ-hầu là Phúc-Tần nổi nghiệp. Phúc-Tần tự xưng « Đốc lãnh thủy bộ chư dinh kiêm các xứ nội ngoại tổng quốc chánh Thái-bảo Dũng Quận-công ».

Chúa Phúc-Tần là người rất cương-nghị, mãnh-tinh và có trí phán-đoán.

Nguyên Phúc-Tần thường yêu vì một kỹ-nữ người tỉnh Nghệ-an là Đào-Thừa. Rồi nhân đọc sách xưa, Phúc-Tần thấy việc Ngô-vương yêu-mến nàng Tây-thi mà tự tỉnh-ngộ. Phúc-Tần sai Đào-Thừa đưa cái áo cho tướng Nghĩa-sơn, trong giải áo ấy, Phúc-Tần có viết mật-chỉ khiến tướng Nghĩa-sơn ám hại Đào-Thừa.

Năm đầu niên-hiệu Thịnh-đức vua Lê Thần-tông (năm Quí-ti) [tức năm 1653 sau Công-nguyên], Phúc-Tần truyền lệnh cho các tướng-hiệu phải sửa-sang khí-giới, đạn-dược, quân-nhu, chiến-cụ ; và hạn cho họ cuối tháng ba phải đem tới xã An-cự đề chúa kiểm-điêm duyệt xét, đặng biết rõ-ràng mọi sự đủ, thiếu, bền, hư như thế nào mà định việc thưởng phạt các tướng-hiệu.

Cũng trong năm ấy, người nước Chiêm-thành xâm-phạm [29a] và quấy-nhiều tỉnh Phú-yên, chúa Phúc-Tần sai Hùng-lộc-hầu làm chức Tổng-binh, Xá-nhân là Chiêu-võ làm chức Tham-mưu đem ba nghìn quân đi đánh Chiêm-thành.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Khi quân chúa Nguyễn đã đến Phú-yên, lập tức người ta lấy ngày mùng 3 tháng 4, nhân lúc ban đêm, cho quân trèo qua núi Thạch-bi và đèo Bồ-dương, rồi gấp-rút đem quân đến trại vua Bà-Chiêng phóng lửa đốt, tấn-công. Trong một thời gian ngắn, quân chúa Nguyễn cả phá được quân Chiêm-thành.

Quân chúa Nguyễn đuổi quân Chiêm-thành chạy dài đến sông Yên-triều, thì vua Bà-Chiêng sai con là Xác-bà-Ân dâng nạp lễ-vật và xin đầu-hàng. Chúa Phúc-Tần chấp-thuận, khiến chia cương-giới.

Chúa Nguyễn lấy phần đất từ phía đông sông Yên-triều đến Phú-yên, thiết-lập hai phủ Thái-khang và Diên-ninh, rồi đặt dinh trấn-thủ tại Thái-khang. Về phía tây sông ấy là nước Chiêm-thành.

Tháng 6 năm ấy, các người dưới quyền chúa Phúc-Tần đều suy-tôn Chúa làm chức « Tiết-chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại binh-chương quân quốc trọng sự Thái-phó Dũng Quận-công ».

Năm thứ 2 niên-hiệu Thịnh-đức (năm Giáp-ngọ) [tức năm 1651 sau Công-nguyên], [29b] thúc-phụ chúa Phúc-Tần là Trung-tin-hầu bị người đàn-bà dâm-dục họ Tống dụ-dỗ, xúi-giục Âm-mưu làm loạn. Sau khi sự việc được phát-giác, các bị-can đều bị bắt. Trung-tin-hầu không được trở về phủ-đệ cũ.

Chúa Phúc-Tần lại khiến quân dân phá nhà Tống-thị, và lấy hết của-cải của Tống-thị, rồi giết người đàn-bà ấy đi.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Phúc-Tần giận quân lính biên-phòng Nghệ-an từng vượt qua sông vào xâm-phạm, cướp-bóc Thuận-hoá, nên chúa muốn lập mưu kế đánh phương Bắc, nhân mộng thấy Thần-nhân phát cho một miếng giấy có mấy câu thi như sau :

*« Tiên kiết nhân tâm thuận,
Hậu thi đức hoá chiêu.
Chi diệp tuy tồi lạc,
Căn bản dã nan điều ».*

Xin tạm dịch như sau :

*« Trước hết lòng người thuận,
Sau thi đức hoá bay.
Cành lá tuy rời rụng,
Cội gốc thật khó lay ».*

Chúa Phúc-Tần biết chung-cuộc không thể nào địch nổi quân của Vương [tức Nghị-vương Trịnh-Tráng]. Nhưng về phương-diện quân-sự, Chúa Nguyễn vẫn lấy Thuận-nghĩa [tức Thuận-nghĩa-hầu Nguyễn-hữu-Tiến] và Chiêu-võ [tức Chiêu-võ-hầu Nguyễn-hữu-Dật] làm tướng.

Năm thứ 3 niên-hiệu Thịnh-đức (năm Ất-vi) [tức năm 1655 sau Công-nguyên], tháng 2, Chúa Phúc-Tần cho phát-xuất thủy lục quân đi đánh châu Bắc Bõ-chánh.

Ban đêm, quân chúa Nguyễn đánh lên, phá trấn dinh Kỳ-hoa [nay là Kỳ-anh], trấn-phủ Nghệ-an là Trịnh-Đào bị thua trận.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Ninh Quận-công Trịnh-Tuyền đặt phục-binh ở đất Lạc-xuyên [nay là Cầm-xuyên], xâm-lấn và chiếm-cứ được hai huyện Kỳ-hoa, Thạch-hà [nay đều thuộc tỉnh Hà-tĩnh], thanh-thể Ninh Quận-công rất lừng-lẫy [30a].

Năm thứ 4 niên-hiệu Thịnh-đức (năm Bình-thân) [tức năm 1656 sau Công-nguyên], tháng 5, quân chúa Nguyễn bị Ninh Quận-công Trịnh-Tuyền đánh phá, và thua lớn ở núi Đại-nại [tục gọi núi Đại-nại ở phía nam Hà-tĩnh 3 cây-số], Phúc-Tần mới ngăn-cản quân-sĩ dừng bước lại.

Vì trước đã từng nghe tướng Thuận-nghĩa thắng trận nhiều lần, nên chúa Phúc-Tần tự làm tướng đốc-suất hai phân-chi linh ở Bồ-chánh, Phù-lộ và muốn đi tiếp-ứng cho tướng Thuận-nghĩa.

Quân Phúc-Tần đã qua khỏi đất Lũng-bông đến xứ Lữ-khư, thì thấy người Xá tên là Phú sửng-sốt, sợ-hãi chạy vào, cấp-báo : « Quân của chưởng-cơ Triều-khang và trấn-thủ Phù-dương đều đã thua trận chạy dài. Ninh Quận-công đang đuổi theo đến đất Lũng-nam, và quân miền Bắc đã tiến tới gần nơi đây rồi. Vậy xin chúa gấp-rút lui quân... ».

Nghe nói như trên, Phúc-Tần sợ-hãi vô cùng, lập-tức rút lui quân khỏi châu Nam Bồ-chánh.

Đến khi nghe nói quân của hai tướng Thuận-nghĩa và Chiêu-võ đều đã trở về đóng ở Cầu-dinh rồi, còn Ninh Quận-



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

công thì không hề đuổi theo, Phúc-Tần phần thẹn-thường, phần giận-dữ, bèn chém đầu Xá-Phú.

Bây giờ, Phúc-Tần quay về trú tại dinh Yên-trạch thuộc huyện Quảng-bình.

Năm thứ 5 niên-biêu Thịnh-đức (năm Đinh-dậu) [tức năm 1657 sau Công-nguyên], Phúc-Tần lại trở ra huyện Thạch-hà, và khiến người xây-đắp một cái lũy tại phía nam huyện ấy. Lũy được xây-đắp ven sông chạy dài từ trên đầu nguồn xuống đến cửa biển để ngăn chặn quan quân [30b] triều-đình khỏi vào tấn-công. Rồi Phúc-Tần tự trở về Quảng-bình.

Lúc bấy giờ, Hoảng-tổ Dương-vương [tức Trịnh-Tạc] đã chính-thức lên nối nghiệp chúa, và Chiêu-tổ Khang-vương [tức Trịnh-Căn] nắm giữ tất cả binh quyền. Hai chúa Trịnh đóng ở Cầu-Dinh để bàn định việc khôi-phục đất nước.

Quân-luật chúa Trịnh rất trang-nghiêm. Còn thuộc-tướng của họ Trịnh thì có Lê-thời-Hiến và Hoàng-nghĩa-Giao đều là tay dũng-cảm, nên Phúc-Tần không dám dòm-ngó phương Bắc, mà chỉ lo đóng quân giữ phần đất cũ mấy năm liền.

Phúc-Tần còn bắt-buộc dân quân bảy quận về phía nam Nghệ-an thâu nạp đinh dung¹ và khai-thác thuế tô ruộng đất rất phiền-nhiều dân.

1. Đinh dung là lấy tiền bạc mà mộ dân, khiến dân phục-vụ binh dịch, có tính chất làm thuê, làm mướn.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm đầu niên-hiệu Vĩnh-thọ vua Lê Thần-tông (năm Mậu-tuất) [tức năm 1658 sau Công-nguyên], tháng 9, vì vua nước Cao-miên là Nặc-Chân xâm-phạm biên-cảnh của ta, nên chúa Phúc-Tần sai Trấn-biên dinh phó-tướng Yển-võ-hầu, Cai-đội Xuân-thắng-hầu, Minh-lộc-hầu làm tham-mưu, và Câu-kê Văn-lĩnh-bá đem ba nghìn quân đi đánh phương Nam [tức Cao-miên].

Chúa Nguyễn ra lệnh lấy ngày mùng 9 xuất-phát binh-sĩ, và đến ngày 29 thì phải tới thành Cao-miên.

Quân ta cả phá được quân Cao-miên vài trận, bắt sống vua Nặc-Chân cùng với các thồ-tù các bộ-lạc, [31a] và bắt được voi, ngựa, quân-cụ đưa về dinh Quảng-bình.

Phúc-Tần tha cho Nặc-Chân trở về nước Cao-miên.

Lúc này, các quân-nhân đồn-trú lâu ngày ở Thuận-hoá đều nhớ nhà muốn về. Còn số lính mới bắt lấy ở Nghệ-an cũng đều oán-hờn, giận-dữ, không chịu làm việc, và cứ nhóm nhau nói chuyện muốn trốn đi nơi khác.

Năm thứ 3 niên-hiệu Vĩnh-thọ (năm Canh-tý) [tức năm 1660 sau Công-nguyên], tướng Thuận-nghĩa xâm-phạm vùng Tam-chế [nay thuộc huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh], Hoàng-nghĩa-Giao [tướng họ Trịnh] đánh phá được quân Thuận-nghĩa.

Số lính quê ở Nghệ-an, hoặc có kẻ bắn súng mà không có đạn, hoặc có kẻ múa gươm mà không chém, họ rời bỏ hàng-



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

ngũ mà đi gần đến phân nửa. Cũng có những kẻ trốn về dinh Việt, nhân đó, họ rút lui về châu Nam Bố-chánh. Giữa đường, họ thấy đám ong vàng vỡ tổ không biết bao nhiêu mà kẻ, bay loạn đến đốt họ. Quân-lính dân-chúng đều che đầu, bưng mắt mà chạy, không dám quay nhìn về phía sau.

Những hàng binh quê ở Nghệ-an bỏ trốn chạy về tán-loạn, phần nhiều bị giết, người ta khóc than đầy đường.

Tướng Chiêu-võ [tức Nguyễn-hữu-Dật] cũng bỏ đồn ở Độc-giang mà chạy về Hoành-sơn, đại-quân tướng Hoàng-nghĩa-Giao [tướng họ Trịnh] thừa thắng đuổi quân tướng Chiêu-võ chạy dài, và đuổi theo gần kịp địch quân.

[31b] Tướng Thuận-nghĩa [tức Nguyễn-hữu-Tiến] chạy về gìn-giữ lũy Nhựt-lệ. Tướng Chiêu-võ cũng chạy về bảo-thủ xã Gia-thiết.

Năm thứ 4 niên-hiệu Vĩnh-thọ (năm Tân-sửu) [tức năm 1661 sau Công-nguyên], Phúc-Tần phái tướng Chiêu-võ làm chức trấn-thủ châu Nam Bố-chánh, đóng tại xã Phúc-lộc. Chiêu-võ xây-đắp một cái lũy dài trên từ núi Đèo-heo xuống đến Yên-nỏ. Lũy dựa theo con sông để được thêm phần kiên-cố.

Tháng 11 năm ấy, Chiêu-tổ Khang-vương [tức Trịnh-Căn] thống-lãnh đại-binh đi đánh phương Nam.

Năm đầu niên-hiệu Vạn-khánh vua Lê Thần-tông (năm



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Nhâm-dần) [tức năm 1662 sau Công-nguyên], họ Trịnh khiến Đào-quang-Nhiều vượt qua sông, đóng đồn tại thôn Phúc-lợi. Phúc-Tần khiến con là Hiệp-đức-hầu ngăn chặn Đào-quang-Nhiều, và sai tướng Chiêu-võ rút lui về lũy lớn Động-hồi để cố-thủ.

Thừa lúc quan quân triều-đình có hơi mỏi-mệt, uể-oải, tướng Chiêu-võ ban đêm sai người ra cướp-bóc trại quân chúa Trịnh, và đánh phá quân của tướng Lê-thời-Hiến nên quan quân rút về Bắc.

Mùa đông năm này, chúa Phúc-Tần lại sai xây-đắp một cái lũy đối-đồng với lũy Cát để làm thế chân vạc.

Năm thứ 3 niên-hiệu Cảnh-trị¹ vua Lê Huyền-tông (năm Ất-tị) [tức năm 1665 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Tần ra lệnh cho các quan văn võ ba ty thuộc Chính-dinh, dinh Bình-khang cũ cùng với hương-quan [quan trong làng] trong các huyện thuộc phủ Triệu-phong, [32a] lấy ngày tháng tư để kiểm-điểm và duyệt xét các thứ quân-khi, chiến-cụ tại chốn Ao-phủ thuộc Phủ.

Còn các quan văn võ dinh Quảng-bình lưu đồn [tức dinh lưu đồn ở làng Võ-xá] và dinh Bỗ-chánh cùng với các hương-quan

1. Lê Huyền-tông, húy Duy-Vụ, con vua Lê Thần-tông, ở ngôi được 9 năm thì băng-hà.

Năm Qui-mão, Lê Huyền-tông lên ngôi, lấy niên-hiệu Cảnh-trị.

Dưới triều Lê Huyền-tông, triều-đình thân mình giáo-điều và cấm đạo Thiên-Chúa.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

các huyện thuộc Bồ-Chánh phủ Quảng-bình, thì hãy chờ-đợi để xem khám nghiệm đúng hay sai.

Chúa Phúc-Tần lại sai-khiến các quan phải tập phép cỡi ngựa bắn súng nữa.

Mùa thu năm này, chúa Phúc-Tần cho sửa-sang chùa Thiên-mỗ.

Năm thứ 4 niên-hiệu Cảnh-trị (năm Bình-ngọ) [tức năm 1666 sau Công-nguyên], chúa Nguyễn-Phúc-Tần đi chơi cửa biển Tur-dung, và cho xây-cất chùa Hoà-vang tại núi Qui-sơn. Chùa này rất rộng lớn và tráng-lệ.

Năm thứ 6 niên-hiệu Cảnh-trị (năm Mậu-thân) [tức năm 1668 sau Công-nguyên], chúa Nguyễn cho mở kênh Lệ-thủy để tiện việc vận-chuyển. Bấy giờ đường thủy mới lưu-thông, không còn bị nạn đất cát lấp nghẽn kênh như trước nữa.

Năm thứ 7 niên-hiệu Cảnh-trị (năm Kỷ-dậu) [tức năm 1669 sau Công-nguyên] chúa Phúc-Tần cho phân hạng và sai đạc ruộng ba xứ định làm ruộng tam đẳng [ruộng hạng ba] cùng với các hạng đất bãi làm hoa màu, đất khô đều phải trưng thâu lúa thuế.

Còn ruộng công thì được giao cho xã sở-tại chia cho các người nhận cày và nộp thuế.

Đến như ruộng tư các hộ thì được giao-phó cho họ đứng tên nghiệp-chủ cày chung và trưng-thâu thuế theo lệ đặc-biệt.



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

[32b] Năm đầu niên-hiệu Dương-đức¹ vua Lê Gia-tông (năm Nhâm-tý) [tức năm 1672 sau Công-nguyên], Hoảng-tồ Dương-vương Trịnh-Tạc trưng-dụng binh mười tám vạn, và phụng-nghinh Loan-giá vua Lê Gia-tông đi đánh phương Nam.

Chúa Trịnh-Tạc lại trưng-dụng tất cả các tay xạ-thủ Tây-dương, Hoà-lan, rồi thủy-quân và lục-quân đều lên đường vào Nam, hai xứ Thuận-hoá, Quảng-nam đều chấn-động và kinh-hãi.

Chúa Phúc-Tần trước tiên sai con là Hiệp-đức-hầu Phúc-Thuần bố-trí phòng-thủ, phái tướng Chiêu-võ-hầu giữ luỹ Cát cùng bờ biển Sa-trường, tướng Mỹ-thắng-hầu giữ luỹ Chính, tướng Thuần-đức giữ Đồn-Gang, tướng Đức-kiêm giữ thành Trấn-ninh, tướng Thuận-trung giữ cầu Hải-nại. Còn các ông Tú-ái-Tài, Phương-Lê thì suất thuyền chiến, trồng cọc cây tại cửa biển Nhựt-lệ để giữ cửa biển. Triều-Tín giữ luỹ Động-hải.

Chúa Phúc-Tấn còn e-sợ quân của Dương-vương [tức Trịnh-Tạc] có thể vượt vào các cửa biển khác, nên chúa lại phái chiến thuyền đội Hữu-binh, cơ Tam-thủy đóng tại cửa biển Tư-dung,

1. Lê Gia-tông, huý Duy-Hội, là em vua Lê Huyền-tông, ở ngôi được 4 năm.

Năm 1672, Lê Gia-tông lên ngôi, niên-hiệu Dương-đức, sau lại đổi niên-hiệu Đức-nguyên. Năm ấy, Trịnh-Tạc đưa nhà vua đi vào châu Bắc Bỗ-chánh, rồi ra lệnh tiến quân lên Trấn-ninh, nhưng bị quân chúa Nguyễn đánh đuổi. Từ đây, Nam Bắc đình chiến.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

chiến-thuyền đội Tam dinh Trung-thủy [33a] đóng tại cửa biển Minh-linh.

Ngoài ra, chúa Nguyễn còn huy-động tất cả hương-binh [tức lính tuần-định] trong năm huyện đàn-bày và đóng đồn ở bến Trường-sa, lại còn tiến lên đóng ở trại Tuyền-thắng thuộc huyện Võ-xương nữa.

Tự đánh tiếng có nhiều viện-binh, chúa Nguyễn còn đưa thêm lính để bảo-thủ thành Trấn-ninh.

Tháng 10 năm ấy, xa-giá chúa Trịnh tiến đóng ở xã Cbính-thủy, còn tướng khác thì đánh bặt đồn núi Mật-kiết. Quân Trịnh đánh phá rất hăng, làm cho tướng Văn-trường [tướng chúa Nguyễn] chạy dài.

Tháng 11 năm ấy, chúa Trịnh đánh thành Trấn-ninh.

Quân Trịnh lấp hào, xuyên lũy, thành Trấn-ninh xuyết bị vây-hãm, và tướng giữ thành toan bỏ thành chạy trốn.

Tướng Chiêu-võ phải dẫn binh đến tăng-viện, giúp bảo-thủ thành. Quan quân triều-đình hết sức tấn-công mà không làm sao hạ nổi thành, hai bên Nam Bắc đều bị tổn-hại và tử-thương rất nhiều.

Thánh chạp năm ấy, xa-giá chúa Trịnh trở về châu Bắc Bỗ-chánh, trú tại điện Phù-lộ thuộc xã Vĩnh-yên.

Lúc này, Hào Quận-công Lê-thời-Hiến được phái đến lưu đồn tại xã Chính-thủy để đánh thành Trấn-ninh.

PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Lê-thời-Hiến cho phát hoả phá trận, một phát đạn mẹ bắn ra thành nghìn phát đạn con, tiếng vang như sấm lớn. Hễ bắn vào đâu là sụp đổ, bề gãy [33b] tan nát chỗ đó. Trong thành Trấn-ninh, nhân-dân nguy cấp khốn đốn vô cùng.

Tướng Chiêu-võ-hầu ra sức đánh, cố-gắng giữ thành. Lê-thời-Hiến đánh không được, bèn triệt-thoái quân trở về.

Chúa Trịnh cũng đem quân về, đồng thời phái quan trấn-thủ xứ Nghệ-an kiêm-lãnh chức đốc-suất châu Bắc-chánh, trú ở Cầu-Dinh. Lê-thời-Hiến chia lính đóng đồn tại trang Thủy-vực và tại xã Tô-hợp thuộc Bắc Bắc-chánh, nghiêm-mật bảo-thủ và phòng-bị địch-quân.

Lúc bấy giờ, hai bên đồng ý lấy sông Đại-linh (tức sông Gianh) làm ranh-giới. Hai bên Nam Bắc không đánh nhau nữa.

Năm đầu niên-hiệu Đức-nguyên vua Lê Gia-tông (năm Giáp-dần) [tức năm 1674 sau Công-nguyên], tháng 2, tên Nặc-Đài người nước Cao-miền đuổi chúa nước ấy là Nặc-Non. Chúa Phúc-Tần sai tướng coi dinh Nha-trang là Dương-lâm-hầu đi đánh Nặc-Đài, và lấy Thủ-hợp Diên-phái-tử làm tham-mưu.

Tháng 1 năm ấy, tướng Dương-lâm-hầu chia quân thành hai đạo, nhân ban đêm đánh lên, phá được lũy Khu-bích, rồi chặt khoá sắt chiếc bè nổi để tiến thẳng lên thành Nam-vang. [34a] Nặc-Đài bỏ chạy rồi chết, Nặc-Thu ra xin đầu-hàng quan quân chúa Nguyễn.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Tháng 6, tướng Dương-lâm-hầu kéo quân về.

Nặc-Thu được lập lên làm chính quốc-vương, cai-trị nước Cao-miên, còn Nặc-Non làm phó quốc-vương, trú ở Sài-gòn. Hằng năm, vua nước Cao-miên phải giữ triều-cống chúa Nguyễn. Tướng Dương-lâm-hầu được cử giữ trấn-thủ trấn Thái-khang.

Năm thứ 2 niên-hiệu Đức-nguyên (năm Ất-mão) [tức năm 1675 sau Công-nguyên], con chúa Phúc-Tần là Hiệp-đức-hầu Phúc-Thuần mệnh-chung.

Năm thứ 4 niên-hiệu Vĩnh-trị¹ vua Lê Hy-tông (năm Kỷ-vi) [tức năm 1679 sau Công-nguyên], tháng 5, kẻ bô-thần² nhà Đại-Minh là Long-môn tướng-quân Dương-ngạn-Địch đem hơn năm mươi chiếc chiến-thuyền và lính hơn ba nghìn người đậu ở ngoài khơi của biển Tur-dung [sau đổi Tur-hiền] Đà-nẵng. Họ sợ quân Thuận-hoá, nên không dám vào đất nước ta.

Viên tướng giữ cửa biển Tur-dung khiến người ra hỏi bọn người nhà Minh ấy.

1. Lê Hy-tông, huý Duy-Hợp, con út vua Lê Thần-tông, ở ngôi được 30 năm.

Năm Bính-thìn (1676), Lê Hy-tông lên ngôi, lấy niên-hiệu Vĩnh-trị. Tháng 10 năm Canh-thân (1680), nhà vua lại đổi niên-hiệu Chính-hoà. Trong thời-gian vua Lê Hy-tông tại vị, tất cả các việc trong nước đều xuất phát từ tay họ Trịnh, Trịnh-Căn.

2. Bô-thần là kẻ bày-tôi trốn qua nước ngoài để xin tị-nạn ở đấy.

PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Dương-ngạn-Địch treo cờ trắng và xin ra đầu-hàng quan quân ta.

Chúa Phúc-Tần lập-tức truyền lệnh cho họ qua ở địa-phận nước Cao-miên, và khiến vua nước Cao-miên chia đất cho họ Dương-ngạn-Địch trú-ngụ gần cửa biển Mỹ-tho [34b] để kết nghĩa làm anh em, hằng năm họ xin dâng lễ cống-hiến chúa Nguyễn.

Tháng 3 năm thứ 6 Lê Hy-tông [tức năm Tân-dậu 1681 sau Công-nguyên], viên lưu đồn đạo tướng là Chiêu-võ-hầu Nguyễn-hữu-Dật từ-trần.

Tướng Nguyễn-hữu-Dật hưởng thọ được 78 tuổi, và lúc ông tạ thế, chúa Phúc-Tần rất lấy làm thương tiếc, nên truy tặng ông tước Quận-công.

Tháng 5 năm ấy, đường quan từ Vạn-xuân đến trường bắn tại quán Thanh-kệ được xây-đắp, và người ta kiến-trúc hai xứ « hí mã đài » để làm nơi xem đua ngựa.

Năm thứ 5 niên-hiệu Chính-boà (năm Giáp-tý) [tức năm 1684 sau Công-nguyên], mùa đông, thế-tử con chúa Phúc-Tần là Phúc-Nghĩa-hầu Phúc-Diễn từ trần.

Vợ chúa Phúc-Tần họ Tống cũng mệnh-một trong thời-gian ấy và được truy-tặng « Tán quốc đại phu-nhân ».

Mùa thu năm thứ 6 niên-hiệu Chính-hòa (năm Ất-sửu) [tức



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

năm 1685 sau Công-nguyên], con chúa Phúc-Tần là Cương-lĩnh, hầu Nguyễn Phúc-Trân cũng tạ thế.

Năm thứ 8 niên-hiệu Chính-hoà (năm Đinh-mão) [tức năm 1687 sau Công-nguyên], chúa Nguyễn Phúc-Tần [tức chúa Hiền] cũng lâm chung.

Chúa Phúc-Tần tại ly được 39 năm [1648-1687], hưởng thọ được 68 tuổi, tư-thụy là « Đại-nguyên-soái tổng quốc chính Dũng-triết-vương ».

Con thứ ba của chúa Phúc-Tần là Hoảng-ân-hầu Phúc- [35a] Trân [tức chúa Nghĩa] lên nối nghiệp ¹.

Chúa Phúc-Trân tự xưng « Tiết-chế thủy bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình-chương quân quốc trọng sự Thái-phó Hoảng-quốc-công ».

Chúa Phúc-Trân là người có đức khoan-hoà, và hay chuộng kẻ sĩ.

Tháng 7 năm ấy, Ngài ra lệnh lưu nơi phủ cũ làm ngôi đền thờ cố Dũng-quốc-công [tức cố chúa Phúc-Tần], và làm phủ mới tại một nơi cách phủ cũ hơn một trăm dặm. Người ta lấy hòn núi tròn Mạc-sơn cao chính làm tiền-án [bình-phong ở phía trước] ngôi phủ mới.

1. Chúa Phúc-Trân là Hoảng Quận-công Phúc-Trân, tức chúa Nghĩa, và sau được truy-tặng « Anh-tông Hiếu-nghĩa Hoàng-đế. »

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Tại toà phủ mới này, chúa Phúc-Trần cho trồng cây đắp nền, xây tường làm đường đẹp-đẽ. Nhà được lợp bằng ngói, thành được xây bằng gạch, dinh vàng các báu, thật xa-hoa lộng-lẫy, ấy là dinh Phú-xuân ngày nay vậy.

Năm Mậu-thìn [tức là năm 1688 sau Công-nguyên] ngôi chùa Thuận-an [gần cửa Thuận-an] được sửa-sang lại.

Cũng trong năm này, thuộc tướng của Long-môn tướng-quân [tức Dương-ngạn-Địch] là Hoàng-Tiến giết Dương-ngạn-Địch ở cửa biển Mỹ-tho, rồi dời đồn đến Lạch-Than là nơi hiểm-hóc để đi cướp-bóc.

Vua nước Cao-miên là Nặc-Thu cũng cho xây-đắp một cái lũy ở về phía nam cầu Ngã-ba Khu-bích thuộc thành-phố Nam-vang, và làm [35b] một cái bè nổi có khoá sắt để ngăn chặn ngang cửa biển.

Nặc-Thu còn tạo chiến-thuyền đúc đại-bác, và ngăn cấm những khách buôn bán qua lại nơi đây.

Nặc-Non tới báo-cáo tình-hình Cao-miên với Nam-triều.

Tháng 11 năm ấy, chúa Phúc-Trần phái phó-tướng trấn-biên dinh Nha-trang là Vạn-long-hầu làm chức thống-binh, Thăng-long-hầu và Tân-lễ-hầu làm chức Tả và Hữu vệ tướng-quân, Chính-dinh Thủ-hợp Văn-phái-hầu làm chức Tham-mưu, Hoàng-Tiến làm tiên-phong đồng đi đánh Cao-miên.

Vào đến cửa Mỹ-tho, các tướng sĩ chúa Phúc-Trần đóng ở



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Lạch-Sầm, khiến người dụ-dỗ Hoàng-Tiến hội họp với bên địch ở giữa sông, rồi phát phục-binh hợp vây tấn-công và phá được luỹ ở phía nam cầu Ngã-ba.

Hoàng-Tiến bỏ chạy rồi chết.

Các tướng sĩ thừa thắng đến phá luỹ Khu-bích, và vây-hãm thành Nam-vang.

Nặc-Thu khiến sứ-thần ra xin đầu-hàng. Về sau chúa Nguyễn cho Nặc-Thu dâng lễ cống-hiến hằng năm.

Phó-tướng Vạn-Long tự rút lui binh để đợi báo-cáo, hơn một năm mà không chịu tiến quân, nên quân-sĩ bị mang tật-bệnh hao-tồn rất nhiều. Các thuộc-tướng đồng ký tên vào một bản [36a] mật-trình lên chúa Nguyễn nói về tình-trạng lưu quân quá lâu ngày gây nhiều tổn-hại...

Năm thứ 10 niên-hiệu Chính-hoà (năm Kỷ-tị) [tức năm 1689 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Trần dùng Chiêu-võ-tử và Hào-lương-hầu thay Vạn-Long làm tướng, văn-chức Hoà-nghĩa-hầu làm tham-mưu, Thắng-sơn-hầu làm tiền-phong. Ngoài ra, lại lựa-chọn những người cường-tráng từ phủ Phú-yên đến xứ Phan-ly làm lính. Tất cả các tướng-sĩ và lính kể trên đều được phái đi bắt phó-tướng Vạn-Long đem về, giao cho các tướng hội-nghị tại toà các Triều-dương [trong thành Phú-xuân] hỏi tội Vạn-Long. Bấy giờ chúa Nguyễn bãi chức tướng Vạn-Long xuống làm dân thường.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Thủ-hợp Văn-phái-hầu cũng bị giáng xuống làm chức thư-lại tướng-thần.

Năm thứ 11 niên-hiệu Chính-hoà (năm Canh-ngọ) [tức năm 1690 sau Công-nguyên], Nam-triều phái tướng-sĩ đi đánh được nước Cao-miên, nhân phong cho Tù-trưởng lên làm vua nước ấy.

Dinh Thái-khang¹ được đổi làm phủ Bình-khang.

Năm thứ 12 niên-hiệu Chính-hoà (năm Tân-vị) [tức năm 1691 sau Công-nguyên], tháng giêng, chúa Phúc-Trần tạ thế.

Chúa Phúc-Trần tại lý 4 năm, hưởng thọ được 43 tuổi, tên thụy hiệu riêng là « Đại-nguyên-soái, tổng quốc-chính Hoảng-nghĩa vương ».

1. Dinh Thái-khang ngày xưa tức địa-phận tỉnh Khánh-hoà ngày nay. Nguyên lúc bấy giờ, chúa Nguyễn chia đất nước miền Nam làm 12 dinh như sau :

1. Chính-dinh (Phú-xuân).
 2. Cựu-dinh (Ái-tử — Quảng-trị ngày nay).
 3. Quảng-bình dinh.
 4. Võ-xá dinh.
 5. Bồ-chánh dinh.
 6. Quảng-nam dinh.
 7. Phú-yên dinh.
 8. Thái-khang dinh.
 9. Bình-thuận dinh.
 10. Trấn-biên dinh.
 11. Phiên-trấn dinh.
 12. Long-hồ dinh.
- } nguyên là đất Chân-lạp.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Con trưởng của chúa Phúc-Trần là Phúc-Tộ-hầu Phúc-Chu¹ lên nối nghiệp, tự xưng « Tiết-chế thủy bộ chư dinh Thái-phó Tộ quốc-công ».

Chúa Phúc-Chu có tánh ham học [36b] và chữ viết rất tốt, lại có văn võ tài lược, tự hiệu là « Thiên tủng đạo nhân ».

Năm thứ 15 niên-hiệu Chính-hoà (năm Giáp-tuất) [tức năm 1694 sau Công-nguyên], hai công-tôn là tên Huệ và tên Thông âm-mưu làm phản loạn, chúa Phúc-Chu bắt được và giết đi.

Năm thứ 18 niên-hiệu Chính-hoà (năm Đinh-sửu) [tức năm 1697 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Chu khiến tướng đi đánh Chiêm-thành, vua nước ấy xin đầu-hàng và phục-túng mọi mệnh-lệnh của chúa Nguyễn, hằng năm xin dâng lễ cống hiến.

Chúa Nguyễn lại lấy đất của Chiêm-thành ở về phía tây Phan-ly, Phan-rang đặt phủ Bình-thuận, và thiết-lập hai huyện Yên-phước, Hoà-đa. Đến đây, chúa Nguyễn hạ lệnh đổi nước Chiêm-thành làm trấn Thuận-thành.

1. Chúa Phúc-Chu (1691-1725) là Tộ Quốc-công (nguyên trước là Tộ phúc-hầu) tự-hiệu là « Thiên tủng đạo-nhân », về sau được truy-tặng « Hiền-tông Hiếu-minh Hoàng-đế ».

Chúa Phúc-Chu tại vị được 34 năm, hưởng thọ 51 tuổi, an-táng tại lăng Trường-thanh.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Ngài phong cho năm người con làm Cai-cơ hầu tước.

Năm thứ 19 niên-hiệu Chính-hoà (năm Mậu-dần) [tức năm 1698 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Chu sai Chưởng-cơ Thành-lễ-hầu mang quân đi đánh nước Cao-miền, lấy được đất Đồng-nai rất phi-nhiều, đặt là phủ Gia-định. Còn hai huyện Phước-long và Tân-bình thì được thiết-lập làm dinh Trấn-biên và dinh Phiên-trấn.

Chúa Nguyễn mở-mang thêm đất-đai được nghìn dặm và tăng thêm nhân-số hơn bốn vạn hộ.

Năm thứ 20 niên-hiệu Chính-hoà (năm Kỷ-mão) [tức năm 1699 sau Công-nguyên], chúa Nguyễn ra lệnh tra xét và lùng bắt tất cả người Hoà-lan theo đạo Thiên-Chúa tại hai xứ ấy [37a] qui-tụ lại một nơi.

Năm thứ 23 niên-hiệu Chính-hoà (năm Nhâm-ngọ) [tức năm 1702 sau Công-nguyên] là năm thứ 41 niên-hiệu Khang-by nhà Đại-Thanh [ở ngôi được 61 năm], Chúa Phúc-Chu khiến sứ-thần theo thuyền nước Tiêm-la đi cống-hiến để mang lễ-vật tới tỉnh Quảng-đông cầu xin dâng lễ cống lên vua Thanh.

Quan Tổng-đốc Quảng-đông bằng lòng xin dùm cho, nhưng vua Thánh-tổ nhà Thanh không chấp-thuận lời thỉnh-cầu ấy ¹.

1. Năm 1702, chúa Phúc-Chu sai người mang lễ-vật qua nhờ Tổng-đốc Quảng-đông xin với vua Thanh phong cho chúa Nguyễn làm Việt-nam Quốc-vương. Nhưng vua Thanh truyền rằng: Tại Việt-nam đang còn nhà Lê, thì không thể nào phong vương cho nhà Nguyễn được.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm thứ 9 niên-hiệu Vĩnh-thạnh¹ vua Lê Dụ-tông (năm Quý-tị) [tức năm 1713 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Chu thân hành đốc-suất binh-sĩ ra phương Bắc thị-sát các dinh luỹ Quảng-bình, Lưu-đồn, Bồ-chánh rồi trở về.

Năm thứ 10 niên-hiệu Vĩnh-thạnh (năm Giáp-ngọ) [tức năm 1714 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Chu cho sửa-sang lại ngôi chùa Thiên-mỗ rất rộng lớn, tráng-lệ, nguy-nga. Chùa ấy được trùng-tu chẵn một năm mới hoàn-thành.

Chúa Nguyễn lại tự làm một cái chuông có khắc mấy chữ : « Đại-Việt quốc-vương ».

Ở trong vườn « Côn-gia » tại ngôi chùa này một thán, chúa Nguyễn mới khiến người mang vàng qua phủ Triết-giang Bắc-quốc mua kính « Đại-tạng » cùng với luật-lệnh hơn nghìn bộ [37b] đưa về lưu trí tại thư-viện chùa Thiên-mỗ.

Lúc bấy giờ, chúa Phúc-Chu tuổi đương cường-tráng, tự cậy phú-cường, nên có chi dòm-ngó triều-đình Trung-ương.

1. Vua Lê Dụ-tông, huý Duy-Đường con trưởng vua Lê Hy-tông, tại vị 25 năm.

Năm Ất-dậu (1705), Lê Dụ-tông lên ngôi, lấy niên-hiệu Vĩnh-thạnh.

Đến năm Canh-tý (1720), Lê Dụ-tông lại đổi niên-hiệu Bảo-thái.

Dưới triều vua Lê Dụ-tông, trong nước thường bị hạn-hán, dân-chúng đói-khô, lại thêm bờ đê sông Hồng bị vỡ.

Ngoài ra, lại còn nhiều sự việc gay-cấn đều do bọn Nguyễn-công-Hăng và Trịnh-Cương lập mưu sắp-đặt.



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Nhưng lại gặp lúc Hy-tổ Nhân-vương [tức An-độ-vương Trịnh-Cương] đương làm-ngự, Trung Quận-công là Lê-thời-Liêu vốn một tay lão-tướng làm trấn-thủ Nghệ-an. Với phương-pháp phòng-thủ, phòng-bị của lão-tướng Lê-thời-Liêu rất tinh-tường và nghiêm-mật, chúa Phúc-Chu không làm thế nào để biết rõ tình-hình hư thực của triều-đình Trung-ương. Chúa Phúc-Chu bèn mật sai bọn người lái buôn Phúc-kiến là tên khách Bình và tên khách Quý từ tỉnh Quảng-tây qua cửa Nam-quan ở Lạng-sơn, hỏi dò tình-hình ở Kinh-đô với các trấn thuộc quyền họ Trịnh kiểm-soát.

Bọn khách Bình đến Kinh-đô Thăng-long vào tháng 3 nhuận niên-hiệu Vĩnh-thạnh năm thứ 12 (năm Bình-thân) [tức năm 1716 sau Công-nguyên].

Đến Kinh-đô, bọn khách Bình trú ở chợ «Kiều-đông», nhân có Thông-sự Bàng mời đến nhà Diên-khánh Quận-công; và nhờ thạo nghề làm thuốc, khách Bình được mời lưu lại nhà Diên-khánh Quận-công một cách vui-vẻ, nong-nàn.

Khách Bình lại cùng với người Bắc-quốc chuyên nghề địa-lý-học là Trần-Tánh chơi thân nhau, rồi khách Bình hỏi thăm và hay biết một cách đại-lược hiện-tình quân quốc quan dân của triều-đình Trung-ương.

Khách Bình ở nhà Diên-khánh Quận-công được hai tháng, rồi do đường Sơn-nam [tức vùng Nam-dịnh và Hà-nam bây giờ] đi vào Nghệ-an.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Lúc bấy giờ, Lê-thời-Liêu [Trấn-thủ Nghệ-an] thi-hành biện-pháp nghiêm-cấm [38a] rất tinh-mật. Hễ người nào không tới trấn ty xin cấp giấy chiếu-khán tùy-thân, thì không thể nào vào châu Bồ-chánh được.

Đến tháng 9 năm ấy, bọn khách Bình từ Nghệ-an trở về Kinh-đô, rồi do đường cũ lại trở về Bắc đến tỉnh Quảng-đông.

Từ tỉnh Quảng-đông, bọn khách Bình lại do đường biển trở vào Phú-xuân. Đến tháng hai năm Đinh-dậu [tức năm 1717 sau Công-nguyên] thì khách Bình tới thành Phú-xuân.

Tới đây, khách Bình trình đầy-đủ với chúa Nguyễn rằng: Tại triều-đình Trung-ương, vua và chúa đều xét-đoán rất sáng-suốt, lại biết trọng-dụng những bậc nho-tbần. Như Đặng-đình-Tương vốn là người chính-trực thì được làm chức quan Thiếu-phó. Như Nguyễn-Mại chính là kẻ anh-hùng thì được làm chức quan Trấn-thủ.

Vua và chúa lại thường thân-hành thị-duyet những vụ tập đánh trận trên bộ. Hai ngành pháo-binh và thủy-binh đều được luyện-tập có phương-pháp.

Tại Kinh-đô, Ninh Quận-công đề-đốc các viên Thị-mã và Thị-vệ có quân-số dưới cờ rất nhiều.

Tại Đông, Tây, Nam, Bắc bốn đại-trấn [tức Hải-dương, Sơn-tây, Nam-định và Bắc-ninh] cùng với Thanh-hoá đều có kho-làng nhà nước.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Nghệ-an đồn dinh có mười tám Quận-công và mấy viên Đề-đốc có lính đến bảy, tám nghìn người, cùng với ba dinh lớn ở Bồ-chánh có lính đến ba nghìn người.

Cho đến con số chiến-thuyền và binh-sĩ, lương-thực, khách Binh đều trình-bày đầy-đủ và rành-mạch.

Chúa Phúc-Chu phần sợ-hãi, [38b] phần phục tinh, nên âm-mưu dòm-ngó triều-đình Trung-ương bị dập tắt hẳn.

Năm thứ 15 niên-hiệu Vĩnh-thịnh (năm Kỷ-hợi) [tức năm 1719 sau Công-nguyên], tháng 3, chúa Phúc-Chu thân-hành đốc-suất binh-sĩ đi về phương nam thị-sát dinh trấn Quảng-nam, chinh-đốn hàng-ngũ binh-sĩ và ngựa ở đấy.

Năm đầu niên-hiệu Bảo-thái vua Lê Dụ-tông (năm Canh-tý) [tức năm 1720 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Chu khiến viên quan văn là Diên-tường-Nam đi vào Quảng-nam, Quảng-nghĩa, Phú-yên phân chia và thiết-lập các đồn ải tại các nơi ấy.

Năm thứ 2 niên-hiệu Bảo-thái (năm Tân-sửu) [tức năm 1721 sau Công-nguyên], tháng 4, trường thi được mở để tuyển các sĩ-nhân, lấy đậu hạng trúng-cách đến bảy mươi bảy người, nên nghị-luận trong giới sĩ-phu rất bông-bọt, phấn-chấn.

Chúa Phúc-Chu lại đích-thân ra ba đề-mục thi là thơ, phú, tứ-lục tại Chính-dinh [tức dinh Phú-xuân], bấy giờ các sĩ-tử đều không chịu ứng-thí và đều bỏ trường thi, chúa Nguyễn bèn



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

truất tất cả các thi-sinh, không lấy đậu một người nhiều học.

Năm thứ 3 niên-hiệu Bảo-thái (năm Nhâm-dần) [tức năm 1722 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Chu phong cho Diên-tường-nam làm chức Nội-tán coi tất cả mọi việc về quân-sự, minh-dịnh các điều-lệ đề thi-hành.

Năm thứ 6 niên-hiệu Bảo-thái (năm Kỷ-tị) [tức năm 1725 sau Công-nguyên], tháng 4, chúa Phúc-Chu từ trần.

Ngài tại ly được 34 năm, hưởng thọ 51 tuổi, và tự đặt thụy-hiệu là « Đại-nguyên-soái tổng quốc chính Tĩnh-uyên vương ».

Chúa Phúc-Chu có bốn mươi [39a] sáu người con, con trưởng là Phúc-Chú lên nối nghiệp.

Phúc-Chú¹ tự xưng « Tiết-chế thủy bộ chư dinh Thái-phó Đĩnh Quốc-công », và có biệt-hiệu là « Vân tuyên đạo-nhân ».

Năm thứ 7 niên-hiệu Bảo-thái (năm Bình-ngọ) [tức năm 1726 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Chú phái chức Kỳ-lục ở Chinh-dinh [tức Phú-xuân] là Hoà-đức-hầu Nguyễn-đăng-Đệ đi tuần-phủ các phủ trong trấn Quảng-nam.

1. Chúa Phúc-Chú tức Đĩnh Quốc-công Nguyễn Phúc-Chú (1725-1738), biệt-hiệu là « Vân-tuyên đạo-nhân », miếu-hiệu là Túc-tông Hiếu-ninh Hoàng-đế, con trưởng chúa Phúc-Chu. Phúc-Chú ở ly được 13 năm, hưởng thọ được 43 tuổi, an-táng tại lăng Trường-phong.

PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Năm đầu niên-hiệu Long-đức¹ vua Lê Thuần-tông (năm Nhâm-tý) [tức năm 1732 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Chú sai tướng đi đánh nước Cao-miên lấy được đất Sài-gòn rồi thiết-lập châu Định-viễn, dinh Long-hồ.

Năm thứ 4 niên-hiệu Vĩnh-hữu² vua Lê Ý-tông (năm Mậu-ngọ) [tức năm 1738 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Chú tạ thế.

Chúa Phúc-Chú tại lý được 13 năm, hưởng thọ được 43 tuổi, tự đặc thụy-hiệu là « Đại-nguyên-soái tổng quốc chinh Tuyên-đạt vương ».

Sau khi chúa Phúc-Chú tạ-thế rồi, con trưởng của Ngài là Phúc-Khoát lên nối nghiệp.

1. Lê Thuần-tông, huý Duy-Tường, con trưởng vua Lê Dụ-tông, ở ngôi được 4 năm.

Sau khi Lê phế-đế là Duy-Phường bị Trịnh-Giang truất-giáng xuống làm Hôn-đức công, vua Lê Thuần-tông lên ngôi năm Nhâm-tý (1732), lấy niên-hiệu Long-đức.

Tháng 4 năm Ất-mão (1735), Lê Thuần-tông băng.

2. Lê Ý-tông, huý Duy-Thần, con thứ vua Lê Dụ-tông, ở ngôi được 6 năm.

Năm Ất-mão (1735), Lê Ý-tông được Trịnh-Giang lập lên làm vua, lấy niên-hiệu Vĩnh-hữu.

Tháng 5 năm Canh-thân (1740), Lê Ý-tông truyền ngôi cho Hoàng-Điệt Duy-Diêu, con Lê Thuần-tông, tức Lê Hiến-tông.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Chúa Phúc-Khoát¹ tự xưng «Tiết-chế thủy bộ chư dinh Thái-phó Hiều Quốc-công», lại có biệt-hiệu «Từ-hàng [39b] đạo-nhân».

Lúc này, trai gái trong đất nước đều theo thê-chế y-phục của Bắc-quốc.

Năm này là năm thứ 5 Hoàng-thượng Cảnh-hung (năm Giáp-tý) [tức năm 1744 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Khoát nghe nói tại triều-đình Trung-ương, hoạ binh-đạo đã kéo dài luôn mấy năm, nên chúa bỗng nảy sinh lòng tự tôn tự đại.

Lúc bấy giờ có điếm «ưu-đàm khai hoa» là cây sung nở hoa, chúa mới ngỏ lời khéo-léo với kẻ nhân-thần là Hương-danh-hầu Nguyễn-đăng-Thịnh, đề người này suất các bầy tôi dâng sách xin chúa mạnh-dạn tiến bước lên tiếm hiệu xưng vương.

Trong bản sách dâng lên chúa Phúc-Khoát, khuyên-lon chúa tiến lên, có nói mấy câu như sau :

1. Chúa Nguyễn Phúc-Khoát tức Võ-vương Nguyễn Phúc-Khoát (1738-1765), con trưởng chúa Nguyễn Phúc Chú, miếu-hiệu là Thế-tông Hiều-võ Hoàng-đế.

Năm Mậu-ngọ (1738), chúa Phúc-Khoát lên nối nghiệp, tại lỵ được 27 năm, hưởng thọ được 52 tuổi, an-táng tại lăng Trường-thái.

Trên đây chép: biệt-hiệu chúa Phúc-Khoát là «Từ-hàng đạo-nhân». Nhưng sách Hoàng-Việt giáp-tý niên-biêu lại chép: «Từ-tế đạo-nhân». Vậy không biết sách nào chép đúng?



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

「正名分于一國維新之始
興禮樂于百年積德之餘」

« Chính danh-phận vu nhứt quốc duy-tân chi thủy ;
Hưng lễ-nhạc vu bách niên tích đức chi dư ».

Xin tạm dịch :

« Bắt đầu một nước duy-tân, danh-phận đến hồi chính thuận.
Đã ngoài trăm năm tích đức, lễ-nhạc đến lúc chấn-bưng ».

Trong bản sách ấy lại nói :

« Dĩ thất thập lý chi cương-vũ, tự khai huyền-điều chi cơ ;
Thần tam thiên lý chi dư-dồ, thượng tiên hoàn-khuê chi vị ».

Xin tạm dịch :

« Lấy bảy mươi dặm cõi-bờ, còn tự mở nền huyền-điều ¹ ;
Huống ba nghìn dặm đất nước, há lại dậm vị hoàn-khuê ² ».

1. Tích xưa : Bà Giản-dịch đi cầu tự ở đền Cao-môi ; thấy trứng chim huyền-điều, bà nuốt trứng ấy rồi có thai sinh ra ông Tiết là ông Tô nhà Ân tức nhà Thương.

2. Hoàn-khuê : theo sách « Khảo-công ký » là ngọc mệnh-khuê chín tấc. Những người được phong tước công mới được giữ ngọc hoàn-khuê. Vậy vị Hoàn-khuê là vị tước công, chứ không phải vị quốc-vương, vị hoàng-đế.

Qua mấy câu kể trên, người ta có ý nói : Chúa Nguyễn Phúc-Khoát nên xưng Vương-hiệu, đừng do-dự nữa.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Nói như trên là người ta đã tôn-xưng, tướng-lệ chúa Phúc-Khoát đến hết lời, cực-điểm.

Nguyên trước kia, họ Nguyễn nối đời làm công-thần nhà Lê; lại đã qua bao thế-đại [40a] làm lĩnh-thần [quan tốt, giỏi] được nhân-dân tôn-xưng làm chúa.

Nhưng lúc mới lên nối nghiệp, các chúa Nguyễn chỉ tự xưng chức «Thái-bảo Quận-công» mà thôi. Rồi sau vài năm, các bầy tôi mới suy-tôn các chúa lên tước «Thái-phó Quốc-công».

Về việc phong sắc bao-tướng cho trăm vị thần-linh, thì chúa Nguyễn chỉ dùng chức «Tiết-chế các xứ thủy bộ dinh» Thái-phó. Dưới những chữ «tả hữu Thái-phó mộ vị chuẩn thư», người ta đóng ấn «Tổng-trấn tướng-quân».

Các bầy tôi và nhân-dân có trình-bày điều gì với các chúa, thì dùng chữ «thần» [thay vì chữ tấu đối với vua], rồi được chúa châu-phê [phê bằng son] giao-phó thi-hành.

Toà nhà chúa ở thì gọi là phủ.

Nhà thờ các Tồ-tiên của chúa thì gọi là Tì-đường.

Các chúa, sau khi đã tạ thế, mới được truy-tặng vương-hiệu.

Vợ các chúa được gọi là «Chính phu-nhân», và sau khi đã mệnh-một, vợ chúa mới được truy-tặng «Thái phu-nhân».



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Con các chúa được gọi là « Công-tử ». Và « Đại Công-tử » cũng chỉ được phong tước hầu mà thôi.

Còn các quan-viên, lại-thuộc trong họ của chúa, mặc dầu được chúa rất tin dùng, lúc sinh-thời, cũng chỉ được làm chức Chưởng-dinh hay Chưởng-cơ, và cũng chỉ được phong đến tước hầu mà thôi. Rồi sau khi đã từ-trần, các vị ấy mới được truy-tặng võ-chức « Quận-công » [40b].

Đến đây, chúa Phúc-Khoát mới tiến vị xưng vương, và đúc ấn quốc-vương.

Chúa Phúc-Khoát lại truy-tôn :

Tổ là Nguyễn-Kim lên Vương-hiệu ;

Tổ là Nguyễn-Hoàng làm Gia-du đại-vương ;

Chúa Phúc-Nguyên làm Hiếu-văn-vương ;

Chúa Phúc-Lan làm Hiếu-chiêu-vương ;

Chúa Phúc-Tần làm Hiếu-triết-vương ;

Chúa Phúc-Trần làm Hiếu-nghĩa-vương ;

Chúa Phúc-Cbu làm Hiếu-minh-vương ;

Chúa Phúc-Chú làm Hiếu-ninh-vương...

Chúa Phúc-Khoát lại đổi :

Chữ « Thân » làm chữ « Tấu » ;

Phủ chúa ở làm « Điện » ;

và phong cho thân-tộc làm Quận-công ;

Đồng thời chúa Phúc-Khoát cũng đổi :

Chức Ký-lục làm Lại-bộ ;



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Chức Vệ-úy làm Lễ-bộ ;

Chức Đô-tri làm Hình-bộ ;

Chức Cai-bộ phó đoán sự làm Hộ-bộ.

Chúa lại đặt thêm Binh-bộ và Công-bộ ;

và cải văn-chức làm Hàn-lâm-viện.

Nhưng chúa Phúc-Khoát vẫn còn dùng chữ « thị phó » hoặc chữ « lĩnh truyền » [thay vì chữ Sắc-tứ là chữ vua dùng], cũng không sách-lập « phi » và « thế-tử » như các bậc đế-vương.

[41a] Thiếp lớn của chúa chỉ được xưng « tả hành-lang », còn các thiếp khác đều được gọi « hữu hành-lang ».

Con trưởng của chúa vẫn được xưng « đại công-tử », ngoài ra thì cứ xưng « công-tử » thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu...

Tuy sáu Bộ được thiết-lập đầy-đủ, nhưng chúa Nguyễn Phúc-Khoát vẫn khiến các vị nhân-thần chia nhau quản-lãnh các Bộ. Và sau khi đã tạ thế, các vị ấy chỉ được truy-tặng chức « Thiêm-sự » cùng chức « Tham-chánh » mà thôi. Như vậy là chúa Phúc-Khoát vẫn còn noi theo lệ cũ.

Năm thứ 14 niên-hiệu Cảnh-hưng¹ vua Lê Hiến-tông (năm

1. Lê Hiến-tông, huý Duy-Diêu, con trưởng vua Lê Thuần-tông, ở ngôi được 47 năm, tại vị lâu năm nhất trong hàng Đế-vương nước ta.

Năm Canh-thàn (1740), vua Lê Hiến-tông lên ngôi, lấy niên-hiệu Cảnh-hưng và đến năm Bình-ngọ (1786), Ngài mới băng-hà.

Trong 47 năm trị vì, vua Lê Hiến-tông không hề cải nguyên.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Quý-dậu) [tức năm 1753 sau Công-nguyên], mùa đông, chúa Phúc-Khoát khiến chức Cai-đội Thiện-chánh-hầu làm chức Thống-suất [cũng như Nguyễn-soái] và Ký-lục Nghi-hiều-hầu Nguyễn-cư-Trình làm chức Tham-mưu, đồng thời xuất binh đi đánh nước Cao-miên.

Năm thứ 15 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng (năm Giáp-tuất), [tức năm 1754 sau Công-nguyên], mùa đông, quân chúa Nguyễn được chia ra làm hai đạo, Nguyễn-cư-Trình đốc-suất đạo cơ-binh do con sông phía đông tiến vào nước Cao-miên. Đạo quân này đi đến đâu cũng được nhân-dân lướt theo như ngọn cỏ bị lướt theo cơn gió. Bốn phủ thuộc nước Cao-miên là Xuy-lạp, Tầm-đôn, Ba-cầu và Nam-vang đều đầu-hàng quan quân chúa Nguyễn cả.

Đạo quân này lại do đường Tàn-lê đi về phía Bắc đến con sông Đại-giang, bỏ về phía Nam thì gặp đạo quân Thiện-chánh-hầu, rồi hai đạo quân hội đóng ở xứ Lê-Yêm [41b] thuộc nước Cao-miên. Tướng-quân khác là Chấn-long-hầu được phái đến phủ Trầm-trị-Tiêm chiêu-hồi và dụ-dỗ bọn Côn-Man ở Thuận-thành làm nội-ứng cho quan quân. Vua nước Cao-miên là Ong-Nguyên phải chạy trốn vào phủ Tầm-trị-thu.

Lúc bấy giờ, tại triều-đình Trung-ương, Nghị-tổ Ân-vương Trịnh-Doanh đương lâm ngự. Ân-vương vừa dẹp yên bọn Nguy-Cầu [tức Nguyễn-hữu-Cầu] cùng các đảng cướp và làm phản khác, nên đất nước được bình-định, oai-phong, tiếng-tấm họ Trịnh lừng-lẫy đến tận cõi đất xa-xôi.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Chúa Nguyễn Phúc-Khoát nghe nói người Cao-miền đến Nghệ-an xin cầu-viện, nên chúa sợ triều-đình Trung-ương nhân đó mà động binh. Chúa mới sai người báo với các viên tra-trưởng [kẻ coi thuyền bè] hai xứ Võ-xương và Tầm-sâm, do đường núi thông với Cao-miền sai bọn người Man thám-thính tình-hình nước ấy.

Nếu tại Kinh-đô có cuộc phát binh đi cứu-trợ nước Cao-miền, cùng với nước Ai-lao có cuộc viện-binh như thế nào, thì bọn người Côn-Man phải gấp-rút báo-cáo thật tình cho chúa biết.

Năm thứ 16 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng (năm Ất-hợi) [tức năm 1755 sau Công-nguyên], Thiện-chánh-hầu rút quân về đóng ở Mỹ-tho, rồi sai bọn lính Côn-Man ở Thuận-thành [42a] đem xe cộ từ xứ Kha-tông xuống đóng đồn ở xứ Bình-thanh. Định-tráng Côn-Man hơn một vạn người đến xứ Vô-tà-ân, rồi cả vạn người Cao-miền đến đuổi.

Bọn Côn-Man đi đường mỗi-mệt, bèn kết xe-cộ làm lũy để chống cự lại người Cao-miền.

Nguyễn-cư-Trình tự đốc-suất năm đội quân đi gấp-rút đến tăng-viện cho bọn Côn-man. Người nước Cao-miền không dám đánh, bèn đón rước hơn ba vạn trai gái người Côn-Man đến trú-ngụ dưới chân núi Chiêng-bà-đình.

Nguyễn-cư-Trình làm tờ khải trình lên chúa Nguyễn đại ý nói Thống-suất Thiện-chánh-hầu không chịu đưa quân đến cứu-viện... Nhưng Thiện-chánh-hầu trước đó đã gửi tờ trình lên



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

chúa Nguyễn nói Nguyễn-cư-Trình tự ý xuất quân, không cho Thiện-chánh-hầu biết...

Chúa Phúc-Khoát cả giận, sai người triệu cả Thiện-chánh-hầu và Nguyễn-cư-Trình về tra hỏi, rồi phái Du-chính-hầu thay làm tướng-quân, truất Thiện-chánh-hầu xuống làm chức Cai-đội.

Bọn người Côn-man đã qui-phụ nước ta, chúa Nguyễn sai tướng-sĩ đi đánh lấy phủ Ba-cầu và phủ Nam-vang, rồi giết tên Ốc-nha-Số người Cao-miên, nên vua Cao-miên [Ong-Nguyên] rất đỗi sợ-hãi.

Lúc bấy giờ, Tổng-binh ở trấn Hà-tiên [42b] là Mạc-thiên-Từ¹ xin tạ tội với chúa Nguyễn Phúc-Khoát.

Năm thứ 17 niên-hiệu Lê Cảnh-bưng (năm Bính-tý) [tức năm 1756 sau Công-nguyên], Ong-Nguyên đem đất hai phủ Tâm-đôn, Xuy-lạp cống-hiến cho nước ta, và xin chúa Nguyễn phong cho Ong-Nguyên làm vua nước Cao-miên. Đồng thời Ong-Nguyên cũng xin bồi-hoàn lễ cống-hiến mà ba năm trước còn thiếu, để tạ tội.

Chúa Phúc-Khoát không chấp-nhận lời thỉnh-cầu của Ong-Nguyên, và trách-cứ Ong-Nguyên phải bắt cho được hai tên loạn-thần là Chiêu-truy-ếch, Triền-tốt dâng lên Chúa.

1. Mạc-thiên-Từ, trong lúc làm Tổng-binh, giao-du thân-mật với Nguyễn-cư-Trình. Hai bên gửi giấy tờ văn thư qua lại với nhau rất nhiều.



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Vua Cao-miên phúc-trình đã phục pháp báo cho bọn ấy rồi, nhưng chúng nó không chịu nghe theo. Chúa Nguyễn lại sai bắt giải nạp vợ con hai tên ấy. Nhưng vua Cao-miên lại lấy cớ chúng nó đã trốn đi tới một nơi khác xa-xòỉ rồi.

Năm thứ 18 niên-biêu Lê Cảnh-hung (năm Đinh-sửu) [tức năm 1857 sau Công-nguyên], vua Cao-miên là Ong-Nguyên từ trần.

Chú họ Ong-Nguyên là Ong-Giòng quyền-nhiếp việc nước.

Các tướng xin nhân cơ-hội này sách-lập Ong-Giòng lên làm vua nước Cao-miên cho tiện. Nhưng chúa Phúc-Khoát không cho.

Chúa Nguyễn còn có ý muốn lấy cho được đất Trà-vinh và đất Ba-thắc, nên phải bạo-động dùng binh-lực luôn mấy năm liền.

Bỗng có rêu Ong-Giòng là Ong-Hinh tranh lập làm vua Cao-miên. Ong-Hinh mới xin thụ-phong với chúa Nguyễn. Ong-Tôn bèn chạy tới vùng Hà-tiên.

Các tướng như Du-chính-hầu mới chia thành bảy đạo quân tiến đánh Cao-miên.

[43a] Ong-Hinh chạy đến đất Tâm-trị, thì bị tên Ốc-nha-Chú giết chết.

Du-chính-hầu tiến quân vào đất Nghi-tâm-trị-long để khiến Ong-Tôn quyền-thự việc nước Cao-miên.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Bấy giờ, bọn Ốc-nha-Chú hiến đất Nam-vang cho ta để tạ tội đã giết Ong-Hinh.

Du-cbinh-bầu đem quân trở về, đóng đồn tại dinh Long-hồ trấn giữ.

Năm thứ 25 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng (năm Giáp-thân) [tức năm 1764 sau Công-nguyên], nguy Mật tức Lê-duy-Mật¹ chiếm

1. Lê-duy-Mật, con vua Lê Dụ-tông, là người chống họ Trịnh kịch-liệt. Năm Mậu-ngọ (1738) Lê Duy-Mật cùng với triều-sĩ là Phạm-công-Thế, Vô-Thước âm-mưu phóng-hoả đốt kinh-thành, giết họ Trịnh và đả-đả phái họ Trịnh.

Âm-mưu bị tiết-lộ, Lê Duy-Mật chạy vào Thanh-hoá, khởi binh ở đấy. Năm 1749, Lê Duy-Mật dẫn binh tấn-công vùng Sơn-nam (tức Hà-nam, Nam-định), rồi trở về tỉnh Nghệ-an chiếm-cứ thành Trấn-ninh, và đóng binh dọc theo dãy núi Trinh-quang. Bên ngoài, Lê Duy-Mật thiết-lập 16 đồn binh canh-phòng.

Tất cả các miền Thượng-du thuộc các tỉnh Thanh-hoá, Hưng-hoá cho đến một giải Thượng-du thuộc về Ai-lao và các Man đều ở dưới quyền kiểm-soát của Lê Duy Mật. Trịnh-Sum khiến Bùi-thế-Đạt trấn-phủ Nghệ-an và Nguyễn-Phan tiến binh tấn-công Lê Duy-Mật ở miền Thượng-du Hương-sơn, Lê Duy-Mật bị thua chạy về Trấn-ninh.

Năm Kỷ-sửu (1769), Bùi-thế-Đạt và Nguyễn-Phan tiến binh tấn-công Duy-Mật tại Trấn-ninh.

Sang năm sau (năm Canh-dần — 1770), Bùi-thế-Đạt và Nguyễn-Phan đánh thẳng vào đồn Lê Duy-Mật ở, Lê Duy-Mật tự thiêu chết.

Lê Duy-Mật khởi binh chống triều-đình và họ Trịnh trước sau cộng 35 năm.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

cứ thành Trấn-dinh, rồi khiến người đến dinh Ai-lao cầu thông-hiểu với triều-dinh miền Nam. Nhưng chúa Phúc-Khoát cự tuyệt không chịu nghe lời Duy-Mật. Chúa có đưa tiền ăn đường cho sứ-thần là hai mươi lượng bạc để trao cho Duy-Mật.

Năm thứ 26 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng (năm Ất-dậu) [tức năm 1765 sau Công-nguyên], chúa Phúc-Khoát tạ thế.

Chúa Phúc-Khoát tại ly được 27 năm, hưởng thọ được 51 tuổi, tự đặt thụy-hiệu là « Càn cương uy đoán thần nghị thánh du nhân từ duệ tri hiếu võ-vương ».

Con trưởng của Phúc-Khoát là Phúc-Thăng đã mất sớm. Hoàng-tôn là Phúc-Dương đương còn thơ-ấu. Còn con thứ của chúa Phúc-Khoát tên là Chưởng-Vụ đã ngoài hai mươi tuổi.

Chưởng-Vụ, do lời di-chức của thân-sinh, đã được quan « Nội-tả » [43b] là Ý-đức-hầu bảo-dưỡng. Ý-đức-hầu lại khiến Chưởng-Vụ thường cùng các tướng hội-hợp, bàn-bạc mọi việc quan.

Bấy giờ, Chưởng-Vụ muốn được sách-lập lên nối nghiệp chúa. Nhưng sau khi chúa Phúc-Khoát từ trần, Thái-giám Trừ-đức-hầu cùng với Quốc-phó Ngoại-tả Đạt Quận-công Trương-phúc-Loan lại âm-mưu giả-tạo tờ di-chức lập con út là Phúc-Thuần.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Trử-đức-hầu và Đạt Quận-công Trương-phúc-Loan bắt Chương-Vụ bỏ tù, và giết Ý-đức-hầu.

Mẹ Phúc-Thuần là Nguyễn-thị-Ngọc-Châu, bà là con gái của Dân Quận-công chú Trương-phúc-Loan.

Mới mười hai tuổi đầu, Phúc-Thuần đã được lập lên nối nghiệp chú.

Phúc-Thuần tự hiệu là « Khánh-phủ đạo-nhân », lại còn có tên khác là Phúc-Hân.

Chúa Phúc-Thuần, trong lứa tuổi nhi-đồng, còn ham chơi, cợt-diệu, hát, múa, nên mọi việc trong nước, chúa đều chuyên tin-nhiệm Trương-phúc-Loan.

Bấy giờ Trương-phúc-Loan tha-hồ bán quan trước, bán ngục tù, xử-đoán việc binh-luật rườm-rà, bắt dân-chúng đóng-góp sưu thuế rất nặng.

Trương-phúc-Loan có người chú mà Loan không ưa nên vu-cáo cho tội « tư tạo binh khí » là tội tự chế-tạo đồ binh-khí, rồi bắt chú giam-cầm.

Lúc bấy giờ, Nguyễn-văn-Nhạc [44a] nhà Tây-sơn xưng loạn.

Nhạc lừa dân-chúng làm lính rồi chiếm cứ hai xứ Qui-nhơn và Quảng-nghĩa.

Tại hai xứ này, nhân-dân thừa hưởng bình-yên đã lâu



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

ngày. Trương-sĩ chỉ ngồi ăn không, chưa hề trải qua chiến-trận bao giờ. Nay nghe nói nhà nước sai đi đánh giặc, phần nhiều đều run-rẩy sợ-hãi, chỉ cầu sao cho khỏi phải đi lính đánh trận là được.

Trương-phúc-Loan mỗi lần nhận của hối-lộ rồi cho người cải sai [đổi công-tác sai-dịch]. Đến sau, có những người bị bắt làm sai-dịch họ yêu-cầu cho người khác thay-thế họ không được, lại sinh lòng oán-hờn, giận-dữ Trương-phúc-Loan. Rồi mỗi khi lâm chiến-trận, họ đều bỏ chạy.

Trương-phúc-Loan không thể nào lấy pháp-luật mà ràng-buộc người ta mãi-mãi, nên cứ bị thua trận nhiều lần.

Nguyễn-văn-Nhạc đánh phá dinh Quảng-nam. Những khách buôn vô-lại cũng đều nổi lên hưởng-ứng tiếp tay Nguyễn-văn-Nhạc, nên khắp trong đất nước, đâu đâu cũng bị tao-loạn và náo-động.

Trương-phúc-Loan lại vu-cáo cho người anh chúa Phúc-Thuần là Văn-đức-hầu âm-mưu làm phản chống-đối triều-đình.

Sau đó vài tháng, Văn-đức-hầu bỏ trốn đến châu Nam Bố-chánh. Trương-phúc-Loan bắt được Văn-đức-hầu điệu về, rồi dìm Văn-đức-hầu xuống sông Tam-giang. Người đời bấy giờ, ai ai cũng đều cho Văn-đức-hầu bị chết một cách oan-uổng.

Lúc bấy giờ, ở Thuận-hoá, luôn mấy năm mất mùa đói



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

kém ; nhà nước phải xuất-phát lúa kho chần-cấp cho dân đói không ngừng, còn quân-sĩ và nhân-dân thi ly-tán và sinh lòng hoang-mang, lung-chừng.

Niên-hiệu Cảnh-hung năm thứ 35 | 44b | (năm Giáp-ngọ) [tức năm 1774 sau Công-nguyên], Trấn-thủ Nghệ-an là Đoan Quận-công Bùi-thế-Đạt chuyển đệ tờ trình của tướng giữ đồn Bồ-chánh là Trà-võ-bá, đại lược nói : « Hiện thời tình-hình Quảng-nam rối loạn. Triều-đình đã bình-định xong Hưng-hoá, khắc-phục được Trấn-ninh, quốc-đô chúng ta rất phồn-thịnh. Nay Vương-thượng đã soi tỏ, biết họ Nguyễn đến hồi suy-vi hèn-yếu. Cơ-hội hiếm-hoi này không nên bỏ qua. Vạy xin triều-đình quyết-định sách-lược để chinh-thảo quân-dịch... ».

Triều-đình lập-tức phái Đại-tư-đồ quốc-lão là Việp Quận-công Hoàng-ngũ-Phúc làm chức quan « kiêm Thống-suất binh Nam thượng tướng quân »; còn Đoan Quận-công làm chức quan « kiêm đốc-suất binh Nam đại tướng quân » thì đi kinh-lược trước. Việp Quận-công đem ba vạn quân trú đóng ở xứ Cầu-Dinh.

Việp Quận-công đưa thư chiêu-dụ địch-quân đại-đề nói : « Triều-đình vốn có thành-ý cấp-cứu và viện-trợ nhân-dân ở miền này »...

Phúc-Thuần chưa chịu qui-thuận triều-đình, nhưng cũng không lo phòng-bị lâm-chiến.

Tháng 11 năm này, Vương-thượng [tức chúa Trịnh-Sum]



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

tấu-tri đức Hoàng-thượng [45a] làm lễ kính-cáo tại Giao-đàn và nhà thờ Tôn-miếu để thân-ngự dẫn sáu sư¹ đi đánh phương Nam.

Hoàng-thượng xuống Chi-dụ khắp nước, đại ý nói : Hai xứ Thuận-hoá, Quảng-nam giáp-giới với chốn hải-tần. Năm trước, tướng Trấn-thủ là Phúc-Nguyên cậy mình được đóng ở một nơi hiểm-hóc, xa-xôi, dám giữ lấy quân-nhân và dân-chúng riêng, không chịu triều-yết.

Rồi đến giòng-dõi Phúc-Nguyên là Phúc-Tần đóng kín cửa quan-ải, chống lại mệnh-lệnh của triều-đình.

Trải qua mấy triều trước, về việc tiêu phủ, triều-đình đều dùng sách-lược ràng-buộc đối với họ Nguyễn, ngộ hầu triều-đình có thể đóng quân ở Kỳ-hoa, và bày đồn ở Bỗ-chánh.

Trẫm'ngĩ treo cao cờ mao ở cửa Ải Hải-vân, và cho ngựa uống nước ở con sông Bình-giang, thế chưa nên lợi-dụng, thời còn có thể đợi-chờ.

Nay Trẫm nổi noi công-nghiệp lớn, lo mở mưu đồ xưa; nhưng Trẫm chỉ nghĩ bốn phương mới được tạm yên, trăm họ chưa được giàu-có, nên Trẫm chỉ muốn hưu-dưỡng, không muốn động binh.

1. Theo phép nhà binh ngày xưa thì mỗi sư có 2.500 người. 6 sư có 15.000 người.

PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Nhưng mà tên nguy trẻ con là Nguyễn Phúc-Thuần đã ương-hèn dốt-nát, còn nguy quốc-phó là Trương-phúc-Loan thì mặc sức chuyên-quyền thao-túng. Chính-trị [45b] đã hà-khắc, sưu thuế lại nặng-nề. Man-khẩu từng mấy bận xâm-lãng, nhân-dân chịu trăm phần khổ-nhiều.

Nay đây chính là cơ-hội phải đánh đũa ương-hèn, ngu-muội, và trừng-trị bọn phản-loạn khinh-nhờn đến nỗi diệt-vong vậy.

Trẫm đặc-mệnh cho Việc Quận-công đốc-suất các tướng-sĩ đi tuần-hành biên-giới. Trẫm lại còn cho phổ-biến rộng-rãi bài văn bá-cáo đề toàn-thể quốc-dân đều hay.

Sở-dĩ Trẫm ân-cần mở lời chiêu-dụ như vậy là Trẫm mong cho chúng nó biết cải-quá, tỉnh-ngộ, thì Trẫm liền mở lòng thương-xót khoan-dung, cốt làm cho tấm lòng nhu-viễn¹ của triều-đình được sáng tỏ, và đức hiếu-sinh của Tạo-hoá được thấm nhuần khắp nơi vậy.

Kìa chúng nó quá đỗi chấp-mê, không chịu giác-ngộ, là vì chúng cố bùng-bit, che-đậy tội-lỗi quá sâu. Biến-đổi, đối-trá trăm khoan, tội chúng không thể nào dung-thứ được nữa.

1. Nhu-viễn là làm cho những người ở chốn xa-xôi qui-phục.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Ấy cho nên Trẫm phải thân-hành chinh-đốn su-đồ, đề thi-hành công việc trừng-phạt chúng nó.

Trẫm phân mệnh các tướng đến thẳng Ô-châu, rồi tùy theo thời-thế, ứng-dụng cơ-mưu, tuyên-bố thịnh-đức của triều-đình đối với nhân-dân trăm họ.

Các người hãy giết tên nhỏ bé cường-lương bội nghịch kia [ám-chỉ Nguyễn Phúc-Thuần] và cứu sống những lưu-dân đang nghiêm-ngị trông chờ thương-cấp.

Trẫm chuẩn cho các phủ huyện trong hai xứ này nguyên thuộc bản-đồ đất nước ta, [46a] lâu ngày đã bị trầm-luân ở cõi khác hơn một trăm năm nay :

Nay Hoàng-thiên mở thời-kỳ sum-hợp cho dân ta, và Tò-tiên ban hạnh-phúc an-ninh cho dân-tộc ta đó !

Vậy nên khiến tiếng-tấm quân-nhân đi đến nơi đâu, là hang cùng ngõ hẹp cũng đều được vui-vẻ như cảnh ngày xuân tươi tốt !

Giáp đường đều có mo côm bầu nước của quân-nhân, thì kim-thành thang-tri hết hiểm ; khắp núi đều có lưới bủa bẫy giăng của liệp thủ, thì chim kiêu muông cảnh sẽ cùng đường. Lẫy-lừng võ-liệt đến trời cao ; thắm-thía nhân-thanh cùng biển rộng. Đó là dòng-dõi sót của họ Nguyễn bị bắt vậy.

Nhưng Trẫm cũng vẫn thương họ Nguyễn từng có những vị thế-thần có nhiều huân-nghiệp, nên không nỡ truy-cứu



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

những lầm-lỗi đã qua, mà còn thêm phần bảo-tồn và phủ-uyý giòng họ ấy, để cho họ được sinh-sống an-toàn...».

Vương-thượng lưu-trú ở Cầu-Dinh để chỉ-dẫn và giao-phó các phương-pháp sách-lược.

Vương-thượng ra lệnh cho Việc Quận-công [tức Hoàng-ngũ-Phúc] phải tiến quân qua đò sông Gianh đến đất Cao-lao.

Đồn-tướng là Xu-chính-hầu đón-rước mệnh-lệnh triều-đình. Còn trấn-thủ Bỗ-chánh Tiệp-tài-hầu thì bỏ thành chạy trốn mất dạng.

Tướng giữ luỹ Trấn-ninh tự ra đầu-hàng. Còn các tướng-sĩ, lại-thuộc, quân-nhân và nhân-dân | 46b | ở đấy đều đem nhau qui-thuận triều-đình cả.

Trấn-thủ đạo Lưu-đồn Trường-lộc-hầu cũng như Trấn-thủ Quảng-bình Kiêm-minh-hầu đều những người tuổi già sức yếu. Bao nhiêu binh-lính thuộc quyền hai người ấy trước kia đã được chuyển đến Quảng-nam. Số còn lại không thể thành quân-ngũ cũng đều đầu-hàng và qui-phụ triều-đình trung-ương cả.

Việc Quận-công noi theo luỹ Trường-dục đi về hướng Tây-Nam đến Trạm-cung bắt được một kho chứa-đựng một trăm bốn mươi vạn bát lúa.

Còn các tướng-sĩ ở Cát-dinh cũng đều ra qui-thuận quan quân cả.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Từ Khang-lộc đến Hải-lăng có năm, sáu huyện, từ quan đến dân, từ lớn đến nhỏ đều tới bái-yết trước cửa quan đông người như chợ họp, không một ai dám chống lại mệnh-lệnh Việp tướng-công cả.

Việp Quận-công tuý phương trấn-phủ nhân-dân, nghiêm-cấm hợn cướp-bóc. Quân-lệnh trang-nghiêm, nên người người đều hoan-hô, chúc-mừng, ai nấy đều an-cư sinh-nghiệp.

Đại-quân của Việp Quận-công trú đóng tại bến sông xã Hồ-xá thuộc huyện Minh-linh [nay là phủ Vĩnh-linh thuộc tỉnh Quảng-trị].

Tại đây Việp Quận-công sai người vào dụ-dỗ Nguyễn Phúc-Thuần. [47a] Thành Quận-công họ Nguyễn là Nguyễn-Huống cùng tay chân bè-lũ đều lập mưu bắt Trương-phúc-Loan hiến cho Việp Quận-công để thư tai-nạn phần nào. Còn quân-nhân và nhân-dân Thuận-hóa đều vui mừng, đem nhau đến phá-phách và cướp-bóc nhà Trương-phúc-Loan. Họ giết chết người anh của Trương-phúc-Loan là Sinh-đức-hầu.

Phúc-Thuần khiến Tham-mưu là Lê-công-Bình giải Trương-phúc-Loan do đường thủy đến dinh Việp Quận-công, đồng thời dâng bản tấu-văn khẩn-khoản xin tiến 800 lượng vàng lên triều-đình, và đưa tặng Việp Quận-công 200 lượng.

Phúc-Thuần lại xin kính nạp bản-đồ cùng sổ-sách và xin dâng lễ cống-hiến lên Lê-hoàng.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Các điều mà Phúc-Thuần khẩn-thiết yêu-cầu chưa được Việp Quận-công phúc-đáp, thì viên Cai-đội của Phúc-Thuần là Tô-Nhuận đã nói: «Lần này quan quân triều-đình đến đây không đông-đúc cho lắm. Thống-tướng thì bận áo bào vải xanh, còn quân-sĩ thì áo quần tẻ-lậu. Như thế, tất nhiên không phải là đại-quân».

Bởi vì tục quen ưa-chuộng phù-mĩ, xa-xỉ, do đó mà sinh lòng khinh địch, Phúc-Thuần bèn cho xuất binh cự chiến với quan quân.

Ngày mùng 7 tháng 12 năm ấy, sau khi đã qua khỏi sông Độc-giang, đến các xã Lương-phúc và Diên-sinh, [47b] Việp Quận-công sai Trần-lĩnh-hầu Nguyễn-đình-Khoan đốc-suất đạo hậu-quân, Thạc-võ-hầu Hoàng-phùng-Cơ làm tiên-phong đón đánh địch quân. Quan quân triều-đình chém đầu và bắt sống quân địch không biết bao nhiêu mà kể.

Ngoài ra, quan quân còn bắt của địch hơn ba mươi con voi và hơn một trăm con ngựa.

Thủy-quân địch ra dự-chiến ở sông Độc-giang cũng bị đại bại.

Việp Quận-công tiến quân noi theo đường núi cốt đánh cướp lấy đất Thác-ma và Thác-trầm, để làm cầu nổi qua miền thượng-lưu sông Bái-đáp.

Phúc-Thuần không còn xuất-phát quân-sĩ nữa.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Sau 28 ngày cầm-cự, Phúc-Thuần vội-vàng bỏ cung phủ, chở vàng bạc, của-cải, châu-báu xuống thuyền.

Phúc-Thuần cùng với hơn một trăm thân-binh chạy vào cửa biển Tư-dung [nay là cửa biển Tư-hiền].

Việp Quận-công bố-trí, phân-công-tác cho các tướng, khiến Tiên-phong Hoàng-đình-Thề đi trước án giữ bốn cửa thành Phú-xuân, và niêm-phong tất các kho-tàng của chúa Nguyễn.

Niên-hiệu Cảnh-hung Lê Hiền-tông năm thứ 36 [48a] (năm Ất-vị) [tức năm 1775 sau Công-nguyên], ngày mùng 3 tháng giêng, đại-quân Việp Quận-công ồ-ạt tiến vào thành Phú-xuân.

Người họ Nguyễn như Triêm Quận-công và Thăng Quận-công cùng với hơn một trăm người nữa đều qui-thuận triều-đình cả.

Các quan văn võ cùng các tướng-hiệu, các lại-thuộc ở thành Phú-xuân đều đón rước đại-quân và xin đầu hàng.

Việp Quận-công tuyên-bố ý chỉ của triều-đình đề phủ-du uỷ-lạo những người đã qui-hàng, yết bảng chiêu-an kêu gọi địch quân hồi-chánh.

Các quan-lại, các thân-sĩ và toàn-thể nhân-dân ở Phú-xuân đều được yên-ôn vững-bền như ngày trước.

Các chợ búa ở thành Phú-xuân đều không phải thay-đổi cửa hàng. Nhân-dân cả địa-phương [tức Phú-xuân] đều cảm-phục, hân-hoan: « Không ngờ đã hơn hai trăm năm lại đây,

PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

bây giờ chúng ta lại được thấy nghi-vệ áo mào của triều-đình!

Việp Quận-công khiến Hoàng-đình-Thê đuổi theo cho kịp Nguyễn Phúc-Thuần. Phúc-Thuần liều bỏ thuyền chạy, trèo gấp qua núi Hải-vân, rồi vào ẩn trong một ngôi chùa trên núi đến ba ngày. Các người tùy-tùng Phúc-Thuần đều phân-tán mất dạng. Quan quân tranh nhau lấy vàng ngọc của Phúc-Thuần, nên không đuổi theo Phúc-Thuần cho đến cùng đường.

Phúc-Thuần chạy vào cửa biển Cầu-đê Quảng-nam, rồi vào ở nhà Tả tướng-quân là Nguyễn-hữu-Du.

Vương-thượng [chúa Trịnh-Sum] sai Việp Quận-công kiêm lãnh chức Trấn-thủ xứ Thuận-hoá.

Việp Quận-công cho khai-thông các đường-sá và các dịch-trạm, san bằng các lũy cũ Bồ-chánh và Khang-lộc, [48b] chuyên-chở gạo thóc do đường biển hay đường kênh đến cấp-phát cho quân-nhân.

Việp Quận-công còn nghiêm-cấm các vụ cướp-bóc, cướp giựt, khoan hạn đặng nạp hay tha hẳn thuế tô, ân-cần hỏi-han thăm-viếng những người tật-nguyên khổ-sở. Việp Quận-công còn thâu-dụng những kẻ có tài-năng đức-vọng, và tạm thời lấy người Thuận-hoá làm chức quan Huyện-linh [tức Tri-huyện].

Còn những người họ Nguyễn cùng với những hàng-tướng, hàng-thần đều được Việp Quận-công vỗ-về an-ủi, khiến họ được yên-cư lạc-nghệp.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Tháng 2 năm này [tức năm Ất-vị là năm 1775 sau Công-nguyên], Ngự-giá đem quân trở về Kinh-đô. Chúa Trịnh còn ra lệnh cho Việc Quận-công tiến quân lấy Quảng-nam cho kỳ được.

Tháng 3 năm này, Việc Quận-công xin lưu Đoan Quận-công [tức Bùi-thế-Đạt] đề án giữ kinh-thành Phú-xuân. Rồi Việc Quận-công chia quân làm hai đạo trèo qua đèo Hải-vân đánh phá đồn Cầu-đê, bắt được mẹ và vợ Nguyễn Phúc-Thuần. Còn Nguyễn Phúc-Thuần thì đã đáp thuyền vượt biển đi vào vùng Gia-định từ ngày tháng hai trước, và chỉ mới đến được dinh Long-hồ.

Còn bọn bầy-tôi đi theo Nguyễn Phúc-Thuần là Nguyễn-hữu-Du [nguyên Tả tướng-quân — quê ở Quảng-nam] cùng với 16 chiếc thuyền và đoàn thủy-thủ đều bị chết đuối cả.

Quan quân đánh phá đồn Trung-sơn, và đánh bại đại-tướng họ Nguyễn là Quý cùng Nguyễn Phúc-Dương là cháu Nguyễn Phúc-Thuần.

[49a] Tháng 4 năm này, quan quân triều-đình cùng Nguyễn-văn-Nhạc nhà Tây-sơn giao-chiến ở sông Cầm-lệ, nguy Tập-đình-hầu và quân-nhân đều liều chết.

Quan quân đột-kích vào sâu trong trận-địa, rồi ra sức giao-chiến, cả phá được, đuổi quân địch chạy đến xã Thanh-hà, [thuộc địa-phận quận Điện-bàn hiện nay].

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Thế là quan quân lại thâu-phục được dinh trấn Quảng-nam.

Nguyễn-văn-Nhạc xin tiến cho quan quân tất cả voi, ngựa, vàng, bạc và hiến ba phủ Quảng-nghĩa, Qui-nhân, Phú-yên mà Nhạc mới chiếm được.

Nguyễn-văn-Nhạc xin làm chức Tiền-khu [tức Tiền-phong] cho đại-quân triều-đình. Việc Quận-công chấp-nhận lời thỉnh-cầu của Nguyễn-văn-Nhạc và nhân-tiện cho Nhạc làm chức Tráng-tiết tướng-quân kiêm Tây-sơn trại-trưởng.

Tháng 7 năm ấy, quan quân tiến-công vào đồn Châu-Ồ thuộc địa-phận Bình-sơn [Quảng-nghĩa].

Nguyễn-văn-Nhạc lại còn nỷ-thác người thân-tín đến cảm-tạ Việc Quận-công đồng thời dâng tấu-văn lên triều-đình bày tỏ tấm lòng của mình. Việc Quận-công cho Nguyễn-văn-Nhạc uống rượu và tặng áo chiến-bào.

Việc Quận-công còn cho em Nguyễn-văn-Nhạc là Nguyễn-văn-Bình [về sau là vua Quang-trung] làm chức Tướng-quân Tiền-phong.

Tháng 10 năm ấy [tức năm Ất-vị — năm 1775 sau Công-nguyên], triều-đình ra lệnh rút quân trở về, và tuyềnghi sai Nguyễn-lĩnh-Tân cùng với Dĩnh-võ-hầu Nguyễn-đình-Đổng lưu lại đóng đồn ở Châu-Ồ.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Nhưng Hiệp-tán [49b] đại-tư-dò Xuân Quận-công Nguyễn-Nghiêm [thân-sinh Cụ Nguyễn-Du] lại muốn lưu quân đề trấn giữ dinh Quảng-nam.

Vì triều-đình không chuẩn-y lời trấn-thỉnh của mình, nên Xuân Quận-công bỏ hai phủ Thăng-hoa và Điện-bàn, trở về lưu-trú tại thành Phú-xuân, rồi Nguyễn Quận-công chẳng may mệnh-một trong lúc đi đường.

Triều-đình liền phái Đoan Quận-công thay-thế Xuân Quận-công kiêm lãnh chức Trấn-phủ Quảng-nam.

Năm thứ 37 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng (năm Bình-thân) [tức năm 1776 sau Công-nguyên], tháng giêng, Đoan Quận-công bắt đầu kiến-thiết nha-môn và sửa-sang các thành lũy. Đoan Quận-công lại xin với triều-đình cấp thêm trọng-binh để chế-ngự vùng biên-giới.

Còn Nguyễn Phúc-Thuần thì chiếm-cứ ba phủ Gia-định, Bình-khang và Bình-thuận.

Tháng 2 năm ấy, Nguyễn-văn-Nhạc sai em [Nguyễn-Lữ] dùng binh-thuyền đi tấn-công Bình-thuận, nhưng anh em nhà Tây-sơn bị thất trận.

Tháng 3 năm ấy, anh em Nguyễn-văn-Lữ đánh phá Cửa-Lạp, rồi do thuyền vận-tải vào cửa biển Cần-giờ, anh em nhà Tây-sơn tấn-công lấy được ba dinh Phiên-trấn, Trấn-biên và Long-hồ.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NHỨT

Tháng 4 năm ấy, Quảng-nhứt-cơ do Đoan Quận-công phái đến đóng đồn ở núi Hải-vân là Trấn-võ-hầu Trương-công-Phụng vượt đèo Hải-vân vào Quảng-nam [50a] tận thâu binh-số và lấy hết lúa tẻ rồi đến Bến-bản.

Nguyễn-văn-Nhạc mượn lấy cơ đó làm lời đề xuất-phát binh-sĩ đi đánh Trấn-võ. Nguyễn-văn-Nhạc lấy riêng một số quân đi chặn đường đánh Trấn-võ. Trấn-võ bị thua chạy trở về đèo Hải-vân.

Nguyễn-văn-Nhạc phái ngự Trấn-thủ tên là Tuyên chiếm-cử dinh Quảng-nam, rồi bày đồn canh-gác tại các cửa biển Đại-chiêm, Đà-nẵng và Cầu-đê.

Lúc này Nguyễn-Phúc-Thuần đã thua chạy đến xứ Bà-rija.

Phúc-Thuần cho triệu-tập các tướng là Kinh-thận-hầu và Tống-phước-Hợp từ dinh Bình-khang về đề đi đánh quân Nguyễn-văn-Nhạc, lấy lại được thành lũy thuộc dinh Trấn-biên. Các tướng Phúc-Thuần cũng vừa đem binh ở Đông-sơn đi đánh lấy lại được dinh Phiên-trấn.

Binh-lính Nguyễn-văn-Nhạc ba lần giao-chiến với lính Phúc-Thuần đều bị thua cả. Bọn lính Nguyễn-văn-Nhạc lừa đuổi nhân-dân địa-phương và cướp-bóc lấy ba trăm thuyền lúa chuyên-chở về thành-phố Qui-nhân.

Nhân-dân xứ Quảng-nam lúc bấy-giờ quá đói đói khổ cùng-khốn. Họ đều ngóng trông quân nhà vua đến giải-cứu cho họ.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Nhưng Thuận-hoá mới được qui-phụ với triều-đình, nên triều-đình đương cần tuy-phủ, vô-về nhân-dân địa-phương ấy, và làm thế nào để đem lại an-ninh cho họ, nên triều-đình chưa rồi đề nghị đến việc binh-dịnh những nơi xa hơn Thuận-hoá.

[50b] Nay chúng tôi xin chiếu theo họ Nguyễn đã chiếm-cử và phân-thiết hai xứ [tức Thuận-hoá và Quảng-nam] như thế nào, và đặt danh-hiệu các phủ, huyện, tổng, xã, thôn, phường, giáp, ấp, châu thuộc hai xứ ấy như thế nào, chúng tôi xin ghi-chép đầy-đủ ra sau này./.

PHỦ-BIÊN TẠP-LỤC QUYỀN NHỨT HẾT





PHỦ BIÊN TẠP LỤC

QUYỀN HAI





Phủ Biên Tạp Lục Quyển Hai

Soạn-giả là Lê-quí-Đôn, người vâng mệnh Hoàng-đế làm chức Tham-thị Tham-tán quân-cơ hai đạo Thuận-hoá, Quảng-nam, lãnh chức Hiệp-trấn-phủ trấn Thuận-hoá, kiêm quản Hữu Thăng-cơ, đồng thời dao-lãnh chức Nhập-thị Bồi-tụng Hộ-bộ Tả Thị-lang, được phong tước Dĩnh-thành-hầu.

*

Người đời xưa có nói: «Từ khi có trời đất, tức đã có núi sông». Thành-quách và cung-khuyết tuy đời này có khác đời kia, nhưng núi sông vốn không thay-đổi.

Chúng ta hãy xem về đời Ngụy-Mạc, chức Đô-cấp-sự-trung là Dương-Văn có soạn cuốn «Ô-châu cận lục», trong đó, tác-giả có ghi-chép các núi sông và các cửa biển của xứ Thuận-hoá lúc ấy thế nào, thì ngày nay vẫn còn y nguyên như thế ấy. Chỉ có thành, hào, trạm, bến đò, chùa và tháp thì ngày nay có phần đổi khác so với buổi trước mà thôi.

Nay chúng tôi xin ghi-chép sơ-lược như sau :



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

1. Núi Hoành-sơn.

Núi này ở về châu Bắc-châu, gần địa-phận xã Sơn-tiêu, tiết-giáp với địa-giới tỉnh Nghệ-an [ngày nay là địa-giới tỉnh Hà-tĩnh].

Núi ấy bắt đầu từ một nơi xa-xăm [51b] đồ về, có nhiều cửa ải và chướng-ngại-vật trùng-trùng điệp-điệp ngăn chặn ngang suốt xuống tận bờ biển. Hình núi trông thoáng giống như một bức trường-thành.

2. Núi Đâu-mâu.

Ở về huyện Khang-lộc [ngày nay về phủ Quảng-trạch], gần địa-phận xã Viễn-quán, núi rất nhọn và cao chót-vót, núi còn có một tên nữa là núi Hiền-niên.

Chân núi Đâu-mâu hay núi Hiền-niên này giáp liền với con sông Đại-giang. Sông này thường sản-xuất các hạng cua đá.

3. Núi Thần-đỉnh.

Núi Thần-đỉnh ở về xứ Thạch-giang thuộc địa-phận huyện Khang-lộc.

Tại nơi đây, bao nhiêu hòn núi khác đều hướng phục về với nhau, chỉ có núi Thần-đỉnh tự-nhiên quay trở lưng về phía các hòn núi kia, nên người ta lại đặt cho nó một tên nữa là núi Bất-nghĩa.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

4. Núi Ô-lôi.

Núi Ô-lôi ở về địa-phận châu Bồ-chánh, gần cửa biển Di-luân. Một dãy dài núi Hoàn-sơn, có chỗ trông như hình con cạp đương ngời, có chỗ lại trông như hình con phượng-hoàng múa, tầng-tầng lớp-lớp chạy dài mãi, đến núi này mới dừng hẳn.

Có hòn núi Ô-tôn gối đầu về phía tây núi Ô-lôi này, về phía bắc lại có núi Sơn-động cao sừng-sững. Núi Sơn-động đứng một bên núi Ô-lôi, trông như hình hai hòn núi tương-đối với nhau. Tại nơi đây, có một cái khe, mặt nước khá yên-lặng và hương-vị nước hơi nhạt-nhẽo, nên các hạng ghe thuyền phần nhiều hay đậu lại ở đấy.

5. Động núi Chân-linh.

Động Chân-linh ở về măn nguồn Chân-linh thuộc địa-phận châu Bồ-chánh.

Động quay lưng về núi, và hướng mặt tiền về phía nước. Cửa động hẹp chỉ có thể dùng được một chiếc thuyền nhỏ dài đi vào mà thôi. Nhưng vào trong động, thì động lại rộng [52a] lớn dần-dần. Những người đi xem động thường cầm đuốc, và đi men theo những chỗ cạn, vào sâu mãi trong động, ước chừng một trăm dặm, thì thấy miệng động rất rộng. Bước vào nơi đấy, người ta thấy mênh-mông trời đất, mặt trời, mặt trăng, và rặng mây hoa cỏ, in như một thế-giới biệt-lập vậy. Trong đó, lại có một hòn đá lớn, bề mặt bằng-phẳng như một



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

bàn cờ tướng, có các quân cờ rải-rác bốn phía, có nhà đá như ngọc khắc thành. Cảnh-vật nơi đây thật là đẹp-đẽ lạ-lùng! Nhiều người xưa có đề vịnh thơ vào đá trong động.

6. Núi Mã-yên.

Núi Mã-yên ở trên đầu nguồn thuộc địa-phận huyện Lệ-thuỷ. Núi cao chót-vót và to-lớn, tự-nhiên uyển-chuyển đột-khởi lên, trông giống như cái yên con ngựa.

7. Núi Bồng-sơn.

Núi Bồng-sơn ở về địa-phận huyện Lệ-thuỷ. Gần núi này có một con kênh. Dọc theo con kênh ấy, có con đường đại-lộ, cây-cối hai bên đường tốt-tươi um-tùm đầu lại với nhau, cảnh-trí thật đẹp-đẽ tuyệt vời.

8. Núi Linh-sơn.

Núi Linh-sơn ở về địa-phận châu Minh-linh, gần xã Sa-lung.

Ở nơi đây, bốn mặt đều là đồng-bằng mênh-mông bát ngát, chỉ có một hòn núi ấy mọc lên, tròn và rất đẹp.

9. Núi Thương-sơn.

Núi Thương-sơn ở về đầu nguồn thuộc địa-phận huyện Kim-trà. Núi này rất cao, ở trên đỉnh núi, có một cái giếng nước trong leo-lẽo.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

10. Núi Hương-bàn.

Núi Hương-bàn ở về xứ Mai-cát [52b] thuộc địa-phận huyện Kim-trà.

Ở nơi đây, có những hòn núi trùng-trùng điệp-điệp về phía tây-bắc, trông có chỗ như con rồng đi, có chỗ lại như hình con cạp nấp. Dãy núi chạy thẳng đến con sông Đại-giang có vực sâu mới thôi. Tại con sông Đại-giang này, tự-nhiên nổi lên một hòn núi tròn-trĩnh và thẳng-thắn in như cái mâm cao [tức là núi Hương-bàn].

11. Núi Hải-vân.

Núi Hải-vân ở về địa-phận huyện Tư-vinh [ngày nay thuộc quận Hoà-vang, tỉnh Quảng-nam].

Ở dưới Hải-vân quan, chân núi chạy xuống tận bãi biển, trên đỉnh núi đung tới áng mây, là nơi giới-hạn giữa hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam.

Núi Hải-vân có cửa ải, nhà-nước đặt quân lính đóng đồn ở đấy để phòng-thủ và phòng-bị.

Từ cửa quan ải Hải-vân, người ta noi theo con đường dọc sông mà đi đến hơn một ngày đến địa-phận tỉnh Quảng-nam.

12. Núi Qui-sơn.

Núi Qui-sơn ở về địa-phận huyện Tư-vinh, gần xã Hoài-vinh.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Đại-hải bao-bọc phía đông núi Qui-sơn, thiên-hải [biên-cạn] ôm lấy phía tây núi ấy, và phía nam núi là cửa biển Tur-khách [nay là cửa biển Tur-biễn]. Trên đỉnh núi này có một cái tháp đá.

13. Sườn núi Nhựt-lệ (Nhựt-lệ pha).

Sườn núi Nhựt-lệ ở về địa-phận huyện Khang-lộc chạy tới cửa biển Nhựt-lệ.

Nghìn khoảng sóng đào nhấp-nhô, đại-hải ở về phía đông-bắc sườn núi Nhựt-lệ, còn rất nhiều hòn núi khác châu về phía tây-nam sườn núi này. Về phía tây-bắc núi, nước rất sâu và hiểm-trở, thường có những con giao-long [tức con thuồng-luồng] ẩn náu ở nơi đấy.

+

[53a] 1. Thiên-hải [biên-cạn] (tục gọi là phá Tam-giang) ở về địa-phận huyện Lệ-thủy.

Nước từ trên hai ngọn nguồn là nguồn Yên-sinh và nguồn Cầm-lý đổ xuống, rồi trăm ngọn sông tụ-hợp lại nơi đây, nên người ta gọi là Hác-hải là Biên-cạn.

Ở về phía Đông-bắc Biên-cạn ấy, có những đồi cát trùng-trùng điệp-điệp nổi lên. Còn về hướng Tây-nam Biên-cạn, lại có những dãy núi non chạy dài và vòng ngang ra đến tận đại-hải.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Ở nơi này, người ta trông thấy muôn nghìn khoảnh nước mênh-mông bao-la. Có những chỗ nước thật sâu, lại có những chỗ nước thật cạn.

Ở giữa Biên cạn, có một đường nước rất sâu, thuyền ghe thường-thường qua lại, người ta phải trồng cây làm hoa-tiêu để cho dễ nhận.

Xét sách « Yên-nam-chí » có nói : « Sông Bồ-đài phát-nguyên từ trên xứ Lão-qua [Ai-lao], chảy qua huyện Bồ-đài, đến phía Đông huyện, sông này mới chia dòng nước chảy vào Biên cạn, rồi lại chảy vào sông Tam-kỳ thuộc Hoá-châu. Nước sông sâu, có thể thuyền ghe qua lại được », tức là nơi đây vậy.

2. Nguồn Yên-sinh.

Nguồn Yên-sinh ở về địa-phận huyện Lệ-thủy, tiếp-giáp với châu Minh-linh [ngày nay là phủ Vĩnh-linh].

Vào khoảng niên-hiệu Đại-trung nhà Hồ ¹, người ta đã đào kênh, nhưng đến đây đất phù-sa cứ đùn nổi lên mãi, nên dùng công-nhân khai kênh không thành.

Ở giữa nguồn Yên-sinh, có một cái khe nước, nước rất trong và lạnh-ngắt.

1. Trên đây chép : « Hồ Đại-trung » là niên-hiệu Đại-trung nhà Hồ, là sai, vì Hồ Hán-Thương lấy niên-hiệu Khai-đại, chứ không phải Đại-trung. Còn niên-hiệu Hồ-qui-Ly là Thánh-nguyên.

PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

3. *Liên-trì (Ao sen).*

Liên-trì ở về hướng Tây núi Mã-yên thuộc địa-phận huyện Lệ-thủy [53b].

Tại phía tả Liên-trì có một hòn núi, núi ấy lại nổi lên một ngọn núi nhỏ, và ở phía trước Liên-trì cũng có một dãy trùng-sơn [nhiều hòn núi liền nhau].

4. *Bình-giang.*

Sông Bình-giang này ở về địa-phận huyện Lệ-thủy. Mùi nước bình-thường và có hơi nhạt. Nhân-dân hai huyện Lệ-thủy và Khang-lộc cùng với các thôn xóm và chợ-búa chia nhau ở hai bên Đông và Tây con sông ấy.

Nước từ trên nguồn Thổ-lý chảy đổ về con sông này. Tại quãng giữa sông, mặt sông rộng lớn; nhưng xuống đến hạ-lưu, thì lòng sông lại chật hẹp, chỉ có thể lưu-thông được một chiếc thuyền mà thôi. Từ nơi đây, dòng nước phát-tiết ra làn sóng lớn rồi chảy xuôi xuống cửa biển.

5. *Sông Hải-lăng.*

Sông Hải-lăng ở về địa-phận huyện Hải-lăng, gần xã Duyệt-sinh. Phía Đông sông này có một con kênh chạy dài. Còn phía Tây sông thì tiếp-giáp với dãy núi Liên-sơn.

6. *Sông Linh-giang.*

Nhờ có hai nguồn Hương-trà và Đan-điền đổ dồn nước về sông Linh-giang, nên lòng sông rất sâu và rộng.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Tại phía Tây-Nam sông này, có đền thờ bốn vị Thần-linh. Còn về phía Đông-Bắc sông ấy, thì có chùa Sùng-hoá.

Sở Hiến-ty và nha sở đều ở về phía tả và phía hữu sông Linh-giang.

7. Đan-điền đại-giang.

Sông Đan-điền này bắt nguồn từ một nơi rất xa-xôi. Tại phía Nam và phía Bắc sông ấy, đều có đông dân-cư. Còn thành lớn Thuận-hoá [54a] thì được xây-dựng tại miền hạ-lưu sông này.

8. Nguồn Ky-sa.

Nguồn Ky-sa ở về địa-phận châu Bố-chánh. Tại nơi đây, người ta thường sản-xuất các hạng ngà voi, màn thêu dệt hoa, gổi thêu hoa, lụa quuyến sống, mật ong trắng, sáp ong, trái cám-lâm [trái trám], mỡ, gỗ lim, gỗ hoàng-tâm, và cây trúc thanh bì, v.v...

9. Nguồn Yên-đại.

Nguồn Yên-đại ở về địa-phận huyện Khang-lộc. Nơi đây thường sản-xuất cây trầm-hương, cây tấc-hương [hương gió], cây hoàng-đàn, cây sinh-hương, mật ong, sáp ong, cây hoàng-đăng [cây mây làm hèo hay làm cây song], lông chim trĩ, diêm-tiên, v.v...

10. Nguồn Kim-trà.

Nguồn Kim-trà ở về địa-phận huyện Hương-trà, gần sông

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Tam-kỳ. Nơi đây thường sản-xuất các thứ cây sơn-nại, chiếu đan bằng mây, trà «Tước-thiệt» [trà lưởi chim sẻ], v.v...

11. Nguồn Viên-kiều.

Nguồn Viên-kiều này ở về đầu nguồn thuộc địa-phận huyện Hải-lăng. Ở đây, có các trang, các sách [thôn xóm của dân Thượng-du] thuộc châu Thuận-bình.

Nơi đây thường sản-xuất các giống thú như voi, ngựa, và các sản-vật như màn hoa, vỏ cây gai sống, cây bạch-hoa-miền [cây gòn], cây bạch-cát-bối.

12. Nguồn Bao-đầu.

Nguồn Bao-đầu ở về đầu nguồn thuộc địa-phận huyện Võ-xương, là nơi có các trang, các sách thuộc châu Sa-bôi.

Nơi đây thường sản-xuất voi, ngựa, màn thêu dệt hoa, cây trầm-tốc [cây trầm gió] cây sinh-hương, cây bạch-hương, vỏ cây sinh-hoa, cây hoa-miền, và vải cát-bối, v.v... [54b].

+

Tại địa-phận châu Bố-chánh có :

1. Cửa biển Bố-chánh.

Có một con sông phát nguyên từ trên sông nguồn Ky-giang và nguồn Minh-linh chảy xuống, thế nước cứ chảy về phương Đông cho tới cửa biển Bố-chánh. Gần cửa biển Bố-chánh có một hòn núi gọi là Lễ-sơn. Còn xa cửa biển ấy thì có núi Lỗi-sơn.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

2. Cửa biển Di-luân.

Núi Hoành-sơn trấn ở phía Tây cửa biển Di-luân này, còn núi Lôi-sơn thì cao chót-vót ở về phía Bắc cửa biển ấy.

Muối sản-xuất ở cửa Di-luân này rất ngon.

Tại địa-phận huyện Khang-lộc có :

3. Cửa biển Nhựt-lệ.

Có một con sông phát nguyên từ trên nguồn Thồ-ly và nguồn Yên-đại chảy xuống, thế nước cứ chảy về phương Bắc cho tới cửa biển Nhựt-lệ. Tại cửa biển Nhựt-lệ này có ba bãi cát nổi cao lên ở giữa mặt nước.

Tại địa-phận châu Minh-linh có :

4. Cửa biển Minh-linh.

Về phía Đông cửa biển này, có một bờ cỏ nổi lên trên mặt nước. Còn về phía Tây cửa biển ấy, có một hòn núi tức là núi Cồ-trà. Ở nơi đây có một cửa ải để phòng-thủ và ngăn-ngừa những bọn giặc-giã trộm cướp. Ấy là nơi rất xung-yếu.

Từ cửa biển Nhựt-lệ, người ta phải đi hai ngày rông-rã mới đến được cửa biển Minh-linh. Con đường thủy cũng như con đường bộ giữa hai cửa biển ấy vẫn được coi là dài và xa ngang nhau. Người ta gọi khoảng cách giữa hai cửa biển là « Đại-trường-sa ».



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Tại địa-phận huyện Võ-xương có :

5. Cửa biển Việt-hải.

Con sông chảy xuống cửa biển Việt-hải này vốn phát nguyên từ trên nguồn Bạo-dầu [55a] và nguồn Viên-kiều đồng thời đổ nước ra sông ấy.

Tại địa-phận huyện Tư-vinh có :

6. Cửa biển Tư-dung, gần xã Vinh-hoài.

Về phương Nam, cửa Tư-dung tiếp-giáp với hòn Cái-sơn. Về phương Đông, cửa này liền với hòn Qui-sơn. Còn về phía Tây-Bắc thì có vũng nước và đầm nước. Tại đây, nghìn khoảnh sóng nước nhấp-nhô, ấy là do nước từ các ngọn nguồn Kim-trà, Cồ-nông, Hưng-bình và Cao-đồi đồng thời đổ về cửa biển này.

Tại địa-phận huyện Kim-trà có :

7. Cửa biển Nại-hải.

Con sông chảy xuống cửa Nại-hải phát-nguyên từ nguồn Kim-trà và nguồn Đan-điền đồng thời đổ nước về sông ấy.

Khoảng cách từ cửa Việt-hải cho đến cửa biển Tư-dung được gọi là Đại-trường-sa. Còn cửa biển Nại-hải được gọi là « Tiểu-trường-sa ».

*



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

1. Thành Hoá-châu.

Thành Hoá-châu ở về địa-phận xã Đan-diễn thuộc huyện Đan-diễn [nay là huyện Quảng-diễn thuộc tỉnh Thừa-thiên].

Ở về phía Tây thành, có một con sông lớn. Lại còn có một con sông nhỏ chảy qua thành nữa.

Nha môn «Học đô thừa» phủ Triệu-phong hiện ở trong thành ấy.

Nguồn Kim-trà chảy mạnh về phương Nam thành Hoá-châu, có nhiều giòng nước bao-bọc và lượn quanh bốn mặt thành. Trông vào trong thành, ta thấy cả trăm bức tường nhỏ lối-nhỏ nổi cao, thật là đẹp mắt. [Chữ bách trĩ trên đây xuất-phát từ sách Xuân-thu Tả-truyện có nói: «Đời xưa, các quan Đại-phu không có thành bách trĩ», nghĩa là không có thứ thành mà ở trên thành có cả trăm bức tường nhỏ. Đó là lời của Đức Khổng Phu-tử].

2. Thành Ninh-viễn.

Thành Ninh-viễn ở về địa-phận xã Uân-áo thuộc huyện Lệ-thủy [55b].

Tại mặt trước thành, có con sông Bình-giang đưa nước từ nguồn về. Phía sau thành tiếp-giáp với sông Ngò-giang. Ba mặt thành đều nhìn ra sông, còn một mặt thì trông lên giải núi.

Nha-môn Trấn-bình hiện ở trong thành Ninh-viễn.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Tại cửa Nam thành này, người ta thấy có đá khắc mấy chữ «穿遠城» «Ninh-viễn thành» còn y-nguyên.

3. Thành Thuận-châu.

Thành Thuận-châu ở về địa-phận huyện Hải-lăng.

Phía Tây và phía Nam thành tiếp-giáp với một giải Trường-giang.

Nha-môn huyện Hải-lăng được xây-cất ở ngoài thành, còn các nhà kho thì được thiết-lập ở trong thành.

*

1. Cửa ải Hải-vân.

Cửa ải Hải-vân ở về địa-phận huyện Tư-vinh hay Tư-vang [nay là huyện Hoà-vang].

Trên cửa ải thì dựng với tầng mây, dưới thì tiếp giáp biển cả, cửa ải Hải-vân quả thật là nơi yết-hầu [cuống họng] giữa Thuận-hoá và Quảng-nam vậy.

Tại cửa ải Hải-vân, chính-quyền có thiết-lập ty «Tuần-thủ». Từ trên Yêu-duyên cho xuống đến Ô-lỗ, ty Tuần-thủ ấy có trách-nhiệm xét hỏi những người qua lại.

2. Trạm Nhựt-lệ.

Trạm Nhựt-lệ ở về địa-phận huyện Khang-lộc, gần cửa biển Nhựt-lệ. Trạm này quay lưng về phía núi, trở mặt ra giòng



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

nước, thật là một nơi đầy thú non sông trắng gió vô ngần, trông rất đẹp mắt.

3. Trạm Bình-giang.

Trạm Bình-giang ở về địa-phận xã Yên-trạch thuộc huyện Lệ-thủy.

Muốn đến trạm Bình-giang này, người ta phải đi đường bộ từ châu Minh-linh đến, hoặc là dùng đường thủy từ cửa biển Nhựt-lệ đến cũng được.

4. Trạm Linh-giang.

[56a] Trạm Linh-giang ở về địa-phận huyện Đan-điền, gần xã U-cần.

Mặt đất nơi đây dẫn một giòng nước chảy dài như cái giải áo khổng-chế hòn núi Tam-kỳ.

Từ bến đò Trà-kệ, người ta dùng thuyền đi đến trạm Linh-giang cũng được, hoặc từ bến đò Diêm-trường, người ta theo đường thủy đi đến trạm ấy cũng được.

Tại trạm Linh-giang này, người qua lại đông-đúc, tấp-nập, giống như tân khách đi về chợ vậy. Nên người ta khen trạm Linh-giang là trạm thứ nhất trong xứ Ô-châu.

*

Bến đò Dã-độ.

Bến đò Dã-độ ở về địa-phận xã Phù-hoa thuộc huyện



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Quảng-lãng [có lẽ huyện Hải-lãng mà người ta viết lộn huyện Quảng-lãng].

Nhờ có hai đầu nguồn Viên-kiều và Bạo-giang đổ dồn nước chảy về bến đò này, nên bến đò rất sâu và rộng, thường có thứ cá « đại-sa » ăn náu ở nơi đây.

+

1. Chùa Hoá-tự.

Chùa Hoá-tự ở về địa-phận huyện Khang-lộc, gần xã Hữu-bồ.

Ở ngoài ngòi chùa ấy, bốn mặt nhìn ra đều là vũng nước và đầm nước mênh-mông.

Ở giữa đầm nước lớn này, có một đám đất đột-khởi lên cao như cái nền nhà.

2. Chùa Kinh-thiên.

Chùa Kinh - thiên ở về địa-phận huyện Lệ-thuỷ, gần trạm Bình-giang [thuộc xã Yên-trạch huyện Lệ-thuỷ].

3. Chùa Đại-phúc.

Chùa Đại-phúc ở giữa địa-phận hai xã Đại-phúc và Tuy-lộc thuộc huyện Lệ-thuỷ.

Tại chùa này, người ta thường cầu phúc và cầu mưa rất có linh-nghiệm.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

4. *Chùa Sùng-hoá.*

Chùa Sùng-hoá ở về địa-phận xã Lại-ân thuộc huyện Tư-vĩnh.

5. *Chùa Thiên-mỗ.*

Chùa Thiên-mỗ ở giữa núi Sơn-nam thuộc địa-phận xã Hà-kê, [56b] huyện Kim-trà [nay là huyện Hương-trà].

6. *Đan-tháp.*

Tháp Đan ở về địa-phận xã Trung-đan, huyện Võ-xương. Tháp này cao có thể đến một trăm thước.

7. *Tháp Dương-lệ.*

Tháp Dương-lệ này ở về địa-phận xã Dương-lệ thuộc huyện Hải-lăng.



Từ giải núi huyện Thanh-chương, thuộc tỉnh Nghệ-an mà đi trở xuống, tức là từ giải núi Hương-sơn [thuộc địa-phận huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh hiện nay] noi theo đường núi qua giải Trường-lĩnh chạy xuống đến huyện Thạch-hà [hiện nay thuộc tỉnh Hà-tĩnh].

Đến đây, giải Trường-lĩnh phân chia ra thành núi Hoành-sơn [tức Đèo Ngang] ở về địa-phận huyện Kỳ-an [nay cũng thuộc tỉnh Hà-tĩnh]. Núi này chạy đến xã Hà-trung, ấy là lý-sở trấn Nghệ-an [ngày xưa].



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Lại từ nơi đây, người ta đi xuống mãi, hoặc là từ trấn-sở Nghệ-an đi về phương Nam, trèo qua dãy núi Hoành-sơn, đi qua các xã Thuận-thần và Phú-lưu thuộc châu Bắc-chánh, hoặc từ trấn-sở Nghệ-an, người ta đi về hướng Đông đến xã Lũ-đăng thì tới sông Đại-linh [tức sông Gianh]. Vậy thượng-lưu con sông Đại-linh này phát-nguyên từ giải núi Trường-lĩnh thuộc huyện Hương-sơn và đổ nước về đây.

Nhân-dân sách Thanh-lãng và xã Lũ-đăng thuộc một dãy Hương-sơn-Phúc [miền Thượng-du huyện Hương-sơn] thường ngày đi ghe thuyền xuống [57a] miền chợ này mua muối và nước mắm. Non sông khuất-khúc như thế ấy!

Tại miền Thượng-du, người ta gọi là « Nguyên », cũng như tại miền Hạ-huyện, người ta gọi là « Tổng ».

« Nguyên » Ky-sa thuộc châu Bắc Bắc-chánh gồm có bảy thôn là :

1. Trang Ma-nai.
2. Phường Mít.
3. Thôn Bộc-thọ.
4. Phường Tri-bảng.
5. Phường Lô-hang.
6. Phường Đồng-xây.
7. Phường Lang-trần.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

« Nguyên » Kim-linh gồm có tám thôn là :

1. Phường Cồ-liêm.
2. Phường Qui-viến.
3. Trang Lang-nai.
4. Phường Phúc-lạc.
5. Phường Phúc-chử.
6. Thôn Cầu-giòng.
7. Phường Cầu-câu.
8. Thôn Bà-nương.

Tại các thôn, phường và trang trong « Nguyên » Kim-linh, rừng núi, ruộng nương, đất-đai rất rộng-rãi và màu-mỡ, dân ở miền này cũng khá nhiều.

Tại các « Nguyên », mỗi nhân-đình, hễ đến 12 tuổi, đều phải đi làm công-tác tạp-dịch trong làng. Đến 20 tuổi thì được kê vào lão hạng.

Ở những nơi ấy, nhân-đình cũng như ruộng-nương đều không có lệ nạp thuế, và cũng không được biên vào hộ-tịch, chỉ do quan Trấn-thủ Nghệ-an biệt-phái người đến quản thâu lễ-vật.

Hàng năm, các phường, thôn, trang phải đệ nạp cho trấn-phủ [57b] Nghệ-an 10 bình mật ong, 10 vò sáp ong, 70 cây gỗ kiền-kiền và ngà voi thay-thế cho tiền là 30 quan. Ngoài ra, Trấn-thủ Nghệ-an còn gửi mua trâu, bò, tê-ngưu, voi cùng sản-vật và tạp-hoá địa-phương thì không kê.

PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Quan trên có gởi mua những sản-vật địa-phương, dân Thổ cũng không dám lãnh-hành. Thường-thường họ tự ý dâng nạp lên quan trên những vật-hạng. Nhưng cũng có trường-hợp họ đút-lót cho nha-dịch để khỏi phải dâng nạp.

Nhân-dân châu Bắc Bỗ-chánh thường lấy nghề buông lưới, đánh lưới ở trên mặt nước sông mà sinh sống. Họ lại quen lên miền Thượng-lưu lượm-lặt các tấm ván để đóng thuyền, đó là nhân-dân các phường Đề-vọng, phường Giáp-ba, phường Cương-gián và giáp Trung-hoà hạ.

Ruộng-nương và đất-đai châu Bắc Bỗ-chánh rất màu-mỡ, mỗi một mẫu ruộng đất tương-đương với bốn mẫu ruộng đất ở các nơi khác. Bởi vì dân các nơi khác đều lấy đồng nguyên-tiền nhà Chu làm thước, còn riêng châu Bắc Bỗ-chánh, nhân-dân lại lấy đồng đại-tiền đời Khang-hy làm thước. Cho nên mỗi một mẫu ruộng ở châu Bắc Bỗ-chánh, người ta có thể thu-hoạch được 120 gánh lúa, thứ nữa [58a] cũng được 119 gánh lúa.

Mấy lâu nay, thuế tô ruộng công cũng như ruộng tư châu Bắc Bỗ-chánh cùng với số thuế tô tích-khiếm đã lâu năm, từ năm này dồn qua năm khác đều được tha cả. Vả lại ruộng đất ở châu ấy không được khám đạc, bọn Thổ-quan và bọn cường-hào địa-phương chiếm-lãm rồi đem bán gian, nên mới xảy ra những vụ kiện-cáo dây-dừa, kéo dài mãi từ năm này qua năm khác, và tranh-giành nhau ruộng đất không ngừng, tổn-phí kể đến hàng ngàn tiền bạc.



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Trong đạo châu Bắc Bộ-chánh có một lò được gọi là lò Thu-ba. Ở nơi đây núi có sản-xuất được thứ vàng sống. Buổi trước, người ta đã khai-thác để lấy vàng, cho nên mới có tên lò như trên. Nhưng thứ vàng sống nơi đây rất cứng và xấu, nên nấu không thành vàng.

Từ bến đò phường Lộc-diên và xã Lũ-dăng, người ta chèo thuyền, noi theo sông Đại-linh mà đi, tức là đi về phía bên hữu sông Tranh ; đi qua hai xã Vân-lôi và La-hà, thì đến sông Tam-kỳ, là nơi nước sông Tranh và sông Sơn hợp lại (hai xã Vân-lôi và La-hà kê trên ở giữa Tam-giang), rồi qua sông [58b] thì đến bờ phía Nam tức là đến bến sông Cao-lao thuộc châu Nam Bộ-chánh.

Người ta lại đi qua xã Cao-lao, trèo qua dãy Trường-sơn Lệ-đệ mười mấy trùng. Từ đây, người ta có thể đi nửa canh thì đến trang Điền-phước. Nơi này được gọi là xứ Mục-dưỡng [xứ chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lừa, v.v...].

Buổi trước, trang Điền-phước này phải nạp thứ thuế sắt sống. Như có người hỏi : Thứ sắt sống ấy ở nơi nào sản-xuất, thì người ta trả lời : Sắt sống ấy được lấy ở núi Lệ-đệ.

Trong một trang Điền-phước có 50 lò nấu sắt. Mỗi năm, một lò phải chịu 2 thanh sắt, 50 lò phải chịu 100 thanh sắt. Sắt ấy phải đệ nạp lên dinh Ngoã [tức dinh Thổ-ngọ].

Mỗi người dân trong trang ấy còn phải chịu mỗi năm 6 quan tiền phí-tồn, 100 người thì phải chịu mỗi năm 600 quan



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

tiền phi-tồn. Nhân-dân nơi đây thật là cực-khổ không thể kể xiết được.

Từ trang Điền-phước, người ta đi về hướng Đông-Nam, qua khỏi địa-phận xã Yên-phước và xã Thiên-lộc thì đến hòn núi Yên-lão thuộc xã Lương-xá. Nơi đây tục gọi là Chợ-Đón [Đón là nghĩa chữ nghinh] là nơi giữa đường. Đường trên từ xã Cao-lao vào, đường dưới từ xã Lý-hoà vào, hai con đường gặp nhau ở nơi đây.

[59a] Từ xã Lũ-dăng, người ta theo bờ sông mà đi, qua khỏi các xã Phan-long, Thồ-ngoã, Yên-bài và Trung-hoà rồi đi đò qua sông Tranh, đến xã Thanh-hà thuộc châu Nam Bố-chánh. Hoặc là người ta theo bờ biển, trèo qua chân núi Lệ-đệ, rồi nơi theo bờ cát trắng dọc biển mà đi tới xã Lý-hoà, qua cầu trên sông Lý-hoà dài 138 gian¹ đến thôn Thuận-cô, rồi lại nơi theo bờ biển mà qua trang Đông-cao, vào thôn Yên-lão thì đến con đường lớn chợ Đón. Con đường này với con đường từ xã Lộc-diền, xã Yên-hà, đi đó qua sông, qua xứ Mục-dưỡng, xã Cao-lao thì hai đường gặp nhau ở nơi đây.

Núi Lệ-đệ, phía trên từ đầu nguồn, phía dưới tiếp-giáp với bãi biển. Núi này tuy không cao lắm, nhưng hơn một trăm ngọn núi liên-lạc với nhau thật đã chặn ngang con đường đi vào Thuận-hoá và Quảng-nam. Bởi vì từ dinh Hà-trung ở địa-

1. Gian là một thứ thước đo dài 6 thước.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

phận huyện Kỳ-hoa [tức huyện Kỳ-sanh sau này] người ta đi về phía hữu, [59b] lên núi Hoả-hiệu, rồi trèo qua vài mươi trùng núi lớn thì đến tuần Đèo-bột, quán Cây-gạo, ấy là thôn Quần-mục xã Thuận-thần. Người ta lại phải trèo qua mười mấy trùng núi lớn nữa, cộng tính phải mất một ngày rưỡi đường mới đến núi Hoàn-sơn. Từ đó, người ta đến quán Khe-mây xứ Đất-đỏ, non nước bao-la bát-ngát, tại đây người ta trông thấy biên-giới phương Nam. Cách một giải sông thì thấy một dãy núi xanh chặn ngang chân trời. Đây chính là nơi ông Nguyễn-hình-Khiêm ngày xưa đã chỉ là núi Hoàn-sơn đất Thuận-hoá. Rồi tới Quán-Lam, trở xuống xã Phù-lưu, bỏ về hướng Đông, và theo hướng Đông đi mãi qua đò sông Tranh, trèo núi Lệ-đệ qua khỏi các xã gần núi thì đến trước cửa chùa Phước-tự thuộc xã Phước-tự. Ở đây, người ta mới thấy rõ ngọn núi chặn ngang đường tên là núi Ba-triêng.

Từ nơi đây, người ta đi về phía hữu mà đi trở lên, thì thấy một nơi cây cỏ xanh-um tươi-tốt, nhìn thấy thoáng-thoáng thật đẹp mắt.

Từ đó, người ta cứ đi lên mãi thì đến dãy núi Đại-lĩnh chia biên-giới Thuận-hoá và nước Ai-lao [60a].

Về hướng Tây, người ta sang đò qua sông Động-hải vào các huyện Khang-lộc, Lệ-thủy, Minh-linh và Võ-xương. Cứ theo một con đường về phía tả mà đi về phía trái mãi thì đến một khoảng bình-dương mênh-mông, khe núi rộng lớn,

PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

là chân nhánh núi Đại-lĩnh chạy dài và mở rộng ra.

Nếu người ta không qua đò sang sông Động-hải mà cứ noi theo bờ sông mà đi, thì phải qua một dãy núi Thạch-thượng, Ông-hồi và Trường-dục để vào Trạm-Dinh. Đó cũng là đi theo chân núi nhánh dãy núi Đại-lĩnh.

Vậy thì Trình-tuyền-hầu [tức Trạng-nguyên Nguyễn-bình-Khiêm] ngày xưa chỉ núi Hoàn-sơn cho Đoàn-quốc-công [tức Nguyễn-Hoàng] có thể không phải núi Ba-triêng, mà cũng không phải núi Lệ-đệ.

+

Đoàn-quận-công vốn là vị công-thần vua Lê, và là bậc nguyên-cậu của Vương-thượng [tức chúa Trịnh-Tùng]. Đoàn-quận-công đã kiêm lãnh chức Trấn-thủ Thuận-hoá và Quảng-nam hơn 40 năm. Công-lao khó-nhọc của Ngài thật là nhờ Ngài đã làm bức bình-phong và hàng rào che-chở cho Triều-đình vậy.

Vừa nghe nhà Mạc đã bị dẹp yên, Đoàn-quận-công đốc-suất binh-chúng về châu mừng Triều-đình. Lúc bấy giờ Ngài được 70 tuổi, trở thành một bậc nguyên-lão tối cao của nhà-nước. [60b] Rồi Ngài lại được tiến-phong chức Hữu-tướng Thái-phó [chức quan cao nhất trong Triều-đình].

Ngài đi đánh Đông dẹp Tây, tạo được huân-nghiệp rực-rỡ. Chúa Thượng [tức Trịnh-Tùng] rất ưu-đãi Nguyễn Quận-công và cho Ngài quản-đốc một phủ Hà-trung cùng 7 huyện Sơn-nam



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

thượng-lộ [cũng như tình sau này] mà vẫn được lãnh chức Trấn-thủ Thuận-Quảng như cũ.

Xét từ lúc ban đầu, Đoan-quận-công nào có dị tâm, chỉ vì Ngài có công lớn rồi sinh lòng tự-nghi, và nghe lời những người ly-gián, rồi mới mưu-đồ kế-hoạch bảo-thân, tự hãm mình vào chỗ bất-nghĩa đối với Triều-đình.

Đến năm 76 tuổi, Đoan-quận-công bỏ trốn về Thuận-hoá, nhưng Ngài vẫn lưu lại ba người con trai ở Bắc-hà để làm con tin, và dâng thư trần-tình, tạ lỗi, hàng năm lại còn dâng nạp các lễ cống-hiến, thuế-khoá.

Cũng trong năm ấy, Đoan-quận-công lại tiến một người con gái làm cung-phi Thế-tử [con Trịnh-Tùng], cách ăn ở và đối-xử với Triều-đình vua Lê và chúa Trịnh cung-kính và hoà-thuận đến như vậy! Đương lúc bấy giờ, thiết-tướng cũng khó mà gây binh-hoả chiến-tranh được.

Đến đời con Đoan-quận-công là Tổng-trấn Thụy-quận-công [tức Nguyễn-Phúc-Nguyên] thì uy-tin họ Nguyễn đã lớn lao, và khí-thế đã mạnh-mẽ, chúa Phúc-Nguyên đoái nhìn non sông đất nước, mới nảy sinh tâm chí lấy đất nước truyền cho con cháu nhà mình, và nhân đó mới bỏ lễ triều-cống.

Nhưng đại-giá vua Lê và chúa Trịnh đã mấy phen đi Nam-tuần, quân Thuận-hoá [61a] đều ra chống-cự. Quan quân Triều-đình cũng chỉ ứng-chiến qua-loa, rồi lại kéo quân trở lui, để dùng văn-thư chiêu-dụ họ Nguyễn. Sở-dĩ làm như vậy là vua



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Lê và chúa Trịnh vốn có lòng muốn chiêu-hồi họ Nguyễn về với Triều-đình, chứ không muốn làm cái việc trừ-khử họ Nguyễn một cách đoan-tuyệt. Cho nên Nguyễn-duy-Thời có làm bài khái đại-ý nói: Thái-thượng-vương đã mấy lần đi quan-sát địa-phương và xem-xét dân-tình, thế mà Thụy-quận-công không chịu trở về lại với Triều-đình. Bởi vì những bậc Huân-phiệt về đời Lê Trung-hung [tức Lê Trang-tông], họ Nguyễn và họ Trịnh đã hai đời tình thân nhân-nghị [hai đời làm thông-gia], nên Triều-đình không nỡ đoan-tuyệt tình-nghĩa đối với họ Nguyễn.

Đến đời Nhân-quận-công [tức Nhân-lộc-Hầu Nguyễn-Phúc-Lan] thì đã trải qua ba kỷ [tức ba đời là Nguyễn-Hoàng, Phúc-Nguyên và Phúc-Lan], cơ-sở bá-nghiệp họ Nguyễn đã khá vững-vàng, nên Triều-đình không thể mưu-toan chiêu-dụ họ Nguyễn được nữa. Tình-trạng đất nước ta lúc bấy giờ rối-ren như thế chẳng những bởi sự thế xui nên mà thôi, âu cũng bởi khí-vận trời đất khiến nên vậy.

Thụy-quận-công Nguyễn-Phúc-Nguyên chống lại mệnh-lệnh Triều-đình, mới cho xây đắp một lũy thật dài. Lũy ấy, phía trên chạy dài từ núi Động-hồi, xuống tận cửa bể Nhứt-lệ. Lũy cao một trượng [1 trượng là 10 thước] 5 thước, chân lũy rộng đến 5 trượng. Bên ngoài lũy, người ta cho trồng các hạng cây củi và gỗ lim rừng, bên trong lũy, đắp đất làm năm bậc thang lâu [61b]. Voi và ngựa có thể đi suốt trên lũy được. Lũy đất liên-lạc với nhau thật dài và rộng ước hơn 30 dặm. Cứ cách khoảng hoặc 3 trượng hoặc 5 trượng, người ta lại



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

thiết-lập một pháo-đài. Trên mỗi pháo-đài, được đặt một khẩu súng « cự môn ». Ngoài ra cứ mỗi một trượng, người ta lại trồng một khẩu cột súng để kèm súng vào đó. Còn các hạng đạn-dược thì được chất chứa cao như núi.

Tại cửa biển Nhứt-lệ cùng cửa biển Minh-linh, lưới sắt và khoá sắt đều được bố-trí chằng-chịt với nhau để chặn ngang cửa biển. Phúc-Nguyên tự lấy đây làm chốn Kim-thành thang-trì và con cháu nghìn muôn đời về sau có thể được yên-ôn.

Một ngày nọ, quân của Vương-thượng đi đánh phương Nam, quân lính họ Nguyễn phân-tán không đánh, luỹ bỏ ngõ không có người canh giữ. Thừa thắng quân của Vương-thượng hăng-hái, chỉ một trống canh đã đi đường tắt vào được kinh-thành Phú-xuân. Tuy vận nước có khi phân, khi hợp, khi thịnh, khi suy, đều có liên-quan đến thiên-số, nhưng Ông Mạnh-tử [vị Á-Thánh đời Chiến-quốc] đã có câu nói: « Địa lợi bất như nhân hoà » nghĩa là « Có lợi-thế về đất-đai không bằng lòng người hoà-thuận », thật là lời nói chí-lý đáng tin vậy.

✦

[62a] Châu Bắc Bỗ-chánh lấy núi Thời-mại làm trấn-sơn, là làm hòn núi che-chở cho châu ấy. Còn một con đường sông dài từ sách Thanh-lãng, xã Kim-lũ thuộc địa-phận huyện Hương-sơn, trải qua xã Diên-bồi, chảy xuống xã Lũ-dăng rồi chảy ra cửa biển Đại-linh.

PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Lại còn một con đường sông khác từ núi Thời-mại chảy xuống sông Kim-minh được gọi là sông Son, rồi chảy đến cửa Hác, cùng với con sông Lũ-đăng hợp lại một, cũng chảy ra cửa biển Đại-linh. Hai con sông này bắt nguồn từ một nơi rất xa mà rất rộng.

Châu Nam Bỗ-chánh lấy núi Trinh [tức núi Ba-triêng] làm Trấn sơn. Còn một con sông dài từ bến Liệt thuộc xã Phù-lâm chảy xuống xứ Sao-sa và xứ Bà-chung. trải qua xã Thồ-ngoã, rồi chảy xuống cửa biển Yên-niêu [hay Yên-nẻo].

Lại còn có con đường sông nhỏ từ trang Điền-phước chảy xuống thôn Yên-phúc, thôn Lý-hoà thuộc xã Hải-khoát rồi chảy xuống cửa biển Thuận-cô. Nguồn sông này gần mà hẹp.

Châu Bắc Bỗ-chánh cùng với huyện Kỳ-hoa tiếp-giáp nhau, còn châu Nam Bỗ-chánh cùng với huyện Khang-lộc tiếp giáp nhau. Hai châu ấy ngày xưa hợp làm một châu, ngày nay lại chia làm hai châu, thiết tưởng [62b] nên chia ra làm hai châu như vậy là phải. Người ta lấy châu Bắc Bỗ-chánh cho lệ thuộc vào phủ Hà-hoa, xứ Nghệ-an, còn châu Nam Bỗ-chánh thì lệ-thuộc vào phủ Quảng-bình, xứ Thuận-hoá, đó cũng là nhân hình thế núi sông mà chia ra cho thuận-tiện.

Ở phía trên sông Son, tại nơi phân-giới cũ, có một chỗ đất nứt-nẻ, người ta gọi đó là Cồn-bồi, Cồn-thị và Cồn-cấm. Nhân-dân hai bên bờ sông không dám cày bừa, cây cỏ ở nơi đó



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

mọc thành rừng rậm, đến nay thì chỗ đất nứt ấy đã liền lại với đất bằng.

Nhân-dân các xã duyên giang [tức các xã ở hai bên bờ sông] thuộc châu Bắc Bõ-chánh tranh nhau yêu-cầu quan Thượng-tướng phê-phó văn-từ để chiếm-nhận đất-đai mà khai-phá canh-tác. Những người dân đến trước đã được chiếm-nhận phần đất của mình rồi, còn những người đến sau đương miễn-cưỡng tranh-giành, kiện-thưa nhau mãi không chịu thôi.

*

Làng Lý-hoà thuộc châu Nam Bõ-chánh, mạch đất do dư-khí từ dưới chân núi Lệ-đệ đổ về, thành một khoảnh bình-sa nổi cao lên và mở rộng ra. Nhân-dân làm nhà ở theo chiều ngang khoảnh bình-sa, và tất cả các nhà đều trở mặt hướng về phương Nam. Đuôi khoảnh bình-sa thì từ phía tả trở về bao quanh lấy làng Lý-hoà. Sông Thuận-cô [63a] từ phía hữu đổ về đây, làm ngôi Tiên-đường cho làng [nói theo phép địa-lý], còn một dãy núi cát thuộc núi Thuận-cô thì làm Tiên-án cho làng nữa. Nhờ vậy mà nhân-đình trong làng rất thịnh-vượng, đến hơn một nghìn người.

Phong-tục dân làng Lý-hoà rất quen thích các việc buôn bán. Những lúc bình-thường, nhân-dân làng vào thành Gia-định thuê thợ đóng hàng trăm chiếc thuyền buồm lớn, mỗi chiếc



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

thuyền trị-giá hơn một nghìn quan tiền đồng, rồi họ đem thuyền về làng chuyên-chở buôn bán.

+

Người ta đi dọc theo các bãi biển Quảng-nam, cũng như Thanh-hoá và Nghệ-an, chưa từng thấy có thứ cát trắng. Còn Thuận-hoá, thì đường dưới châu Bắc Bỗ-chánh, tại xã Trung-hoà, người ta đã thấy nổi lên một bãi dài cát trắng. Tại khoảng đất thuộc xã Đông-cao và xã Yên-lão, tiếp giáp với sông Gianh, người ta lại thấy đùn nổi lên một cồn cát dài. Và tại phía tả và phía đường sau đôn Động-hải, lại có một dải cát trắng nổi lên như bức trường thành, trường lũy chạy thẳng đến cửa biển Nhựt-lệ

Qua sông mà đi về hướng Đông là đến địa-phận huyện Lệ-thuỷ. Từ thôn Phong-đống thuộc Động-hải, người ta đi thẳng [63b] đến cửa biển Minh-linh, đường đi chừng một ngày rưỡi. Tại những nơi đây, không biết bao nhiêu núi cát nối-tiếp nhau nổi lên, trông thấy mịt-mờ. Lại có thứ cát trắng và sáng, trùng-trùng điệp-điệp nổi lên mấy tầng, người ta trông thấy dường như một dãy thành quách. Ở phía ngoài các đụn cát, đều là những đám rừng hoang cỏ mọc rậm-rạp.

Cách xa bờ biển chừng hơn một trống canh đường đi, thì đến những đụn cát, không có đường nào đi tắt, nhưng ở trong đó, kẻ có hàng trăm thôn xóm liên-tiếp với nhau. Từ xưa đến



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

nay, những thôn xóm ấy đều ở nơi đất cát, mà số người vẫn đông-đúc thịnh-vượng.

Các thôn xóm đều quay lưng về phía cát, trở mặt hướng về trường-giang. Ở trong các động cát, có mạch nước chảy luôn-luôn và đều thành những suối nước ngọt. Nhân-dân ở những nơi này lấy nước tại các suối ngọt tưới lúa, và nhờ có nước ngọt tưới luôn, nên lúa thu hoạch dồi-dào.

Trong khoảng vài ba xã, lại có một khe nhỏ. Hễ đến mùa thu, thì nước trong những khe chảy rất mạnh. Nhưng sang mùa xuân, thì nước những khe thường bị khô cạn.

Ở giữa đường cái lớn, người ta thấy cát bay suốt ngày. Nhưng ở một bên đường, nhân-dân địa-phương thường-thường bừa cát qua-loa rồi gieo mống, lúa non mọc lên rất xinh tươi tốt-đẹp.

Còn các giống cây-cối sinh-sản ở giữa những động cát trắng ấy mà vẫn to cao tươi-tốt, há chẳng phải lạ-lùng lắm hay sao?

+

[64-a] Tại địa phận xã Võ-xá thuộc huyện Lệ-thủy, ngày trước họ Nguyễn đặt làm dinh Lưu-đồn (tục gọi Dinh Ngoài), thế đất nơi đó cũng rộng-rãi, quân phòng la-liệt như bàn cờ, nhà lợp ngói sắp hàng. Phía hữu thì tựa vào núi cát, phía tả thì



PHÙ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

có dãy đất bình-sa. Vào khoảng giữa các xã Yên-xá, Thạch-xá, Ba-nguyệt, Đặng-lộc, ruộng lúa bao-la nghìn khoảnh, mắt người trông không thể xiết được.

Như một xã Phù-tôn, dân-cư rất trù-mật, và ruộng lúa rất tốt tươi.

Từ xã Phù-tôn, đi lên đường quan, qua cầu, Quán-Cát cùng Quán-Sen thuộc xã Thủy-liên-trung, lại qua cầu Quán-Bột thuộc xã Thủy-liên-thượng, lội qua khe, quán Hà-kỳ và Quán-trà thuộc xã Hà-kỳ, là đến địa phận xã Hồ-xá. Nơi đây là con đường chính để đi vào kinh thành Phú-xuân.

Về phía tả con đường lớn đi qua Quán-Bột và Quán-Trà là đến địa-phận xã Thủy-môi, phường Tứ-chánh, phường Du. Tại những nơi đây, người ta có tục buôn bán dầu thắp đèn.

Như từ xã Đặng-lộc, [64b] đến con đường ngã ba thuộc xã Phù-tôn, rồi người ta đi chuyển về phía Tây, trái qua xứ Cầu-bông thuộc xã Thồ-ngoã và xứ Cầu-ngò thuộc xã Liêm-ái. Rồi từ nơi đây, người ta lại đi về phía Tây-Bắc đến địa-phận xã Yên-dinh, tức Trạm-Dinh là trấn Quảng-bình ngày xưa.

Nếu từ Cầu-ngò, đi về phía Đông-Nam, thì phải trái năm sáu trùng núi thấp, qua cầu đến đồn Bến-đầu xã Thồ-ngoã, rồi lại trèo qua mười lăm, mười sáu cái gò ngang mới đến được Quán-Mít. Muốn đến đồn Lai-cách, lại phải trèo qua sáu, bảy



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

trùng núi-gò. Tại nơi đây, ngày xưa có thiết-lập kho nhà nước. Từ xã Lai - cách người ta phải đi ra, trèo qua ba, bốn cái gò thấp, qua động Cối - xay, bỏ ra đường cái quan, thì cũng tới được địa-phận xã Hồ-xá.

Ngày trước, họ Nguyễn thiết-lập dinh Bồ-chánh và dinh Quảng-bình. Mỗi dinh đều có quan Ký-lục cầm đầu ty Hợp-sai. Nhà nước trách-cứ [65a] quan Ký-lục hai dinh kể trên phải khám xét và xử các việc từ-tụng [giấy-tờ kiện-thưa nhau], vì hai dinh này cách xa kinh-thành Phú-xuân, nên nhân-dân các địa-phương tới hầu Chánh - dinh [tại Phú - xuân] không tiện.

Con đường cái đi vào trấn Thuận-hoá, chỉ có con đường từ xã Phù-tôn thuộc huyện Lệ-thủy đi đến xã Hồ-xá thuộc huyện Minh-lich mà thôi. Dọc đường có các Quán-Cát, Quán-Sen, Quán-Bột, Quán Hà-kỳ, nhân-dân có làm nhà rải-rác ở hai bên đường, hành-khách có thể mua bán ăn uống nghỉ-ngơi được. Còn từ đây [tức từ xã Hồ-xá] cho đến đèo Ải-vân, thì không có hàng quán ở dọc đường, cho nên trong cuốn sách «Ô-châu-lục»¹ có nói: «Thiên lý viễn đồ vô nhứt quán» là sự thật đáng tin vậy.

Trạm-Dinh là nơi có thể đất bằng-phẳng và rộng-rãi, có

1. Ô-châu-lục là cuốn «Ô-châu cận lục» do Đô-cấp-sự trung là Dương-Văn về đời Ngụy-Mạc biên-soạn.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

núi tựa và có sông bao-bọc, hình-thể cũng đẹp-đẽ. Từ nơi đây, người ta đi đường thủy xuống Động-hải rất gần. Còn đi đường bộ cùng đi đường đại-lộ rất xa. Nhưng từ Trạm-Dinh, người ta có thể đi ra các xã Lai-cách, Hồ-xá rồi đi đò qua một con sông nhỏ, qua xã Thủy-ba, đi đò qua sông Tây-hà, qua các xã Lục-diên, Mai-xá, Trúc-lâm để tới xã Tri-đâu. Nơi đây, ngày trước có một con đường cái quan [65b] rộng hơn hai trượng, mặt đường bằng-phẳng như đá mài. Nhưng đường này, nhiều người không quen đi. Người ta qua đò sang sông Minh-lương rồi lên Cầu-thị để đến xã Tri-đâu.

Từ xã Yên-trạch, người ta noi theo con đường dọc sông mà đi xuống xã Tâm-duyệt, rồi đến cầu sông Qui-hậu, về phía bên tả có một cái thành xưa, tức trong cuốn « Ô-châu cận lục » có nói thành Ninh-viễn ở về địa-phận xã Uẩn-áo. Ở nơi đây, sông Bình-giang chảy qua phía trước, sông Ngô-giang khổng-chế bao-bọc ở phía sau, sông Ngô-giang tức sông nhỏ Qui-hậu. Đường này là đường thủy-vận từ Động-hải đến Bến-Đâu [hay bến Dầu].

Tại xã Tâm-duyệt, có ngôi chùa Kinh-thiên. Tại xã Yên-lai, có nhà Văn-miếu. Người đời tương-truyền rằng : Ngày xưa, vua

1. Năm Canh-dần (1470 sau Công-nguyên) là năm đầu niên-hiệu Hồng-đức vua Lê Thánh-tông, người Chiêm-thành vào cướp-bóc Hoá-châu, vua Lê Thánh-tông tự làm tướng đi đánh Chiêm-thành.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Lê Thánh-tông đi đánh nước Chiêm-thành¹. Lúc Ngài trở về mới làm nhà Văn-miếu, ở trong có đắp tượng ngời của Ngài.

[66a] Từ con sông đại-giang thuộc huyện Lệ-thuỷ, người ta vận-chuyển thuyền vào sông Ngô-giang đi thẳng đến Bến-Đầu, xã Thổ-ngoã. Nơi đây, ngày trước có kho lúa nhà nước, ngày nay làm đồn-sở trữ lương. Từ Bến Đầu đến xã Lai - cách đều là núi-non thuộc dãy Trường - linh, và có nhiều gò thấp. Tại đây, rừng tốt-tươi, cây dày rậm, ngày trước có đường xe lên xuống giữa khoảng từ sườn núi đến chân núi, dấu bánh xe đến nay vẫn còn nhan-nhãn. Trước kia, họ Nguyễn thiết-lập hai đội quân « xa-sur » ở đây, mỗi đội gồm 50 người lính. Lính này được lấy ở các xã tình-nguyện bổ-sung. Hai đội « xa-sur » có 4 người đội-trưởng, được cấp-phát 37 cỗ công - xa và 75 con trâu nhà nước, sai-khiến họ chuyên-vận đồ - đạc và lương - thực thật là mau chóng, nhẹ-nhàng. Người ta từng đi từ Bến-Đầu, sai lấy hai đội công-xa, để xe trâu chuyên-chở, mỗi xe có hai con trâu kéo, mỗi người lừa bảy cái xe, mỗi xe chở 1.200 bát lúa, trèo qua mười lăm, mười sáu cái gò ngang, đến Quán-Mít mới nghỉ-ngơi một chút. Rồi lại bắt đầu đi, trèo qua sáu, [66b] bảy lớp cồn bằng, đến giờ Thân [độ 4 giờ chiều] thì đến đồn Lai-cách, xe trâu cũng tới đó nội buổi chiều trong ngày.

Từ ngã ba bến sông Minh-lương, người ta qua đò, rồi trải qua các xã Bình - xá, và Lễ - môn, lại phải trèo một gò đất ngang, qua xã Hương - đình, phường Lịch - tân mà tục gọi là Cầu-Thị. Bên hữu núi nơi đây, có một con đường đi đến tổng



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Bái-trời chừng một trống canh rưỡi. Tổng Bái-trời này gồm 25 phường, có ruộng núi, có rừng vườn màu-mỡ, lúa thóc nhiều nhứt trong xứ này. Nơi đây lại còn sản-xuất hồ-tiêu, thủy-du [dầu nước], trầu và cau.

Từ tổng Bái-trời đi trở xuống đến xã Lê-môn, rồi đi xuống vài xã nữa thì đến một khoảng gò đất dài, trông như bức liên-thành. Nhân-dân làm nhà la-liệt ở đây. Đất gò ấy đều là sắc đỏ, cây-cối rất tốt-tươi.

Qua cầu xã Hà-thượng rồi rẽ ra phía ngoài, ruộng đồng đều cát trắng, nơi đây được gọi [67a] là bãi Hao - hao. Đi bộ một trống canh rưỡi nữa, thì đến một chỗ có mấy trăm mẫu đất bao-la, nhưng tại đất ấy, cây cỏ không sinh sản được. Từ đây, người ta đi vào Tri-dâu, xã Phồ-lại để đi đến Các-dinh. Nhưng đến khi đi ra, người ta lại không đi đường này.

Từ con đường Tri-dâu về phía tả, người ta đi qua phường Trúc-lâm, phường Quán, chợ Mai-xá, chợ Yên định, rồi đi vòng ra phía sau tổng Trái-trời, qua thôn Hoàng-xá-thượng, xã Kinh-môn, rồi đi đò qua Tây-hà, xã Thủy - ba để đi đến xã Hồ-xá. Đường này là đường tắt mà gần. Ấy là con đường chính đi ra Trạm-dinh. Nhưng tại xã Thủy - ba, về mùa thu, thường gặp nước lụt, đường sá bị bùn lầy rất khó đi.

Cũng còn có một con đường nữa từ chợ Kinh-môn đi về phía tả, rồi cứ noi theo bờ sông mà đi đến xã Bình-xá, lại qua đò sông Minh-lương, đến sông Điện-hà [hay Tây-hà] là nơi ba



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

ngọn nguồn hội hợp lại. Một chi từ nguồn Hai, nguồn Một, chảy xuống phía bắc sông Điện-hà. Một chi từ nguồn Tam [hay nguồn Tham] [67b] chảy lại. Ba đường thủy chảy đến sông Minh-lương mới hợp lại làm một, rồi lại chia ra làm hai chi. Một chi về phía hữu chảy vào kênh Cức thuộc xã Thời-hoà. Kênh này được gọi là kênh Ba-lòng chảy qua phá Tam-giang để chảy vào Phú-xuân. Một chi chính thì chảy xuống theo cửa biển Luật-hải.

Thượng-lưu Nguyên-ô từ sách [cũng như làng] Lang-ô tới đồn-tuần Ô-giang, người ta phải đi một ngày. Từ đồn Ô-giang đến xã Từ-hoà cũng phải đi một ngày. Rồi từ xã Từ-hoà đến Trạm-dinh cũng phải đi một ngày nữa.

Còn xã Phồ-lại thuộc huyện Đãng-xương mà tục gọi là Chợ Sùng là nơi đường thủy và đường lục gặp nhau. Người ta đi hay về đều phải qua nơi đây. Từ đây, người ta do đường chính mà đi, phải qua đò ở cửa Điều-ngao rồi đến Cát-dinh không quá một trống canh [độ hai giờ].

Tháng 3 năm Bính-thân [tức năm 1776 là năm thứ 37 niên-hiệu Cảnh-hưng nhà Lê], tôi [tức Lê-qui-Đôn, tác-giả cuốn sách này] mới đến đây, bỗng được nghe nói quan Đốc-lĩnh là Dĩnh-võ-hầu [68a] đương tiến binh tiêu-trừ nguy đảng Miên-đức-bầu Chu-Mỹ ở vùng rừng núi thuộc huyện Hải-lăng. Tôi nghĩ Cam-lộ có đường núi đi vào nước Ai-lao, sợ giặc có thể vượt qua Ai-lao ần trốn, nên tôi muốn sai quan quân hai cơ phó-trương thanh-thế, tiếp-ứng cho nhau tại nơi xa-xôi.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Đề chặn đón đường giặc về phía tả, tôi lập-tức từ chợ Sùng đi về hướng Tây-Nam, trải qua các xã Yên-xuân, Yên-bình, Xuân-ngạn, Cam-đường, Lâm-lang và xã Đình-tổ hạ, rồi lại trải qua các xã Thượng-đô, Thiều-giang, Thuận-đức và Thiết-trường. Con đường ấy rất hiểm-trở và xa-xôi.

Về phía hữu con đường này, đều là núi lớn, rừng rộng. Tôi trèo núi, lội khe, mất nửa ngày mới đến xã Đông-hà. Đến đây, tôi mới thấy nhân-dân trù-mật, đất-đai bằng-phẳng. Trong lúc đi đường, tôi từng thưởng-lãm hình-thế núi sông, và phủ-ủy dân-cư các làng sở-tại. Tôi lại đi qua xã Điều-ngao để đến Cát-dinh.

Chu-Mỹ nghe nói hai đạo quân Triều-dinh đương đón đường ngăn-chặn hẳn cả hai phía tả hữu đường đi, [68b] nên hẳn không dám chạy vào núi, bèn lần trốn ở trên xứ Nhựt-no, rồi bị quan đồn là Bích-võ-hầu bắt được.

Xã Cam-lộ thuộc huyện Đăng-xương ở về mạn Thượng-lưu sông Điều-ngao, phía dưới liên-tiếp với Hải-môn, phía trên tiếp-giáp với man dân các sách Sái-tuyền thuộc nước Ai-lao. Các đường-sá đều xuất-phát ở nơi đây. Xa thì đến các bộ-lạc Lào thuộc nước Lạc-hòn, nước Vạn-tượng, phủ Trấn-ninh và châu Qui-hợp đều có đường thông ra nơi đây [tức xã Cam-lộ]. Vậy nơi này là nơi rất xung-yếu.

Từ xã Cam-lộ này đi vào, đến phường Yên-khang, có một tuần-đồn gọi là tuần Ba-trắng, cũng gọi là đồn Hiếu-giang. Theo



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

lệ thì các người đi buôn lãnh nạp thuế phải tới đồn ấy rồi mới lên đầu nguyên [cũng như tổng] mua trâu, bò, lúa gạo cùng các thứ hàng-hoá, sản-vật, hàng năm phải nạp thuế mỗi người là một trăm mười quan tiền đồng.

Từ tuần Ba-trắng này đi hai ngày rưỡi nữa thì đến biên-giới con sông lớn thuộc cảnh-địa nước Ai-lao. Ngày xưa họ Nguyễn có thiết-lập [69a] một dinh-đồn gồm sáu thuyền binh đóng ở đây. Binh đều được tuyển-mộ, còn dinh-đồn được gọi là dinh Ai-lao.

Về phía bên hữu sông thuộc xã Cam-lộ cũng có một tuần-đồn là tuần Cây-lúa, lệ thuế đồn này cũng như đồn Hiếu-giang, và thuế hàng năm thu được rất nhiều.

Từ đây người ta có thể thông đến Mang-đạo nước Vạn-tượng.

Về phía bên tả đồn Hiếu-giang, cũng có một tuần-đồn được gọi là tuần Ngưu-cước, thuế lệ cũng y như thuế lệ đồn Hiếu-giang, thuế hằng năm mỗi người buôn là một trăm hai mươi quan tiền đồng.

Từ Hiếu-giang đi trở lên đến các động bên tả và bên hữu, có người Man ở, họ cày cấy và thu-hoạch lúa rất nhiều.

Từ xã Cam-lộ lên tuần Hiếu-giang, người ta phải đi một ngày. Từ tuần Hiếu-giang lên đến đầu nguyên núi Thác-ma cũng phải đi một ngày. Từ xã Cam-lộ xuống đến ngã ba đò Bến-Dịch

PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

cũng mất một ngày. Từ đò Bến-Dịch đi xuống cửa Việt-hải (tục gọi xã Dã-độ) mất nửa ngày. Còn từ núi xuống biển hay từ biển lên núi đều phải mất hai ngày như nhau.

[69b] Đầu nguyên sông Thạch-hãn thuộc huyện Hải-lăng, từ phường Tân-yên xuống đến quán Ngã-ba, người ta phải đi một ngày. Lại có một chi ở bên tả đầu nguyên, từ sách dân Man Toái-ôi xuống đến quán Ngã-ba mất một ngày. Từ quán Ngã-ba đến đồn-tuần Ngưu-cước một ngày. Từ đồn Ngưu-cước đến phường Khe-Tấu một ngày. Từ phường Khe-Tấu đến tuần-đồn Viên-kiều mất nửa ngày. Từ đồn Viên-kiều đến đò Ngã-ba Dịch một ngày. Từ phường Hoa-mai, dựa theo đầu nguyên Hạ-giang đi về phía tả để lên các sách dân lậu Toái-ôi, đi về bên tả đến xứ Ba-hy là nơi dân Man ở, bỏ về phía tả để lên đến sách Man-dân, có con đường đi vào Gia-định, Đồng-nai không quá sáu ngày. Nhưng đường này, núi sông rất hiểm-hóc và to-lớn, rất khó đi thông suốt được.

Dinh Tân-cát đóng tại đầu núi xã Phước-tuyền do Thiệu Quận-công trước đây mới thiết-lập. Còn Trấn-dinh cũ [70a] của họ Nguyễn thì được đặt tại phía Tây sông Ái-tử.

Từ Trấn-dinh đi ra đường lớn, người ta phải qua đò Ái-tử rồi đi về phía tả chỉ mất mấy phút là đến nơi, quân phòng đương còn ở đó, tức là nơi mà Đoan Quận-công Nguyễn-Hoàng đã thiết-lập khi mới vào nhậm trấn Thuận-hóa.

Ở về phía Đông sông Ái-tử có hai xã Đầu-kinh và Hoa-la.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Xét sách sử nhà Minh có chép : « Trương - Phụ đuổi theo và đánh bại vua Trần Trùng - Quang ở sông Ái - tử » tức là nơi đây.

Năm Ất-vị [tức năm 1775 là năm thứ 36 niên-hiệu Cảnh-hưng nhà Lê] trước, Quốc-lão Việp Quận-công [tức Hoàng ngũ Phúc] vào trấn Quảng-nam, uỷ-thác cho quan Đốc-suất Đoan Quận-công [tức Bùi-thế-Đạt] trông coi việc chuyên-chở vào Thuận - hoá. Đoan Quận - công giao - phó cho người Thuận-hoá là Cai-Lưu và Cai-Mỹ coi việc mở con sông tại hai xứ Quán-pháp và Ông-đốc đề thông đường vận-tải từ châu Minh-linh vào Thuận-hoá. Hai tên này sức cho các xã thôn thuộc hai huyện Đăng-xương và Hải-lăng phải lên đầu nguồn, xuống cửa biển, và bắt-buộc [70b] mỗi xã phải nạp tiền khoán là hai mươi lăm quan. Chúng tự sai-khiến người nhà khai đào sông. Nhưng bùn và cát cứ từ dưới đất đùn lên bồi lấp sông, nên việc chuyên-chở vẫn phải bế-tắc đình-trễ. Đã mấy lần bị thúc giục sức bắt đi khai kênh, dân hai huyện ấy khổ - sở không xiết kể.

Tháng 3 năm Bính-thân [tức năm 1776 là năm thứ 37 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], quan đồn Dinh-Cát là Trần-lĩnh-hầu mới sai các phó-đốc hội họp nhân-dân hai huyện kể trên để xem xét tình-bình và đo-đạc. Ông lại xin biệt khai kênh mới bảy mươi chín trượng để giảm bớt nỗi khó-nhọc và tổn-kém của dân. Kênh mới này, đem so-sánh với kênh cũ, thì giảm đi được hơn hai trăm trượng, nên Đoan-quận-công chấp-thuận. Đoan-quận-

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

công uỷ-thác cho quan đồn trông-coi công-việc đào kênh mới, và giao-phó cho hai tổng đều khởi công, xuất-phát dân-phu khai-đào.

Còn việc tên tổng-trưởng sức hạ các phường sách đầu nguyên phải nạp tiền khoán mỗi đầu dân ba mươi quan tiền, chúng tôi [tức Cụ Lê-quý-Đôn] thấy một phường tới kêu kiện, nên cho phiếu đòi tổng-trưởng ấy đến phạt trọng, và truy-thâu số tiền bồi-hoàn cho dân.

[71a] Năm Giáp-ngọ niên - hiệu Cảnh-hưng [tức năm 1774 là năm thứ 35 niên-hiệu Cảnh-hưng vua Lê Hiến-tông], quân của Vương - thượng [tức chúa Trịnh - Sâm tự xưng Tĩnh - đô-vương] bình-định xong xứ Thuận-hoá, và lược-định được xứ Quảng-nam.

Khi quân đến đất Châu-Ồ thuộc huyện Bình-sơn [Quảng-nghĩa], thì Phác-trung-hầu là Đình-văn-Phục hiện làm chức quan đốc-vận đường biển, có lược kê khai lộ-trình thuyền đi như sau :

Có một con đường biển từ cửa biển Đại-an thuộc xứ Sơn-nam [tức tỉnh Nam-định ngày nay] đến cửa Thần-phù¹, thuyền đi mất một trống canh rưỡi, cộng một ngày trú quân.

1. Cửa biển Thần-phù ở giữa địa-phận huyện Nga-sơn, tỉnh Thanh-hoá và phủ Kim-sơn, tỉnh Ninh-bình. Ngày nay, đất ở cửa biển ấy tự nhiên bồi lên và biến thành ruộng-nương rất màu-mỡ. Tại làng Chính-

→



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

(Ở ngoài cửa biển Đại-an, có nổi cao lên một bãi trường-sa. Ven bãi dài chừng ba dặm. Cửa biển này lớn mà cạn, và có nhiều cát chìm. Lúc nước thủy-triều rút xuống, thì thuyền đi ra vào cửa này rất khó-khăn).

(Cửa Thần-phù cạn, hẹp. Về bờ biển phía hữu, có nhiều hòn núi đột-khởi lên. Ở trong dãy núi ấy, có một nơi có thể dung-nạp được một nghìn người, tục gọi là vườn Đào. Về bờ biển phía tả, có một bãi bình-sa rộng lớn, tục gọi là Cồn-Đình).

Từ Vườn-Đào đến Thu-vi-ngoại, thuyền đi mất nửa trống canh. Tục gọi nơi đây là Cửa-Trào (cửa này sâu mà hẹp, thuyền phải đi quanh-co, ra khó, vào dễ, nên tục gọi là cửa « Dễ vào khó ra ». [Cửa Trào ở về địa-phận làng Hội-trào, phủ Hoàng-hoá, tỉnh Thanh-hoá hiện nay].

Từ cửa Trào đến cửa Hiếu-hiền, thuyền đi mất hai trống canh. (Cửa Hiếu-hiền, này có nhiều cát chìm. Cửa lớn, cạn, thuyền ra vào rất khó-khăn). [Cửa Hiếu-hiền ở về địa-phận huyện Quảng-xương, tỉnh Thanh-hóa hiện nay].

Từ cửa Hiếu-hiền đến cửa Du-xuyên [tức Do-xuyên], thuyền

→
đại ở chính giữa cửa biển Thần-phù ngày xưa, hiện còn một ngôi đền thờ thần « Áp-lăng Quận-công » là vị Quận-công trấn-áp được sóng biển. Nhân dân địa phương ấy thường hát câu : « Lênh-đênh trước cửa Thần-phù, khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm ».



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

đi mất hai trống canh. Tục gọi cửa này là cửa Bạng. (Cửa này cạn hẹp, bờ bên tả có nhiều đá, bờ bên hữu thì toàn cát, thuyền đi khó-khăn và thường gặp trở-ngại). [Cửa Duy-xuyên hay cửa Bạng ở về địa-phận làng Du-xuyên hay Do-xuyên, tổng Tuần-la phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hoá hiện nay. Làng Du-xuyên giáp với Ba-làng].

Từ cửa Du-xuyên đến đồn-tuần Biện-sơn, thuyền đi chỉ mất nửa trống canh. (Đồn-tuần Biện-sơn cách xa bãi biển độ chừng 10 dặm. Ở đồn Biện-sơn, có một cái đầm lớn ăn sâu vào trong núi. Trong đầm núi, lại có một nơi được gọi là «Ngọc-đàm» tức là đầm Ngọc. Ở trên Ngọc-đàm, người ta bày đồn canh-tuần. Những thuyền qua lại nơi đây thường tới nương-đậu trong đầm thì khỏi lo-ngại sóng gió). Từ cửa Trào đến tuần-đồn Biện-sơn, cộng một ngày trú quân. [Đồn Biện-sơn ở về địa phận làng Biện-sơn, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hoá hiện nay].

Từ xứ này [tức đồn Biện-sơn] qua Cửa Càn [Cửa Cờn], thuyền đi mất một trống canh. (Tại cửa Càn, bờ bên tả có núi đá, bờ bên hữu có một khoảng bình-sa. Nhân-dân ở sâu vào trong đất liền. Phía trên cửa biển, có một ngôi đền thờ bốn vị Thần «Tứ Thánh nương»). [Cửa Càn ở về địa-phận làng Thanh-cần, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an. Ngôi đền Càn là ngôi đền có tiếng thiêng-liêng và lớn nhất trong tỉnh Nghệ-an].

Từ cửa Càn đến cửa Hoàn-hậu, [71b] thuyền đi mất một trống canh. Tục gọi nơi đây là cửa Quyền hay cửa Quèn. (Cửa



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

này sâu hẹp, hai bên bờ biển có nhiều núi liên-tiếp với nhau). [Cửa Quyền ở giữa địa-phận huyện Quỳnh-lưu và phủ Diên-châu, tỉnh Nghệ-an hiện nay].

Từ cửa Quyền qua cửa Thanh-viên, thuyền đi chỉ nửa trống canh. Cửa Thanh-viên tục thường gọi là cửa Thơi. (Cửa này cạn và hẹp, bờ bên hữu có núi đá, bờ bên tả có một khoảng bình-sa rộng mênh-mông và dài thẳm-thẳm). [Cửa Thơi này ở về địa-phận phủ Diên-châu, tỉnh Nghệ-an hiện nay].

Từ cửa Thơi qua cửa Vạn-phần, thuyền đi một trống canh. (Cửa này, hai bên bờ đều là đất bình-sa). [Cửa Vạn-phần ở về địa-phận làng Vạn-phần, phủ Diên-châu, tỉnh Nghệ-an hiện nay. Nơi đây sản-xuất nước mắm rất nhiều và rất ngon có tiếng].

Từ cửa Vạn-phần qua cửa Hiền, thuyền đi chỉ nửa trống canh. (Cửa này rất cạn và rất hẹp, hai bên bờ toàn là núi, thuyền lớn không thể nào vào được). [Cửa này ở giữa địa-phận phủ Diên-châu và huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an hiện nay].

Từ cửa Hiền đến cửa Hoàng-la, thuyền đi chỉ nửa trống canh. Cửa Hoàng-la, tục thường gọi là cửa Lò¹, lại có một tên

1. Cửa Lò là một cửa biển có phong-cảnh thiên-nhiên rất đẹp và hùng-tráng. Cách cửa Lò chừng hai cây-số đi ra ngoài biển, có hai hòn núi song-song với nhau, trông ra như hai con cá ông-voi đang bơi, cho nên được gọi là núi Song-Ngur. Ở cửa Hội, người ta trông ra hòn núi Song-Ngur cũng gần như ở cửa Lò. →



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

khác nữa là cửa Hiền-thế. (Cửa Lò hay cửa Hiền-thế cạn và hẹp, bờ bên hữu có núi đá, bờ bên tả là một khoảng bình-sa mông - mênh). [Cửa Lò ở về địa-phận huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an, bao-gồm địa-phận 6 làng xã duyên-hải là xã Khánh-duệ, làng Yên-trạch, làng Mai-lĩnh, làng Yên-lương, làng Mai-bảng và xã Vạn-lộc].

Từ cửa Lò đến cửa Hội, thuyền đi mất một trống canh. (Ngoài cửa Hội có hòn núi Song-Ngư đứng sừng-sững. Cửa này rộng lớn, có nhiều hòn đá ngầm dưới nước, và có những luồng sóng rất lớn). Từ cửa Càn tới cửa Hội cọng một ngày trú quân. [Cửa Hội ở giữa địa-phận huyện Nghi-lộc tỉnh Nghệ-an và huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh hiện nay].

Từ cửa Hội đến cửa Bình-luật, thuyền đi mất năm trống canh rưỡi. Cửa Bình-luật tục thường gọi là cửa Sốt. (Cửa này nước rất sâu. Tại bờ bên hữu có nhiều ngọn núi đứng thẳng như tấm vách. Trên núi có đền thờ Bà Trung-vương. Ở dưới mặt nước, có một hòn đá chìm, hình như con bươu, các thuyền đi biển nên tránh chỗ này). [Cửa Bình-luật tức cửa Sốt này ở về địa-phận huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh]. Từ cửa Hội đến cửa Sốt cọng một ngày trú quân.

→

Cửa Lò còn là một nơi thừa-lương rất tốt. Mùa hè, người ta đua nhau xuống cửa Lò hóng gió mát. Cửa Lò Nghệ-an cũng như cửa Sầm-sơn ở Thanh-hoá.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Từ cửa Sốt đến cửa Nhượng-bạn, thuyền đi mất ba trống canh. (Cửa Nhượng-bạn cạn và hẹp. Về bờ bên tả, có hòn núi đá; về bờ bên hữu, có khoảng bình-sa). [Cửa Nhượng-bạn ở về địa-phận làng Nhượng-bạn, huyện Cẩm-xuyên, tỉnh Hà-tĩnh hiện nay].

Từ cửa Nhượng-bạn đến cửa Hải, thuyền đi mất hai trống canh. (Cửa Hải sâu mà hẹp. Về phía bờ bên tả, có hòn núi đá, về phía bên hữu, có bãi bình-sa. Ở trên núi, có đền thờ Thánh Tôn-Thần nữ). Từ cửa Nhượng-bạn đến cửa Hải cọng một ngày trú quân. [Cửa Hải này, tục gọi cửa Hời, ở về địa-phận huyện Kỳ-anh, tỉnh Hà-tĩnh hiện nay, gần Đèo Ngang].

Từ cửa Hải qua cửa Cảnh-dương ¹, thuyền đi mất ba trống canh. Tục gọi cửa Cảnh-dương là cửa Ròn. (Cửa Ròn rất hẹp, mà có nhiều luồng sóng ngầm, sóng không dồi cao). [Cửa Cảnh-dương ở về địa-phận làng Cảnh-dương, phủ Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình hiện nay].

Từ cửa Ròn hay cửa Cảnh-dương đến [72a] cửa Tranh hay cửa Gianh, thuyền đi mất một trống canh rưỡi. (Cửa Gianh rất sâu và rất rộng).

7. Làng Cảnh-dương. có phong-cảnh rất đẹp, là một trong bốn làng văn-vật thuộc phủ Quảng-trạch là: Sơn, Hà, Cảnh, Thổ tức là làng Lê-sơn, làng La-hà, làng Cảnh-dương và làng Thổ-ngoã. Làng Cảnh-dương còn sản-xuất nước mắm rất ngon gọi là nước mắm Ròn.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Từ cửa Cảnh-dương hay cửa Ròn đến cửa Tranh cọng một ngày trú quân. [Cửa Gianh ở về địa-phận Quảng-khê, gần Ba-dồn thuộc phủ Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình hiện nay].

Từ cửa Gianh đến cửa Lý-hoà ¹, thuyền đi chỉ một trống canh. (Cửa Lý-hoà rất cạn, hai bên có sóng đưa cát vào). [Cửa Lý-hoà ở về địa-phận làng Lý-hoà, huyện Bồ-trạch, tỉnh Quảng-bình hiện nay].

Từ cửa Lý-hoà đến cửa Nhựt-lệ, thuyền đi tới ba trống canh. Tục thường gọi cửa Nhựt-lệ là cửa Thầy. (Tại cửa Nhựt-lệ này, nước rất hiểm sâu và có nhiều sóng. Hai bên bờ đều là bãi bình-sa. Ở trên đất liền, có lũy đá).

Từ cửa Lý-hoà đến cửa Nhựt-lệ cọng một ngày trú quân. [Cửa Nhựt-lệ ở về địa-phận thành-phố Đông-hời hiện nay].

Từ cửa Nhựt-lệ đến cửa Minh-linh, thuyền đi phải mất một ngày một đêm. (Cửa Minh-linh rất cạn, hai bên bờ có nước thủy-triều đưa cát vào. Thuyền rất khó vào cửa này). [Cửa

1. Làng Lý-hoà là làng đông dân-cư và giàu-có vào hạng nhứt, nhì trong tỉnh Quảng-bình. Làng ấy còn có tiếng là văn-vật. Cách đây chừng 50 năm, làng có Cụ Tế-tử Nguyễn-duy-Miến sinh 5 con trai, thì 1 người đỗ Hoàng-giáp là Nguyễn-duy-Phiêu, 1 người đỗ Tiến-sĩ là Nguyễn-duy-Tích, 1 người đỗ Phó-bảng là Nguyễn-duy-Thiện và 2 người đỗ Cử-nhân là Nguyễn-duy-Thắng và Nguyễn-duy-Đồng.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Minh-linh ở về địa-phận phủ Vĩnh-linh, tỉnh Quảng-trị hiện nay].

Từ cửa Minh-linh đến cửa Việt, thuyền đi phải mất hai trống canh. (Cửa Việt rất sâu và rộng, thường có những luồng sóng âm-âm và nổi lên cao; hai bên bờ đều có bãi bình-3a). [Cửa Việt ở về địa-phận tỉnh Quảng-trị, gần nơi Vỹ-tuyến 17 là ranh-giới chia đôi Nam và Bắc Việt-Nam hiện nay].

Từ cửa Việt đến cửa Bạt-lộ, thuyền phải đi đến bốn trống canh. Tục thường gọi cửa Bạt-lộ là cửa Yêu. Người ta cũng gọi cửa này là cửa Thai-dương. (Cửa Bạt-lộ hay cửa Thai-dương có những luồng sóng ngăm xoay vòng từng hồi từng khúc. Hai bên bờ đều bằng-phẳng và rộng-rãi). Từ cửa Việt đến cửa Thai-dương cọng một ngày trú quân. [Cửa Thai-dương ở giữa địa-phận phủ Vĩnh-linh, tỉnh Quảng-trị và huyện Phong-diễn tỉnh Thừa-thiên hiện nay].

Từ cửa Thai-dương đến cửa Tư-dung [chữ Dung mà trong bản Hán-văn viết lộn là chữ Khách. Ngày trước cửa Tư-dung, sau này mới đổi tên là cửa Tư-hiền], thuyền đi phải đến ba trống canh. Tục thường gọi cửa này là cửa Mù-u [hay Bờ-u]. (Cửa Mù-u có những luồng sóng rất lớn, hai bên bờ đều có bãi bình-3a). [Cửa Mù-u ở về địa-phận huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-Thiên].

Từ cửa Mù-u, thuyền lại đi hai trống canh nữa, thì đến cửa Đà-nẵng mà tục gọi là cửa Hàn. (Cửa này, về phía bên tả có



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

bãi bình-sa, về phía bên hữu có núi đá. Từ cửa Mù-u đến cửa Đà-nẵng hay cửa Hàn cộng một ngày trú đóng quân. [Cửa Đà-nẵng hay cửa Hàn ở về địa-phận thị-xã Đà-nẵng trong tỉnh Quảng-nam hiện nay].

Từ cửa Đà-nẵng hay cửa Hàn đến cửa Đại-chiêm, thuyền đi mất ba trống canh. (Tại cửa Đại-chiêm, có những luồng sóng rất lớn, hai bên bờ đều là bãi bình-sa). Từ cửa Hàn đến cửa Đại-chiêm cộng một ngày trú quân. [Cửa Đại-chiêm ở về địa-phận phủ Duy-xuyên, tỉnh Quảng-nam hiện nay].

Từ cửa Đại-chiêm đến cửa Bàn-than, [72b] thuyền đi phải đến năm trống canh. (Tại cửa Bàn-than, hai bên bờ toàn là núi, ngoài cửa biển có những luồng sóng cuồn-cuộn rất gấp). Từ cửa Đại-chiêm đến cửa Bàn-than cộng một ngày trú quân. [Cửa Bàn-than ở về địa-phận phủ Tam-kỳ tỉnh Quảng-nam ngày xưa, ngày nay thuộc về tỉnh Quảng-tín].

Từ cửa Đại-chiêm đến cửa Châu-Ồ, thuyền đi phải đến năm trống canh. (Hai bên bờ cửa biển Châu-Ồ đều có núi, ngoài cửa biển có những luồng sóng cuồn-cuộn rất mau. Từ cửa Bàn-than đến cửa Châu-Ồ cộng một ngày trú quân. [Cửa Châu-Ồ ở về địa-phận tỉnh Quảng-nam giáp tỉnh Quảng-nghĩa].

Tuy nhiên, trong khoảng lộ-trình kể trên, còn phải tùy ngọn gió thuận hay nghịch, ngày khởi-hành sớm hay muộn, và những



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

nơi đi qua, thuyền đậu lại lâu hay mau, đều không có nhất-định. Nay chúng tôi chỉ ghi-chép một cách đại-lược như vậy mà thôi.

+

Kinh-thành Phú-xuân ở về huyện Hương-trà vốn là địa-phận xã Thụy-lôi ngày xưa. Đến đời chúa Nguyễn-phúc-Trần¹ tự xưng Hoảng-quốc-công, mới thiết-lập dinh trấn ở đây [trước lúc đó, dinh trấn ở tại huyện Đan-diềm ngày xưa, tức huyện Quảng-diềm ngày nay].

Đất Phú-xuân là nơi đại-địa, bằng-phẳng, đẹp-đẽ như lòng bàn tay, chu-vi có thể rộng hơn mười dặm đất. Tại trấn-dinh, thì nội chính-dinh ở một nơi đất cao hơn, bốn phía đều thấp cả. Đó là ở giữa một khoảng đất rộng-rãi, bằng-phẳng, bỗng đột khởi lên một ngôi đất cao.

Đất này [nói theo phép địa-lý Đông-phương ngày xưa] toạ Càn-phương [phương nam], hướng mặt về Tốn-phương [phương đông-nam] nương-tựa ngang vào long-tích [xương sống con rồng]. Ở phía trước, có nhiều hòn núi bảo-vệ trấn-dinh được sắp-bày la-liệt, và đều thu nhận những giòng nước

1. Nguyễn-phúc-Trần là chúa Nghĩa, con thứ hai của Nguyễn-phúc-Tân tức chúa Hiền. Chúa Nguyễn-phúc-Trần về sau được truy tặng « Anh-tông hiệu nghĩa hoàng đế » và yên táng tại Trường-mậu-lăng.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

hồ-thuỷ [theo địa-lý]. Ấy là mạch đất đại phát tài, phát quyền-lực và giàu-sang thịnh-vượng.

Từ năm Đinh-mão là năm thứ 8 niên-hiệu Chính-hoà ¹ [tức là năm 1687 sau Công-nguyên] cho đến ngày nay [tức là năm 1776 là năm tác-giả cuốn sách này là Lê-quí-Đôn Tiên-sinh vào làm Trấn-thủ Thuận-hoá] mới gần [73a] được 90 năm, mà trên thì có phủ-từ [đền của phủ] Kim-hoa và Quang-hoa, ở giữa thì có những nhà hành-lang phủ-trạch [nhà của phủ], ở dưới thì có những ngôi đường-vũ phủ-ửu [những ngôi nhà của phủ được tráng men như đồ sứ].

Rồi đến đời chúa Nguyễn-phúc-Chu ² tự tôn-xung Vương-vị, lại thay đổi tên, để lại các biền [bức hoành], đền phủ Kim-hoa và Quang-hoa đều được đổi thành hai điện, lại có những ngôi nhà Tụ-nhạc, nhà Chánh-quan, nhà Trung-hòa, nhà Di-nhiên. Có đài Sương-xuân, các Diêu-trị, các Triều-dương [chính là nơi mà Lê-quí-Đôn Tiên-sinh đã biên-soạn cuốn sách « Phủ-biên tập-lục » này], các Quang-thiên, đình Thụy-vân, hiên

1. Niên-hiệu Chính-hoà là niên-hiệu vua Lê Hy-tông. Lê Hy-tông là con út của vua Lê Thần-tông, ở ngôi được 30 năm. Năm Bính-thìn (1676) Lê Hy-tông lên ngôi, lấy niên-hiệu là Vĩnh-trị. Đến năm Canh-thân (1680), Lê Hy-tông lại đổi niên-hiệu Chính-hoà.

2. Nguyễn-phúc-Chu (1691-1725) nguyên là Tộ-phúc-hầu, sau xưng Tộ-quốc-công, tự hiệu là « Thiên tủng đạo nhân », về sau lại được truy tặng « Hiền-tông hiếu-minh hoàng-đế ». Chúa Phúc-Chu tại vị được 34 năm và được an-táng tại lăng Trường-thanh.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Đồng-lạc, am Nội-viện, đình Giáng-hương cùng với bao nhiêu công-đường, học-trường và sùng-trường nữa.

Ở về mạn thượng-lưu bờ nam-ngạn, có phủ Dương-xuân ¹, phủ Cam. Đi lên phía trên nữa, có phủ Tập-tượng là nơi dành để luyện-tập voi. Người ta lại còn xây-dựng điện Trường-lạc, hiên Duyệt-võ, đâu đâu cũng đều là nhà lớn nguy-nga, đài cao rực-rỡ.

Vòng quanh bức tường thành và các nhà tả-vu, hữu-vu, đều có cửa trong, cửa ngoài thông ra bốn phía.

Các điện đài đều được tô sơn, khắc chữ, vẽ tranh trang-sức huy-hoàng. Nhân-công đến như thế thật là cùng-cực.

Các ngôi nhà đều có nền-móng bằng-phẳng, đều được lát gạch và lát đá cả.

1. Phủ Dương-xuân ở về địa-phận làng Dương-xuân, gần thị-xã Huế. Tại làng Dương-xuân, có một chùa rất đẹp, mang tên là chùa Từ-hiếu. Ở trong chùa Từ-hiếu, có một đôi câu đối cần rất hay. Tôi xin chép ra sau :

« Từ-hiếu mệnh danh, sử thiên-hạ chi vi phụ vi tử.

Dương-xuân kiệt-tác, vong tư thế chi như thu như đông ».

Xin tạm dịch :

« Chùa Từ-hiếu được nhà vua mệnh danh, khiến những kẻ làm cha, làm con phải hết đạo.

Làng Dương-xuân có ngôi chùa kiệt-tác, quên đời nay như thu, như đông dễ buồn lòng ».



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NHỨT

Trên trần [73b] các ngôi nhà đều được che đóng bằng những tấm ván gỗ kiên-kiền thật là đẹp. Những mái nhà có nước giọt đều có ống thiếc để hứng lấy nước từ trên mái nhà chảy xuống.

Rải-rác ở trong vườn, người ta trồng cây gỗ như cây sung, cây mít đều to-lớn mà tay ôm mấy vòng mới cùng.

Vườn sau, có các hòn núi giả-tạo, có những hòn đá lạ-lùng, có ao vuông-vức, có hồ quanh-co, có cầu nổi cao, có nhà làm trên mặt nước (thuỷ-tạ).

Tường trong và tường ngoài hai lớp đều được xây dày đến mấy thước. Tại những bức tường, người ta dùng đá, vôi và những miếng nhỏ đồ sứ làm hình những con long, con hổ, con kỳ-lân, con phượng-hoàng và các thứ hoa-huỷ khác.

Tại mạn thượng-lưu và các miền hạ-lưu Chính-dinh, các quân-phòng đều được thiết-lập la-liệt theo hình chữ Tỉnh giống như bố-tri bàn cờ, và còn có những phòng-ốc thuỷ-quân nữa.

Lại ở bên bờ sông đối-diện với Chính-dinh, những công-xưởng đóng thuyền và những kho chứa-đựng lúa thóc đều được xây-dựng tại địa-phận xã Hà-kê và xã Thọ-khang [nay là Thọ-xương].

Tại mạn thượng-lưu bờ sông đối-ngạn này, thì vườn nhà các vị Công, Hầu, và các quan đại-thần chia nhau ở la-liệt tại hai bên bờ sông về mạn thượng-lưu sông Phú-xuân [tức sông



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Hương] cùng hai bên bờ sông con [tiểu-giang] ở về phía hữu Phủ-Cam.

Còn như tại Thượng-lưu và Hạ-lưu [74a] con sông trước Chính-dinh, thì chợ-búa và phố-xá ở nối-tiếp nhau không hở. Con đường đại-lộ ở giữa, hai bên đường cái đều có nhà-cửa gần-gũi, liên-tiếp nhau, và các nhà ở đều được chia thành từng khu ngay-thẳng, không có một nhà nào là không được lợp ngói.

Có các cây Kiêu-mộc [cây lớn và lâu năm] rữ bóng im mát, những cây này đều được trồng thành từng hàng ngay-thẳng ở hai bên tả hữu đường cái.

Còn những thuyền buôn và thuyền dò thì qua lại luôn-luôn trên mặt sông không bao giờ ngớt.

Chu-hữu-Tín, trong bài « Sơn-minh », có những câu văn nói rằng :

*« Thanh ỷ xuân môn, cầu cừ giao ánh ;
Lục sư thu thị, chu tiếp tương thông ».*

Xin tạm dịch :

« Dưới vòm trời xanh, tựa chốn xuân-môn, thấy ngòi cừ long-lanh trước mắt.

Giữa mùa thu thắm, nhìn nơi thu-thị, thấy thuyền bè chằng-chịt trên sông. »

PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Thiết-tưởng cảnh sắc xinh đẹp cũng đến như thế này mà thôi.

Nhà giật-sĩ Ngô-hoàn-Phác, năm Ất-vị, có đi qua chùa Tây-thiền, nhân có cảm-tác một bài thi như sau :

*« Bửu-các, quỳnh-lâu bán dĩ hoang,
Phạm-cung y cựu đối tà-dương.
Khả lân nhị bách niên cơ-nghiệp,
Bất cập sơn tăng nhất mộng trường ».*

Xin tạm dịch nghĩa đen như sau :

« Các báu, lầu quỳnh, phần nửa đều bị bỏ hoang-tàn hư-nát, chỉ có cung thờ Phật vẫn còn y-nguyên như cũ đối với ánh mặt trời tà. Thương thay hai trăm năm đế-vương cơ-nghiệp không bằng sơn-tăng một giấc mộng trường. »

Xin tạm dịch bằng thơ :

*« Các tía, lầu son nửa bỏ hoang,
Nầy cung thờ Phật vẫn như thường.
Thương thay cơ-nghiệp hai trăm tuổi,
Chẳng kịp sơn-tăng giấc mộng trường ».*

Trấn Thuận-hoá có chùa công Thuận-an, chùa công Kim-luông, chùa công Hà-trung, chùa công Quang-xuân, [74b] chùa công Thiên-mỗ đều là những ngôi chùa lớn có danh-tiếng. Tại những ngôi chùa kể trên, đều có đặt chức Tăng-lục.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Các chùa lại còn có ty Tăng-lục, ty Nội-pháp-lục, ty Huyền-pháp, ty Đạo-sĩ đạo-lục, ty Tứ-quý, ty Đạo-sĩ lương-y và ty Trung-tượng cơ lương-y.

Trấn thành Phú-xuân thuộc xứ Thuận-hoá thâu-nhận nước từ bốn đầm lớn chảy về, tiếp với bốn cửa biển. Ở phía trước trấn-thành, có đầm lớn Hà-trung chảy ra cửa biển Tư-dung (tục-danh cửa Ông, lại có tên cửa Bồ-u), rồi đầm ấy lại chảy rẽ ra cửa biển Cảnh-dương. Còn ở phía sau trấn-thành, thì có đầm lớn Tam-giang chảy tới cửa biển Nại-hải tục gọi là cửa Yêu [hay cửa Eo].

Dinh Phú-xuân [tức Chính-dinh trong số 12 dinh trong nước ngày xưa] có một giòng hồ-thủy bao-bọc đường trước ấy là :

1. Nguồn Tả-đàm chảy xuống làm sông Phú-xuân [75a].
2. Sông Tiểu-giang Yên-nông.
3. Nguồn Hưng-bình chảy vào đầm Hà-trung.
4. Nguồn Phúc-bình chảy xuống, đi qua Cao-đôi rồi chảy vào đầm Hà-trung.
5. Nước từ đèo Miệt-muối, chảy xuống đến đò Cảnh-dương.

Dinh Phú-xuân lại còn có ba trùng long-sa [đá vụn, sỏi vụn] che chở, bảo-vệ phía tả là :

1. Ở bên tả con sông Lạc-nô-kiều là phố Thanh-hà.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

2. Ở bên tả mạn thượng-lưu con sông nhỏ Ngã-ba-sinh là các xã Hồng-phước và xã Hoà-thuận.

3. Ở bên tả hạ-lưu đầm Tam-giang là các xã Bình-trị và xã Thai-dương thẳng đến cửa Eo.

Từ huyện Phú-vang đi ngược lên có hồ Sơn-trung, đi xuôi xuống thì có biển [tức biển Thuận-an]. Hồ lớn Hà-trung thì rộng mênh-mông, nhìn không thấy bờ-bến, không thể lường biết được hồ rộng bao nhiêu mẫu, bao nhiêu khoảnh. Dân-cư các xã đều ở la-liệt tại bốn bên hồ. Xã Diêm-trường ở tại giữa hồ, một bên [75b] có cầu thông đến bờ sông Nghi-giang, cầu dài 110 gian [một gian dài 6 thước]. Ở những nơi bờ hồ lõm vào đều có một cái đầm, đó là : đầm Minh-lương, đầm Ô-trà, và đầm Đả-đả. Hằng năm, tiền thâu thuế các đầm nạp vào quỹ nhà nước có đến nghìn quan tiền.

Ngày xưa, Lương-lục-Vân phú-đáp thư của Mậu-Yên có nói đến hiện-trạng đất-đai của huyện Toán [tên một huyện về đời nhà Hán] như sau :

« Huyện cách nơi quận-ly không quá một hai ngày đường đi. Thẳng hướng đông huyện mà đi ra, thì đường thuỷ và đường lục đều lưu-thông cả. Về hướng tây huyện có một cái hồ lớn rộng bao-la đến nghìn khoảnh. Tại hướng bắc huyện, có một hòn núi danh-thắng. Tại hướng nam huyện có rừng chằm. Phương đông huyện thì giáp với biển lớn mênh-mông không thấy bờ-bến, thuyền rong chạy dài. Một lần phóng thuyền, có



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

thề đi đến nghìn dặm. Phía bắc huyện tiếp-giáp với châu Thanh, [thuộc vùng Sơn-đông, tức Liêu-dương ngày nay], châu Từ. [Một châu trong số chín châu Trung-quốc ngày xưa. Đông-sơn huyện ngày nay là cự ly Từ-châu]. Phía đông huyện thì gần Giao-châu và Quảng-châu. Những sản-vật ở biển lẫn-lộn với nhau, nhiều quá đến nỗi không thể xưng danh từng vật được.

Ở đây, người ta ngăn sông làm vũng chứa nước; đốt cỏ rậm lấy ruộng làm mùa-màng; cày lửa bừa nước, không phiền tốn sức người; súc-tích hay bài-tiết tự ý người, lên cao hay xuống thấp [76a] tại lòng mình, lên một cấp thành mây, xuống một cấp thành mưa, đã dầm ngấm, đã thấm-nhuần, tùy thời-tiết thay tuế-tự.

Ở nơi đây, quan trên không phải lo nạp lúa công bị chậm-trễ, dân-chúng không phải lo đói-khát túng-thiếu; áo cơm thường đủ, kho-tàng thường đầy.

Dường như người ta có thể ngăn chặn được bãi biển, cách-tiết được ruộng bờ, rồi tùy theo nước thủy-triều lên xuống bắt cá, xúc tôm, bắt cá chiên, cá vị đỏ đuôi, cá cứ-xỉ là cá răng cưa [tức cá đao], cá tị-mục là cá liền mắt¹ thật không thể nào mà kể cho xiết được.

1. Cá Tị-mục là thứ cá có hai con mắt liền nhau và ở về một bên, tục gọi cá Lười-trâu. Cá này thân mỏng, cá lớn cũng chỉ bằng bàn tay người ta mà thôi.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Người ta lại còn lấy thịt cá lưu, cá phục¹ làm nem làm chả nướng ăn, lấy thịt cá chế², cá hầu³ đề lên đá đốt cho chín mà ăn, và nấu canh với đầu cá lãnh, cá gia⁴. Thật là những món ăn tươi-tốt, ngon-lành của biển Đông-hải. Những bữa ăn sang, những hào nhấm tốt đến thế là tuyệt diệu vậy».

Thiết-tưởng đầm Hà-trung thuộc huyện Phú-vang cũng sản-xuất được những vật-hạng như thế.

Tại địa-phận phường Hải-cát, thuộc xã Cư-hoá, huyện Hương-trà [tỉnh Thừa-thiên] có hòn núi Hoàn-lại và hòn núi Hoàn-duệ đều rất cao và lớn, làm núi trấn-ngự cho một huyện.

Còn sông trường-giang của huyện thì từ trên đầu nguồn chảy qua kinh-thành Phú-xuân, rồi chảy xuống mãi cho đến cửa Yếu.

1. Cá Phục là con cá bào nhỏ, tục gọi là bào-ngư. Con thứ lớn thì được gọi là Thạch-quyết-minh. Ở Thái-bình-dương có nhiều thứ cá ấy.

2. Cá Chế là thứ cá mà hàm trên sứt vào, hàm dưới nhô ra, lưng màu xanh lục, bụng màu trắng. Từng bày cá thường bơi lặn ở hải-đảo cạn dễ trúng. Cá Chế này chỉ được sản-xuất ở Thái-bình-dương mà thôi.

3. Cá Hầu là thứ cá lớn hơn một thước, dưới bụng sắc trắng, trên lưng sắc xanh đen, tính rất hung-dữ. Thứ cá này ăn rất béo và ngon.

4. Cá Gia thì chúng tôi tìm trong các tự-diễn không có, chỉ có cá Như. Có lẽ vì chữ Như 如 cũng tương-tự như chữ Gia 家, nên người ta viết lộn chằng? Cá Như thì đầu như đầu chim, mà đuôi là đuôi cá. Tiếng kêu của cá Như rất lớn như tiếng khánh đá. Cá này có thể sinh ngọc-châu.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Huyện Quảng-diên [tỉnh Thừa-thiên] cũng lấy [76b] hòn núi Hoàn-lại ấy làm Trấn-sơn cho huyện.

Còn sông trường-giang huyện Quảng-diên cũng từ trên đầu nguồn chảy xuống, qua làng Bác-vọng [một trong những làng có tiếng văn-vật tại Thừa-thiên], rồi chảy xuống mãi cho đến Phá tam-giang¹.

Nguồn Hưng-bình, huyện Phú-vang cùng với các hòn núi liên-lạc nối tiếp nhau, trên từ đất Kỳ-hoa, dưới đến hai xứ Sur-lỗ và La-cảng, rồi đột khởi lên một hòn núi lớn, mang tên là núi Động-lồi, làm trấn sơn cho một huyện [tức huyện Phú-vang].

Nguồn Phù-bông phát nguyên từ trên đỉnh núi Ai-thượng cũng rất cao. Còn sông trường-giang huyện Phú-vang thì bắt nguồn từ đất Hối-lở thuộc Phú-xuân Giu-thành, rồi chảy xuống đến cửa Ngai để chảy vào hồ lớn Hà-trung.

Từ sông Hà-nghi Phú-xuân ngược giòng mà lên đến xứ đồn-tuần Ngã-ba sông Bình-lãng thuộc huyện Hương-trà, có hai ngọn nguồn. Nguồn ở về phía bên tả được gọi là nguồn Tả-trạch. Nguồn ở về phía bên hữu được gọi là nguồn Hữu-trạch.

Nguồn Tả-trạch chảy qua các xã các sách Yên-ninh, [77a]

1. Phá Tam-giang, buổi xưa, nước chảy rất xiết, thường làm đắm thuyền, nên có câu ca-dao: « Thương em, anh cùng muốn vô, sợ truông nhà Hồ, sợ Phá Tam-giang ».



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Tri-vương, Phường-hà và Dương-lăng. Ở những nơi đây còn có dân cư. Còn từ những xã sách ấy mà đi trở lên, thì đều là núi lớn và rừng rậm. Người ta phải đi hai ngày đường mới xuống đến sách Làng-nước hạ-man. Từ đây cho đến sách Hà-vân, phường A-lạc, phường Ma-ra, dọc đường khách buôn chỉ có thể mua bán muối, nước mắm, trâu, các đồ nông-cụ ngựa, thanh-la, các đồ đặc lật-vật để đổi lấy sắt, mây, sáp ong, v.v...

Từ phường A-lạc mà đi trở lên, thì núi-non sản-xuất các thứ gỗ kiên-khiên, gỗ thai-bái và các thứ tạp-mộc khác.

Còn từ phường Ma-ra trở lên, đều là bọn hoang-man ở, chúng không thông-hiểu ngôn-ngữ của ta.

Về phía tả sách Làng-nước, tức là ngọn nguồn Bình-hưng thuộc huyện Phú-vang.

Từ đồn-tuần Ngã-ba, người ta đi về phía bên tả một ngày rưỡi, thì đến phường Máy-dàng, phường Làng-ruộng, cũng đều là nơi rừng núi cả, nhưng cũng còn có [77b] dân-cư. Ở phía trên là man-dân sách Khê-điện, và sách Đá-chồng.

Từ nguồn Hữu-trạch mà đi qua phường Yên-bình, là đến nơi phần-mộ các đời trước của họ Nguyễn còn tồn-tại.

Từ phường Cây-bông trở lên, đều là khu-vực núi lớn rừng rậm.

Từ nơi đây, người ta đi hơn nửa ngày thì đến sách Làng-chung, đều có dân man ở.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Từ đây mà đi trở lên, thì núi khe lẫn-lộn, không có dân-cư. Người ta đi một ngày rưỡi nữa thì đến sách Ngọn-Tất. Rồi lại đi một ngày nữa thì qua khe Cha-lãnh đề đến sách Hà-man-cách. Nơi này sản-xuất rất nhiều gỗ kiên-kiền cùng các thứ tạp-mộc khác. Lại đi một ngày nữa, thì đến sách A-ra. Từ sách Đốc-sơ trở lên, đều có bọn người Cao-man ở, các khách buôn không thể tới đây được. Các khách buôn chỉ tới xứ Bãi-đình và xứ Cây-bông đề mua bán các vật-hạng mà thôi. Các dân Man cũng thường xuống nơi đây đề trao-đổi các thứ hàng-hoá sản-vật.

Cũng như nguồn Tả-trạch, đại-khái có bọn người sơn [78a] Man ở. Thường đến những khi có lễ-tiết, họ giết trâu, giết heo và đánh thanh-la đồ đồng. Những vật này được tiêu-thụ rất nhiều tại những nơi có dân Man.

Đầu nguồn Sơn-bồ-thượng thuộc huyện Quảng-điền, từ Trại-Buông có dân Man ở đến Trù-sơn một ngày, từ Trù-sơn đến Hiền-sĩ, đến sông Bái-đáp nửa ngày. Từ sông Bái-đáp đến cửa biển một ngày.

Sông Quảng-điền phát nguyên từ Man-động mang tên là nguồn Hữu-trạch. Nguồn này chảy về phương bắc và cứ chảy xuống, qua các xứ Kiên-kiền, Tiếp-chiếu, Thành-bân, Ba-kim, Bình-lý, Hoa-thoả, Thác-dữ, Thác-lộc, Thác-tiết, Thác-dương, Thác-lúa, Mân-thác, Bà-bến, Bãi-dài, miếu Cao-các, Nghĩa-tĩnh và Bến-đồ. Hai bên tả hữu đều là núi-non cả. Đến xứ Bến-tre về phía bên tả có đồng ruộng bằng. Nguồn Hữu-trạch vẫn chảy xuống, đi qua các xứ Ngật-ban, Thác-ông và Tuần-thác. Tới đây



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

thì hai giòng nước tả và hữu mới hợp lại làm một giòng chảy xuống đồn-tuần Hiền-sĩ, rồi chảy xuống [78b] Phù-xá, Bái-đáp, rồi chảy vòng quanh sau thành Phú-xuân. Tới đây lại hợp với sông Phú-xuân tại hạ-lưu nguồn Hữu-trạch rồi chảy xuống hạ-lưu đầm Tam-giang để chảy ra cửa Yên.

+

Ở ngoài các cửa biển Thuận-hoá và Quảng-nam, đều có núi đá mọc lên ở giữa biển để làm trấn-sơn, còn cửa biển thì có chỗ rộng, có chỗ hẹp, không nhất-định.

Ở về địa-phận thôn Bắc-biên thuộc xã Yên-niêu châu Nam Bỗ-chánh, có một hòn núi mang tên là núi Cù-lao-cỏ. Người ta ra biển rồi đi bốn trống canh nữa mới có thể đến Cù-lao-cỏ ấy.

Ở ngoài cửa biển Đại-chiêm thuộc phủ Thăng-hoa có một hòn núi thật lớn, mang tên là Cù-lao Châm. Cù-lao này có ba toà núi đứng đối với nhau. Trong ba toà núi ấy, có hai toà lớn, có cây-cối xanh tốt, có dân-cư cấy cấy ruộng-nương và sản-xuất các hạng cam, quýt cùng các thứ cây sinh nở hoa tươi. Ở trên Cù-lao Châm, có một cái suối nước ngọt. Còn một toà núi nhỏ thì cây cỏ khô cháy trụi. Người ta ra biển rồi đi thuyền độ hai trống canh nữa thì có thể tới Cù-lao Châm ấy.

Ở ngoài cửa biển lớn về địa-phận xã Yên-vĩnh, huyện Bình-sơn, phủ Quảng-nghĩa [79a] có một hòn núi mang tên là Cù-lao



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Trẻ. Chiều rộng núi này có thể hơn 30 dặm. Ngày trước, có dân-cư phương Tứ-chánh trồng các thứ cây đậu tại ruộng-nương nơi đó. Người ta ra biển rồi chèo thuyền đi bốn trống canh nữa có thể đến Cù-lao Trẻ.

Ở ngoài núi Cù-lao Trẻ có đảo Đại-trường-sa. Ngày trước, nơi đây thường sản-xuất nhiều hải-vật chở đi bán các nơi, nên nhà-nước có thiết-lập một đội Hoàng-sa để thu-nhận các hải-vật. Người ta phải đi ba ngày đêm mới đến được đảo Đại-hoàng-sa ấy, như thế là đảo Đại-hoàng-sa đã gần đến xứ Bắc-hải.

Các cửa biển Tân-quan, Thời-phú, Nước-Trầm, Nước-Man thuộc phủ Qui-nhân, có nhiều hòn sơn-đảo, trong đó có nhiều tổ chim yến, nên nhà-nước thiết-lập một đội Thanh-châu để đi lấy yến-sào [tổ chim yến].

Ở ngoài biển Dinh thuộc phủ Bình-thuận, có hòn núi được gọi là Cù-lao Phú-quí, chiều rộng chừng vài ba dặm, cũng có nhiều yến-sào.

Ra phía ngoài Cù-lao Phú-quí, có một hòn núi tên là Cù-lao Phương. Ngày trước có nhiều hoá-vật ở cửa biển, ấy nên nhà-nước lập ra đội Hải-môn để đi lấy các hoá-vật ấy.

Ngoài cửa biển phủ Gia-định có một hòn núi được mang tên là Côn-lôn.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Ngoài biên trấn Hà-tiên cũng có một [79b] hòn núi mang tên là Đại Côn-lôn, có nhân-dân ở đó.

+

Con đường từ trấn Thuận-hoá đi vào Quảng-nam, theo nhật-trình đường bộ thì từ quán Tròn-voi đến quán Trà, người ta phải đi nửa ngày. Từ quán Trà ra đi, đến chiều tối thì tới đồn-tuần quán Ǻi. Từ đồn quán Ǻi đến quán Sáng phải đi nửa ngày. Từ quán Sáng ra đi, đến xẩm tối thì tới quán Thanh-kê. Từ quán Thanh-kê đến quán Cầm-sa phải đi nửa ngày. Từ quán Cầm-sa ra đi, đến chiều tối thì đến dinh Quảng-nam.

Từ dinh Quảng-nam ra đi, đến quán Hà-lan phải mất nửa ngày. Lại từ quán Hà-lan ra đi, đến chiều tối thì tới quán Bà-Giầu. Từ quán Bà-Giầu đến quán Thọ-khang phải đi nửa ngày. Từ quán Thọ-khang ra đi đến chiều tối thì tới quán Ông-bộ. Từ quán Ông-bộ ra đi, đến Bến-bản phải mất nửa ngày. Từ quán Bến-bản ra đi, chiều tối thì tới quán Trì-bình. Từ quán Trì-bình ra đi, đến quán Ô-sông phải mất nửa ngày. [80a] Từ quán Ô-sông ra đi, đến chiều tối thì tới quán Trà-khúc. Lại từ quán Trà-khúc ra đi, đến sông La-hà phải mất nửa ngày. Từ sông La-hà ra đi, đến chiều tối thì tới quán Địa-thi. Lại từ quán Địa-thi ra đi, đến quán Hoa-sơn phải mất nửa ngày. Từ quán Hoa-sơn ra đi, đến chiều tối thì tới quán Cát. Từ quán Cát ra đi, đến quán Mân-kê phải mất nửa ngày. Từ quán Mân-kê ra đi, đến chiều tối thì tới quán Bến-đá. Từ quán Bến-đá ra đi, đến quán Bồ-đề



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

phải mất nửa ngày. Từ quán Bồ-đề ra đi, đến chiều tối thì tới quán Phú-cũ. Từ quán Phú-cũ ra đi, đến quán Quyền phải mất nửa ngày. Từ quán Quyền ra đi, đến chiều tối thì tới quán Làng-ca. Từ quán Làng-ca ra đi, đến quán Trù phải mất nửa ngày. Từ quán Trù ra đi, đến chiều tối thì tới quán Mới. Từ quán Mới ra đi, đến quán Canh-hành phải mất nửa ngày. Từ quán Canh-hành ra đi, đến chiều tối thì tới quán Phù-bình. Rồi lại đến quán Chân-điều ở sông Ninh phải mất nửa ngày. Như vậy từ trấn Thuận-hoá đến giáp địa-giới phủ Phú-yên, đường đi cộng 14 ngày rưỡi.

Người ta đi bộ từ thượng-đạo [đường trên], hoặc trung-đạo [đường giữa] đến đồn-tuần Hạ-bạn đều là con đường xung-yếu.

Từ núi Đồng-bò liên-tiếp với đồn-tuần cũ rồi xuống đến đèo Bến-đá phải mất nửa ngày. Từ đồn-tuần Sa-huỳnh đi lên đến đèo Bến-đá [80b] cũng phải mất nửa ngày. Lại đi đến quán Luật-dương phải mất một ngày. Từ quán Luật-dương ra đi, đến công-trường Đồng-duệ phải mất nửa ngày. Lại đi đến Đồng-hươu phải quá nửa ngày. Từ quán Đồng hươu đi lên đến nguồn Cầu-bông mất hai ngày. Từ quán Luật-dương đi xuống đến Đồng-hươu cũng mất hai ngày. Từ nguồn Cầu-bông đi đến trại Tây-sơn một ngày. Từ trại Tây-sơn đi xuống đến con đường đại-lộ giáp quán Lạc cũng đến một ngày.

Chức Cầu-kê đội Thuận-nhứt là Long-đức-bá có kê nhứt-



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

trình quân đi từ dinh Quảng-nam đến phủ Quảng-nghĩa như sau :

Từ tuần-đồn Ải-vân đi đến dinh Quảng-nam mà tục gọi là dinh Chiêm ở về địa-phận xã Cần-húc, huyện Duy-xuyên không quá hai ngày. Như đại-quân đồn-trú tại dinh Chiêm mà đi vào dò Kinh-lược, qua sông đến làng Hoàn-thế (có một cây cầu ván nhỏ), [81a] đi vòng quanh con sông tiểu-giang, qua quán Lương-lương xã Vân-quật có cầu ván, qua hạ cầu ván nhỏ sông Bà-đống, sông Đàm-phương cùng quán Trà-đình, đến các xã Hương-ly, Hương-lộc, Hương-tuyền, (có khe nhỏ), quán Cát, quán Liễu, rồi đi đến xã Hà-lam cộng một ngày đường. Rồi từ xã Hà-lam đi qua quán Cây-mít xã Bà-ty (có khe nhỏ), quán Trường-an xã Cẩm-lũ (có suối và có một cầu ván), quán Kế-xuyên (có suối và cây cầu ván cột tre), quán Trà-long (có suối và một cây cầu ván), quán Lò-thời, quán Núc (có suối và có một cây cầu ván), quán Đáp (có hai chỗ bắc cầu ván), đến chợ Chiên-đàn, cộng một ngày đường.

Từ chợ Chiên-đàn ra đi, qua quán Suối-đá (có suối và có một cây cầu ván nhỏ), quán Phú-khương tại sông Tam-kỳ, rồi đến sông Bèo-bèo, cộng một ngày đường.

Từ sông Bèo-bèo ra đi, qua quán Trà-ly, quán Khai, Thị-kiều, Ông-bộ (bên đường gần núi), quán Trẽ, quán Cát (hai nơi này toàn là cát và cỏ hoang, tục gọi là Hoàng-cát), đến [81b] sông Bến-Bản, cộng một ngày đường.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Từ sông Bến-Bản ra đi, qua quán Thạch-xuy (toàn là cát và cỏ rậm, lại giáp-giới rừng núi), đến quán Ốc (cũng đều là cát và cỏ rậm). [Đây là nơi mà phủ Thăng-hoa và phủ Điện-bàn cùng phủ Quảng-nghĩa giáp-giới với nhau]. Lại đi đến quán Trì-bình (đường nơi đây gần núi), xứ Quán-Sưởi (có suối và có cây cầu ván; đường nơi đây cũng giáp-giới núi), khu Lang-tam đến quán Cầu-cháy đều thuộc phủ Quảng-nghĩa, cộng một ngày đường.

Từ quán Cầu-cháy ra đi, qua quán Hành-thám, qua cầu quán Lân-đồ (đường giáp với núi), đi qua quán Hành-lang, quán Chùa (có suối và có một cái cầu tre), phường Rượu, đến sông đại-giang Trà-khúc, cộng một ngày đường.

Từ con sông lớn Trà-khúc ra đi, qua dinh Chương-nghĩa (có khe nhỏ), quán Ba-mái (có suối và có cầu tre), quán La-hà (có suối và có cầu tre, đường lại giáp rừng) đến cầu Cây-bả (có suối và có hai cây cầu), cộng một ngày đường.

Từ cầu Cây-bả ra đi, qua sông Vệ, quán Lạc, đến [82a] quán Địa-thi, cộng một ngày đường.

Từ quán Địa-thi ra đi, qua quán Nghĩa-trang, quán Lò-thời, đến quán Hoa-sơn, cộng một ngày đường.

Từ quán Hoa-sơn ra đi, qua quán Triều, quán Bờ-đập (có khe nhỏ), quán Trà-ước (có suối và có cầu tre) đến quán Cát, cộng một ngày đường.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Từ quán Cát ra đi, qua quán Sứ, quán Cầm-kê (có suối và có cầu ván, lại giáp bến Đá Chân-dinh), quán Mả-mây (tại cung Bến-đá, đến quán Đỉnh-thiều) cộng hai ngày đường. Đây là nơi mà phủ Quảng-nghĩa cùng phủ Qui-nhân giáp-giới với nhau. Tổng cộng 12 ngày đường, ấy là độ đường quân đi vậy.

Còn như hành-trình người ta thường đi, thì từ cầu Hoàn-thể đến chợ Chiên-đàn phải mất một ngày. Từ chợ Chiên-đàn đến sông Bến-bản một ngày. Từ sông Bến-bản đến quán Cầu-cháy mất một ngày. Từ quán Cầu-cháy đến cầu Cây-bả, lại đến quán Địa-thi phải đi một ngày. Từ quán Địa-thi đến đèo Bến-đá, quán [82b] Đỉnh một ngày. Cộng 6 ngày đường.

Trong hai phủ Thăng-hoa và phủ Điện-bàn, ba xứ là Phường-tây, Thu-bồn và Thành-rắn đều có ruộng đồng rộng mênh-mông.

Xã Phú-xuân thuộc huyện Bình-sơn và xã Phước-khương thuộc huyện Chương-nghĩa phủ Quảng-nghĩa đều ở gần sông, thủy thổ tốt, ruộng đồng nhiều, cao-ráo bằng-phẳng. Mỗi xã có khoảng một nghìn mẫu ruộng, nên người ta gọi hai xã ấy là «tiểu Đồng-nai».

Ngày trước, họ Nguyễn thiết-lập tại hai xã này 72 trại, rồi chiêu-tập dân ở các miền núi và người làng khác [tức khách hộ] tới ở làm ruộng đồng, lúa thóc rất nhiều.

Xã Yên-vĩnh, thuộc huyện Bình-sơn, phủ Quảng-nghĩa ở gần



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

bãi biển. Về hướng Đông-Bắc ngoài biển có nhiều đảo và có nhiều núi linh-tinh hơn 130 đỉnh. Từ trên khoảng núi ra đến biển cách nhau có chỗ hoặc một ngày đường, hoặc mấy trống canh. Trên các ngọn núi, [83a] thỉnh-thoảng có suối nước ngọt. Ở trong các hòn đảo, có bến cát vàng, chiều dài ước chừng hơn ba mươi dặm, bằng-phẳng và rộng lớn, nước trong-veo nhìn suốt đáy. Ở bên các hòn đảo, có vô số tổ yến [yến-sào], còn các thứ chim thì kể có hàng nghìn, hàng vạn con, hề thấy người, chúng vẫn cứ đậu chung quanh người, chứ không hề tránh né. Kề bên bến, có rất nhiều hải-vật lạ-lùng. Có thứ ốc nhiều rần, mang tên là ốc tai-voi, lớn như chiếc chiếu, dưới bụng có từng hạt như ngón tay trở lớn, sắc đục, không bằng sắc con trai châu. Vỏ ốc ấy, nếu người ta vót đẽo, thì thành những viên đạn. Cũng có thể dùng vỏ ốc làm thành vôi để quét sơn nhà cửa.

Lại có thứ ốc được gọi là ốc xa-cừ, người ta có thể dùng vỏ thứ ốc này để trang-sức các đồ dùng.

Lại còn có thứ ốc khác được gọi là thứ ốc-hương.

Thịt các thứ ốc đều có thể ướp muối dùng làm đồ ăn được.

Có thứ đại-mạo [hay đại-mội] là con đồi-mồi rất lớn.

Có con hải-ba, mà tục gọi là con trảng-bông, cũng giống như con đồi-mồi, nhưng nhỏ hơn. Vỏ mỏng, người ta có thể dùng vỏ ấy để trang-sức các vật-hạng. Trứng giống như đầu ngón tay trở, có thể ướp muối dùng làm đồ ăn được.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Lại có con hải-sâm, tục gọi là con đột-đột. Người ta bơi lặn xuống bến, [83b] bắt được hải-sâm, rồi lấy đá, vôi xát qua, bỏ ruột đi, đem phơi khô. Đến khi ăn, dùng nước cua đồng ngâm rồi nạo cho sạch-sẽ, trộn với thịt heo và tôm, ăn rất ngon.

Những thuyền lớn đi biển thường khi gặp gió, đều đến nương đậu ở đảo này.

Ngày trước, họ Nguyễn có thiết-lập đội hoàng-sa gồm 70 suất, lấy người ở xã Yên-vĩnh bổ-sung. Mỗi năm họ luân phiên nhau đi biển, lấy tháng giêng ra đi nhận-lãnh chỉ-thị làm sai-dịch. Đội hoàng-sa này được cấp phát mỗi người sáu tháng lương. Họ chèo năm chiếc thuyền câu nhỏ ra ngoài biển cả ba ngày ba đêm mới đến đảo [tức đảo Hoàng-sa]. Họ tha hồ lượm-lặt, tự ý bắt chim, bắt cá làm đồ ăn. Họ được những đồ hải-vật như gươm và ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, thiếc khối, chì đen, khẩu súng, ngà voi, sáp ong vàng, đồ chiến giáp, đồ sứ... Họ còn lượm nhặt những vỏ đồi-mồi, những con hải-sâm, những hạt con ốc rần thật là nhiều.

Đến kỳ tháng tám, thì đội Hoàng-sa ấy mới trở về, rồi họ tới thành Phú-xuân [84a] trình nạp các vật-hạng đã lượm nhặt được, người ta cân, khám-nghiệm, và định xong đẳng hạng các sản-vật, rồi mới cho đội này bán riêng những con ốc rần, hải-ba, hải-sâm. Bấy giờ đội ấy được nhận-lãnh bằng-cấp trở về nhà. Những vật-hạng lượm-nhặt được ngoài biển có khi nhiều, khi ít không nhứt-định, cũng có lần họ ra đi rồi cũng trở về không.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Tôi [tức tác-giả cuốn sách này] từng tra-khảo sổ biên của cai-đội Thuyền-đức-hầu ngày trước như sau :

Năm Nhâm-ngọ [tức năm 1702 sau Công-nguyên], đội Hoàng-sa lượm được bạc 30 thoi.

Năm Giáp - thân [tức năm 1704], lượm được thiếc 5.100 cân.

Năm Ất-dậu [tức năm 1705], lượm được bạc 126 thoi.

Còn từ năm Kỷ-sửu [1709] đến năm Quý-tị [1713], tức là trong khoảng 5 năm, thỉnh-thoảng họ cũng lượm được mấy cân đồi-mồi và hải-sâm. Cũng có lần họ chỉ lượm được mấy khối thiếc, mấy cái bát đá và hai khẩu súng đồng.

Họ Nguyễn còn thiết-lập thêm một đội Bắc-hải. Đội này không định trước bao-nhiêu suất. Hoặc chọn lấy người thôn Tứ-chánh [ở gần bờ biển] thuộc phủ Bình-thuận, hoặc chọn lấy người làng Cảnh-dương [sát cửa biển Ròn], lấy những người tình-nguyện bổ-sung vào đội Bắc-hải. Quan địa-phương cấp-phát phó-từ [tức văn-bằng] và chỉ-thị sai phái đội ấy đi làm công tác.

Những người được bổ-sung vào đội Bắc-hải đều được miễn nạp tiền sưu [tức thuế thân] cùng các thứ tiền lặt-vặt như tiền đi qua đôn-tuần, qua đò.

[84b] Quan trên khiến những người trong đội chèo thuyền tư và thuyền nhỏ câu cá ra cù-lao Côn-lôn ở giữa Bắc-hải, hoặc



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

đi đến xứ Cồn-Tự thuộc vùng Hà-tiên để tìm-kiếm, lượm-nhặt những hạng đại-mội, hải-ba, đồn-ngư [cá heo lớn như con heo], lục-quí-ngư, hải-sâm [con đĩa biển].

Nhà-nước sai chức cai-đội Hoàng-sa kiêm-lãnh quản-đốc đội Bắc-hải này, vì chẳng qua họ chỉ lấy được những hải-vật kể trên mà thôi, còn như vàng bạc và các của-cải quý-báu khác thì ít khi họ tìm-kiếm được.

Bãi-biển Hoàng-sa ở gần địa-phận phủ Liêm-châu thuộc tỉnh Hải-nam bên Tàu. Những người nước ta đi thuyền đôi khi có gặp những thuyền đánh cá của người Bắc-quốc [tức Trung-quốc] ở ngoài biển.

Giữa biển cả, người hai nước hỏi-han nhau, người ta thường thấy chính viên đường-quan huyện Văn-xương thuộc Quỳnh-châu tra xét những người Thuận-hoá đi biển, và trong công-văn, viên quan ấy đề: « Năm thứ 18 niên-biệu Càn-long, 10 tên quân-nhân ở xã Yên-bình, trong đội Cát-liêm thuộc huyện Chương-nghĩa, phủ Quảng-nghĩa, nước Yên-nam, ngày tháng 7 đi ra « Vạn lý trường-sa » lượm-nhặt các hải-vật. 8 tên trong bọn ấy lên bờ biển tìm lượm các hải-vật, [85a] còn 2 tên ở lại coi giữ thuyền. Vì một trận cuồng-phong thổi mạnh làm đứt neo thuyền, nên 2 tên ấy bị trôi giạt vào cảng Thanh-lan [bên Tàu]. Viên quan tra-xét đích thực, nên cho áp-tống 2 tên này trở về nguyên quán ».



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Chúa Nguyễn-phúc-Chu truyền lệnh cho chức quan Cai-bạ ở Thuận-hoá là Thức-lượng-hầu viết văn-thư phúc đáp viên đường-quan huyện Văn-xương.

Phường Đông-yên thuộc huyện Phú-ly [tức huyện Phú-mỹ thuộc tỉnh Bình-định ngày nay] có một cái đầm tròn. Nước trong đầm ngày ngày thường sôi, nhưng lại trong vắt đến tận đáy. Vì nước đầm nóng, nên người ta không thể tới gần đó được.

Những khi trời tạnh mưa, khói từ dưới đáy đầm bốc lên. Còn như gặp những ngày trời mưa, thì hơi uất-kết từ mặt nước bốc xông lên càng mạnh. Nếu không may mà trâu hoặc dê bị sảy chân rơi xuống đầm, thì dường như nước nóng trong đầm làm cho trâu dê bị thiêu tái thịt.

Tuy nhiên, ở trong đầm, cũng có các thứ cá sinh-sống cùng với loài tôm, loài cua sắc đỏ.

Ở về địa-phận xứ Nước-nóng thuộc phủ Phú-yên cũng có một cái đầm như thế, theo lời nói của cựu Cai-đội Văn-thế-Nghị.

Núi Thạch-bi thuộc phủ Phú-yên là nơi phân cương-giới giữa Tiên-triều [tức triều chúa Nguyễn] nước ta cùng nước Chiêm-thành. Hòn núi ấy phát-xuất từ một nơi rất xa-xôi, [85b] trong một dãy núi từ đầu nguồn liên-lạc với nhau chảy thẳng xuống bãi biển, hòn núi Thạch-bi là núi cao nhất, hẳn hơn các núi khác.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Vua Lê Thánh-tông ngày xưa đi đánh được nước Chiêm-thành¹ lấy đất này đặt ra xứ Quảng-nam, rồi sách-lập giòng-dõi của vua cũ Chiêm-thành và cho vua Chiêm-thành ấy cai-trị cõi đất từ núi Thạch-bi trở về phía Tây. Trên đỉnh núi Thạch-bi, người ta dựng một cái bia đá để làm ranh-giới. Bia đá trở lưng về phía Bắc, và hướng mặt về phương Nam. Vì quá lâu năm, nên bia đá đã mất hẳn tự-tích.

Ngày trước, họ Nguyễn đánh được nước Chiêm-thành rồi đặt hai phủ Bình-khang và Diên-khánh. Từ Phú-yên vào phủ Bình-khang [tức địa-phận huyện Vạn-ninh và phủ Ninh-hoà ngày nay], đường đi dọc theo chân núi lớn [tức dãy núi Đại-lãnh], đá núi đều đen sì.

Tháng 12 năm Tân-mão [tức năm 1771 sau Công-nguyên là năm thứ 32 Lê Cảnh-hưng], bỗng có một tiếng sét đánh mạnh toé lửa, từ nơi xa, người ta trông thấy một ngôi núi Thạch-bi đứng cao ngất như hòn đá vôi. Chúa Nguyễn-phúc-Thuần [vị chúa cuối cùng họ Nguyễn] có sai quan Khâm-mạng tới nơi làm lễ kính tế.

1. Năm Tân-sửu (tức năm 1471 sau Công-nguyên), vua Lê Thánh-tông tiến binh vây thành Đồ-bàn, bắt vương nước ấy là Trà-Tuyền. Tướng Chiêm-thành là Bồ-Tri tự xưng chúa ở Phiên-lung, rồi vào cống-hiến nước ta, vua Thánh-tông mới phong cho Bồ-Tri làm vua Chiêm-thành. Ngài lại phong cho Hoa-anh và Nam-bàn làm vua ở hai nơi khác trong nước Chiêm-thành. Vua ta chỉ lấy đất Đại-chiêm Cồ-lũy của Chiêm-thành để thiết-lập đạo Quảng-nam mà thôi.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Giòng-dõi sau của vua nước Chiêm-thành đã suy-nhược quá, nên họ Nguyễn đoạt lấy đất-đai của Chiêm-thành mà đặt thành phủ huyện nước ta, đổi quốc-hiệu Chiêm-thành làm trấn [86a] Thuận-thành, và phong cho Chinh-thôn-ba-Hú làm Chinh-trung-hầu.

Tháng 8 năm Giáp-thân [tức năm 1764 sau Công-nguyên là năm thứ 25 Lê Cảnh-hưng], chúa Nguyễn lại phong cho Chinh-thôn-ba-Hú làm vua trấn Thuận-thành, và cho Vĩnh-trường-hầu làm chức Cai-cơ. Còn bốn người con vua trước của Chiêm-thành là Môn-lay-Phù, Xác-lay-Phù, Tảo-thuyết-Túc và Xác-thuyết-Phù đều được làm chức Cai-đội. Chúa Nguyễn lại phái một người Cai-án đến trấn Thuận-thành chuyên coi những việc từ-tụng [những đơn-từ thưa-kiện].

Lúc bấy giờ, người ta thường thấy thê-lệ về lễ-vật triều-cống chúa Chiêm-thành dâng lên chúa Nguyễn tại năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 sau Công-nguyên là năm thứ 30 Lê Cảnh-hưng] như-sau :

2 con voi đực (1 con giao tại hai cơ Trung-tượng và Bình-tượng thuộc dinh Bình-khang trình nạp, còn 1 con nữa thì được nạp tiền thay là 150 quan tiền.)

20 con hoàng-ngưu [bò vàng] (được nạp thế tiền 60 quan mỗi con).

6 chiếc ngà voi.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

- 10 sừng tê-giác,
- 50 cân sáp ong vàng.
- 500 bức khăn vải trắng.
- 200 miếng da cá.
- 400 thùng dầu nấu.
- 500 tấm lá buong.
- 200 bát gạo đen.
- 1 chiếc thuyền dài 7 tầm.

Còn trong văn-thư thì viết : « Thuận-thành trấn-thần Chính-thôn-ba-Hú kê [86b] thủ bái cụ bầm vi thượng tiến Kỳ-sửu niên lễ lệ các vật, phủ trần vu tả, hạ kê tê, tượng, lập, sa nhược can ».

Nghĩa là :

« Trấn-thần Thuận-thành là Chính-thôn-ba-Hú xin cúi đầu làm lễ kính bái và kính bầm đầy-đủ dâng lên đức Chúa-thượng các vật-hạng về lễ lễ cống hiến, thần xin thành kính trình-bày ra sau, và xin kê các vật như tê-giác, voi, sáp ong, sa... mỗi thứ bao nhiêu ở dưới này ».

Vua Lê Thánh-tông phong cho vua nước Nam-bàn tại phía Tây phủ Phú-yên thuộc xứ Quảng-nam.

Cựu Cai-đội Luạn-bình-hầu Văn-thế-Nghị quán ở thuộc Thời-đôn, huyện Tuy-viễn [tức phủ Tuy-phước ngày nay] có nói : Ông đã từng quản-lãnh ba đội « Nội-phủ sơn-trường », « Thám-sơn thủ-hương » và « Tân-am-sơn ». Ba đội này từng đi



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

vào các sơn-đầu để tìm-kiếm kỳ-nam-hương. Từ suối Yên-lạc lên đến các thôn Hà-nghiêu, Bất-cày, qua núi La-hai giáp-giới với địa-phận phủ Phú-yên, rồi đến con đường đi qua các xứ Lôi-sông, Nước-nóng, Thượng-như đến suối Hà-trôi là có dân các sách thuộc người Đê và người Man ở [87a] (tục gọi Đê là người Châm, Man là người Muội) phải đi đến ba ngày. Lại từ đây, người ta đưa tiền hay của-cải thuê người Man, nhờ dẫn đường theo sơn-lộ đi 14 ngày nữa thì đến nơi có hai vị Thủy-vương và Hoả-vương nước Nam-bàn. Nước này có hơn 50 thôn lệ-thuộc, trong đó có núi Bà-nâm, là ngọn rất cao và lớn, làm trấn-sơn cho một phương trời.

Thủy-vương ở về phía Đông núi Bà-nâm, còn Hoả-vương ở về phía Tây núi ấy, đều có địa-phận riêng-biệt, và đều làm nhà gác bằng gỗ đề ở. Hai vị Vương đều có dưới quyền mỗi người mấy trăm bộ-hạ.

Dân ở địa-phương này cày ruộng bằng dao sắt và trồng hạt giống bằng lửa, nghĩa là họ lấy lửa đốt cây cỏ một khoảnh đất rừng, rồi họ dùng dao xăm đất mà tủa hạt giống. Cứ tháng giêng thì trồng tủa hạt giống, tháng năm thì thu hoạch lúa.

Cũng có khi họ không thu-hoạch lúa đưa về nhà, mà họ làm một cái thành nhỏ để chứa lúa ở ngoài đồng ruộng. Họ không biết ngày tháng dương-lịch hay âm-lịch, hễ vậy lúa xong rồi, thì bắt đầu thu thuế.

Vua nước Nam-bàn hay cỡi voi, có mười mấy người đi theo



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

sau. Khi vua đến một thôn Man nào, thì người ta đánh ba hồi chiêng, dàn trong làng đều phải chạy ra cả, rồi họ làm một cái lều cỏ cho vua ở tạm. Vì theo tục Man-dân thường có câu nói: «Vua vào nhà dân là cái điềm không tốt», cho nên vua không dám vào nhà người nào trong thôn.

Số người trong thôn nhiều hay ít không có chừng, tùy ý [87b] họ muốn dâng lên vua những vật-hạng như: một nồi đồng, một tấm vải trắng, một cây mía, một nải chuối chẳng hạn. Vua cứ việc nhận lấy các lễ-vật ấy không nề-hà gì. Thu-nhận lễ-vật rồi thì nhà vua đi khỏi địa-phận làng.

Hai vị Thủy và Hỏa-vương vẻ mặt đen và xấu-xí, nhưng vợ và thiếp của hai vị Vương thì người nào cũng có nhan-sắc đẹp-đẽ, họ đều bận thứ áo xiêm của Chiêm-thành có thêu bông sáng rực-rỡ.

Trong khi hai vị Vương còn sống, còn tại vị, thì có cái Tiều-tinh [tinh-khi uất-kết] được gọi là Tinh-dương sáng rực như ngọn đuốc. Cũng có khi Tiều-tinh lớn như tấm lụa, thường túc-trực tại nơi vua nằm, hoặc bay lên không-trung như tấm lụa trắng.

Sau khi vua mất, thì tinh ấy vào nhà người khác, mọi người dân đều trông thấy và nói: «Trời đã quyết-định ngôi vua, và đã cho người ấy, nhân đó mọi người đều suy-tôn người kia lên làm vua. Đó là phong tục Nam-bản xưa nay như vậy.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Ở trên núi Bà-nâm, có một thành bằng đá trắng, chiều rộng ước một mẫu. Thành có mở bốn cửa thông ra bốn phía, trong thành có voi đá ngựa đá nằm. Thành được gọi là điện vua Hồ. Hai vị Vương cũng không dám cư-trú tại thành, chỉ trong những ngày Tân-vương mới lên nối ngôi, Tân-vương phải lên thành để đặt đệm ngồi lên [88a] voi đá và ngựa đá. Ngoài Vương ra không có ai lên ngôi điện ấy được.

Tại các sách dân Đê dân Man, thuộc nước Nam-bàn, ước chừng có 40 viên Tù-trưởng (tục gọi là Vương-lang) đua nhau tới bái-yết Tân-vương, rồi Tân-vương trở về cư-ngụ ở dưới núi.

Trong thời-gian họ Nguyễn phủ-trị nhân-dân miền Nam, thì thường thường cứ 5 năm một lần, chúa Nguyễn sai hai chức Cai-đội ở Phú-yên làm Chánh và Phó-sứ mang các vật-hạng như áo gấm, mào, nồi đồng, khoá sắt, đồ sứ, bát, đĩa lên cho vị vua ở Nam - bàn, và đòi-hỏi vua ấy phải dâng- nạp lễ cống-hiến và thuế cho triều-đình chúa Nguyễn

Chánh, Phó-sứ ta sai người Thổ ở trại Lang-xung-thượng, phủ Qui-nhân dẫn đường đến một nơi mà Phú-Yên giáp với nguồn Hà-lôi. Lại khiến người Đê dẫn đường đến đất Man-thượng cùng các sách Cao-man để đến nước Nam-bàn.

Vua nước Nam-bàn tức thì chuẩn-bị các hạng kỳ-nam, sáp ong vàng, nhung hươu, sừng tê, voi đực, mật gấu giao nạp cho sứ-thần ta mang về hiến lên chúa Nguyễn.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Họ lại nạo Ngũ-vị-hương do họ chế làm ra.

Ở trên núi nước ấy, thường có tổ kiến ở trên cây, trứng đen như đầu chiếc đũa lớn. [88b] Trứng có mùi thơm, được gọi là hương con kiến.

Người Man lấy hương con kiến chưng hấp qua-loa, lại lấy hoa-khâm, hoa-mộc và rễ bài trộn vào, lấy dầu Tô-hạp hoà đi, rồi dùng lá chuối bao-bọc lại, đem hấp. Khi cơm chín thì lấy ra, hơi thơm bốc xông lên mũi, đem để vào trong rương đựng áo quần, một năm hương ấy cũng không tiêu-tan.

Xét sách « Sự văn loại tự » có nói : « Á-thấp-hương được sản-xuất tại nước Chiêm-thành, do người Thổ lấy mười vị hương trộn hoà lẫn nhau mà thành. Thề hương ướt đen, khi hoà lạnh, đốt lên thì thơm hơn các thứ hương khác.

Người Thổ lại còn có thứ hương bôi lên da và xoa vào tay, mùi hương qua đêm mà không tan mất, không biết thứ hương này cùng với thứ hương ngũ-vị khác nhau như thế nào ?

+

[89a] Năm Quý-dậu [tức năm 1753 sau Công-nguyên] niên-hiệu Lê Cảnh-hưng, Nguyễn-cư-Trình làm chức Tham-mưu ở thành Gia-định, đi đánh nước Cao-miên. Trải qua ba năm,



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Nguyễn-cư-Trình chiêu-an được bọn dân Côn-man ở Thuận-thành trở về hàng-phục triều-đình chúa Nguyễn.

Vua Cao-miên là Ong-Nguyên bỏ chạy đến dinh La-bích rồi hiến cho ta hai phủ Tầm-đôn và Xuy-lạp.

Nguyễn-cư-Trình chịu nhận hai phủ ấy, và chia quân lính chiếm-đóng, phân hoạch địa giới, rồi gửi thư trình lên Hiều-quốc-công [tức chúa Nguyễn-phúc-Khoát], đại-ý nói rằng: « Từ đời xưa dùng binh, chẳng qua chỉ muốn giết những tên cừ-khôi [đầu đảng giặc] để mở-mang đất-đai mà thôi, nên trước đây Chúa-thượng đã tự lấy trước hai dinh ấy [tức Phiên-trấn dinh và Trấn-biên dinh].

Nay từ dinh đồn đến dinh La-bích, đi ngược đường rất xa-xôi trải qua nghìn rừng rậm, muôn chằm xa, nên không tiện đuổi giặc đến cùng đường. [Ám-chỉ vua Cao-miên là Ong-Nguyên ẩn ở dinh La-bích].

Ngày nay muốn mở-mang đất-đai, chúng ta cũng nên giữ trước lấy hai phủ này, [tức phủ Tầm-đôn và phủ Xuy-lạp], để củng-cố sau lưng hai dinh Phiên-trấn và Trấn-biên.

Nếu nay, chúng ta bỏ nơi gần-gũi để đi chiếm lấy nơi xa-xôi, chúng tôi e-ngại hình-thế núi sông cách-trở, quân dân không tiếp-ứng được với nhau, thì lấy thêm được đất-đai tuy có phần dễ-dàng, nhưng gìn-giữ được đất-đai thì thật là khó-khăn vô-hạn.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Buổi xưa, nước ta thiết-lập phủ Gia-định, [89b] và trước lúc đó, ta đã cần phải mở xứ Mai-xuy, rồi thứ đến mở xứ Đồng-nai, khiến cho quân dân tụ-hợp, rồi mới mở xứ Saigon. Như vậy là chúng ta lấy số ít mà đánh số nhiều, dần-dần chúng ta thi-hành chính-sách tâm-thực [tắm ăn lán dần-dần].

Bây giờ, đất cũ của chúng ta, từ xứ Mai-xuy đến xứ Saigon, đường đi phải mất hai ngày, nhân-dân chưa trưng-khân hết đất-đai để làm nông-nghiệp, quân-lính đồn-thú cũng chưa đầy-đủ. Phương chi từ xứ Saigon đến phủ Tầm-đôn, đường đi phải mất sáu ngày ròng-rã, đất-đai trống-trái, ruộng-nương rất nhiều, dân-số đến muôn người, hạng chính-binh [binh chính ngạch] đồn-trú còn lo không đủ thay.

Kỹ-thuật bộ-chiến sở-trường của chúng ta ở Thuận-thành, đã làm cho vua Cao-miên cũng phải lạnh lòng. Nếu lấy quân chúng đầu-hàng ở Thuận-thành, khiến chúng chế-ngự người Cao-miên, như vậy là dùng người Man, để đánh người Man chúng tôi thiết-tưởng đó cũng là đặc-sách.

Vậy xin Chúa-thượng cho quan-sát địa-thế, thiết-lập đồn-lũy, phân-định dinh-sở, đề qui-tập nhân-dân và binh-định, chia các ruộng-nương và quản-chế các sản-nghiệp... ».

Tờ trình có đính theo bức hoạ đồ chỉ điếm mọi chi-tiết phân-biệt và đầy-đủ, bấy giờ chúa Nguyễn [Nguyễn-phúc-Khoát] mới thiết-lập châu Định-viễn.

✦



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN HAI

Người thôn Chính-hoà thuộc châu [90a] Nam Bỗ-chánh tên là Đồng-Châm [hay Trùm-Châm] có nói : « Ngày trước, anh ta đi buôn ở phủ Gia-định hơn mười chuyến. Thường thường thì cứ tháng chín, tháng mười, anh ta ra đi, và đến tháng tư, tháng năm mới về. Nếu gặp gió thuận, thì thuyền đi không quá mười ngày đêm có thể đến Gia-định được.

Mỗi lần đi Gia-định, anh ta thường qua cửa biển Nhứt-lệ trình quan Trấn-thủ, vào đến cửa Yêu, lại phải trình quan Tào-vận, nhận-lãnh giấy-tờ [phó-từ] xuất-dương. Đến đầu địa-giới Gia-định là xứ Vững-tàu, nơi hải-đảo có dân-cư. Tới đây, người ta thu-xếp buồm thuyền để đậu lại nghỉ-ngơi, và đề hỏi thăm nơi được mùa, nơi mất mùa như thế nào. Sau khi đã biết chắc-chắn địa-phương nào được mùa lúa thóc, những người buôn mới cho thuyền vào nơi ấy.

Nếu cho thuyền đi lên phía trên, thì người ta sẽ vào cửa Cần-giờ. Nếu cho thuyền đi vào khoảng giữa, thì người ta sẽ vào cửa Lạp-hải Saigon. Nếu cho thuyền đi vào miền dưới, thì người ta vào cửa lớn hoặc cửa nhỏ.

Đến đây, người ta đã trông thấy buồm thuyền mảnh đậu xúm-xít kề nhau, tấp-nập tại bến.

Hai bên mua bán thóc gạo đã thương-lượng với nhau và bàn-định giá-cả lúa thóc xong rồi, bấy giờ người bán sai các trẻ nhỏ hay đũa ở làm công-việc khiêng gánh lúa thóc và vận-chuyển xuống thuyền người mua.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN HAI

Còn đồng tiền xưa thì một tiền [tức 10 đồng] đồng được 16 đấu thóc [90b].

Cứ lượng theo bát được gạt bằng miệng mà dân-gian địa-phương thường dùng thì ba bát ấy ngang với 30 bát của nhà-nước, một quan tiền đồng được 300 bát đồng của nhà-nước. Giá rẻ như vậy, khác nơi khác chưa từng có.

Hạt nếp của Gia-định vừa trắng vừa mềm, còn tằm, cá thì rất lớn, người ta ăn không xuề. Nhân-dân địa-phương thường lược sơ qua rồi đem phơi nắng để tiêu-thụ với các bạn hàng.

PHỦ-BIÊN TẬP-LỤC
QUYỀN HAI HẾT



Phủ-Biên Tạp-Lục Quyển Ba

[91a] Soạn-giả là Lê-quí-Đôn, người vâng mệnh Hoàng-đế làm chức Tham-thị Tham-tán quân-cơ hai đạo Thuận-hoá Quảng-nam, lãnh chức Hiệp-trấn-phủ trấn Thuận-hoá, kiêm quản Hữu Thăng-cơ, đồng thời dao-lãnh chức Nhập-thị Bồi-tụng Hộ-bộ Tả Thị-lang, tước Dĩnh-thành-hầu.

+

Đối với hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, các Tiền-triều nước ta cùng với nhà Nguyễn làm Trấn-thủ [Nguyễn-Hoàng], cứ mỗi năm, quan trên sai-phái người đến hai xứ ấy, chiếu theo số ruộng đất hiện-canb là bao nhiêu mẫu, sào để trưng-thâu thuế lúa tô mà thôi.

Đến năm thứ 7 niên-hiệu Cảnh-trị Lê Huyền-tông [tức năm 1669 sau Công-nguyên là năm Kỷ-dậu], Dũng-quốc-công Nguyễn-phúc-Tần mới phân-phái quan-viên và lại-thuộc khám đạc các hạng ruộng công, ruộng tư, để nhà nước trưng-thâu thuế lúa tô. Và chia định làm ba hạng ruộng để đánh ba hạng thuế là



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, cùng với các bãi đất khô và các bãi đất làm hoa-màu mà có biên trước vào sổ bộ.

Nhà nước ra lệnh : các hạng công-điền đều được giao về các xã sở-tại, các xã được phép chia đồng-đều số ruộng công cho nhân-dân trong xã cày cấy, gặt lúa để nộp thuế.

[91b] Còn như có những người nào xuất lực khai-khẩn những nơi rừng núi hoặc những đất hoang-nhàn, khi nào ruộng đất thành-thực thì chủ khẩn phải làm giấy-tờ khai-trình. Tức thì nhà nước cho phép các chủ khẩn được khai thứ ruộng đất mới trung khẩn làm khoảnh ruộng đất tư của mình, nhà nước chỉ trưng-thâu thuế lúa tô mà thôi. Còn các xã sở-tại thì không được phép chia phần và tranh-giành ruộng đất tư ấy với khẩn chủ.

Lệ này được dùng làm lệ vĩnh-viễn.

Ngày trước, họ Nguyễn lấy ruộng công các xã làm quan vật [tức của công nhà nước].

Chiếu theo thề-lệ hiện-hành lúc bấy giờ, thì những người nhận canh công-điền phải xuất-nộp thuế lúa tô, và lúa thuế được phép đem về lưu-trữ ở kho-tàng các xã sở-tại. Thứ lúa này không được phép đem cấp-phát cho các quan-viên hay các nha-thuộc làm lộc lưu-ngụ, và do Hộ-bộ tương-thần-lại nắm giữ các hạng sổ-sách trưng-thâu và đăng-nạp.

Họ Nguyễn lại lấy những trang ruộng công và những đồn-



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

điền công làm của riêng, giao-phó cho nhân-dân canh-tác và cho những người tá-canh (thuê ruộng cấy). Đến kỳ lúa chín, thì chúa Nguyễn sai-phái người đến nơi áp gặt, rồi cho thuyền đến chuyên-chở đem về chắt-chứa đầy tại kho nội-trù [kho trong nội cung]. Bao nhiêu lúa thóc cấp-phát cho thân-thuộc chúa Nguyễn và những kẻ thần-hạ để họ làm lộc trú-ngụ đều được lấy ở kho này. Thứ lúa này do chức Câu-kê, chức Cai-hợp thuộc sở Lệnh-sử nắm giữ các hạng sổ-sách thâu và nạp. Pháp-lệnh được hoạch-định nhưt luật như thế.

[92a] Còn số ruộng để cấp-phát cho thân-mẫu chúa Nguyễn cũng có chỉ 10 mẫu. Cấp-phát cho các viên Chưởng-cơ mỗi viên 5 mẫu; cấp-phát cho các viên Cai-cơ, mỗi viên 4 mẫu, nội đội-trưởng mỗi viên 3 mẫu, và ngoại đội-trưởng mỗi viên 2 mẫu rưỡi. Việc cấp-phát như vậy rất có hạn-định và tiết-độ.

Ngày xưa, Chu-quan [chức Địa-quan đại tư-đồ nhà Tây-Chu] lấy phép « Thồ-hội »¹ phân-biệt rõ-ràng các sản-vật [những vật-hạng do đất sản-sinh] của 5 hạng ruộng đất trong nước như sau :

1. Đất sơn lâm [đất rừng núi].
2. Đất sơn trạch [đất chằm núi].

1. Thồ-hội có nghĩa là tổng kê các hạng đất như đất sơn lâm, đất sơn trạch, đất khâu lãng, đất phần điền và đất nguyên thấp để định số lượng sản-xuất của đất.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

3. Đất khâu lǎng (đất cao là khâu, đất cồn lớn (đại phụ) là lǎng).

4. Đất phần diển (đất gần bờ bến nước là phần, đất thấp và bằng là diển).

5. Đất nguyên thấp (đất cao và bằng là nguyên, đất thấp và ướt là thấp).

để có thể nhận-định số-lượng sản-xuất thuộc 12 khu-vực trong nước. Nhờ vậy mà người ta biết thực-chất và năng-xuất của các loại đất-đai trong nước, để dạy vẽ cho nhân-dân đều biết nghề cày cấy, gặt-hái và biết nghề trồng-trọt các thứ cây-cối (ví như ruộng cao, thì người ta trồng lúa mạch là lúa tẻ; ruộng thấp thì trồng lúa cỏ-mạch; như đất gò, lǎng và sườn núi hiểm-trở thì trồng dâu v.v...). Bởi thế cho nên người ta không những không biết đến danh [tên gọi] và vật [sức sản-xuất] của từng hạng ruộng đất, mà còn cần phải biết đẳng-hạng ruộng đất nữa, để được biết ruộng đất cao-ráo, bằng-phẳng, hay khô-táo, ướt-át; ruộng đất màu-mỡ, tốt hay xấu đều khác-biệt nhau.

Dùng phương-pháp «thồ-quân» là chia đồng-đều ruộng-nương đất-đai để thi-hành «ngũ-vật» là sản-vật của năm hạng ruộng đất và «cửu-đẳng» là chín đẳng-hạng của ruộng đất. Chế-ngự được đất-đai trong thiên-hạ để làm tròn [92b] chức-trách trị dân, bảo-toàn thuế cống là thuế ruộng đất, thâu góp các hạng của-cải và thuế-khoá khác. Như vậy thì đâu đâu người ta cũng



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

được thuận-tiện cày cấy, gặt hái, làm nghề trồng-trọt, và khiến người người đều có thể yên-cư làm ăn theo sức của mình. Do đó lễ cống-biến cũng như thuế-khoá sẽ được nhẹ-nhàng, mà không có ai là người không thể không cung-cấp cho nhà nước.

Hơn nữa, lại có chức quan coi việc đường-sá trong thiên-hạ phải làm sao cho đường-sá thông-suốt, các nguồn tài lợi trong nước được lưu-thông (như các thứ cây-cối, gỗ-lạt ở miền rừng thì theo sông dầm mà chuyên-chở xuống miền đồng-bằng; như cá, muối thì theo đường rừng núi chuyên-chở lên miền thượng du). Đâu đâu lý và số cũng đồng-đều như nhau, phép đo-lường được thống-nhứt, mới tận-trừ được những kẻ gây oán-hận, ác-cảm với người khác (cấm ngặt những kẻ cường-hào trong địa-phương làm nghề buôn-bán rong), và ai ai cũng một lòng hiếu thiện (tuỳ theo sản-vật ở đất này mà cùng nhau ưa làm việc lành, thì việc trao-đổi hoá-vật đi nơi khác sẽ được thêm phần lợi-tức). Như vậy thì còn có người dân nào nghèo-nàn, túng-thiếu? Còn có nước nào không giàu-có, dồi-dào của-cải? Cho nên việc định yên dân-cư, nhân-tuần dân-tục, lưu-thông dân lợi, trừ-khử dân hại là công việc đầu tiên của chức-vụ phủ-trị Thuận-hoá và Quảng-nam vậy.

Theo phép đánh thuế tô lúc bấy giờ tại hai trấn Thuận-hoá và Quảng-nam, thì công-điền hạng nhứt, mỗi năm nhà nước trưng-thâu 40 thăng lúa (tương-đương với 40 bát đồng nhà nước); công-điền hạng hai, mỗi năm nhà nước trưng-thâu 30 thăng lúa; [93a] công-điền hạng ba, mỗi năm nhà nước trưng-



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

thâu 20 thặng lúa. Đối với các hạng ruộng tư, nhà nước cũng trung-thâu thuế lúa tở như ruộng công vậy.

Theo pháp-chế và thề-lệ, mỗi khi thâu lúa công 1.000 thặng, thì các viên-chức là Cai-trung, Cai-lại, hầu-thuyền, khán-lượng cùng chức quan Đề-đốc, Đề-lãnh tại Trấn-thủ đường đều được phép thâu thêm về phần mỗi người 2 tiền và nửa thặng gạo để làm lộc cư-ngụ.

Tại trấn Thuận-hoá, việc trung-thâu gạo điền-mẫu cùng với thề-lệ thâu tiền phụ-nạp được qui-định như sau :

Ruộng hạng nhất, mỗi mẫu phải đài-thọ lúa 40 thặng, và người ta còn trung-thâu thêm gạo 8 hợp¹ nữa ; ruộng hạng nhì, mỗi mẫu phải đài-thọ lúa 30 thặng, và người ta còn trung-thâu thêm gạo 6 hợp ; ruộng hạng ba, mỗi mẫu phải đài-thọ lúa 20 thặng, người ta còn trung-thâu thêm gạo 4 hợp. Còn như thuế lúa tở 50 thặng, thì người ta trung-thâu thêm gạo 1 thặng, cùng với 3 đồng tiền phụ-nạp. Như lúa 1.000 thặng thì trung-thâu thêm gạo 20 thặng và tiền phụ 60 đồng.

[93b] Theo phép đong-lường cũ tại trấn Thuận-hoá, thì 10 toát²

1. Hợp là lể. Mười hợp hay mười lể là một thưng hay một thặng, theo phép đong-lường ngày xưa.

2. Theo phép đong-lường ngày xưa, người ta cứ đếm 256 hạt thóc làm 1 toát. Vậy 1 toát lúa là 1 dùm tay lúa.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

làm 1 chước¹, 10 chước làm 1 hợp, 10 hợp làm một thăng (hay thưng), 10 thăng làm 1 học, 10 học làm 1 dũng [thùng gỗ vuông, tức là lang lớn].

Còn học để thâu lúa thuế, thì cứ tính mỗi học là 50 thăng, lại còn đóng thêm lúa phụ 25 thăng nữa. Như vậy là 1 học lúa thuế cộng 75 thăng. Người ta lấy 500 thăng làm 1 dũng. Còn như thứ học để cấp-phát lương-thực cho thủy-quân và bộ-binh, thì mỗi học chỉ cần được 33 thăng 5 hợp.

Lại còn có học để cấp-phát lương-thực cho Nội-phủ thì nhỏ hơn, nhỏ hơn học Tam-quân 3 thăng. Thăng ở Nội-phủ cũng nhỏ hơn thăng tại các nơi khác. Dân-gian mua bán lúa thóc phần nhiều dùng thứ học này. Tuy nhiên, loại học này lớn nhỏ cũng không nhất-định.

Xứ Thuận-hoá bao-gồm 2 phủ, 8 huyện và 1 châu [ở miền Thượng-du].

Từ năm Quý-tị [tức năm 1713 sau Công-nguyên là năm thứ 13 niên-hiệu Cảnh-hưng] niên-hiệu Cảnh-hưng trở về trước, thể-lệ được thực-hành về thuế lúa tô đối với ruộng công thuộc các tổng, xã, thôn, [94a], cùng phụ-canh các khoảnh ruộng tư các họ như sau :

1. Cũng theo phép đóng-lường ngày xưa, thì 10 toát (dúm) làm 1 chước (môi). Vậy 1 chước là 1 phần 10 của 1 hợp (lẻ) hay là phần trăm của thưng.



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Huyện Hương-trà phải nộp 527.670 thăng 6 hợp thuế lúa tô. Nhưng người ta trừ đi một số lúa tô về phần những người hoặc những đám ruộng được tha thuế, huyện này chỉ còn thực-trung thuế lúa tô là 460.459 thăng 9 hợp mà thôi. Sau lại trưng thâu thêm 57 thăng lúa nữa.

Huyện Quảng-diên, theo lệ, phải nộp 496.670 thăng 1 hợp. Nhưng trừ đi một số lúa tô về phần những người hoặc những đám ruộng được tha thuế, huyện này còn thực-trung thuế lúa tô là 481.591 thăng 7 hợp mà thôi.

Huyện Phú-vang, theo lệ, số thuế lúa tô phải nộp là 582.330 thăng 1 hợp. Trừ đi số lúa tô về phần những người hoặc những đám ruộng được tha thuế, huyện này còn thực trung số lúa là 479.860 thăng 2 hợp. Lại đến năm Canh-thin [tức năm 1760 sau Công-nguyên] huyện này phải nộp thêm số lúa là 91 thăng nữa.

Huyện Hải-lăng [nay thuộc tỉnh Quảng-trị], theo lệ, số thuế lúa tô phải nộp là [94b] 383.465 thăng, 6 hợp. Trừ đi số lúa tô về phần những người hoặc những đám ruộng được tha thuế, huyện này còn thực-trung số lúa là 347.690 thăng 3 hợp.

Huyện Đăng-xương, theo lệ, số lúa thuế tô phải nộp là 428.143 thăng 2 hợp. Trừ đi số lúa tô về phần những người hay những đám ruộng được tha thuế, huyện này còn thực-trung số lúa tô là 425.912 thăng 7 hợp.

Huyện Minh-linh [nay là phủ Vĩnh-linh], theo lệ, số thuế



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

lúa tô phải nộp là 300.816 thăng 9 hợp rưỡi. Trừ đi số lúa tô về phần những người hoặc những đám ruộng được tha thuế, huyện này còn thực-trung số lúa là 300.607 thăng 2 hợp.

Huyện Khang-lộc, theo lệ, số thuế lúa tô phải nộp là 412.679 thăng 6 hợp. Trừ đi số lúa tô về phần những người hoặc những đám ruộng được tha thuế, huyện này còn thực-trung số lúa tô là 389.500 thăng.

Huyện Lệ-thủy, theo lệ, số thuế lúa tô phải nộp là [95a] 225.272 thăng 7 hợp. Trừ đi số lúa tô về phần những người hoặc những khoảnh ruộng được tha thuế, huyện này còn thực-trung tổng số lúa là 188.527 thăng 8 hợp.

Lại đến năm Bình-ngọ [tức năm 1786 sau Công-nguyên là năm thứ 47 vua Lê Cảnh-hưng], nhà nước mới tăng thuế lúa tô cho huyện này mỗi mẫu 2 thăng nữa.

Rồi đến năm Canh-tuất [tức năm 1790 sau Công-nguyên là năm thứ 3 niên-hiệu Quang-trung nhà Nguyễn Tây-sơn], tổng số thuế lúa tô huyện này lên tới 360.000 thăng 5 hợp.

Châu Nam Bỗ-chánh [tức phía nam tỉnh Quảng-bình ngày nay], theo lệ, số thuế lúa tô phải nộp là 163.387 thăng 8 hợp. Chiết-trừ đi số lúa tô về phần những người hoặc những khoảnh ruộng được tha, khỏi phải chịu thuế, huyện này còn thực-trung là 134.823 thăng.

Lại đến năm Canh-tuất [1790 sau Công-nguyên], nhà nước



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

mười tăng số thuế lúa tô huyện này lên mỗi mẫu 70 thăng [vì lúa ở nơi đây rất tốt]. Đồng năm, theo lệ, huyện này phải vận-chuyển dâng nạp số thuế lúa tô là 3.619.283 thăng 6 hớp rưỡi.

Còn như các đồn-điền công, các điền-trang công cùng với các hạng ruộng đất hoang-nhàn mới được khai-khẩn và đất châu thổ [đất bãi], thì số thuế lúa tô đem cấp-phát cho các quan viên làm lộc cư-ngụ, còn thừa bao nhiêu lúa nữa, thì được trung-thâu và trung-nạp riêng-biệt, [95b] chớ không được tính vào số thuế lúa tô đã kê ở trên.

Tại trấn Thuận-hoá có hạng ruộng đất về đồn-điền công [quan đồn-điền] trong các xã thôn và các phường thuộc sáu huyện ¹ cộng 6.494 mẫu 3 sào 12 thước 9 tấc.

Tại địa-phận bai xã thuộc huyện Hương-trà, có hạng ruộng đồn-điền công ở về vùng Tam-giang cộng 281 mẫu 6 sào 3 thước 3 tấc.

Tại địa-phận một xã thuộc huyện Phú-vang, có hạng ruộng đất về đồn-điền công cộng 88 mẫu 8 sào. Trừ đi số ruộng đất

1. Sáu huyện trong trấn Thuận-hoá ngày xưa tức là tỉnh Thừa-thiên ngày nay là: huyện Phú-lộc, huyện Phú-vang, huyện Hương-thủy, huyện Hương-trà, huyện Quảng-điền và huyện Phong-điền kể từ Nam ra Bắc.

Ngày nay, người ta lại chia đặt thêm 2 huyện là:

- 1) Huyện Phú-thứ.
- 2) Huyện Vinh-lộc.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

còn để lưu-hoang là 79 mẫu 6 sào 8 thước thì không phải đóng thuế.

Tại địa-phận chín xã thuộc huyện Đăng-xương [nay thuộc về phủ Triệu-phong tỉnh Quảng-trị], có hạng ruộng đất về «đồn-điền công» là 1.143 mẫu 7 thước. Trừ đi số đất thờ-ương là thứ đất chỉ để gieo bắc mạ hoặc rấm hạt giống cây, cùng đất có gia-cư, với đất lưu-hoang cộng 40 mẫu 6 sào 6 thước, thì không phải chịu thuế.

Tại địa-phận 6 xã thuộc huyện Hải-lăng, có hạng ruộng đất về «đồn-điền công» cộng 1.190 mẫu 9 sào 2 thước 9 tấc. Trừ đi số đất thờ-ương, số đất có đường nước chảy và số đất bị cát bồi lấp dày cộng 81 mẫu 6 sào [96a] 10 thước không phải chịu thuế.

Tại địa-phận sáu xã thuộc huyện Minh-linh, có hạng ruộng đất «đồn-điền công» cộng 2.406 mẫu 10 thước 8 tấc. Trừ đi số đất thờ-ương, số đất có kênh đào và số đất bị nước phá nặng nề cộng 111 mẫu 3 sào 7 thước, thì không phải đóng thuế.

Tại địa-phận 5 xã thuộc huyện Khang-lộc, có hạng ruộng đất «đồn-điền công» cộng 1.384 mẫu 6 sào 3 thước 9 tấc. Trừ đi số đất có gia-cư, có kênh nước, có cát bồi-lấp và số đất còn bỏ hoang-nhàn, thì không phải nộp thuế.

Như vậy, tổng cộng số ruộng đất được trừ, không phải chịu thuế là 514 mẫu 2 sào 5 tấc. Còn lại số ruộng đất phải chịu



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

thuế là 5.980 mẫu 1 sào 13 thước 4 tấc [trên đây là kê số ruộng đất về đồn-diền công].

Theo lệ thuế lúc bấy giờ, thì mỗi mẫu ruộng đất về đồn-diền công phải nạp 1 quan 8 tiền thuế, hoặc 6 tiền mỗi mẫu, hoặc 5 tiền mỗi mẫu, hoặc 3 tiền 30 chữ tiền mỗi mẫu, cùng với tiền trâu cau mỗi mẫu 1 tiền.

Còn đối với hạng ruộng đất khô-khan, hoặc mỗi mẫu chỉ chịu 4 tiền thuế và 1 tiền trâu cau, hoặc mỗi mẫu 1 tiền thuế. Ruộng khô lại có nơi chỉ nạp 30 chữ tiền thuế, hoặc 2 [96b] tiền, hoặc 2 tiền 30 chữ. Còn tiền trâu cau thì cứ tính mỗi mẫu 30 chữ tiền, thuế ruộng đất có nơi cao, nơi thấp không nhất-định.

Trong hạng ruộng đất khô-khan, lại có những đám ruộng bỏ hoang mới được khai-khẩn, thì nhà nước chỉ trưng-thâu thuế mỗi mẫu 3 tiền mà thôi. Còn số tiền trà nước thì phần nửa được nạp vào quỹ công, phần nửa thì cấp phát cho các quan thuộc bộ Lễ.

+

Về ruộng trang - trại công (quan điền trang) thuộc trấn Thuận-hóa thì được chia làm hai tích [tức hai phần] như sau :

Một tích cộng 750 mẫu 7 sào. Tại địa-phận hai xã thuộc huyện Hương - trà có thứ ruộng «quan điền trang» ấy. Trong



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

số ruộng đó, thì hạ-điền [ruộng gặt về mùa tháng năm] cộng 401 mẫu. Số ruộng này được giao-phó cho nhân-dân sở-tại khai-thác và cày cấy. Đến kỳ gieo mạ, hoặc đến kỳ gặt hái, nhà nước sai-phái chiếc thuyền Tân-nhứt [thuyền công] đến tận nơi thúc-giục người ta gieo mạ hoặc gặt-hái nạp lúa. Thuế lúa thì cứ tính mỗi mẫu 8 học 5 thăng (mỗi học lúa trọng-lượng 25 thăng).

Lại còn hạ-điền 7 sào 1 thước nữa. Trong số đó thì ruộng nội phù-sa phải chịu mỗi sào 1 tiền đồng và 30 chữ tiền. Còn ruộng ngoại phù-sa thì chịu mỗi sào 1 tiền đồng.

Thu-điền [ruộng gặt về mùa tháng mười] cộng 5 mẫu 1 sào 13 thước. [97a] Trong số đó, ruộng nội phù-sa thì đánh thuế mỗi mẫu 5 tiền đồng. Còn ruộng ngoại phù-sa thì đánh thuế mỗi mẫu 1 quan tiền đồng.

Tại địa-phận chín xã thuộc huyện Minh-linh có ruộng trang-trại công, trong đó, có 201 mẫu 6 sào ruộng hạ-điền, và 142 mẫu 2 sào ruộng thu-điền.

Số ruộng «quan điền trang» trong huyện Minh-linh được chia làm ba hạng. Ruộng mỗi mẫu phải đóng thuế 1 quan tiền đồng, hoặc 9 tiền đồng trở xuống cho đến 5 tiền đồng. Ruộng sâu có nước thì mỗi mẫu phải đóng thuế 1 quan tiền; còn đất «thồ ương», thì mỗi mẫu chỉ phải đóng thuế hoặc từ 6 tiền đồng trở xuống cho đến 2 tiền đồng.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Còn một tích « quan tiền trang » nữa cộng 773 mẫu 3 sào 14 thước 4 tấc. Tại địa-phận hai xã và một phường trong huyện Quảng-diền có ruộng hạ điền cộng 201 mẫu 12 thước. Trong số đó, ruộng quan-dụng [ruộng nhà nước dùng] cộng 70 mẫu 4 sào. Đến mùa lúa chín, thì quan trên sai-phái chiếc thuyền Tân-nhứt [thuyền công] đến tận ruộng áp gặt và thâu lúa nếp chuyên-vận về dâng nạp tại kho công. Lúa nếp này, sau khi gặt xong, được chia ra làm bốn phần: ba phần được lưu lại để làm mùa khác. Còn một phần thì giao-phó cho người tá-canh.

Còn 49 mẫu 5 thước ruộng, thì nhà nước trung-thâu lúa nếp cộng 190 hộc 2 ky (theo lệ lúc bấy giờ, thì 3 hộc mới được 1 ky). Ruộng thổ-mộ [97b] [ruộng đất thổ có mồ-mả chôn rải-rác] cộng 2 mẫu 4 sào, thì số tiền thuế được trung-thâu riêng-biệt, chứ không trung-thâu với các hạng ruộng đất khác.

Sở đồn-diền thuộc huyện Đăng-xương có ruộng hạ-diền 48 mẫu. Đến mùa gặt, nhà nước sai-phái chiếc thuyền Tân-nhứt đến tận ruộng áp gặt thâu lúa. Lúa được chia làm hai phần: một phần được lưu lại cho người làm ruộng làm mùa khác, còn một phần thì được vận-chuyên về nạp tại kho nhà nước.

Tại địa-phận 25 phường thuộc tổng Bái-trời, huyện Minh-linh có ruộng thu-diền cộng 524 mẫu 3 sào 1 thước 4 tấc. Trong số đó, ruộng quan điền [ruộng nhà nước] 262 mẫu 8 sào 10 thước 1 tấc. Đến mùa gặt, nhà nước sai-phái chiếc thuyền Tân-



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

nhứt áp gặt và thâu lấy lúa nếp trướng [nhu-noãn túc] lúa nếp bột [nhu-bột túc], lúa nếp trĩ [nhu-trĩ túc] và lúa bách-lý [bách-lý túc]. Số lúa thâu được lưu lại một phần để làm mùa khác, còn bốn phần thì được chuyên-chở về dâng nạp tại kho nhà nước.

Còn số đất sâu, đất khô, đất gieo mạ hay ương cây, ruộng bờ đập, đất khô-táo và ruộng đất rừng núi cộng 262 mẫu 3 thước 3 tấc, thì số tiền thuế được thâu nhận riêng biệt, mỗi mẫu 1 quan 5 tiền đồng, hoặc 1 quan, hoặc 7 tiền, hay [98a] 5 tiền 30 chữ, hoặc 5 tiền.

Ngày trước, họ Nguyễn mới bắt đầu thiết-lập ty Nông-sứ để coi việc trưng-thâu thêm các hạng ruộng đất mới được khai-khẩn.

Chúng tôi tra-khảo sổ bộ năm Giáp-ngọ [tức năm 1774 sau Công-nguyên] trong tám huyện thuộc trấn Thuận-hoá, ruộng mới khai-hoang cộng 8.510 mẫu 3 sào 9 tấc. Trong số đó, tại địa-phận phường La-sơn thuộc huyện Phú-vang có ruộng quan-lương là 8 sào 13 thước 5 tấc. Ruộng hạng nhứt, mỗi sào nhà nước trưng-thâu 10 thăng lúa. Còn ruộng hạng nhì và hạng ba, thì nhà-nước trưng-thâu mỗi sào 5 thăng lúa mà thôi.

Tại các huyện khác trong trấn Thuận-hoá, tổng số ruộng hạ-diền mới khai-khẩn cộng 246 mẫu 3 sào 8 thước 4 tấc. Số ruộng hạ-diền này tuy được chia thành hạng nhứt, hạng nhì và



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

hạng ba, nhưng nhà nước vẫn nhứt-luật trưng-thâu mỗi mẫu 30 thăng lúa thuế. Còn giá lúa thì người ta tùy theo từng năm mà quyết định để thâu tiền nạp thay lúa thuế.

Tổng số ruộng «thu-điền khô mộc» [tức ruộng mùa thu khô-táo] cộng 1.249 mẫu 3 sào 9 thước 7 tấc, thì người ta không phân [98b] đẳng-hạng, cứ trưng-thâu đồng-đều mỗi mẫu 3 tiền đồng. Còn số tiền ngoài [như tiền trà nước, trâu-cau], thì cũng đều được thâu mỗi mẫu ruộng 1 tiền đồng như nhau cả.

Đến như thuế đánh vào những bãi đất làm hoa-màu [hoa châu] trong trấn Thuận-hoá, thì nhà nước cứ trưng-thâu mỗi mẫu đất hoặc 3 quan, hoặc 3 tiền đồng chẳng hạn. Thứ thuế này, khi trước mới tính tiền thuế, thì người ta lấy bạc làm căn-bản, tương-đương với bao nhiêu tiền đồng. Nhưng đến ngày thâu thuế, thì người ta lại lấy tiền để nạp thay cho bạc. Một thoi bạc, lúc bấy giờ, trị giá 17 quan tiền. Còn số tiền dùng làm lộc cư-ngụ cho Cai-châu, thì cứ mỗi quan tiền thuế, lại được phép thâu thêm 2 tiền là tiền ngoài số thuế.

Nhân-dân trong địa-phương có người nào tạo-mãi ruộng đất, hoặc khoảnh Giáp hay khoảnh Ất chẳng hạn mà xin trừ trước trong bộ cũ, thì phải nạp số tiền nội-lễ cứ tính mỗi sào là 2 tiền, tức thì quan đích thân phê đơn và điền ngày vào đơn, rồi giao-phó đơn cho đương-sự. Làm việc quan mà thâu tiền lễ như vậy, thật là nhỏ-mọn, vụn-vặt [tế toái] quá chừng!

Chức quan «tương-thần lại» [cũng như chức Hộ-bộ Thượng-



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

thư trước đây] nắm giữ tất cả những bộ-tịch ruộng đất trong nước, rồi người này bàn-giao lại cho người khác, nếu có ai hỏi ruộng đất trong xứ được bao nhiêu mẫu, sào, thước, tấc... thì viên quan ấy trả lời : « Không biết ».

Chúng tôi xem xét các bộ-tịch đăng- nạp tại năm Mậu-thân [tức năm 1788 sau Công-nguyên là năm thứ 2 niên-hiệu Lê Chiêu-thống], thì chỉ thấy người ta đã biên-chép sơ-lược : « Họ nào, xã nào trong bản huyện, phần thuế phải chịu là bao nhiêu thoi bạc, bao nhiêu lượng bạc và mấy quan tiền » mà thôi.

Các bộ-tịch về năm Bình-thìn [tức năm 1796 sau Công-nguyên] cũng biên-chép sơ-lược như thế. Nhưng trong các bộ-tịch năm này còn có biên-chép thêm : « Số thuế các bãi đất trong các huyện đã được chuẩn-trừ đi bao nhiêu, còn số tiền phải đăng-nạp thay cho số thuế cùng với số tiền theo lệ mới được tăng lên là bao nhiêu », như :

Huyện Hương-trà phải đăng-nạp số tiền thuế đất bãi là 283 quan, 8 tiền và 15 chữ tiền đồng.

Huyện Quảng-diên phải đăng-nạp số tiền thuế đất bãi là 253 quan, 4 tiền và 6 chữ tiền đồng.

Huyện Phú-vang phải nạp tiền thuế đất bãi là 138 quan, 3 tiền và 3 chữ tiền đồng.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Huyện Đăng-xương phải dâng-nạp số tiền thuế đất bãi là 352 quan, 5 tiền và 41 chữ tiền đồng. Lại còn một phường và một họ trong huyện phải biệt-nạp số tiền thuế đất bãi tổng cộng 102 quan, 9 tiền và 15 chữ tiền đồng.

Huyện Hải-lăng phải dâng-nạp số tiền thuế về đất bãi là 289 quan, 2 tiền và 14 chữ tiền đồng.

Huyện Minh-linh phải dâng-nạp tổng số tiền thuế về đất bãi là 53 quan, 6 tiền và 18 chữ tiền đồng.

Huyện Lệ-thuỷ phải dâng-nạp tổng số tiền thuế về đất bãi là 14 quan, 4 tiền đồng và 15 chữ tiền đồng.

Châu Bồ-chánh phải dâng-nạp tổng-số tiền thuế về đất bãi là 48 quan, 7 tiền và 45 chữ tiền đồng.

Tất cả các huyện trong trấn Thuận-hoá đã kể ở trên, tổng cộng [99b] số tiền thuế đất bãi một năm là 1.497 quan, 1 tiền và 22 chữ tiền đồng.

Kỳ này [tức lúc bấy giờ], quan trên lại ra lệnh cho các huyện trong trấn Thuận-hoá phải làm các bản loại-khai về đất bãi làm hoa-màu trong địa-hạt, thì được biết kết-quả như sau :

Huyện Hương-trà có 68 mẫu 6 sào 9 thước đất bãi làm hoa-màu.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Huyện Quảng-diên có 176 mẫu 4 sào 1 thước đất bãi làm hoa-màu.

Huyện Phú-vang có 10 mẫu 8 sào 2 thước 2 tấc đất bãi làm hoa-màu.

Huyện Đăng-xương có 204 mẫu 2 sào 3 thước 1 tấc đất bãi làm hoa-màu.

Huyện Hải-lăng có 176 mẫu 4 sào 10 thước 6 tấc đất bãi làm hoa-màu.

Huyện Minh-linh có 33 mẫu 5 sào 2 thước đất bãi làm hoa-màu.

Huyện Lệ-thủy có 7 mẫu 8 sào 4 tấc đất bãi làm hoa-màu.

Châu Bồ-chánh có 25 mẫu 1 sào 12 thước 9 tấc đất bãi làm hoa-màu.

Tổng cộng 660 mẫu 4 sào 11 thước 3 tấc đất bãi làm hoa-màu trong trấn Thuận-hoá.

✦

[100a] Theo thể lệ « điền-tô-trường » trong các huyện thuộc trấn Thuận-hoá, thì các tổng, xã, thôn, phường, cùng với các người phụ-canh những khoảnh ruộng đất các họ đều phải đăng- nạp số gạo và số tiền về điền-mẫu như sau :



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Căn-cứ vào bộ-tịch năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 sau Công-nguyên là năm thứ 30 niên-hiệu Lê Cảnh-hung], thì được biết :

Huyện Hương-trà dâng-nạp số gạo điền-mẫu là 9.996 thăng 7 hớp 6 chước, đều được đóng làm 249 bao 16 thăng 7 hớp 6 chước (trong đó, cứ 40 thăng gạo được đóng làm 1 bao) cùng với số tiền phụ-nạp là 49 quan, 8 tiền 48 chữ tiền đồng. (Trong đó, cứ 1 bao thì phải phụ-nạp 2 tiền).

Huyện Quảng-điền dâng-nạp số gạo điền-mẫu là 7.176 thăng 2 hớp 3 chước, đều được đóng làm 179 bao 16 thăng 2 hớp 3 chước, cùng với số tiền phụ-nạp là 35 quan, 48 chữ tiền đồng.

Huyện Phú-vang dâng-nạp số gạo điền-mẫu là 12.430 thăng 3 hớp 3 chước, đều được đóng làm 310 bao 30 thăng 3 hớp 6 chước, cùng với số tiền phụ-nạp là 62 quan, 1 tiền, 30 chữ tiền đồng.

Huyện Hải-lăng dâng-nạp số gạo [100b] điền-mẫu là 7.246 thăng, đều được đóng làm 181 bao 6 thăng, cùng với số tiền phụ-nạp là 36 quan, 2 tiền, 18 chữ tiền đồng.

Huyện Đăng-xương phải dâng-nạp số gạo điền-mẫu là 8.131 thăng 9 hớp, đều được đóng làm 203 bao 11 thăng 7 hớp, cùng với số tiền phụ-nạp là 40 quan, 6 tiền, 33 chữ tiền đồng.

Huyện Minh-linh dâng-nạp số gạo điền-mẫu là 7.106 thăng 7 hớp, đều được đóng làm 172 bao 6 thăng 7 hớp, cùng với số tiền phụ-nạp là 34 quan, 4 tiền, 48 chữ tiền đồng.



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Huyện Lệ-thuỷ dâng- nạp số gạo điền-mẫu là 3.736 thăng 8 hớp, đều được đóng làm 93 bao 16 thăng 8 hớp, cùng với số tiền phụ-nạp là 18 quan, 6 tiền, 48 chữ tiền đồng.

Huyện Khang-lộc dâng-nạp số gạo điền-mẫu là 6.955 thăng 7 hớp, đều được đóng làm [101a] 173 bao 35 thăng 7 hớp, cùng với số tiền phụ-nạp là 34 quan, 6 tiền, 49 chữ tiền đồng.

Châu Nam Bổ-chánh dâng-nạp số gạo điền-mẫu là 2.879 thăng, 3 hớp 4 chước 3 sao ¹ 7 toát, đều được đóng làm 71 bao 39 thăng 3 hớp 4 chước 3 sao 7 toát, cùng với số tiền phụ-nạp là 14 quan, 3 tiền, 57 chữ tiền đồng.

Còn theo thể-lệ trưng-thâu thuế tô ruộng của phường Bạch-câu ở cửa Hội thuộc huyện Minh-linh, thì phường ấy được phép biệt nạp 330 con cá khô thay-thế cho thuế điền-tô. Đến năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 sau Công-nguyên], người ta lại tinh ruộng thực-diện của phường ấy cùng với số ruộng lưu-hoang mới được tăng diện-tích cộng thành 21 mẫu, nên gia thuế cá phường này lên 20 con cá nữa.

Về số gạo điền-mẫu các huyện thuộc trấn Thuận-hoá, sau khi được nhà nước áp-thâu, và cấp-phát cho các nha làm lộc cư-ngụ rồi, còn thừa lại [101b] bao nhiêu bao, đều được dâng-

1. Sao là cái thìa. Sao là 1 phần nghìn của 1 thăng, là 1 phần trăm của 1 hớp, hay 1 phần mười của 1 chước.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

nap vào kho Nghi-mê [kho gạo này được dành riêng cho các việc lễ-nghi]. Nhưng cũng có xã được phép lấy tiền nạp thay gạo.

Còn số gạo điền-mẫu huyện Quảng-điền cũng được dành làm lộc cư-ngụ cho Cai-trung và chức Đội-trưởng kho công, cùng với các phái-viên bản-đường [tức trấn-đường]. Còn thừa bao nhiêu nữa đều được chuyên-chở đến kho Thuận-hoá đăng-nạp.

Đến kỳ thâu thuế, các xã thôn nào có cày ruộng công đều phải chiếu theo số lúa lệ định và số gạo lệ định mà chuyên-chở đến giữa đình làng tạm trữ, rồi đều phải đem số lúa gạo ấy đến trường điền-tô tại nơi kho công. Đường-quan huyện địa-phương phải đứng sẵn ở đấy, rồi chiếu theo số lúa, gạo đã thâu, giao cho quan Đề-lãnh tại nhà kho nhận. Quan Đề-lãnh mới giao-phó cho lính coi giữ kho phụng nhận và cất trữ vào kho. Các đám ruộng của các họ, nếu không muốn đăng-nạp tại bản-huyện đường-quan, cũng được phép biệt-nạp tại viên Cai-trung, nghĩa là các họ không bị bắt-buộc phải nạp tiền thuế qua huyện quan, mà có thể nạp thẳng cho viên Cai-trung cũng được.

Như năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 sau Công-nguyên], Cai-trung [102a] Chiêm-hậu đã nạp số tiền đại-nạp cho các họ trong huyện Quảng-điền là 3.000 quan, và tiền thuế tô 87 quan. Rồi viên ấy lại nạp các số tiền về phần các tổng, các xã, thôn, các phường thuộc huyện Quảng-điền nữa. Viên ấy lại còn đem nạp



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

các số tiền về phần ruộng các họ phụ-canh xin nạp thay các bức rèm tre che-đậy nhà kho, cộng 337 quan tiền.

Nay tôi lại kê-cứu về các xã, thôn, cùng các khoảnh ruộng các họ thuộc trấn Quảng-nam. Năm Mậu-tý [tức năm 1768 sau Công-nguyên là năm thứ 29 niên-hiệu Lê Cảnh-bưng], tất cả các hạng ruộng đất khẩn-trung từ ngày trước, ruộng đất mới khẩn-trung, và ruộng đất đương lưu-hoang, nhà nước cứ theo số mẫu mà đánh thuế mỗi mẫu là 36 đồng tiền về trường điền-tô. Cùng với các hạng ruộng thu-điền cao-táo, nhà nước cũng chỉ đánh thuế mỗi mẫu 18 đồng tiền. Khoản tiền điền-tô trường trong trấn Quảng-nam lại do chức quan Ty-nông biệt-nạp.

Từ xưa đến nay, đối với việc lập-pháp, người ta cần phải làm thế nào cho pháp-luật đơn-giản, mà lại đầy-đủ ý nghĩa. Còn như sai-khiến người ta thì quí tại số người ít mà công vụ tinh-tường. Luật-pháp có đơn-giản thì mới dễ kê-cứu. Số người làm việc quan ít thì mới khỏi phiền-nhiều nhân-dân. Như việc thuế-khoá trấn Thuận-hoá, pháp-lệnh đã quá phiền-phức rườm-rà, các nhân-viên trung-thâu đốc-thâu lại quá đông-đúc, những kẻ dân cùng, những nhà nghèo-khó, thường bị khổ-sở về việc bội-nạp. [102b] Thế mà tại Ty-lại ở trong bộ cũng như tại bản trấn-đường ở ngoài quận, các bộ-tịch về thuế-khoá đều bị mỗi-một nhắm ăn hết, nay không biết khảo-cứu vào đâu nữa.

Bộ điền hiện-canh trong trấn Thuận-hoá tuy có biên rõ con số mẫu ruộng ở các nơi sở-tại. Nhưng từ năm Kỷ-dậu là



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

năm thứ 7 niên-hiệu Cảnh-trị ¹ [tức năm 1669 sau Công-nguyên] cho đến ngày nay là năm Canh-dần, năm thứ 31 niên-hiệu Lê Cảnh-hung [là năm 1770 sau Công-nguyên] đã trải qua 102 năm, các giấy-tờ, bộ-tịch đều đã bị mỗi-một phá-hủy rách-nát hết, đó là lẽ tất-nhiên.

Tháng ba năm này, họ Nguyễn sai-khiến các huyện-quan trong các huyện cùng các viên thông-lại trong các huyện phải biên-soạn sổ bộ ruộng đất các xã và ruộng khoảnh các họ trong xã đề quy vào một tập, như :

Huyện Hương-trà gồm 10 tổng, 222 xã, thôn, phường và tộc-bức quy làm 8 tập.

Huyện Quảng-diên gồm 8 tổng, 137 xã, thôn, phường và tộc-bức quy làm 4 tập.

Huyện Phú-vang gồm 6 tổng, 352 xã, thôn, phường và tộc-bức quy làm [103a] 15 tập.

Huyện Đăng-xương gồm 5 tổng, 188 xã, thôn, phường và tộc-bức quy làm 8 tập.

Huyện Minh-linh gồm 5 tổng, 227 xã, thôn, phường và tộc-bức quy làm 5 tập.

1. Cảnh-trị là niên hiệu vua Lê Huyền-tông.

Lê Huyền-tông, húy Duy-Vũ, là con vua Lê Thần-tông, ở ngôi được 9 năm. Dưới triều vua Lê Huyền-tông, các giáo-điều được thân-minh, cùng nghiêm-cấm đạo Gia-tô truyền-bá và hoạt-động ở trong đất nước.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Huyện Khang-lộc gồm 6 tổng, 83 xã, thôn, phường và tộc-bức quy làm 6 tập.

Huyện Lệ-thủy gồm 5 tổng, 73 xã, thôn, phường và tộc-bức quy làm 4 tập.

Châu Nam Bổ-chánh gồm 2 tổng, 54 xã, thôn, phường và tộc-bức quy làm 1 tập.

Chỉ có huyện Hải-lăng đã khai-xung bộ cũ huyện ấy vào năm Mậu-tý [tức năm 1768 sau Công-nguyên là năm thứ 29 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] từng bị nước lụt lớn trôi mất. Sau đó chẳng bao lâu, quan quân triều-đình phủ-dụ và bình-định huyện này, có bắt được các bộ-tịch huyện ấy, hiện còn lưu-trữ tại kho, nay còn có thể kê-cứu được. Bởi vì từ năm Canh-dần đến năm Ất-vị mới có 6 năm mà thôi.

[103b] Đến năm Giáp-ngọ [tức năm 1774 sau Công-nguyên là năm thứ 35 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], quan quân triều-đình bình-định được trấn Thuận-hoá, nhà vua có ra lệnh miễn thâu thuế tô cho nhân-dân Thuận-hoá 2 năm.

Sang tháng 4 năm Bính-thân [tức năm 1776 sau Công-nguyên là năm thứ 37 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], chúng tôi mới sai các huyện quan chuyên sức xuống các tổng, các xã phải lược-khai các hạng ruộng đất công và tư, ruộng nhà chùa, đất bãi làm hoa-màu, trang ruộng công, đồn-điền công, ruộng các họ, ruộng đất biệt-trưng, và ruộng đất còn lưu-hoang chưa khai-khẩn là bao nhiêu mẫu, sào, thước, tấc, vì chúng tôi muốn được biết



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

ruộng đất trong trấn Thuận-hoá một cách tổng-quát và đại-khái. Bởi vậy, chúng tôi không bắt-buộc các thuộc quan viên phải kê-khai đầy-đủ các xứ-sở và đẳng-hạng ruộng đất. Hạn trong hai tháng, các huyện trong địa-hạt phải sơ-lược kê-khai ruộng đất cho xong. Và chúng tôi đã thông-linh một xứ Thuận-hoá có thực-diện là 153.181 mẫu 1 sào 5 thước 3 tấc được chia ra như sau :

Huyện Hương-trà có 33.287 mẫu 13 thước 4 tấc ruộng đất. Trong số đó, người ta trừ đi những nơi lưu-hoang, những nơi rừng núi, những nơi gò lũng và những nơi thổ-mộ cộng 13.845 mẫu 5 sào 8 thước 8 tấc, còn ruộng đất thực-canh là 19.442 mẫu [104a] 1 sào 3 thước 6 tấc.

Huyện Quảng-diện có 14.020 mẫu 4 sào 4 thước 1 tấc ruộng đất. Trong số đó, người ta trừ đi những nơi ruộng đất lưu-hoang, những nơi thổ-mộ, những đám ruộng khô, cùng với số đầm, ao, vườn công, chợ-búa bản-đồ cộng 3.600 mẫu 8 sào 3 thước 3 tấc, còn thực-canh ruộng đất là 10.419 mẫu 6 sào 9 tấc.

Huyện Phú-vang có 39.574 mẫu 6 sào 5 thước 6 tấc. Trong số đó, người ta trừ đi những nơi lưu-hoang, và những nơi thổ-mộ cộng 11.540 mẫu 4 sào 4 thước 8 tấc 1 phân, còn thực-canh ruộng đất là 28.034 mẫu 7 sào 7 tấc 9 phân.

Huyện Đăng-xương có 25.524 mẫu 2 sào 8 thước 3 tấc 3 phân ruộng đất. Trong số đó, người ta trừ đi những nơi lưu-hoang, những chốn gò lũng, thổ-mộ, những ruộng đất khô-khan,



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

đầm công, [104b] nhà tư, nhà giải-vũ¹, đất khai kênh cọng 10.919 mẫu 5 sào 1 thước 3 tấc 4 phân, còn thực-canh ruộng đất cọng 14.604 mẫu 7 sào 6 thước 8 tấc 8 phân.

Huyện Hải-lăng có 26.871 mẫu 6 sào 7 thước 2 tấc ruộng đất. Trong số đó, người ta trừ đi những khoảnh đất lưu-hoang, đất gò, mồ-mả, thủy-sa [nước có cát vàng, đá vụn và sỏi], những nơi bị cát lấp cọng 6.706 mẫu 6 sào 2 thước. Còn thực-canh ruộng đất là 20.165 mẫu 1 thước 2 tấc.

Huyện Minh-linh có 39.807 mẫu 7 sào 8 thước 5 tấc 4 phân ruộng đất. Trong số đó, người ta trừ đi những khoảnh đất lưu-hoang, những khu rừng núi cọng 15.811 mẫu 9 sào 11 thước. Hiện còn ruộng đất thực-trung là 24.065 mẫu 12 thước 5 tấc 3 phân.

Huyện Lệ-thủy có 16.643 [105a] mẫu 5 sào 12 thước ruộng đất. Trong số đó, người ta chiết-trừ đi những vùng đất hiện lưu-hoang, những khu đất chôn mồ-mả cọng 7.832 mẫu 5 sào 10 thước 8 tấc. Hiện còn ruộng đất thực-trung là 8.011 mẫu 1 thước 2 tấc.

Huyện Khang-lộc có 41.604 mẫu 5 sào 9 tấc 5 phân ruộng đất. Trong số đó, người ta chiết-trừ đi những khoảnh đất lưu

1. Giải-vũ : là hai dãy nhà làm ở hai bên nhà chính giữa. Như tại đình làng ta, có hai cái nhà giải-vũ ở hai bên đình chính.



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

hoang cộng 21.337 mẫu 7 sào 11 thước 5 phân. Hiện còn ruộng đất thực-trung là 20.366 mẫu 7 sào 8 thước 9 tấc.

Châu Nam Bố-chánh có 28.173 mẫu 7 sào 3 tấc ruộng đất. Trong số đó, người ta chiết-trừ đi những khoảnh đất lưu-hoang, những đám đất gò, cồn, và những khu rừng núi cộng 20.831 mẫu 3 thước. Hiện còn ruộng đất thực-trung là 7.342 mẫu 6 sào 12 thước 3 tấc.

9 huyện trong trấn Thuận-hoá có diện-tích ruộng đất tổng cộng là 265.507 mẫu 4 sào 2 thước 3 tấc. Trong số đó, người ta chiết-trừ [105b] đi số ruộng đất lưu-hoang là 112.306 mẫu 2 sào 12 thước. Hiện còn ruộng đất thực-canh là 153.181 mẫu 1 sào 5 thước 3 tấc.

Xứ Thuận-hoá, sau hơn hai trăm năm nhân-dân ta sinh-tụ, các làng, các ấp đối-diện với nhau song-song, dân-cư đông-đúc. Tức như bộ định năm Quý-tị [tức năm 1773 sau Công-nguyên là năm thứ 34 niên-hiệu Lê Cảnh-bưng], 9 huyện, châu trong xứ Thuận-hoá có 862 xã, thôn và phường, nhân-số tổng cộng là 128.857 người, các thứ tiền do nhân-dân dâng-nạp sưu-sai đến 153.600 quan tiền đồng. Như vậy người ta có thể nói xứ Thuận-hoá là xứ rất phồn-thịnh vậy. Nhưng tổng-số ruộng đất thực-canh chẳng qua có 158.181 mẫu, há chẳng phải người nhiều mà ruộng đất ít hay sao? Ngày trước, việc buôn-bán với xứ Đồng-nai được lưu-thông, thì tại kinh-thành Phú-xuân, giá gạo một học mười thăng chỉ có ba tiền đồng, mà có thể đầy-đủ cho một người ăn trong một tháng, cho nên nhân-dân ở Thuận-



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

hoá chưa hề [106a] phải lưu tâm chú ý đến việc làm nghề nông. Ngày nay, thành Qui-nhơn bị loạn-lạc, thành Gia-định bị núi cách sông ngăn, nên nhân-dân ở nơi đây lấy việc thiếu ăn làm điều lo-lắng lớn. Vì thế từ ngày quan quân triều-đình mới bình-định xong Thuận-hoá cho đến bây giờ, giá gạo đã thật đắt, mà giá ruộng cũng lên cao. Nhân-dân ba huyện Hương-trà, Quảng-điền và Phú-vang vì việc cầm ruộng và chuộc ruộng rồi sinh ra những việc kiện thưa nhau mãi mà không chịu thôi, tổn hại tiền của bao nhiêu cũng chẳng tiếc.

Tháng tư năm Bính-thân¹ [tức năm 1776 sau Công-nguyên là năm thứ 37 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], chúng tôi có ra những điều hiệu-thị, khiến mọi người dân phải chiếu theo điều hiệu-thị đó mà tuân-hành. Chúng tôi lại tự mình đem những điều hiệu-thị đó mà giảng-giải, để mọi người khỏi kiện-thưa tranh-giành nhau nữa.

Nhưng có một người đàn-bà, trước đây bốn mươi năm, đã viết văn-khế bán đoạn ruộng tư cho một người, mà lại viết làm ruộng công-điền đồng-xã, để rồi tranh-giành đòi chuộc lại ruộng ấy.

Lại có một người, trước đây mười năm, đã viết văn-khế

1. Năm Bính-thân là năm 1776, là năm mà tác-giả Lê-quí-Đôn được phái vào làm chức Hiệp-trấn Thuận-hoá.

Cũng trong năm ấy, Nguyễn-văn-Nhạc xây-đắp thành Đồ-bàn, tự xưng Tây-sơn vương, và Nguyễn-Huệ làm Long-tương tướng-quân.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

bán đoạn vườn tư của mình, mà lại làm của hương-hoả đồng họ, đề rồi đầu đơn kiện-cáo đòi chuộc lại vườn ấy. Cái tệ kiện-thừa nhau rắc-rối, lòi-thời như vậy đến ngày nay vẫn còn chưa chấm dứt.

Ngày 20 tháng 4 năm Bình-thân, trấn-phủ nha-môn có ra những điều hiệu-thị về ruộng công và ruộng tư các xã như sau :

Ruộng đất từng được biên vào trong bộ hiện-canb, [106b] nhưng ngày trước, chủ ruộng đất nhân có việc phải bồi-thường cho nhà nước, đã bỏ đi trốn, nên ruộng đất ấy đã được quan trên châu-phê cho phép bán đoạn làm ruộng đất tư. Hoặc có trường-hợp người ta đã tự viết làm ruộng tư để đem bán đoạn. Làm như vậy khiến nhân-dân hoặc có người không có đất ruộng để làm ăn sinh sống. Cái tệ-đoạn ấy cần phải sửa-sang lại cho hợp-lý.

Vậy từ nay về sau, phạm có trường-hợp bán đoạn ruộng công, người ta không cần phải hỏi ruộng ấy đã bán tại năm nào, tháng nào, bán đã lâu ngày hay mới bán ; hoặc ruộng ấy bị luân-lưu mua bán từ người này sang người khác... Tất cả các trường-hợp đã kê trên, người ta đều được phép truy tìm nguyên-khế để chuộc lại ruộng đất, đặng quân-cấp cho nhân-dân cày cấy làm ăn sinh sống. Những người mua ruộng không được cố ý giữ lấy ruộng cho mình, không cho người khác chuộc lại.

Hơn nữa, từ nay trở đi, hễ ruộng công đã chuộc lại rồi, về



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

sau không được đem ruộng ấy bán đoạn cho người khác một lần nữa.

Nếu trái lệnh này, thì tất cả những người mua ruộng công cũng như những người bán ruộng công đều bị khép vào tội

1. Về các hạng ruộng công-trái¹ các xã, từ mấy lâu nay, người ta đem cho kẻ khác thuê cấy cũng khá nhiều. Lại còn có trường-hợp người ta gia thêm năm tháng cho thuê để kéo dài niên-hạn. Bởi vậy mà nhân-dân trong xã không biết lấy ruộng-nương ở đâu để làm ăn sinh-sống. Vậy việc này, nay cần phải tùy quyền-nghi chăm-chước, cân-nhắc để sửa-đổi lại cho thích-hợp.

[107a] 2. Có trường-hợp đồng xã đứng khế cho người khác thuê mướn một số ruộng công từ 10 mẫu trở lên, nhưng huỷ tiền chưa hết hạn². Nay cho phép người ta chiết-trừ đi một nửa số tiền thuê ruộng để hoàn ruộng lại cho nhân-dân nhờ đó mà có nghề-nghiệp làm ăn sinh-sống. Còn như dân các xã cứ chiếu theo trong văn-khế cho thuê ruộng mà đem đủ số nguyên-tiền

1. Công-trái điền: là thứ ruộng tư đã được đem cầm-thế cho nhà nước để vay tiền-bạc hay lúa thóc. Nếu quá niên-hạn mà chủ điền không chuộc lại, thì ruộng ấy đương-nhiên sẽ thành công-điền.

2. Việc cho thuê ruộng công huỷ tiền thường xảy ra tại các hương thôn trước đây. Ví-dụ anh A thuê đám ruộng công 40 quan tiền. Mỗi năm huỷ 10 quan, thì sau 4 năm là huỷ hết số tiền thuê ruộng, anh A phải hoàn ruộng công lại.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

hoàn lại cho người mượn ruộng, thì cho phép hoàn lại một nửa phần tiền cho người mua ruộng [tức người thuê ruộng] mà thôi.

Nếu người bán ruộng có giao-hẹn sẽ chuộc ruộng lại, thì cho phép người ấy được chuộc ruộng lại.

Đến như số công-điền thuộc về khẩu-phần quân-cấp của dân mà đem cho người khác thuê-mượn, thì cũng y theo lệ ấy mà thi-bành, nghĩa là người thuê ruộng phải cho chủ cũ ruộng chuộc lại.

Vậy kể từ ngày nay trở về sau, đại-phàm có trường-hợp cho thuê-mượn ruộng đất công, thì quyết-định chỉ lấy một năm rưỡi hoặc hai năm làm hạn-định mà thôi, chứ không được phép cho thuê-mượn ruộng công quá nhiều năm.

3. Đại-phàm trong các xã thôn có nhiều viên-chức, danh-sắc được cấp-phát khẩu-phần bằng ruộng đất công hay viên trạch công [vườn nhà], khi có kẻ đem khẩu-phần của mình bán đoạn cho người trong xã thế vào làm khẩu-phần của người ấy. Nếu người ấy đã xây-dựng nhà-cửa, hoặc trồng-trọt cây-cối tại đám ruộng đất công hay viên trạch công ấy rồi, thì người ta không thể viện-dẫn lấy lệ «đoạn-mãi công-điền» mà cưỡng-ép người mua phải cho mình chuộc lại.

[107b] 4. Đại-phàm người ta đem phần ruộng đất «phụng-tự hương-hoả» mà bán hoặc cầm-thế cho kẻ khác, nay cứ theo trong chúc-thư ông cha lưu lại, nếu có ghi rõ ruộng đất ấy là :



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

«Hương-hoả phụng-tự», thì người bán hay cầm ruộng mới được phép đòi chuộc lại. Còn như ông cha trước kia đã chia ruộng đất tư cho con cháu rồi, nếu con cháu đem phần ruộng đất của mình mà bán, đoạn cho người khác, thì người đã bán đoạn ruộng đất không được mượn tiếng của «hương-hoả phụng-tự» mà cưỡng-ép người mua phải cho mình chuộc. Tức như ruộng đất của bác, chú, cô, cậu, chị, em mà đã bán cho kẻ khác, thì cũng không được mượn tiếng ruộng đất của thân-thích mình mà tới đòi chuộc.

5. Đại-phàm ruộng đất tư đã bán đoạn cho người khác rồi, thì không cho chuộc lại nữa. Như trong văn-khế bán đoạn có giao-ước đến năm nào, tháng nào mới được chuộc lại, thì cho phép được chuộc y theo trong văn-khế đã nói. Nếu đề quá hạn năm đã định trong văn-khế có giao-ước đến ngày sau sẽ tới chuộc lại, nhưng đã đề ngoài ba mươi năm rồi, thì không được chuộc nữa.

[108a] 6. Đại-phàm việc chuộc lại ruộng đất, ruộng hạ-điền thì lấy ngày 15 tháng 9 làm kỳ-hạn chuộc, ruộng thu-điền thì lấy ngày 15 tháng 3 làm kỳ-hạn chuộc. Nếu đề quá kỳ-hạn ở trên thì không cho chuộc nữa. Nếu trong kỳ-hạn, mà người chủ bán ruộng đất đã đem tiền tới xin chuộc, có người ngoài chứng-kiến, thế mà chủ mua cố ý làm khó, kéo dài ngày tháng cho quá kỳ-hạn, để làm cho mất số tiền lợi-tức của chủ bán, thì cũng cứ cho chuộc.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

7. Đại-phàm con trai đã được 16 tuổi trở lên, con gái đã được 20 tuổi trở lên, mà ruộng đất của người trai hay người gái ấy đã được người trong tông-tộc cày hay ở trải qua 30 năm rồi, hoặc là người khác [người ngoài họ] cày hay ở trải qua 20 năm rồi, thì không được cưỡng-nhận làm của mình. Nếu người trai hay người gái ấy bị mắc kẹt ở nơi xa bởi binh-hoả, hay bị phiêu-lưu đến phương xa lạ mới trở về quê-quán, thì không bị luật ấy ràng-buộc.



Làm quan cai-trị nhân - dân không có chính - sách gì hay hơn là khiến cho nhân-dân trong hạt đều có nghề-nghiệp làm ăn sinh-sống. Ấy cho nên người đời xưa đã nói : « Hữu hằng sản tắc hữu hằng tâm dã » [118b] nghĩa là : Hễ người dân đã có của thường « như ruộng vườn nhà cửa... » thì tất nhiên họ sẽ có lòng thường « như nhân nghĩa trung tín vậy ».

Làm quan không có thành-tích nào xấu [bất thiện] cho bằng khiến nhân-nhân trong hạt lìa bỏ làng-mạc mà đi ở nơi khác. Vì thế người đời xưa đã nói : « Vô hằng sản tắc vô hằng tâm dã » nghĩa là : « Hễ người dân đã không có của thường, thì tất nhiên sẽ không có lòng thường vậy ».

Nhân-dân trấn Thuận-hoá, phủ Quảng-bình tính-tình chất-phác hiền-lành. Mọi người dân đều yên lòng ở lại với làng-xóm



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

và ruộng-nương của mình. Ít khi họ đi ra phương ngoài hay lặn-lội đi ra những nơi xa. Thường-thường họ không biết huyện ở một bên làng, có những con đường chính và đường tắt nào? Họ cũng không hay biết Kinh-thành Phú-xuân có những phong-cảnh sắc-thái đẹp-đẽ như thế nào? Phủ Triệu-phong là nơi có nhiều kiều-dân cư-ngụ, nhưng vốn không có những phường điểm-đàng và bọn người du-thủ du-thực. Những xã thôn thổ-trước cũng đều yên-ôn làm ăn sinh-sống, không quen đi đến các nơi thành - thị. Phong-tục ấy rất tốt. Những nơi thanh-tịnh thường-thường ít việc, chúng ta chớ nên làm phiền-nhiều nhân-dân các địa - phương đó. Hễ có những vụ lại - thuộc và nhân-dân kiện-thừa nhau, thì chúng tôi hiểu-dụ cho họ và hoà-giải. Như vậy, nhân-dân trong một cõi đều được yên-ôn.

*

Xứ Quảng-nam gồm 25 huyện và 1 châu. Còn như ruộng công-điền các xã thôn thuộc các tổng cùng với ruộng tư các họ, con số mẫu [109a] ruộng thật nhiều. Nhưng nhà nước đã cho chiết-trừ đi những nơi lưu-hoang, những nơi bị nước phá nặng-nề, cát lấp, nước mặn, những chỗ cao-ráo, rừng núi, cùng cho chước-trừ những nơi có dinh-thự, có xưởng công, có trường vận-tải, có chùa, miếu, v.v...

Căn-cứ vào sổ bộ ruộng đất năm Giáp-thân [tức năm 1764 sau Công-nguyên là năm thứ 25 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] và



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

năm Đinh-hợi [tức năm 1767 sau Công-nguyên là năm thứ 28 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] trở về sau, cùng với bộ lúa thuế tô thực lệ, ty Lệnh-sử thâu hai huyện Yên-nông và Diên-khánh thuộc phủ Điện - bàn thực - trung ruộng là 23.817 mẫu 5 sào 8 thước 1 tấc 5 phân, theo lệ nạp lúa là 538.019 thăng.

Hai huyện Hoà-vang và Tân-phước thực-trung ruộng là 17.125 mẫu 10 thước 4 tấc. Theo lệ nạp lúa là 385.436 thăng 1 hớp.

Huyện Phú-xuyên không có lệ nạp thuế lúa tô điền-mẫu.

Ty Tướng-thần-lại thâu 6 huyện thuộc phủ Thăng-hoa là Hà-đông, Duy-xuyên, Lệ-dương, Chính-huyện [109b] và Tân-huyện [còn sót một huyện nữa], gồm các hạng ruộng thực-trung cộng là 72.357 mẫu 11 thước 2 tấc 4 phân, theo lệ phải nạp thuế là 1.681.294 thăng. Còn số tiền nạp thay cho những khoảnh ruộng đất công bị cỏ may mọc đầy, các hạng ruộng trang trại nạp lúa nếp, hớp với các số tiền nạp thay cho lúa tô ruộng tá-canh các xã. Cùng các hạng tiền nạp cho Trà-đình, cho ruộng đất trại Tam-bảo [ruộng đất trại nhà chùa], cho lúa tô xã Thanh-hà thì không được tính vào.

Huyện Bình-sơn, huyện Chương-nghĩa, huyện Mộ-hoa [tức huyện Mộ-đức sau này] thuộc phủ Quảng-nghĩa thực-trung ruộng đất là 52.639 mẫu 2 sào 3 thước 3 tấc 6 phân, theo lệ định phải nạp lúa cộng 1.221.882 thăng 4 hớp. Còn số tiền nạp thay cho lúa tô ruộng đất xã Thanh-hảo cùng với số tiền nạp thay



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

[110a] cho lúa tô phường Cầu-bàng và Lý-phường thì không được tính vào.

Huyện Bồng-sơn, huyện Phù-ly [tức huyện Phù-mỹ sau này] và huyện Tuy-viễn [tức phủ Tuy-phước sau này] thuộc phủ Qui-nhân thực-trung ruộng đất là 72.600 mẫu. Còn 5 thuộc¹ cùng với số tiền nộp thay cho các điền-trang thì không được tính vào.

Lại-ty thâu các thuộc Thời-tú, Thời-đôn, Thời-hoà phủ Qui-nhân cùng với hai thuộc Hà-bá và Hà-nghiêu thực-trung ruộng cọng 200.343 mẫu 2 sào 5 thước 3 phân 4 ly rưỡi, theo lệ phải nộp lúa cho nhà-nước là 1.526 bao (mỗi bao 14 thăng) 5 hợp rưỡi, gạo lúa cánh [thứ lúa chín muộn mà ít nhựa như lúa tám cánh ta] là 323 bao 8 bát (mỗi bao là 13 bát) 1 hợp rưỡi. Còn tiền nộp thay cho lúa tô trường Bạch-cánh họ Thông huyện Tuy-viễn thì không được tính vào.

Ty Tương-thần-lại thâu lúa theo lệ ruộng đất thực-trung các huyện Phú-yên, huyện Đồng-xuân và huyện Tuy-hoà cọng [110b] 128.904 thăng 7 hợp. Còn các món nộp thay cho những khoảnh ruộng đất lưu-hoang, ruộng đất xâm canh, ruộng đất mới khai-khẩn, mới trung thuế, đất trồng dâu và đất phù-sa thì không được tính vào.

Hai huyện Quảng-dức và Tân-an thuộc phủ Bình-khang

1. Thuộc là những làng xóm ở gần rừng núi hoặc khe hay bãi biển.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

cùng với thuộc Hà-bá có ruộng đất thực-trung cộng 648 mẫu 8 thước 3 tấc, theo lệ phải nộp lúa thuế là 161.421 thăng, còn các khoản tiền nộp thay cho những bãi đất và ruộng lưu-hoang thì không được tính vào.

Các huyện Phước-diên, huyện Vĩnh-xương và huyện Hoa-châu thuộc về phủ Diên-khánh cùng với thuộc Hà-bá [tức tổng Phước-hà-ngoại là vùng Hòn-khói sau này], thuộc Tân-ninh có ruộng đất thực-trung là 5.920 mẫu 1 thước 1 tấc, theo lệ phải nộp lúa thuế là 405.959 thăng 6 hớp 2 chước. Còn các món tiền thuế đất bãi, ruộng đất lưu-hoang cùng với ao đất thì không được tính vào.

Huyện Tân-bình, huyện Yên-phước và huyện Hoà-đa thuộc phủ Bình-thuận cùng với [IIIa] các thuộc trong phủ này đều không có lệ nộp lúa tô điền-mẫu.

Huyện Tân-bình thuộc về phủ Gia-định có ruộng đất thực-trung là 1.452 mẫu 2 sào 8 thước 1 tấc, theo lệ định phải nộp lúa thuế là 2.985 thăng 3 hớp 3 chước. Còn các khoản tiền nộp thay cho đất trồng dâu, đất trồng mía cùng với đất vườn, tiền nộp thay cho thuế lúa tô về ruộng đất các họ, tiền nộp thay cho các hạng ruộng lãnh-canh thì đều không được tính vào. Còn như ruộng núi thì chiếu theo số đinh mà xuất nộp lúa thì được tính riêng.

Huyện Phước-long có ruộng đất thực-trung là 787 mẫu 6



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

sào 11 thước 7 tấc, theo lệ định phải nộp lúa thuế là 15.756 thăng 3 hợp 8 chước. Còn các khoản tiền nộp thay cho các khu đất trồng dâu, trồng mía và đất vườn, cùng những người lãnh-canh đồn-điền công, xin nộp tiền thay thì đều không được tính vào. Còn như ruộng núi, ruộng các nơi có nước nhĩ đều chiếu theo số định mà xuất-nộp lúa thì được tính riêng.

Thuộc Tân-an, châu Định-viên thì không [111b] có thuế điền-mẫu. Còn như ruộng núi, ruộng cỏ, thì người ta cứ chiếu theo số định mà xuất-nộp lúa thuế thì được tính riêng.

Từ đây trở lên là thông tính một xứ có ruộng đất thực-trung đến 270.000 mẫu, hằng năm theo lệ phải nộp lúa cộng 648.528 thăng 8 hợp, gạo lệ là 68.040 thăng 5 hợp rưỡi, gạo lúa cánh là 20.357 bát 1 một hợp rưỡi.

+

Xứ Đồng-nai thuộc phủ Gia-định là nơi được khen có đất-đai phì-nhiều vào bậc nhất.

Căn-cứ vào bộ thuế năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 sau Công-nguyên là năm thứ 30 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], huyện Tân-bình có ruộng đất miền núi thực-nộp là 751 người, lúa thuế là 1.902 hộc.

Huyện Phước-long có ruộng đất miền núi thực-nộp là 245 người, lúa thuế là 576 hộc.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Huyện Định-viên có ruộng đất miền núi và ruộng đất cỏ thực- nạp là 2.937 người, lúa thuế là 6.144 hộc.

Chúng tôi tra-cứu bản kê của chức [112a] Cai-hộ dinh Long-hồ là Hiến-đức-hầu Nguyễn-khoa-Thuyên, thì hai thuộc Qui-nhân và Qui-hoá, dân mỗi nơi đều ngoài 3.000 đinh, ruộng đất mỗi nơi đều ngoài 5.000 sỡ, mỗi sỡ lệ thuế hạng nhất là 6 hộc mỗi mẫu, hạng nhì là 5 hộc, hạng ba là 4 hộc mỗi mẫu.

Thuộc Tam-lich có dân-số ngoài 4.000 đinh, và có ruộng đất ngoài 5.000 sỡ.

Ba trại thuộc là Bả-canh, Bà-lai và Bà-kiến có dân-số ngoài 4.000 đinh, ruộng đất ngoài 4.000 sỡ. Mỗi sỡ đều theo lệ thuế đánh hạng nhất 6 hộc mỗi mẫu, hạng nhì 3 hộc, hạng ba 2 hộc mỗi mẫu.

Trường Gian-thảo thuộc huyện Phước-long có ruộng đất ngoài 6.000 sỡ, mỗi sỡ cứ theo lệ thuế mà đánh hạng nhất 10 hộc mỗi mẫu, hạng nhì 8 hộc, hạng ba 6 hộc mỗi mẫu.

Châu Định-viên có dân-số ngoài 7.000 đinh, và có ruộng đất ngoài 7.000 sỡ. Mỗi sỡ cứ theo lệ thuế mà tính, hạng nhất 4 hộc mỗi mẫu, hạng nhì 3 hộc, và hạng ba 2 hộc mỗi mẫu. Như vậy thì thuế-khoá mỗi năm [112b] không khỏi có sự thiếu-sót ần-lậu

Nguyễn-khoa-Thuyên nói : Có những khoảnh ruộng tại các xứ thuộc huyện Tân-bình, huyện Phước-long và huyện Qui-nhân,



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

người ta phải cày rồi mới trồng cấy lúa. Trồng một học lúa giống thì người ta thu-hoạch được một trăm học lúa mùa. Còn như tại trường Bá-canh thuộc Tam-lich và châu Định-viễn có những khoảnh ruộng không phải cày, người ta chỉ cần bứt cỏ đi rồi trồng lúa. Trồng một học lúa giống thì người ta thu-hoạch được ba trăm học lúa mùa. Nhưng vậy chúng ta đủ biết ruộng ở đây thật là phì-nhiều.

+

Tại các trường trâu lúa của điền tô thuộc các huyện trong xứ Quảng-nam, các tổng, xã, thôn, phường cùng với các tộc-bức phụ-canh đều phải nộp một số gạo và một món tiền về cung-đốn điền-mẫu.

Năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 sau Công-nguyên], bốn huyện trong phủ Điện - bàn phải nộp số gạo về cung - đốn điền-mẫu cộng 240 bao 50 thăng 6 hớp, và món tiền cung-đốn là 373 quan 5 tiền đồng và 46 chữ tiền đồng.

[113a] Sáu huyện chính và huyện mới trong phủ Thăng-hoa phải nộp số gạo cung-đốn cộng 639 quan, 1 tiền đồng 48 chữ tiền đồng.

Ba huyện thuộc phủ Quảng-nghĩa phải nộp số gạo cung-đốn điền-mẫu cộng 559 bao 22 thăng 6 hớp và số tiền cung-đốn cộng 167 quan, 9 tiền đồng và 8 chữ tiền đồng.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Ba huyện thuộc phủ Qui-nhân phải nộp số gạo cung-đốn điền-mẫu cộng 1.028 bao 5 thăng, 3 hớp, và số tiền cung-đốn là 528 quan, 7 tiền đồng và 8 chữ tiền đồng.

Hai huyện thuộc phủ Phú-yên phải nộp thuế tô điền-mẫu là 106 bao 17 thăng 9 hớp, số gạo cung-đốn điền-mẫu là 100 bao 28 bát, và số tiền cung-đốn cộng 81 quan, 7 tiền đồng, 39 chữ tiền đồng.

Hai huyện trong phủ Bình-khang phải nộp số gạo cung-đốn điền-mẫu cộng [113b] 141 bao, 28 bát, 1 hớp, cùng với số gạo được thế tiền cộng 59 quan, 2 tiền đồng và 52 chữ tiền đồng.

Ba huyện trong phủ Diên-khánh phải nộp số gạo cung-đốn điền-mẫu cộng 143 bao 16 thăng 8 hớp, và số tiền cung-đốn là 43 quan 8 tiền đồng và 44 chữ tiền đồng.

Huyện Tân-bình thuộc phủ Gia-định phải nộp số gạo cung-đốn điền-mẫu cộng 303 bao 34 thăng 4 hớp, và số tiền cung-đốn cộng 19 quan 3 tiền đồng và 56 chữ tiền đồng.

Huyện Phước-long phải nộp số gạo cung-đốn điền-mẫu cùng các hạng gạo « thường-tân » [gạo mới], gạo bạch-cánh cộng 113 bao, 32 thăng, 5 hớp, 3 chước.

Còn kho để lưu-trữ các hạng lúa gạo phải có những cái rèm tre [hay vanh tre để che kho], mỗi miếng rèm tre dài 8 thước, ngang 7 thước 5 tấc, được phân-bỏ cho những người có ruộng đất phải dài-thọ.



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Như mỗi xã nạp [114a] 1.000 thăng lúa, thì phải nạp 5 miếng rèm tre. Như muốn lấy tiền nạp thay rèm tre, thì người ta nạp 2 tiền đồng thay một phiến rèm tre.

Theo lệ, hễ số tiền mua-sắm rèm tre làm kho còn dư-thừa, thì người ta lấy số tiền dư ấy làm lộc cư-ngụ cho các viên Cai-trung và viên Cai-lại ở bản trấn-đường.

Cứ mỗi tích [phần], mỗi huyện phải nạp 100 phiến rèm tre. Lại phải dành làm lộc cư-ngụ cho các quan Đề-lãnh, quan coi kho và lính giữ kho mỗi người hơn 10 phiến rèm tre nữa.

Lại còn lễ biếu các quan Tứ-trụ, các quan Lục-bộ, các quan Tri-bạ và Tri-thuế mỗi quan-chức 20 phiến rèm tre do mỗi huyện đài-thọ.

Hiện còn thừa bao nhiêu, người ta thâu số tiền thay rèm tre nạp vào kho. Những việc như đã kể ở trên, thật là tế-toái quá, nghĩa là quá nhỏ-nhen, vụn-vặt.

Chúng tôi tra-cứu bộ năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 sau Công-nguyên] lệ nạp rèm tre về phần các huyện trong xứ Thuận-hoá như sau :

Huyện Hương-trà, trừ những khoảnh ruộng để cấp lương-diền¹ không phải đóng-góp rèm tre, người ta còn thâu được

1. Ruộng cấp lương-diền, theo lệ xưa, được thi-hành như sau: Tại mỗi xã thôn, người ta trích ra một khoảnh ruộng công để làm ruộng
→



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

296 phiến nạp vào kho. Huyện ấy lại phải đóng góp 1.760 phiến rươi thứ rêm 3 góc rươi, và được nạp tiền thay-thế là 352 quan 3 tiền đồng.

Huyện Quảng-diền, [114b] trừ ngoại những khoảnh ruộng đề cấp lương-diền không phải đóng-góp rêm tre, người ta còn thâu được 189 phiến nạp vào kho. Huyện ấy lại phải đóng-góp thêm 1.597 phiến thứ hai góc, và được nạp tiền thay-thế là 320 quan tiền 50 chữ tiền đồng.

Huyện Phú-vang, trừ ngoại những khoảnh ruộng đề cấp lương-diền khỏi phải đóng rêm tre, người ta còn thâu được 348 phiến nạp vào kho. Huyện ấy lại phải đóng-góp thêm 2.688 phiến thứ ba góc, và được nạp tiền thay-thế là 537 quan 7 tiền 51 chữ tiền đồng.

Huyện Hải-lăng, ngoại trừ những khoảnh ruộng đề cấp lương-diền thì khỏi nạp lúa tồ và nạp rêm tre, người ta còn thâu 350 phiến nạp vào kho. Huyện ấy lại phải đóng-góp 5.418 phiến thứ ba góc, và được nạp tiền thay-thế là 283 quan, 7 tiền 30 chữ tiền đồng.

Huyện Đăng-xương phải thâu 362 phiến rêm tre nạp vào

→ lương-diền. Ruộng lương-diền chỉ để phân-cấp cho những người trong xã, thôn đi làm việc quan hoặc đi lính cho nhà nước. Khẩu-phần lương-diền nhiều hay ít còn tùy theo khoảnh ruộng rộng hay hẹp và số người trong xã thôn đi làm việc quan và đi lính nhiều hay ít.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

kho. Lại còn phải nạp 1.624 phiến ba góc, và được nạp tiền thay-thế là 322 [115a] quan 8 tiền đồng.

Huyện Minh-minh phải thâu 458 phiến rèm tre nạp vào kho. Lại phải đóng-góp 1.440 phiến thứ một góc, và được nạp tiền thay-thế là 289 quan 3 tiền 22 chữ tiền đồng.

Huyện Khang-lộc phải thâu 304 phiến rèm tre nạp vào kho. Lại phải đóng-góp 1.426 phiến thứ hai góc rưỡi, và được nạp tiền thay-thế là 285 quan 3 tiền 30 chữ tiền đồng.

Huyện Lệ-thủy phải thâu 275 phiến rèm tre nạp vào kho. Lại còn phải đóng-góp 668 phiến nửa góc, và được nạp tiền thay-thế là 136 quan 1 tiền và 41 chữ tiền đồng.

*

Các huyện trong xứ Quảng-nam phải đóng-góp rèm tre theo lệ định như sau :

Hai huyện Hoà-vang và Tân-phước thuộc phủ Điện-bàn phải thâu 251 phiến rèm tre nạp vào kho. Lại phải đóng-góp thêm 1.186 phiến, và được nạp tiền thay-thế là 236 quan [115b] 2 tiền.

Hai huyện Yên-nông và Diên-khánh phải thâu 387 phiến rèm tre nạp vào kho. Lại phải đóng-góp thêm 5.186 phiến, và được nạp tiền thay-thế là 337 quan 7 tiền.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Sáu huyện chính và huyện mới thuộc phủ Thăng-hoa [tức phủ Thăng-bình sau này] phải thâu 1.111 phiến rèm tre nạp vào kho. Lại phải đóng-góp thêm 5.449 phiến, và được nạp tiền thay-thế là 1.049 quan 3 tiền 30 chữ tiền đồng.

Ba huyện thuộc phủ Quảng-nghĩa phải thâu 1.072 phiến rèm tre nạp vào kho. Lại phải đóng góp thêm 5.449 phiến, và được nạp tiền thay-thế là 1.049 quan 3 tiền 30 chữ tiền đồng.

Ba huyện thuộc phủ Qui-nhân phải thâu 3.020 phiến rèm tre nạp vào kho để làm lộc cư-ngụ cho viên-chức coi thuyền Hữu-hậu. Lại còn phải đóng góp thêm 3.094 phiến thứ hai góc, và được nạp tiền thay-thế là 618 quan 1 tiền

Hai huyện thuộc phủ Phú-yên phải thâu [116a] 374 phiến rèm tre nạp vào kho. Lại còn phải đóng góp thêm 547 phiến thứ một góc, và được nạp tiền thay-thế cộng 109 quan 4 tiền 30 chữ tiền đồng.

Ba huyện thuộc phủ Diên-khánh, và hai huyện thuộc phủ Bình-khang, [tức tỉnh Ninh-thuận sau này] với hai huyện thuộc phủ Bình-thuận, cùng ba huyện và một châu thuộc phủ Gia-định đều không có lệ định phải đóng-góp rèm tre.

Chúng tôi không tính hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, tổng cộng số tiền đóng-góp rèm tre theo lệ là 5.595 quan 7 tiền 19 chữ tiền đồng.

+



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Họ Nguyễn đóng ở thành Phú-xuân được gọi là Chính-dinh ¹. Các quan được chúa Nguyễn tín-nhiệm và ủy-quyền có quan Tứ-trụ đó là quan Nội-tả, quan Nội-hữu, quan Ngoại-tả và quan Ngoại-hữu. Các quan Tứ-trụ đều là những người trong công-tộc tức là những người trong họ Nguyễn cùng với các tướng có công-lao. Lại có một viên Đô-trì và một viên Ký-lục.

Ty Xá-sai có một viên Cai-bạ [cầm đầu]. Ty Tướng-thần-lại có một viên Vệ-úy [cầm đầu]. Hai ty ấy cùng với [116b] ty Lệnh-sử được gọi là Tam-ty [dưới Tứ-trụ].

Ty Xá-sai gồm có 3 viên Cầu-kê, 7 viên Cai-hợp, 10 viên Thủ-hợp và 40 viên Bản-ty-lại. Ty Xá-sai này trông-coi gìn-giữ tất cả từ-tụng [kiện-thư] và văn-án trong nước.

1. Vào đời chúa Hiếu-võ tức chúa Nguyễn-phúc-Khoát, Ngài mới thiết-lập tại miền Nam Việt-nam 12 dinh như sau :

1. Chính-dinh tại đô-thành Phú-xuân.
2. Cựu-dinh tại gần sông Ái-tử (Quảng-trị).
3. Quảng-bình dinh tại làng Yên-trạch (thuộc huyện Lệ-thủy sau này).
4. Lưu-đồn dinh tại làng Võ-xá (thuộc phủ Quảng-ninh sau này).
5. Bỗ-chánh dinh tại Thổ-ngoã (thuộc phủ Quảng-trạch sau này).
6. Quảng-nam dinh tại tỉnh Quảng-nam.
7. Phú-yên dinh tại tỉnh Phú-yên.
8. Bình-khang dinh tại Bình-khang Yên-khánh (thuộc tỉnh Ninh-thuận sau này).
9. Bình-thuận dinh tại tỉnh Bình-thuận.
10. Trấn-biên dinh tại Phước-long.
11. Phiên-trấn dinh tại Tân-bình.
12. Long-hồ dinh tại Định-viễn.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Ty Tướng-thần-lại cũng có các danh-hiệu và số-mục nhân-viên tương-đồng với ty Xá-sai.

Ty Tướng-thần-lại này có nhiệm-vụ thâu các món tiền suru-sai, các hạng lúa tô ruộng đất tất cả các xã trong trấn Thuận-hóa, cấp-phát lương tháng cho đạo Lưu-đồn, dinh Quảng-bình bộ thủy và dinh Bắc-chánh, cấp-phát tiền cho các quân-nhân, cấp lương cho lính các xã cùng cấp-phát lộc cư-ngụ cho các viên-tử.

Ty Lệnh-sử có các danh-hiệu và số-mục nhân-viên cũng-đồng với ty Xá-sai và ty Tướng-thần-lại. Ty Lệnh-sử trông-coi việc tiết-lễ các đền-đài, cấp-phát lương tháng cho quân-nhân ở Chính-dinh, thâu tiền suru-sai, và lúa tô ruộng đất thuộc huyện Phú-vang và trông-coi các hạng ruộng nhà nước [quan-điền].

Lại có ty Nội-lệnh-sử kiêm-hành trông-coi các hạng thuế-khoá, cùng chia ra hai ty ở hai bên tả hữu. Ty này có 3 viên Câu-kê, 7 viên Cai-hợp, 10 viên Thủ-hợp [117a] và 40 viên Bản-ty-lại.

Chư thuế ty gìn-giữ tiền thuế hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam cùng với các hạng thuế khác. Ty này cũng chia ra hai ty Tả Hữu hai bên coi giữ các lễ cúng kỵ và đại-lạp¹ trong các từ-đường. Cùng phân-bổ và trưng-thâu lễ-vật hai xứ Thuận-hoá

1. Lễ tế Đại-lạp là lễ cúng tế tất-niên vào tuần tháng chạp, bởi lap-nguyệt là tháng chạp. Lễ Đại-lạp bắt đầu có từ đời nhà Chu, nước ta cũng noi theo tục lễ ấy, đến rằm tháng chạp có lễ Đại-lạp hay Hạ-nguyên.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

và Quảng-nam đưa nạp tại Nội-phủ, và thâu tiền sưu-sai các xã. Ty Tả Hữu còn kiêm-hành trông coi các điền-trang.

Lại còn có ty Lệnh-sử đồ-gia. Ty này có ba viên Câu-kê, ba viên Cai-hợp, ba viên Thủ-hợp và 24 viên Bản-ty lại. Ty này trông coi việc thâu và phát các thứ thau, kẽm, sắt khối, dụng-cụ bằng đồng, ngà voi, chiêng đồng. Và phái người đưa các đồ này đến các phân-cuộc làm những đồ khí-giới, đóng thuyền, sửa-sang các tường và đường-vũ [các công-đường và các đền, miếu], cùng gìn-giữ các vật hạng như dầu, sơn, than cây, vàng khảm, các đồ thờ, đồ dùng... cùng khí-cụ quân-sự.

Trước kia, Đoan-quận-công [tức Nguyễn-Hoàng] đóng ở Cát-dinh tại địa-phận xã Ái-tử thuộc huyện Võ-xương. Về sau chúa Nguyễn mới sai-phái quan đến trấn-thủ Cát-dinh, và nơi đây lại được gọi là Cựu-dinh. Cựu-dinh chỉ có [117b] một ty Lệnh-sử gồm một viên Câu-kê, một viên Cai-hợp, một viên Thủ-hợp và 20 viên Bản-ty-lại. Ty Lệnh-sử này có nhiệm-vụ giữ-gìn các bộ-tịch về từ-dụng văn-án, hộ-khẩu và binh-suất, có một viên ký-lục và một viên Thư-ký phụ-trách. Ty này còn có trách-nhiệm thâu thuế tô ruộng đất hai huyện Hải-lăng và Đăng-xương, khám-xét và tra-hỏi các việc quân dân hai huyện ấy tranh-tụng nhau.

Một vị tướng khác được phái đến trấn-thủ Trạm-dinh mà người ta quen gọi là dinh Quảng-bình đóng tại địa-phận xã Yên-trạch thuộc huyện Lệ-thủy. Thuộc dưới quyền dinh Quảng-bình, có ty Xá-sai gồm một viên Câu-kê, ba viên Thủ-hợp và ba mươi viên Bản-ty-lại.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Dinh Quảng-bình lại có một ty Tướng-thần-lại và một ty Lệnh-sử nữa.

Một viên tướng khác được phái đến trấn-thủ dinh Mười mà người ta quen gọi là đạo Lưu-đồn đóng tại địa-phận xã Võ-xá thuộc huyện Khang-lộc [tức phủ Quảng-ninh sau này].

Lại có một viên trấn-thủ dinh Ngoã mà người ta quen gọi là dinh Bối-chánh đóng tại địa-phận xã Thổ-ngoã thuộc huyện Khang-lộc.

[118a] Thuộc dưới quyền dinh Bối-chánh có hai ty Xá-sai và Lệnh-sử, con số viên-chức làm việc tại hai ty ấy cũng đồng như nhau cả.

Hai ty có trách-nhiệm giữ-gìn các sổ-sách về từ-tụng văn-án, hộ-khâu và binh-suất, và đều có mỗi ty một viên Ký-lục. Hai ty còn có nhiệm-vụ cai-quát tường-lận và phân thâu thuế lúa tô các hạng ruộng đất tại huyện Minh-linh, huyện Khang-lộc, huyện Lệ-thuỷ và châu Bối-chánh, cùng khám-xét, tra-hỏi các việc quân-nhân và nhân-dân trong địa-hạt kiện-thừa.

Đến như dinh Quảng-nam có quan trấn-thủ đóng tại địa-phận xã Khám-hào thuộc huyện Duy-xuyên. Ở dưới quyền dinh Quảng-nam có ty Xá-sai gồm 3 viên Câu-kê, 3 viên Cai-hợp, 10 viên Thủ-hợp. Còn việc giữ-gìn văn-án và từ-tụng thì có một viên Ký-lục phụ-trách.

Lại có ty Tướng-thần-lại, số nhân-viên làm việc cũng đồng



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

với ty Xá-sai. Ty Tương-thần-lại này coi giữ công việc cấp-phát lộc cu-ngụ cho các viên-tử, thâu phát số tiền sưu sai và số lúa tô ruộng đất, có một viên Cai-bộ trông coi việc ấy.

Tại huyện Khang-lộc, có chức quan Trấn-thủ, người ta thường gọi là dinh Bình-khang. Dinh ấy có một viên Ký-lục, [118b] một viên Tri-bạ và một viên Cai-án.

Thuộc dưới quyền dinh Bình-khang, có một ty Xá-sai, một ty Lệnh-sử đều có 1 viên Câu-kê, 2 viên Cai-hợp, 3 viên Thủ-hợp, 20 viên Bản-ty-lại. Ty Tương-thần-lại cũng có số viên-chức tương-đồng với ty Xá-sai và ty Lệnh-sử.

Tại huyện Yên-lộc, có chức quan Trấn-thủ, người ta thường gọi dinh này là dinh Bình-thuận. Dinh này có 1 viên Ký-lục và 1 viên Cai-án.

Thuộc dưới quyền dinh Bình-thuận, có một ty Xá-sai, một ty Lệnh-sử đều có mỗi ty 1 viên Câu-kê, và 20 viên Ty-lại. Ty Tương-thần-lại có 1 viên Câu-kê và 20 viên Ty-lại.

Tại huyện Tân-bình thuộc tỉnh thành Gia-định có quan Trấn-thủ, người ta gọi đó là dinh Phiên-trấn. Dinh này có 1 viên Ký-lục, 1 viên Cai-án và 1 viên Tri-bạ. Ty Tương-thần-lại có 1 viên Câu-kê, 2 viên Lại-ty, 3 viên Cai-lại, 7 viên Thủ-hợp và 10 người Ty-lại.

Tại huyện Phước-long có chức quan Trấn-thủ, người ta gọi đó là dinh Trấn-biên. Dinh này có 1 viên Ký-lục, 1 viên Cai-án



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

và 1 viên Tri-bạ [119a]. Ty Xá-sai và ty Lệnh-sử, mỗi ty có 1 viên Cai-án và 2 viên Lại-ty. Ty Tương-thần-lại có 1 viên Câu-kê, 2 viên Cai-hợp, 1 viên Thủ-hợp và 10 viên Lại-ty.

Tại châu Định-viễn có chức quan Trấn-thủ, người ta gọi đó là dinh Long-hồ. Dinh này có 1 viên Ký-lục, 1 viên Cai-án và 1 viên Tri-bạ làm việc tại dinh. Còn tại ty Xá-sai và ty Tương-thần-lại [dưới quyền quan Trấn-thủ], tổng số các nhân-danh và chức-chưởng mỗi ty cũng tương đồng với các ty Xá-sai và các ty Tương-thần-lại khác đã kể ở trên đây.

Cứ sáu năm lại đến một kỳ mở trường thi lựa-chọn nhân-tài. Trong số các sĩ-tử ứng-thi Hoa-văn. có khoá người ta lấy đậu 40 người, hay 50 người hoặc 60 người chẳng hạn. Những người trúng-tuyển được bổ vào làm việc tại Tam-ty ở Chính-dinh [tức dinh Phú-xuân] cùng bốn ty Nội Lệnh-sử mỗi khi có chỗ khuyết.

Cũng có trường-hợp nhà-nước cho người ta dâng-nạp tiền bạc để được bổ làm quan-lại.

Còn tại mấy ty thuộc các dinh khác thì tùy theo quan Trấn-thủ bổ-nhậm quan-chức, rồi quan-chức ấy tự mình lựa-chọn lấy người để bổ-dụng các viên lại-thuộc.

✦



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Dưới triều nhà Trần [1225-1413], khắp trong cõi đất nước ta được chia làm 24 lộ.

Vua Trần Minh-tông¹ có nói: «Sao lại có việc một nước bằng bàn tay lớn người ta mà thiết-lập [119b] quan-chức nhiều như thế?» Như tại hai trấn Thuận-hoá và Quảng-nam, họ Nguyễn đã thiết-lập các chức quan-lại, các thuộc-tur [cũng như thuộc-viên], các hương-trưởng kể có hàng nghìn người, cho nên cái tệ quan-lại tham-những và lạm-quyền càng ngày càng thái-quá. Nhứt-thiết bổng-lộc các hàng quan-lại, các thuộc-viên cho đến các hương-trưởng đều phải lấy ở nhân-dân, thì dân làm sao mà đóng-góp, chịu-đựng cho nổi?

Ở ngoài chốn kinh-đô, các thuộc-quan các phủ huyện gọi là Tri-phủ là chức quan nắm giữ các việc từ-tụng trong phủ. Gọi là Tri-huyện là người nắm giữ các việc từ-tụng trong huyện ấy.

Được gọi là huyện Huấn-đạo, phủ Lê-sinh là những viên-chức theo quan Tri-phủ đi dự lễ tế miếu Văn-thánh cùng các đền thiêng-liêng khác.

Được gọi là Phủ-lại, là Huyện đề-lại là những thuộc-viên giữ các văn-án từ-tụng trong phủ hay trong huyện.

1. Vua Trần Minh-tông huý là Mạnh, là con vua Trần Anh-tông, ở ngôi được 15 năm.

Dưới triều vua Trần Minh-tông, có khoa thi lấy Thái-học-sinh. Thái-học-sinh về triều nhà Trần cũng tương-đương với Tiến-sĩ về triều Lê và triều Nguyễn.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Được gọi là Phủ Thông-lại, là Huyện Thông-lại là những thuộc-viên đi theo quan Tri-phủ hay quan Tri-huyện sai-phái và tra-cứu các việc từ-tụng trong phủ hay trong huyện.

Các quan-lại và thuộc-viên kể trên đã có số-mục [120a] nhất-định, không cần phải bàn nữa.

Còn như chức quan được gọi là Bản-đường-quan chỉ đề đốc-suất và áp-thâu các khoản tiền sai-dur, thuế lúa tô ruộng đất cùng với khoản tiền sưu-dịch trong huyện, có chức Ký-phủ và chức Thư-ký giúp việc.

Chức «Tri bản-phủ lại tịch-bộ» cũng chỉ đề đốc-suất, áp-thâu các khoản tiền sai-dur, thuế lúa tô ruộng đất và khoản tiền sưu-dịch. Giúp việc có viên Cai-tổng áp-thâu, thối-thâu các hạng thuế-khoá và sưu-dịch trong tổng, có viên Lệ-lại áp-thâu, thối-thâu thuế-khoá và sưu-dịch trong huyện.

Năm Ất-tị [tức năm 1725 sau Công-nguyên] là năm thứ 6 niên-hiệu Bảo-thái¹, nhà nước mới định lệ «Bản-đường-chức» đề tránh khỏi cái tệ nhiều quan nhiều dân.

Trong xứ Thuận-hoá, mỗi phủ, huyện và châu có 1 viên Đề-đốc, 1 viên Đề-lãnh, 1 viên phủ Ký-lục, 1 viên Cai-phủ Thư-ký, 3 viên Cai-tri, 3 viên huyện Thư-ký và 4 người Lệ-lại.

1. Niên-hiệu Bảo-thái là niên-hiệu thứ 2 vua Lê Dụ-tông. Lê Dụ-tông là con vua Lê Hy-tông, ở ngôi được 25 năm. Năm Ất-dậu (1705), Lê Dụ-tông lên ngôi, lấy niên-hiệu là Vĩnh-thịnh. Đến năm Canh-tý (1720), nhà vua đổi niên-hiệu là Bảo-thái.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Mỗi tổng có 3 viên Cai-tổng.

Mỗi thuộc cùng với tổng Bái-trời có 1 viên Cai-tổng và 1 viên Lệ-lại.

Trong xứ Quảng-nam, mỗi phủ có 1 viên Chính-bộ-ly, 1 viên Đề-lãnh, [120b] 1 viên phủ Ký-lục, 1 viên Cai-phủ và 1 viên Thư-ký.

Mỗi huyện có 1 viên Cai-tri và 1 viên huyện Thư-ký.

Mỗi tổng có 3 viên Cai-tổng.

Còn các thuộc thì mỗi thuộc có 1 viên Đề-lãnh, 1 viên Cai-thuộc, 2 viên Ký-thuộc, 2 viên Cai-tổng và 2 viên Lệ-lại.

Còn có 1 viên Đề-lại lãnh châu Duy-hoa. Ba thuộc là Phú-châu-cơ, Vông-nhi và Hà-bá cũng đều có mỗi nơi 1 viên Đề-lại.

Các thuộc không được thiết-lập trong thời-gian bảy năm.

Chúng tôi tra-cứu các phủ trong xứ Quảng-nam, vì các huyện các thuộc mới được thiết-lập, nên chưa có lệ định rõ-ràng số-mục viên-chức :

Phủ Thăng-hoa có 15 phường và thuộc.

Phủ Điện-bàn có 4 thuộc.

Phủ Quảng-nghĩa có 4 thuộc.

Phủ Qui-nhân có 12 thuộc.

Phủ Phú-yên có 38 thuộc.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Phủ Bình-khang có 12 thuộc.

Phủ Diên-ninh có 14 thuộc và Châu.

Phủ Bình-thuận có 20 thuộc và phường.

Bấy giờ nhà nước mới định cho phép nơi nào có từ 500 người trở lên, được đặt [121a] 1 người Cai-thuộc và 1 người Ký-lục. Nơi nào có từ 450 người trở lên, thì được đặt 1 người Ký-lục thuộc. Nơi nào có từ 100 người trở xuống đến 10 người, thì chỉ được đặt chức Tướng-thần theo lệ định đối với các châu. Nếu không có 1 người Tướng-thần nạp đơn xin, thì cho phép trong thuộc bầu-cử và đặt lấy người làm việc.

Nhưng thông tình trong hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, những chức bản-đường chính-ngạch đã nhiều, mà những chức đặt thêm cũng quá lạm, cùng với những việc Tướng-thần và Xã-trưởng bội thâu tiền bạc của nhân-dân thì không làm sao tính cho xiết được. Tựu-trung việc tạo-lập hộ-tịch và làm loại-khai nhân-khẩu, viên Ký-lục và viên Lệ-lại kê-biên, vốn không ẩn-giấu một người dân nào, việc này đã được người ta xét kỹ quả đúng sự thực. Bởi vì lấy dân mà điều-tra dân, lại có sổ quân-cấp công-diền có thể kê-tra được và bộ biên tiền sai-dư và gạo cước có thể khảo-cứu nữa. Có người nào đành chịu ẩn-lậu tên mình để mất ruộng khẩu-phần? Có ai có thể che giấu số nhân-dinh mà lấy được tiền và gạo? Ấy cho nên từ xưa đến nay, có những việc họ Nguyễn không phải sai [121b] các huyện-quan, mà chỉ tra hỏi các người chức-sắc tại mắt trong huyện



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

đề biết sự thật mà thôi. Họ Nguyễn có phương-pháp làm việc như thế, thiết-tưởng cũng hay lắm vậy.

Đạo làm việc thiện, cốt-yếu nhất là phải biết cho chu-đáo số nhân-dân và số ruộng đất trong địa-hạt thuộc dưới quyền của mình. Quan địa-phương cần phải biết nơi nào nhân-dân đông-đúc, nơi nào nhân-dân thưa-thớt, ít-oi. Cần phải biết những nơi nào ruộng đất phì-nhiều để chế-định thuế-khoá, để chấn-hưng quân-đội. Nhưng nhứt-thiết không nên hà-khắc, và làm phiền-nhiều nhân-dân, và cũng không nên trưng-thâu thuế-khoá một cách nặng-nề quá đáng.

Những người ưa làm việc một cách cầu-thả từng nói : Người ta không cần phải tra-xét cho kỹ-càng, là có ý muốn khoan-dung cho nhân-dân. Nào có hay đâu chính là mở mồi cho những người nhận của hối-lộ để che giấu sự thực. Hơn nữa, làm việc cầu thả như vậy thì người có tiền có thể được đóng-góp nhẹ, mà người không có tiền sẽ phải đóng-góp nặng-nề, đâu phải là chính-sách công-bình như thế?

Ngày trước, họ Nguyễn mở-mang bờ-cõi về phương Nam, thiết-lập các phủ, huyện. Những nơi gần rừng núi, hoặc những nơi ở dọc khe, dọc biển đều được đặt làm « thuộc ». Bao nhiêu những phường, thôn, châu, man linh-tinh và phân-tán đều được lệ-phụ vào « thuộc » cả, rồi thuộc cũng đặt ra những viên « Tri », « Áp » [như Cai-tri, Đốc-áp] [122a] cùng với các tổng đồng nhau, có quyền trưng-thâu lúa điền-tô, có quyền thâu tiền đại-nạp.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Trong lúc tạo-lập bộ điền-thổ và tuyển-chọn nhân-định, thì dân-số mỗi nơi bao nhiêu, người ta có thể biết tường-tận, và tài-chánh thuế-khoá cũng nhiều. Làm việc như vậy, thiết-tưởng cũng đã kỹ-lưỡng lắm vậy. Nhưng người ta lại không tính những viên-chức ở các quan địa-phương-quan, mà cứ sai-khiến những viên-chức phải lệ-thuộc Nội-phủ, rồi lại đặt ra nhiều chức « Cai » và « Tri », đề thúc-giục và đốc-suất thuế-khoá trăm đường, vì thế mà sinh ra nhiều tệ-đoan.

Chức Tướng-thần ở xứ Thuận-hoá và xứ Quảng-nam cũng như chức Khán-thủ tại bốn trấn, được cùng với các Xã-trưởng trung-thâu và đốc-suất các hạng thuế-khoá và sai-dịch.

Trước năm Ất-tị niên-hiệu Bảo-thái nhà Lê [tức Lê Dụ-tông], họ Nguyễn đặt thê-lệ thâu các tiền lễ, như chức Tướng-thần phải nạp thượng-lễ [lễ dâng lên chúa Nguyễn] 35 quan, nạp nội-lễ [lễ dâng vào nội-phủ] 7 quan, nạp tiền lễ nhận-lãnh văn-bằng đề làm lộc cư-ngụ cho các quan cộng 5 quan. Vì thế mà người ta tranh giành nạp tiền lễ để được cấp-phát văn-bằng.

Đến ngày nay, trong một xã mà có đến 16, 17 chức Tướng-thần, hơn 20 chức Xã-trưởng đều được [122b] ứng-hành công-vụ, chính là cho chức « Tri », « Áp » làm đầu-mục.

Các viên-chức đều được cấp mỗi người mấy phu hầu, được miễn mọi tạp-dịch dân-định, và được phép lấy số tiền thuê của phu làm lộc cư-ngụ của mình.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Các viên-chức lại phải nạp tiền lễ hầu-phu, và gạo lễ hầu-trung, rồi phải thuê-mướn thuyền theo mình chuyên-chở số tiền và gạo kê trên đến Kinh-thành Phú-xuân dâng-nạp.

Như năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 sau Công-nguyên là năm thứ 30 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], chức Tri-phủ phủ Thăng-hoa phải nạp 1 quan 5 tiền, và gạo 15 bát. Chức Tri-huyện và chức Huấn-đạo phải nạp mỗi người 1 quan 7 tiền, và 15 bát gạo. Ký-phủ phải nạp 1 quan tiền và 15 bát gạo. Ký-huyện, Ký-thuộc, Cai-tổng và Cai-man phải nạp mỗi người 8 tiền, và 12 bát gạo. Cai-quan, Chính ty-trưởng phải nạp mỗi người 1 quan 3 tiền, và 15 bát gạo. Ty-quan phải nạp 1 quan 2 tiền và 15 bát gạo, Thủ-hợp, Cai-thuộc phải nạp mỗi người 9 tiền, [123a] và 30 bát gạo. Đội-trưởng Thủ-Lăng [chức Đội-trưởng coi các lăng-tăm vua chúa], và Thứ Đội-trưởng Từ-đường [chức Thứ Đội-trưởng coi các đền đài] phải nạp mỗi người 1 quan tiền và 15 bát gạo. Thứ Đội-trưởng Thủ-lăng phải nạp 6 tiền 10 bát gạo. Tương-thần phải nạp 7 tiền và 8 bát gạo. Thượng-đẳng Từ-hàm [người giữ rương tiền tại đền thờ Thần Thượng-đẳng] phải nạp 8 tiền và 12 bát gạo. Trung-đẳng Từ-hàm [người giữ rương tiền tại đền thờ Thần Trung-đẳng] phải nạp 7 tiền và 10 bát gạo. Hạ-đẳng Từ-hàm [người giữ rương tiền tại đền thờ Thần Hạ-đẳng] phải nạp 6 tiền và 8 bát gạo.

Các viên-chức phủ Thăng-hoa đã kê ở trên cộng 278 người. Số tiền mà họ phải nạp là 213 quan, 7 tiền, và số gạo họ phải nạp cộng 2.727 bát. Còn bao nhiêu món tiền và số gạo khác nữa



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

đề cấp-phát cho các viên-chức làm lộc cu-ngụ cùng với số tiền và gạo các xã, các phường sẽ được nạp và chuyên-chở riêng.

Người ta lại căn-cứ vào con số hiện định trong phủ-bạt Thăng-hoa mà thâu tiền lễ làm lộc cu-ngụ cho các viên-chức. Cứ mỗi đầu người phải nạp 12 chữ tiền đồng; cứ mỗi 100 người trình-diện phải nạp 5 thăng gạo, cùng với số tiền mỗi xã lớn phải nạp là 1 tiền và xã trung là 30 chữ tiền. Còn số mãn-tiền [tiền đã đóng thành từng quan], thì mỗi đầu người phải chịu 7 chữ tiền.

[123b] Như năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 sau Công-nguyên], các huyện, các thuộc trong phủ Thăng-hoa cộng 14.349 người, người ta thâu các khoản tiền cộng 483 quan 3 tiền 30 chữ, và thâu gạo cộng 714 thăng 9 hợp. Trừ số tiền thuê đóng thành từng quan, thì cứ mỗi 100 quan, người ta phải thuê 4 tiền, và gạo phải thuê đóng thành từng bao, cứ mỗi bao, người ta phải thuê 1 tiền không được kể. Đó là phí-tồn mỗi một lần, người ta vận-chuyển tiền và gạo đi nạp vào kho Phú-xuân, mà biết mấy lần mỗi người phải vận-chuyển đi nạp tiền và gạo như thế? Chẳng phải chỉ một xứ Quảng-nam đóng-góp và chuyên-chở đặng-nạp tiền và gạo mà thôi, xứ Thuận-hóa cũng phải làm như thế, thiết-tưởng làm việc như vậy thật là quá vất-vạnh, nhỏ-nhen.

Các dinh Thuận-hóa, Quảng-nam cho phép các ty-lại cùng



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

các huyện bản-đường đặt danh-hiệu và số-mục các chức-sắc quá nhiều, sai-khiến họ trung-thâu tiền, lúa về nhân-đinh và ruộng đất đã đành, mà còn sai họ thâu tiền, gạo tại các quan-lại, các chức-sắc cũng không phải là ít. Như những món tiền nhận-lãnh văn-bằng cùng với món tiền trâu cau, và lệ thế bạc. Đối với những chức Cai-hợp, Thủ-hợp tại các dinh, người ta tùy theo nơi nhiều việc quan hay ít [124b] mà bắt-buộc họ nạp tiền hay bạc. Như tại những nơi phiến-nha [tức nha-môn có nhiều việc quan], thì chức Cai-hợp hay Thủ-hợp phải nạp 13 quan tiền, và 2 thoi bạc. Thứ đến những nơi mà công-việc quan không phiến-những, cũng không đơn-giản, thì chức Cai-hợp hay Thủ-hợp phải nạp 6 quan tiền và 8 lượng bạc. Còn tại những giản-nha là nha-môn ít công việc, thì Cai-hợp hoặc Thủ-hợp cũng phải nạp 3 quan tiền và 1 lượng 5 đồng-cân bạc. Viên Ty-lại phải nạp tiền 2 quan. Viên Cai-án trấn phải nạp 8 quan. Lại còn quan Đề-lãnh coi kho cùng với Cai-quan trấn tuần-nguyên phải nạp tiền mỗi người 14 quan. Viên Đội-trưởng giữ kho phải nạp 8 quan 5 tiền. Viên Ty-lại cũng phải nạp 8 quan 5 tiền. Chức Cai-trường và chức Cai-thuộc phải nạp mỗi người 8 quan. Viên Ký-phủ phải nạp 10 quan. Các viên Ký-lục, Ký-thuộc, Cai-tổng và Cai-xã đều phải nạp mỗi người 4 quan 5 tiền. Viên Đề-lại phải nạp 3 quan 5 tiền. Các viên Lệnh-lại các nhà thờ và các viên Xá-lại thuộc phải nạp mỗi người 1 quan 1 tiền. Viên Thứ Đội-trưởng coi giữ các nhà thờ, viên-chức coi kho Tuần-sở cùng với các Đội-trưởng và Thứ Đội-trưởng coi giữ các thổ-sản đều phải nạp mỗi người 2 quan. Viên Thông-lại giữ rương tiền cứng



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

tại nhà thờ và viện Lệ-lại phải nạp mỗi người 1 quan 5 tiền, cho đến các [124b] chủ thuyền, các Xã-trưởng, các Phường-trưởng có xin đổi văn-bằng mới đều phải nạp mỗi người 1 quan 1 tiền. Lại còn có tiền đóng ấn cùng với tiền lễ trâu cau nữa.

Còn các viên Cai-cơ, viên Cai-hợp và viên Thủ-hợp tại các dinh, thì tùy theo từng nơi phiền-những hay đơn-giản mà nạp tiền, hoặc 1 quan 9 tiền [phiền-nha], hoặc 1 quan 5 tiền [giản-nha]. Lại còn phải nạp tiền đóng ấn cùng với tiền lễ trâu cau nữa. Các viên Trấn-thuộc, viên Cai-án và viên Cai-thâu phải nạp mỗi người 1 quan 6 tiền. Trấn Tuần-nguyên Cai-quan phải nạp 3 quan 4 tiền. Chức Cai-phủ ty-quan phải nạp 1 quan 9 tiền. Các viên Ký-huyện, Ký-thuộc, Cai-tổng, Cai-xã và Đề-lại phải nạp mỗi người 1 quan tiền. Các viên Xá-lại, Lệnh-lại thuộc Từ-hàm phải nạp mỗi người 1 quan 7 tiền. Các viên Thứ Cai-đội các Từ-đường, các Tuần-khố đều phải nạp mỗi người 8 tiền. Các khoản tiền kể trên đây đều được dùng làm lộc cư-ngụ cho các thị-nữ ở nội-phòng cùng với nội-quan và tả hữu Lại-bộ quan và Lê-bộ quan.

[125a] Đến như gặp lễ Chính-đán ngày sinh [tức sinh-nhật chúa Nguyễn], đã là các viên-chức thuộc hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, đều phải đóng-góp tiền bạc lễ mừng từ 1 tiền trở lên cho đến 2, 3 thoi bạc, và tiền lễ cau trâu từ 15 chữ cho đến 5 quan tiền. Công-đường quan sở-tại phải đứng thâu và đăng-nạp các khoản tiền ấy. Tuy chức Xã-trưởng nhỏ-bé, cũng phải nạp nhân-ngân [bạc tính theo đầu người] là 1 đồng cân bạc và



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

món tiền lễ trầu cau là 30 chữ tiền. Gặp những ngày Húy nhật [ngày kỵ, ngày cúng giỗ họ Nguyễn], các quan-viên cũng phải đóng-góp tiền-bạc lễ như vậy.

Tại tuyền-trường [nơi lựa-chọn các quan-viên] Thuận-hoá và Quảng-nam có những người tới nộp đơn xin ở ngoài cửa trường, cùng những người nộp đơn xin thăng chức hay thăng trật, thì người ta thâu tiền-bạc về Thượng-lễ [lễ dâng lên chúa Nguyễn] và Nội-lễ [lễ nộp vào Nội-phủ], khoản tiền-bạc này người ta thâu được cũng nhiều.

Như năm Bính-thân [tức năm 1776 sau Công-nguyên là năm thứ 37 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], người huyện Phù-ly làm chức Tướng-thần là Đoàn-phước-Chiêm được thăng chức Ký-phủ. Viên này đã dâng Thượng-lễ là 20 thoi 5 lượng bạc tinh, được thay-thế tiền là 515 quan. Lại nộp thứ bạc nặng cân là 1 thoi 2 đồng cân 5 phân thay-thế tiền là 25 quan 6 tiền 12 chữ, nạp lễ [125b] bạc tinh 4 thoi thay-thế tiền là 102 quan 5 tiền. Lại nạp bạc nặng cân 2 lượng 5 phân thay-thế tiền là 5 quan 1 tiền 15 chữ cùng với bạc nén 4 lượng thay-thế tiền là 9 quan 2 tiền. Lại nạp bạc nặng cân 2 đồng-cân thay-thế tiền là 4 tiền 36 chữ cùng tiền trầu cau 6 tiền. Ngoài ra, đương-sự còn dâng lễ trình-diện với nội-đường-quan, và tiền cho các trẻ con là 8 quan 3 tiền. Tổng cộng Đoàn-phước-Chiêm phải tốn đến 664 quan 3 tiền 6 chữ.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Nguyễn-kim-Châu người huyện Duy-xuyên và Trần-văn-Kiến người huyện Đồng-xuân đều được thăng chức Ký-lục huyện. Các đương-sự phải dâng Thượng-lễ mỗi người 8 thoi 5 lượng bạc tinh được thay-thế tiền là 212 quan 5 tiền. Lại phải dâng bạc nặng cân là 4 lượng 2 đồng-cân 5 phân thay-thế tiền là 60 quan 6 tiền 15 chữ. Các đương-sự đều phải dâng Nội-lễ mỗi người 2 thoi 7 lượng bạc tinh thay-thế tiền 42 quan 5 tiền. [126a] Lại dâng bạc nặng cân là 8 đồng-cân 7 phân thay-thế tiền 2 quan 1 tiền 15 chữ, bạc nén mỗi người 1 lượng 5 đồng-cân được thay-thế tiền 3 quan 4 tiền 30 chữ. Lại dâng bạc nặng cân 7 phân 5 ly thay-thế tiền 1 tiền 45 chữ. Cùng với tiền trâu cau mỗi người 6 tiền. Ngoài ra, các đương-sự còn dâng lễ trình-diện Nội-đường và tiền cho các trẻ-con mỗi người 5 quan 2 tiền. Tổng cộng mỗi người phải tốn 277 quan 1 tiền 45 chữ.

Người huyện Minh-linh là Dương-bá-Dương lấy hàm quan-viên-tử được thăng chức Cai-lồng. Viên này phải dâng Thượng-lễ bạc tinh 5 thoi thay-thế tiền 125 quan. Lại dâng bạc nặng cân 2 lượng 5 phân thay-thế tiền là 6 quan 2 tiền 30 chữ. Đương-sự lại dâng Nội-lễ bạc tinh 1 thoi thay-thế tiền 25 quan. Lại dâng bạc nặng cân 5 đồng-cân thay-thế tiền [126b] 1 quan 2 tiền 30 chữ. Bạc lễ trâu cau bằng bạc nén 1 lượng 5 đồng-cân thay-thế tiền là 2 quan 4 tiền 30 chữ. Đương-sự lại dâng bạc nặng cân 7 phân 5 ly thay-thế tiền là 1 tiền 40 chữ. Ngoài ra, đương-sự còn dâng lễ trình-diện Nội-đường cùng với món tiền cho các trẻ-con là 4 quan 1 tiền. Tổng cộng đương-sự phải tốn 165 quan 2 tiền 15 chữ.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Người huyện Phú-xuyên là Trần-văn-Tĩnh được làm chức Lê-lại, phải dâng Thượng-lễ cùng bạc tinh là 2 thoi 5 lượng thay-thế tiền là 62 quan 5 tiền. Lại dâng bạc nặng cân là 1 lượng 2 đồng-cân 5 phân thay-thế tiền 3 quan 1 tiền 15 chữ. Đương-sự lại dâng Nội-lễ 5 lượng bạc tinh thay-thế tiền là 20 quan 5 tiền. Lại dâng bạc nặng cân là 2 đồng-cân 5 phân thay-thế tiền là 6 tiền 15 chữ, và tiền trâu cau là 6 tiền. Ngoài ra, đương-sự còn dâng lễ trình-diện Nội-đường, [127a] cùng với món tiền cho các trẻ con là 3 quan 1 tiền. Tổng-cộng đương-sự phải tốn 82 quan 4 tiền 30 chữ.

5 người được thăng chức kể trên phải tốn tổng-cộng 1.466 quan 3 tiền 22 chữ.

Triều ta [tức triều Lê] từ niên -hiệu Hồng -đức vua Lê Thánh -tông cho đến đời Lê Trang -tông Trung -hung, vào khoảng thời-gian niên-hiệu Thịnh-đức và niên-hiệu Vĩnh-thọ ¹

1. Niên-hiệu Thịnh-đức và niên-hiệu Vĩnh-thọ đều là niên-hiệu vua Lê Thần-tông cả.

Vua Lê Thần-tông, huý Duy-Kỳ, con trưởng vua Lê Kinh-tông, ở ngôi vua hai lần : lần đầu 23 năm và lần sau 13 năm.

Năm Kỷ-vị (1619) tức năm thứ 20 niên-hiệu Hoàng-định vua Lê Kinh-tông, vào tháng 5, Trịnh-Tùng giết Lê Kinh-tông, rước Hoàng-tử Duy-Kỳ lập lên làm vua, tức Lê Thần-tông, lấy niên-hiệu Vĩnh-tộ.

Đến năm Kỷ-vị (1629), Lê Thần-tông cải-nguyên Đức-long. Qua năm Ất-hợi (1635), Lê Thần-tông lại đổi niên-hiệu Dương-hoà →



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

thường có sửa-sang, tu-bổ bổ-tịch. Việc này được thấy trong tập «Thiện-chính» có ghi-chép, chúng ta có thể khảo-cứu một cách đại-khái. Theo lệ xưa, cứ ba năm một lần «tiểu-tạo» nghĩa là sửa-sang bộ định một cách tiểu qui-mô, trong một phạm-vi nhỏ-hẹp. Cứ sáu năm thì đến một lần «đại-tu», sửa-sang bộ định một cách đại qui-mô, trong một phạm-vi rộng-rãi. Nhà nước sai-phái các quan-chức duyệt lại bộ và tuyển-chọn, khiến các tổng, xã phải làm các bản loại-khai kê rõ chính-hộ, khách-hộ, nghĩa là dân-định chính trong làng và dân-định ở đạu trong làng.

→

Sang năm Quý-vị (1643), Trịnh-Tráng đưa nhà vua đi tuần-hạnh Yên-bái. Đến lúc trở về Kinh-đô, Lê Thần-tông truyền ngôi cho con là Duy-Hữu tức Lê Chân-tông, vua con tôn cha là Thần-tông lên làm Thái-thượng-hoàng. Đến tháng 8 năm Kỷ-sửu (1649), vua Lê Chân-tông băng-hà, Trịnh-Tráng lại rước vua Lê Thần-tông trở lại ngôi báu, và lấy niên-hiệu mới là Khánh-đức. Qua năm Quý-ty (1653), Lê Thần-tông đổi niên-hiệu Thịnh-đức.

Sang năm Mậu-tuất (1658), Lê Thần-tông đổi niên-hiệu Vĩnh-thọ.

Rồi đến năm Nhâm-dần (1662) Lê Thần-tông lại đổi niên-hiệu Vạn-khánh.

Tổng-cộng hai lần làm vua, Lê Thần-tông ở ngôi được 36 năm, và đặt niên-hiệu cùng đổi niên-hiệu 7 lần tất cả. Vua Lê Thần-tông là vị vua quá nhu-nhược, chứng-cớ là Trịnh-Tráng có người con gái tên là Ngọc-Hành trước đã lấy Tôn-thất Lê-Trụ sinh được 4 con. Đến khi Lê-Trụ can tội bị tù. Trịnh-Tráng đem gả cho Lê Thần-tông, nhà vua nhận lấy, rồi sách-lập Ngọc-Hành làm Hoàng-hậu. Điều đặc-biệt là trong khi vua Lê Thần-tông làm vua ở nước ta, thì Minh Thần-tông cũng làm vua ở nước Tàu với niên-hiệu Vạn-lich.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Trước lúc tu bộ, nhà nước tổ-chức kỳ thi các sĩ-tử, người nào trúng-tuyển, thì được chức « Nhiều-học », thứ đến chức « Nhiều-ấm », thứ nữa đến dân-đinh. Trong số dân-đinh, người ta lại chia làm tráng-hạng là hạng tráng-đinh, quân-hạng là hạng quân-binh, dân-hạng, lão-hạng, tật-hạng và cùng-hạng là hạng dân bần-cùng. Còn các sắc lão-nhiều là các bậc lão-nhiều có phẩm-hàm chức-sắc thì được tính riêng. Những người phiêu-lưu [127b] và bỏ trốn đầu mất thì được bỏ ra ngoài bộ. Những người đã đến tuổi trưởng-thành mới được đưa vào bộ. Những người được biên tên vào bộ phụ tức là người mới phụ-nhập vào xã.

Bộ loại-khai phải làm bốn bản : một bản tâu lên vua hay chúa, một bản đệ trình quan Hộ-bộ, một bản đưa đến hàm ty [nơi chứa bộ đinh tại các tỉnh], còn một bản đưa tới quan huyện.

Đến niên-hiệu Cảnh-trị nhà Lê, triều-đình đã chán-ngấy cái lối duyệt tuyển như thế quá phiền-phức, mới sai-khiến các quan chia nhau đi khám-xét các nơi để biết đích-thực. Người ta thông tính tất cả nhân-đinh và điền-sản các xã trong nước, rồi cân-nhắc và phân-bổ bao nhiêu suất, số cho mỗi xã, lập làm bình-lệ. Theo bình-lệ này, thì người mới sinh không được tính thêm vào sổ đinh, mà những người chết mòn đi cũng không được trừ tên trong bộ đinh, còn phép duyệt-tuyển cũ thì bị bỏ, không thi-hành nữa.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Đến thời-gian họ Nguyễn vào làm chức Trấn-thủ xứ Quảng-nam và xứ Thuận-hóa, cha truyền con nối, trải qua lâu đời, mà số binh, số dân, số ruộng đất cho đến thuế-khoá lúa tồ, đều tuân theo qui-chế và thề-lệ đời Lê Hồng-đức, chẳng có đổi khác điều gì. Người ta cứ tuân theo phép ấy chiếu hạng quân-nhân trong bộ đình mà lựa-chọn lính, thì có thể nói số quân-nhân họ Nguyễn lúc bấy giờ đông lắm vậy.

Vua Thái-tông nhà Đường (627-647) ¹ sai-khiến quan đi kiểm-điểm số trung-nam trong nước cho vào quân-đội, thiết-tướng cũng làm như thế.

Hơn nữa, những người ở nhà thì phải xuất tiền ra để khỏi [128a] phải đi làm các hạng sai-dịch, còn như những người nào ra trung-binh, thì được miễn tất cả các thứ thuế tồ ruộng đất và thuế-khoá khác. Đó cũng là ý-nghĩa «ngụ binh ư nông» là «gởi binh ở nghề nông», vừa làm lính, vừa làm nghề nông của người đời xưa. Còn hạng lính thường theo ừng-hành công-vụ đã được trừ ngoại thì không kể tới. Đến như việc người ta chiếu theo các đẳng-bậc đình-khâu mà phân-biệt từng hạng người để xuất nạp tiền thuế khác nhau, thì cũng không đến nỗi thiê :-kình hạng người này hoặc thiên-trọng hạng người khác.

1. Đường Thái-tông, tên Thế-dân, là con Đường Cao-tổ, ở ngôi được 23 năm, lấy niên-hiệu là Trinh-quán. Lúc bấy giờ, nước ta bị nội-thuộc Tàu lần thứ 3.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Người ta chỉ cần mở sổ-bộ ra mà đề mắt xem qua một lần, thì dân-số bao nhiêu đã thấy rõ-ràng, rất dễ kê-cứu và xét lại.

Ngày xưa, Ông Tô Đông-pha ¹ có nói: «Pháp tương nhân tắc sự dĩ thành» nghĩa là «Người ta cứ nhân noi phép cũ mà làm, thì công-việc dễ thành-tựu», nên người ta vẫn cứ theo thành lệ mà làm. Tựu-trung đối với các xã, nếu nhà nước cứ lượng thêm những sự tài-giảm các số tiền thuế mà dân phải đóng-góp, thì những chức viên-mục Cai-trung cũng theo đà ấy mà giảm bớt. Tức là nhân-dân trong một địa-phương đã được tắm-gội ơn mưa-móc của triều-đình, do đó binh, tài được đầy-đủ, và thuế-khoá trong nước mới dư-thừa.

Xứ Thuận-hoá và xứ Quảng-nam, cứ sáu năm lại đến một lần tuyên-trường. Tháng giêng, nhà nước sai-phái các quan, tháng sáu thì các quan duyệt-tuyên.

Huyện Hương-trà, huyện Quảng-điền và huyện Phú-vang [128b] ba huyện mở chung một trường.

Huyện Đăng-xương, huyện Hải-lăng và huyện Minh-linh, ba huyện mở chung một trường.

1. Tô Đông-pha là Tô-Thức, anh Tô-Triệt và Tô Tiều-muội, tự Tử-Chiêm, người ở My-sơn nước Tống. Dưới triều Tống Gia-Hữu, Tô-Thức thi đậu Tiến-sĩ, và làm quan đến chức Lại-bộ Thượng-thư. Tô-Thức học rất rộng, sở-trường về kỹ-tải và có tiếng thanh-liêm cần-kiệm. Nhân chỗ Ông ở, người ta gọi Ông là Tư-Khê Tiên-sinh. Ông viết nhiều bộ sách rất có giá-trị.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Huyện Khang-lộc, huyện Lệ-thủy và châu Nam Bố-chánh, mỗi huyện, châu mở riêng một trường.

Còn chín phủ trong xứ Quảng-nam được mở chín trường.

Nhà nước sai-phái các quan, rồi các quan tự lựa-chọn lấy chỗ thuận-tiện làm trường tuyển-duyet, chứ không nhứt-định một nơi nào. Và hạn trong một tháng các xã phải làm xong các bộ loại-khai. Nhà nước chỉ căn-cứ vào con số nhân-đinh tăng hay giảm để biết mà thâu thuế, chứ không phải tuyển-chọn như tuyển-chọn lính. Nhưng nếu binh lính có khuyết, thì chức quan Cai-bộ bộ Hộ cứ chiếu theo bộ đinh đó mà bổ-sung cho đủ số.

Phiên-trấn Thuận-hoá và Quảng-nam, tính từ Đoan-quận-công Nguyễn-Hoàng cho đến Đinh-quốc-công Nguyễn-phúc-Chú trải qua thời-gian bảy đời chúa. Cứ đến 5 năm, thì quan trên sức xuống các sĩ-nhân trong các huyện đều phải tề-tụ tại dinh Bản-trấn ứng thí. Thi trong một ngày, và đề-mục thi là 1 thứ thơ [tức 1 bài thơ] và 1 bài văn-sách.

[129a] Các quan Tri-phủ và Tri-huyện chăm sơ-khảo, chức quan Ký-lục Bản-dinh chăm phúc-khảo. Kỳ thi lấy bao-nhiều người trúng-tuyển, người ta phải kê-khai đầy-đủ tên họ trình nạp lên quan Phó-đoán-sự Cai-bộ. Những người trúng-tuyển sẽ được làm «Nhiều-học tuyển-trường», được miễn nạp số tiền và số gạo sai-dịch trong hạn 5 năm. Kỳ thi đó được gọi là «Xuân-thiên quận thí» nghĩa là kỳ thi tại quận về mùa xuân.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Vì từ đầu đời Lê Trung-hưng [tức Lê Trang-tông], nhà-nước đã đặt trường tuyển-chọn lính, còn thi lấy các «Nhiều-học» là một giải-pháp cho các Nhiều-học khỏi phải đi lính vậy.

Cứ chín năm một kỳ, các sĩ-nhân trong các phủ, huyện đều tề-tụ tại dinh Phú-xuân [Chính-dinh] ứng-thí. Kỳ thi chỉ định trong ba ngày :

Ngày thứ nhất : thi ba đề-mục văn Tứ-lục ¹.

Ngày thứ hai : thi một đề thơ và một đề phú ².

Ngày thứ ba : thi một đề Sách-vấn ³.

1. Văn Tứ-lục là thể văn câu trên 4 chữ, câu dưới 6 chữ, câu trên đối với câu trên, câu dưới đối với câu dưới, gọi là tiểu-đối. Còn 2 câu dài mỗi câu 10 chữ đối với nhau, gọi là đại-đối. Ví như cổ-văn : « Thù vô bất báo, anh-hùng chi hận vô di ; hoạ cập vô cô, quân-tử chi tâm bất nhẫn ». « Thù vô bất báo » đối với « hoạ cập vô cô » là tiểu-đối, mỗi câu mỗi vế 10 chữ đối với nhau, gọi là đại-đối. Buổi xưa, những bài : Tấu, Sớ, Chiếu, Biếu, người ta hay dùng thể văn Tứ-lục.

2. Phú là thể văn có 8 vế, được gọi là văn Bát-cô (tám vế) ; có vần, do người xuất đề-mục cho vần, câu này phải đối với câu kia chính-xác. Ví như bài phú « Bái thạch vi huynh » của Cự Sào-nam, người ra đề-mục lấy câu : « Thạch bất năng ngôn tin khả nhân » làm vần, người làm bài phải làm thế nào cho đủ những vần là vần *Thạch*, vần *Bất*, vần *Năng*, vần *Ngôn*, vần *Tin*, vần *Khả* và vần *Nhân*. Người làm bài phú dù hay mà xuất vận hay sót vận cũng bị hỏng.

3. Văn Sách-vấn là thể bài văn-sách, trong đó, người ra đề-mục muốn hỏi điều gì thì tự ý mình, các thí-sinh làm bài phải theo những câu hỏi mà trả lời cho chính-xác. Buổi xưa, tại các khoa thi Hương, vào trường Tam, các thí-sinh phải làm một bài văn-sách, trong đó, đoạn đầu đề-mục, người ta hỏi về Tứ-thư, hay Ngũ-kinh, Nam-sử hoặc Bắc-sử, Tam-giáo, hay Bách-gia Chư-tử, còn đoạn sau thì hỏi về thời-sự.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Người ta lấy các chức quan văn như Tri-phủ, Tri-huyện làm quan-trưởng chấm sơ-khảo ; chức Ký-lục Cai-bạ làm quan-trưởng chấm phúc-khảo ; chức Ký-lục Nha-úy làm quan-trưởng giám-phúc [cũng như Chánh-chủ-khảo] coi thi khắp cả các vi ngoại-tả, ngoại-hữu. Kỳ thi này lấy đậu hạng Trúng-cách bao nhiêu người, các quan-trưởng phải làm sổ kê-khai tên họ, quán-chỉ từng người đề nạp [129b] lên chúa Nguyễn. Bây giờ, họ Nguyễn phê định làm ba hạng trúng-tuyển như sau :

1. Những người đậu hạng Giáp được làm Hương-cống [cũng như Cử-nhân trước đây] và được bổ làm chức quan Tri-phủ hay chức quan Tri-huyện.

2. Những người đậu hạng Ất được làm Sinh-đồ [cũng như Tú-tài trước đây], được bổ chức Nho-học hay chức Huấn-đạo [Giáo-chức tại các huyện].

3. Những người đậu hạng Bính cũng được làm Sinh-đồ, hoặc có người được bổ chức Lễ-sinh [chuyên coi về tế lễ], hoặc được làm Nhiều-học suốt đời.

Kỳ thi này, người ta treo bảng tại trước Công-đường Chính-dinh, và người ta bảo kỳ thi này là « *Thu-vi Hội-thi* ». Vì nhà nước thường thi-hành phép thi « *Tiểu-tử Hương-vi* » cứ ba năm lại đến một lần khai khoa tại các tỉnh.

Sau khi treo bảng kỳ thi « *Thu-vi Hội-thi* », họ Nguyễn lại còn thi một luật thơ nữa, định hạng đậu cao và hạng đậu thấp để bổ làm các chức quan. Người ta gọi kỳ thi này là « *Đình-thi* ».



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Đến năm Giáp-tý [tức năm 1744 sau Công-nguyên là năm thứ 5 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], Nguyễn-phúc-Chu tự xưng Vương-hiệu, mới bắt đầu đổi chức Cai-bộ làm Hộ-bộ, chức Ký-lục làm Lại-bộ, chức Nha-uy làm Lễ-bộ, văn-chức làm Hàn-lâm. Còn như phép thi-cử, thì chúa Nguyễn cũng noi theo phép cũ các đời trước, không hề thay-đổi.

Trước kia, vào thời-kỳ chúa Nguyễn-phúc-Tần [tức Dũng-quận-công Nguyễn-phúc-Tần, tức chúa Hiền], qua mấy kỳ tuyển-duyet, người ta không [130a] cho khảo-thi các sĩ-tử Chính-đồ tại hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam cùng các học-sinh Hoa-văn. Trong khoảng thời-gian 40 năm, chúa Phúc-Tần không lấy một người đậu Nhiều-học.

Đến đời con chúa Nguyễn-phúc-Tần là Nguyễn-phúc-Trần [tức Hiếu-nghĩa Hoảng-quận-công, hay chúa Nghĩa] mới giải-trừ cái lệ cấm các học-sinh ứng-thi.

Đến thời-kỳ chúa Nguyễn-phúc-Chú mới cho mở khoa thi lấy các Nhiều-học. Có một khoa thi, dư-luận giới sĩ-phu bỗng-bột nổi lên cao. Chúa Phúc-Chú mới ra lệnh cho các sĩ-tử đều phải tới Công-đường Chính-dinh để chúa ra đề phúc-thi. Các sĩ-tử đều không chịu ứng-thi, và đều bỏ trường thi đi ra, chúa Phúc-Chú bèn truất-khử hết các thi-sinh và không lấy một người nào trúng-tuyển.

Đến năm Canh-thân [tức năm 1680 sau Công-nguyên là năm thứ 5 niên-hiệu Vĩnh-trị Lê Hy-tông], không có khoa quận-



PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

thi [tức thi Hương], chỉ có khoa Thu-thí [tức thi Hội] mà thôi.

Tại khoa Thu-thí ấy, kỳ đệ nhất [tức ngày thứ nhất], thi ba bài văn-sách. Những người trúng-tuyển đều được làm «Nhiều-học tuyền-trường», và được miễn nạp tiền và gạo trong hạn 5 năm.

Ngày thứ hai, khi một bài thơ và một bài phú.

Ngày thứ ba, thi hai bài Kinh-ngĩa [thề văn Kinh-ngĩa cũng hơi giống như văn luận].

Những người trúng-tuyển đều được làm Nhiều-học thi trúng, và được miễn các hạng sai-dịch suốt đời.

Ngày thứ tư, thi một đạo văn sách-vấn. Người nào trúng-tuyển thì được làm Hương-cống, và được bổ [130b] những chức quan Tri-phủ, hay Tri-huyện, hay Huấn-đạo.

Đến đời chúa Nguyễn-phúc-Thuần, nhà-nước có mở khoa thi năm Mậu-tý [tức năm 1768 sau Công-nguyên là năm thứ 29 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] cũng thi như thế.

Đến khoa thi năm Giáp-ngọ [tức năm 1774 sau Công-nguyên là năm thứ 35 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] rồi chúa Nguyễn-phúc-Thuần mất ngôi sau đó. Chỉ có hai khoa thi kể trên mà thôi. Thi Hoa-văn cũng như thế.

*



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Họ Nguyễn, ngày trước, chỉ chuyên dùng những người bản-tộc [tức người họ Nguyễn], những người bản-huyện [đồng huyện với chúa Nguyễn] cùng những người quê-quán ở xứ Thanh-hoá [nơi phát-tích của họ Nguyễn]. Những chức quan trọng-yếu như chức Chưởng-dinh, chức Cơ-cai, chức Cơ-đội, nếu không phải là những hạng người đã được kê ở trên, thì không được lựa-chọn để bổ-sung những chức ấy. Đã là giòng-dõi họ Nguyễn, thì đời đời được chức-trừ suu-sai tạp-dịch.

Còn như những người quê-quán ở xứ Thuận-hoá và xứ Quảng-nam thì đều được gọi là người bách tánh [dân trăm họ]. Nếu người bách tánh có yêu-cầu xin làm những chức Cai hay chức Đội, thì họ cũng chỉ được làm chức Cai Nguyên-đầu [Cai coi đầu nguồn] hoặc chức Đội thủ-ngự [Đội coi việc canh-gác, ngăn-chặn trộm cướp] hoặc chức Đội coi các Thổ-binh lật-vật mà thôi. Con cháu của họ đều không được chức-trừ thuế-khoá. Như các con cháu những quan văn từ chức Cai-bộ, Tri-phủ, Tri-huyện cùng với các chức Cầu-kê, Cai-hợp cũng đều phải xuất nạp tiền thuế. Còn như những người tuy không có chức quan, nhưng họ đều là con cháu các quan thân-sinh, thì cũng đều được coi là tộc-thuộc các quan, và đều được gọi là hàng quan-viên, nhưng họ cũng không thể tránh khỏi điền-thế quân lính.

✦

[131a] Các hạng quan-chức ở Thuận-hoá cũng như ở Quảng-



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

nam đều được phép lấy một số phu-hầu,¹ và được lấy số tiền do các phu nạp để làm lộc lưu-ngụ của mình, việc ấy đã thành lệ cũ.

Tại dinh Quảng-nam, chức Cai-giám Khám-lý được lấy số phu 20 người (một nửa số phu là hạng chính-hộ, còn một nửa số phu là hạng quân khách-hộ). Viên Khám-lý ấy được số tiền phu nạp là 45 quan.

Chức Cai-giám được lấy 20 người phu (một nửa số phu là hạng quân chính-hộ, còn một nửa số phu là hạng quân khách-hộ). Chức Cai-giám ấy được số tiền phu nạp là 30 quan.

Chức Chánh và Phó Đề-đốc được lấy 20 người phu (một nửa số phu là hạng quân chính-hộ, còn một nửa là hạng quân khách-hộ). Chức Chánh và Phó Đề-đốc này được số tiền phu nạp là 27 quan.

Chức Ký-lục phủ được lấy 7 người phu (chính-hộ 3 người, khách-hộ 4 người). Chức Ký-lục phủ này được số tiền phu nạp là 10 quan.

Chức Cai-phủ được lấy 12 người phu (một nửa số phu là hạng quân chính-hộ, còn một nửa là hạng quân khách-hộ).

1. Buổi xưa, có những người bị bắt đi phu hầu các quan, nhưng phần nhiều người đem tiền nạp thay, để được ở nhà. Còn quan thì được nhận số tiền phu nạp để làm lộc của mình.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Chức ấy được số tiền phu nạp là 15 quan (lại còn tiền ngoại là 1 quan 2 tiền đồng).

Chức Thư-ký phủ được lấy 5 người phu (toàn là hạng quân khách-hộ). Chức ấy được số tiền phu nạp là 5 quan.

Chức Cai-tri phó Tướng-thần được lấy 8 người phu (một nửa số phu là hạng quân chính-hộ, còn một nửa số phu là hạng quân khách-hộ). Chức ấy được số tiền do phu nạp là 10 quan (còn tăng tiền ngoại là 2 tiền).

Chức Cai-tri Tham-tướng được lấy 8 người phu (một nửa số phu là hạng quân chính-hộ, còn một nửa số phu là hạng quân khách-hộ). Chức ấy được số tiền do phu nạp là [131b] 18 quan (còn ngoại tiền là 8 tiền nữa).

Chức Thư-ký được lấy 3 người phu (toàn là hạng quân khách-hộ). Chức ấy được số tiền 3 quan do phu nạp.

Chức Câu-kê bản phủ được lấy 3 người phu (một người là hạng quân chính-hộ, còn một người là hạng quân khách-hộ). Chức ấy được số tiền 3 quan do phu nạp (còn tiền ngoại 7 tiền nữa).

Chức Cai-huyện được lấy 3 người phu (1 người là hạng quân chính-hộ, còn 2 người là hạng quân khách-hộ). Chức ấy được số tiền là 3 quan 7 tiền.

Chức Chánh và Thứ Đội-trưởng Thủ-Lăng [coi giữ các lăng



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

tâm vua chúa] được lấy mỗi viên một người phu (hạng quân chính-hộ). Hai viên ấy được tiền mỗi người 1 quan 7 tiền.

Chức Cai-xã được lấy 3 người phu (1 người chính-hộ, 2 người khách-hộ). Chức ấy được số tiền 6 quan (ngoại giảm 7 tiền).

Chức Tướng-thần được lấy 3 người phu (1 người chính-hộ, 2 người khách-hộ). Viên ấy được 2 quan 7 tiền.

Chức Xã-trưởng được lấy 2 người phu (1 người là hạng binh chánh-hộ, còn 1 người là hạng quân khách-hộ). Chức ấy được tiền 1 quan 8 tiền do phu nạp.

Còn các sở và các nơi như Tân-bình, Hoa-châu, Phú-châu, Kiêm-hộ, Vĩng-nhi, Hà-bá, Châu-tượng, Điền-trang, Thương-nhân, Hội-sơn-diên đều được lấy mỗi nơi 1 người phu thuộc hạng quân khách-hộ.

Chức phủ Ký-lục được lấy 7 người phu (3 người phu là hạng tráng-đinh, còn 4 người là hạng quân-nhân). Chức ấy được số tiền là 8 quan 5 tiền.

Chức quan Cai-quản sở Kiêm-hộ được lấy 2 người phu (một nửa là hạng tráng-đinh, còn một nửa là hạng quân-nhân). [132a] Chức ấy được số tiền 15 quan.

Chức Cai-quan sở Châu-tượng được lấy 8 người phu (một



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

nửa tráng-đinh, một nửa quân-nhân). Chức ấy được số tiền là 10 quan.

Chức quan ty Châu-tượng được lấy 6 người phu (một nửa là tráng-đinh, một nửa là quân-nhân). Chức ấy được số tiền là 7 quan 5 tiền do các phu nạp.

Chức Cai-phủ Châu-tượng được lấy 6 người phu.

Chức Cai-phủ Hoa-châu và Phú-châu cùng với chức Cai-phủ đều được lấy mỗi viên-chức 20 người phu (một nửa là hạng tráng-đinh, còn một nửa là hạng quân-nhân). Các chức này được tiền mỗi người 15 quan do các phu nạp.

Chức Cai-phủ sở Kiểm-hộ và chức Cai-phủ Điền-trang được lấy mỗi viên-chức 11 người phu (6 người phu thuộc hạng tráng-đinh, còn 5 người nữa thuộc hạng quân-nhân). Hai chức ấy được số tiền mỗi viên-chức 13 quan 5 tiền do 11 phu nạp.

Chức Cai-phủ lỵ-vụ-sứ sở Vĩng-nhi và Hà-bá được lấy 9 người phu (4 người phu về hạng tráng-đinh, còn 5 người về hạng quân-nhân). Chức ấy được tiền 11 quan.

Chức phủ Thư-ký được lấy 5 người phu (toàn là hạng quân-nhân). Chức ấy được tiền 5 quan.

Chức Cai-tri được lấy 8 người phu (một nửa là hạng tráng-đinh, còn một nửa là hạng quân-nhân) Chức ấy được tiền 10 quan.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Chức Câu-kê bản-phủ được lấy 9 người phu (4 người phu về hạng tráng-đinh, còn 5 người về hạng quân-nhân). Chức ấy được tiền 13 quan.

Chức Thư-ký huyện và Thư-ký sở Châu-tượng được lấy mỗi viên-chức 3 người phu (toàn là hạng quân-nhân). Hai viên-ấy đều được mỗi viên 3 [132b] quan tiền.

Chức Thuộc-phủ Thư-ký được lấy 6 người phu (một nửa là tráng-đinh, còn một nửa là quân-nhân). Chức ấy được số tiền 7 quan 5 tiền.

Chức Cai-thuộc đội Tam-thuộc được lấy 7 người phu (3 người phu là hạng tráng-đinh, còn 4 người là hạng quân-nhân). Chức ấy được số tiền 8 quan 5 tiền.

Chức thuộc Thư-ký đội Tam-thuộc được lấy 3 người phu (toàn là hạng quân - nhân). Chức ấy được số tiền 3 quan 5 tiền.

Chức Cai-tổng được lấy 3 người phu (toàn là hạng tráng-đinh). Chức ấy được số tiền 3 quan 5 tiền.

Chức Xã-trưởng đội Tam-thuộc được lấy 2 người phu (toàn là hạng quân-nhân) Chức ấy được 1 quan tiền..

Chức Thủ-hợp sở Châu-tượng được lấy 4 người phu (một nửa là hạng tráng-đinh, còn một nửa là hạng quân-nhân). Chức ấy được số tiền 5 quan.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Chức Cai-trị Điền-trang được lấy 2 người phu (toàn là hạng quân-nhân). Chức ấy được 3 quan 5 tiền.

Chức Cai-thuộc Điền-trang được lấy 4 người phu (một nửa là hạng tráng-đinh, một nửa là hạng quân-nhân). Chức ấy được 5 quan tiền.

Chức Cai-tổng Điền-trang được lấy 3 người phu (một người phu là hạng tráng-đinh, 2 người là hạng quân-nhân). Chức ấy được 3 quan tiền.

Chức Cai-trường Nội-phủ phủ Thăng-hoa được lấy 4 người phu (một nửa là hạng tráng-đinh, một nửa là hạng quân-nhân). Chức ấy được số tiền 5 quan.

Chức Cai-trường phủ Điện-bàn được lấy 3 người phu (1 người là hạng tráng-đinh, 2 người là hạng quân-nhân). Chức ấy được số tiền là 3 quan [133a] 5 tiền.

Chức Cai-đội đội Châu-tượng được lấy 3 người phu (2 người là hạng tráng-đinh, 1 người là hạng quân-nhân). Chức ấy được số tiền là 3 quan 5 tiền.

Chức Câu-kê Cai-trường Nội-phủ được lấy 3 người phu (một nửa là hạng tráng-đinh, một nửa là hạng quân-nhân). Chức ấy được 2 quan 5 tiền.

Chức Cai-trường phủ Quảng-nghĩa được lấy 3 người phu



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

(1 người là hạng tráng-đinh, 2 người là hạng quân-nhân). Chức ấy được số tiền là 3 quan 5 tiền.

Chức Cai-man sở Thương-nhân thuộc phủ Thăng-hoa được lấy 6 người phu (nửa số phu là hạng tráng-đinh, nửa số là hạng quân-nhân). Chức ấy được 7 quan 5 tiền.

Các chức Cầu-đương các xứ Hoa-châu, Phú-châu và Vĩng-nhi được lấy mỗi nơi 3 người phu (1 người về hạng tráng-đinh, 2 người về hạng quân-nhân).

Chức Cai-man sở Thương-nhân thuộc phủ Điện-bàn được lấy 5 người phu (2 người phu về hạng tráng-đinh, 3 người về hạng quân-nhân). Chức Cai-man ấy được số tiền là 6 quan.

Chức Thư-lại được lấy 1 người phu (hạng quân-nhân). Chức ấy được 1 quan tiền.

Chức Cai-man thuộc phủ Quảng-nghĩa được lấy 3 người phu (1 người phu về hạng tráng-đinh, 2 người về hạng quân-nhân). Chức ấy được 1 quan 5 tiền.

Chức quan Trúc-nguyên-đầu được lấy phu 8 người (nhị hạng Thổ-quan được lấy 4 người phu, mỗi người phu phải nạp 2 quan tiền; và được lấy 4 người ngoại-binh [không phải Thổ-binh], mỗi người nạp 5 tiền). Chức quan này được số tiền là 10 quan.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Chức Cai-xã được lấy 3 người phu (toàn là hạng quân-nhân). Chức ấy được 3 [133b] quan tiền.

Chức Cai-thuộc Hạ-hàng được lấy 9 người phu (phu Thổ-trước mỗi người nạp 5 tiền). Chức ấy được 4 quan 5 tiền.

Chức Thư-ký Hạ-hàng được lấy 7 người phu (phu Thổ-trước nạp mỗi người 5 tiền). Chức Thư-ký ấy được 3 quan 5 tiền.

Chức Tướng-thần được lấy 2 người phu (1 người về hạng tráng-đinh, 1 người về hạng quân-nhân). Chức ấy được 1 quan 5 tiền.

Chức Xã-trưởng được lấy 2 người phu, và được 1 quan 2 tiền.

✦

Thề-lệ ấn-định cho các phủ trong tỉnh Quảng-nam được lấy phu thủ-lệ như sau :

Phủ-quan kiêm chức Đạo-lục được lấy 4 người phu thủ-lệ (2 người về hạng tráng-đinh, 2 người về hạng quân-nhân). Phủ-quan được số tiền 7 quan 5 tiền, do các phu thủ-lệ nạp.

Phủ-nha được lấy 10 người phu thủ-lệ (chính dân lão hạng 6 người, khách-quân tráng-hạng 4 người). Phủ-nha được 9 quan 2 tiền, do các phu thủ-lệ nạp.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Huyện-nha được lấy 8 người phu thủ-lệ.

Quan phủ Thăng-hoa, và quan Huấn-đạo [học-quan] phủ ấy mỗi người được lấy 6 sai-phu [phu tưới nước] (4 người phu về hạng chính-dân, 2 người phu về hạng khách-quân). Hai quan-viên ấy được tiền mỗi người 5 quan 5 tiền.

Các chức quan Huấn-đạo phủ Quảng-nghĩa, phủ Qui-nhân và phủ Phú-yên được lấy mỗi viên 4 người sai-phu (1 người chính-lão, 2 người chính-dân, và 1 người khách-quân). [134a] Mỗi viên được 3 quan 5 tiền.

Còn lệ sai-phu tại các Từ-thừa các phủ được qui-định như sau :

Chùa Đạo-nguyên được lấy 4 người phu (2 người về hạng tráng-đinh, 2 người về hạng quân-nhân). Nhà chùa ấy được 7 quan 5 tiền.

Đền thờ Thượng-đẳng Thần được lấy 3 người phu (chính-dân và chính-lão 2 người, khách-quân 1 người). Đền ấy được 2 quan 7 tiền.

Đền thờ Trung-đẳng Thần được lấy 2 người phu (1 người chính-dân và 1 người khách-dân). Đền ấy được 1 quan 8 tiền.

Đền thờ Hạ-đẳng Thần được lấy 1 người phu (quân-nhân). Đền ấy được 1 quan tiền.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Các chức Thứ Đội-trưởng thuyền Trạch-tam, thuyền Kiên-nhứt và thuyền Trạch-ngũ được lấy mỗi viên-chức 3 người phu (1 người chính-dân, 2 người khách-quân). Các viên ấy được mỗi viên 3 quan 5 tiền.

Còn lệ định cho từng-hành quân được miễn các tạp-dịch và sưu-sai như sau :

Quan bản-xứ được lấy số quân từng-hành 30 người.

Quan Khám-lý được lấy số quân từng-hành 30 người (một nửa là chính-dân, một nửa là khách-quân). Viên quan ấy được 50 quan 5 tiền.

Quan Chính Đê-đốc được lấy số quân từng-hành 20 người (một nửa chính-dân, một nửa khách-quân), và được 35 quan tiền.

[134b] Chức Phó Đê-đốc và chức Cai-phủ được lấy mỗi viên 15 người quân từng-hành (7 người chính-dân, 8 người khách-quân), và mỗi viên được 29 quan tiền.

Chức Ký-lục được lấy tào-phu [phu vận-tải đường nước] 15 người (7 người chính-dân và 8 người khách-quân). Chức ấy được 19 quan 5 tiền.

+

Lệ định cho các chức tại các phủ trong tỉnh Quảng-nam được lấy hầu-phu như sau :



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BA

Hầu-phu chức Khám-ly phải nạp 16 quan tiền, lại nạp thêm tiền trà nước là 1 tiền trở xuống, và 1 bao gạo trở xuống.

Hầu-phu chức Đề-đốc nạp 5 quan tiền.

Hầu-phu chức Đề-lãnh nạp 5 quan tiền.

Hầu-phu chức Ký-lục nạp 2 quan tiền và 1 ký gạo trở xuống.

Hầu-phu viên Cai-phủ nạp 2 quan tiền.

Hầu-phu chức Thư-ký phủ nạp 1 quan tiền.

Hầu-phu viên Thư Huyện - trưởng bản - phủ nạp 1 quan 3 tiền.

Hầu-phu viên Thư-ký huyện nạp 1 quan tiền.

[135a] Hầu-phu viên Cai-tổng nạp 1 quan tiền.

Hầu-phu viên Cai-man nạp 1 quan tiền.

Hầu-phu viên Thư Huyện-trưởng bản-phủ nạp 5 tiền.

Hầu-phu viên Từ-thừa (viên-chức coi đền) nạp 5 tiền.

Hầu-phu viên Thư Đội-trưởng Thủ-lăng nạp 5 tiền.

Hầu-phu viên Tướng-thần nạp 5 tiền và 12 bát gạo.

Hầu-phu viên Xã-trưởng nạp 5 tiền và 10 bát gạo.

+



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Lệ định các viên-chức tại các phủ trong tỉnh Quảng-nam mới nhận tân bằng-cấp phải nạp tiền lễ như sau :

Viên Cai-giám nạp 30 quan tiền. Lại nạp thêm 1 tiền trâu cau trở xuống.

Viên Khám-ly nạp 10 quan tiền.

Viên Chánh và Phó Đề-đốc nạp mỗi viên 7 quan tiền.

Viên Đề-lãnh và viên Thư-ký nạp mỗi viên 3 quan tiền.

Viên Cai-phủ và viên Ký-phủ am-hiều nạp mỗi viên 4 quan tiền.

Viên Lệ-lại phủ và huyện, viên Tướng-thần, viên Xã-trưởng nạp mỗi viên 1 quan tiền.

Các viên Huyện Thư-ký, Cai-tổng, Cai-án, [135b] Cai-thuộc, Cầu-kê, Thư-ký, Cai-đội, Đội-trưởng, Cai-man, Cai-nguyên, Cai-phường, đều nạp mỗi người 2 quan tiền.

Viên Tiền Đề-lãnh kiêm Cai-hợp Tân-thuộc nạp 8 quan 5 tiền.

Viên Thủ-hợp và viên Duyên-tượng [thợ chì], nạp mỗi viên 1 quan 6 tiền.

Viên Cai-thuộc và viên Cự-uyền [coi đê, đập], nạp mỗi viên 1 quan.

Viên Thứ Huyện-trưởng và viên Tả-thâm phủ nạp mỗi viên 1 quan 8 tiền mãn tiền [tiền đóng thành quan] xưa.

PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BA

Viên Cai-phường thị-độ [đò chợ] nạp 1 quan tiền.

Viên Tướng-thần thiết-tượng [thợ sắt] nạp 1 quan 6 tiền.

Viên Cai-quan nguồn Chiên-đàn nạp 10 quan.

Viên Cai-quan nguồn Lỗ-đồng nạp 5 quan 5 tiền.

Viên Cai-quan nguồn Trà-đình và nguồn Trà-vân nạp mỗi viên 5 quan 5 tiền.

Viên Cai-quan nguồn Bà-ri-a nạp 7 quan 5 tiền.

Viên Cai-quan nguồn Minh-khiêm nạp 6 quan 5 tiền.

Viên Cai-quan nguồn Thuộc-phiên nạp 4 quan 5 tiền.

Các viên Cai-quan các nguồn Tả-na, Con-ong và Cầu-đê nạp mỗi viên [136a] 4 quan 5 tiền.

Các viên Cai-quan các Nguyên [cũng như tổng ở Trung-châu] nạp mỗi viên 2 quan tiền.

Các viên Giang-quan các Nguyên nạp mỗi viên 1 quan 6 tiền.

Các viên Tuần-ty các Nguyên nạp mỗi viên 1 quan 6 tiền...

PHỦ-BIÊN TẬP-LỤC
QUYỀN BA HẾT



MỤC - LỤC

	Trang
Vài nét sơ-lược về sách « Phủ-Biên Tạng-Lục »	7
Bài tựa sách « Phủ-Biên Tạng-Lục »	11
Mục-lục sách Phủ-Biên	23
Phủ-Biên Tạng-Lục quyền Nhứt	27
Phủ-Biên Tạng-Lục quyền Hai	139
Phủ-Biên Tạng-Lục quyền Ba	225
Mục-lục	313

Phần nguyên-tác chữ Hán từ trang I đến trang CCLXXXIV



BẢNG ĐÍNH CHÁNH

Số Thứ Tự	TRANG	HÀNG	CHỮ IN SAI	XIN SỬA LẠI
1	7	12	<i>Hiển-tông</i>	<i>Hiễn-tông</i>
2	12	11	<i>kỹ-lượng</i>	<i>kỹ-lưỡng</i>
3	32	18	<i>Cồ-luy</i>	<i>Cồ-lũy</i>
4	46	16	<i>Lê-Chính</i>	<i>Lê-Chích</i>
5	47	13	<i>ông của Lê-Thụ</i>	<i>các ông Lê-Thụ</i>
6	67	14	<i>điều nối gót...</i>	<i>đều nối gót</i>
7	68	16	<i>điều được...</i>	<i>đều được...</i>
8	70	21	<i>binh khi</i>	<i>binh khỉ</i>
9	72	19	<i>Lê-Thước-tông</i>	<i>Lê Thế-tông</i>
10	76	12	<i>là Trịnh-Xuân</i>	<i>là Trịnh-Xuân</i>
11	93	20	<i>Thành chạp</i>	<i>Tháng chạp</i>
12	108	8	<i>tự đặc</i>	<i>tự dật</i>
13	147	5	<i>Điền-đan</i>	<i>Điền-đan</i>
14	174	13	<i>Các-dinh</i>	<i>Cát-dinh</i>
15	182	3	<i>Duy-xuyên</i>	<i>Du-xuyên</i>
16	185	22	<i>Cảng-dương</i>	<i>Cảnh-dương</i>
17	196	15	<i>phủ-đáp</i>	<i>phúc-đáp</i>
18	203	19	<i>cửa biển, ấy</i>	<i>cửa biển ấy</i>
19	222	16	<i>đề đánh người Man</i>	<i>đề đánh người Man,</i>
20	224	6	<i>chúng tôi...</i>	<i>chúng tôi...</i>
21	261	17	<i>khác nơi khác</i>	<i>các nơi khác</i>
22	263	13	<i>còn các món nạp...</i>	<i>còn các món <i>tiền</i></i>
23	298	6	<i>1 một hợp rưởi</i>	<i>1 hợp rưởi</i>
			<i>khí một bài thơ</i>	<i>thi một bài thơ</i>



PHỦ-BIÊN TẠP-LỤC TẬP I
Bản dịch của LÊ-XUÂN-GIÁO
In 2.000 quyển tại nhà in
Việt-Hương 34 Lê-Lợi Saigon












 Timsách



官員干人各項老項不具饒疾干人又端由本社各項
如某名足食不還雇項後有何人訴告其所押及本
社甘受重罪茲端 各賊有諸憑類簿謂之另逃

撫邊雜錄卷之三完



並寔據供若妄供不寔以貧為富以在為逃後有何
 人訴告查果其各賦本社後償官稅再受重罰無辭
 茲訴承傳本社人數該若干壯項若干項干內在社貧苦
 無家太甚干人乞下雇阮文某納內在在本社干人乞下窮
 阮文某 由某文 某年 內寬正身雇廢干人阮文某內窮項干人
 內在本社貧苦無家居太甚干人乞下逃阮文某內漂
 別所不見面被償干人乞下逃阮文某 由逃 某年 銷差干人

丁卯年七月

撫邊雜錄

卷三

第一百四一號



順化送場期有許供下項例亦以寬民其苗供詞体或

本月^年日某府縣社官員各既本既阮武等供謂本社下

項自本年以來致各項貧苦漂流^逃別本社累被償^差

餘諸稅甚於難受至茲有單甲乞^為下項合付查

取本社等供請開報果內社^壯項被償千人乞下雇內

雇項被償千人乞下項^窮逃^{內窮項被償千人乞下逃}果如本社供下項自某年

至此致各項貧苦漂流不見回本社被償依如單內



香茶縣內府各社例免脚米并嘗新節料錢二分正

戶原納嘗節二禮米壯項六升半軍項五升半民項

四升半官員七升苗除社七升該苗錄吏五升苗道通士

四升半苗通吏五升苗將臣六升苗社長常班六升

苗知田六升苗另六升苗優另六升半將臣停五升

社長亭五升老項四升半不具項四升丁民四升半後

始令代納每升三十文一季色騰十五文二季共三十文



順

餘一貫脚米六百嘗新節料錢六百將長停差餘錢

一貫四百脚米六百嘗新節料錢五百半社長差一

貫二百脚米錢六百嘗新節料錢五百半祠丞亭

門差餘錢一貫二百脚米錢六百嘗新節料錢五百教

坊司差餘錢一貫五百脚^米錢六百免嘗新節料錢

化處惟香茶廣田富榮武昌海陵五縣正項^客戶各項

納有納差餘脚米^{新料}嘗^{明靈縣}節等錢其如免^{明靈縣}節料拜奉總

丁巳年

撫邊雜錄

三

二百九



順

CCLXXVIII

化妝差餘錢例雖昔有取色亦不準涂如止部舊詠

社差餘錢一貫脚米錢六百嘗新節料錢七百苗稼

吏錢一貫脚米錢六百嘗新節料五錢半苗道士差

餘錢一貫脚米錢六百嘗新節料錢五錢半苗將臣

苗社長差餘錢各一貫脚米錢六百嘗新節料錢五

百半苗簿知差餘田錢一貫脚米錢六百苗令史差餘錢

一貫脚米錢六百嘗新節料錢六百半苗次優男差



畝外錢各色雜頗異不過二十貫殊非通重且只給人平
 錢不併給田租亦為合一

阮位每繼襲公位之始赦其境內係通項欠官錢在錢
 并各員並免田租稅是年之半順化處正部赦是年
 節料稅錢如本社無節料錢赦差餘錢客戶附及
 免差餘半分廣南處正客戶全免節料錢其始附
 囚徒並赦惟故殺人不在赦例



公差訓武侯寓祿民在廣田縣高舍社下甲申年知
簿垂憲伯計送差餘人數錢數并正旦什物及差
各禮例依然人數五十三人除窮項準銷差另外
寔納四十人各項差餘錢一百二十六貫三百三十文
正旦禮五百忘日禮錢五百市錢一貫五百又各錢
四貫四百緡錢一貫七百三十文什物錢二百銷差
簿兒子一貫五百總共一百三十八貫七百六文各

每人差餘錢三貫一項每人差餘錢二貫二百二項每人差
 餘錢七陌三項每人差餘錢五百老項每人差餘錢
 五百其另逃外銷差并老饒廢及附社客戶窮逃等
 項各錢並免以上各錢並在本縣炤收納在本營將
 臣吏司該收轉納戶部其府園子內香火各社村坊
 庄內令司別收
 阮氏有給諸員寓祿人常收於內園子常見其給



<p>每人差餘錢五百民項<small>客</small>戶每人差餘錢八百脚米錢六百</p>	<p>嘗薪二百三十文節料錢二百三十文老項差餘錢一</p>	<p>貫脚米替錢六百嘗新錢二百三十文不具每人差餘</p>	<p>錢五百脚米替錢六百嘗新錢二百十五文節料<small>錢</small>二百</p>	<p>十五文將臣每人差餘錢二貫二百脚米替錢六百嘗</p>	<p>新錢三百十五文節料錢三百十五文教坊軍項每人</p>	<p>差餘錢一貫五百脚米替錢六百客戶官員子孫</p>
---	------------------------------	------------------------------	--	------------------------------	------------------------------	----------------------------



順

官錢四貫五百各源該官錢二貫各源江官錢一貫六百各源巡司錢一貫六百

化處舊例送閱期修簿分別正客二戶稅重客戶稅輕正戶官員子孫每人差餘錢一貫脚米替錢六百官員壯每人差餘錢二貫脚米替錢六百嘗新錢錢三百四十五文節料錢三百四十五文壯項每人差餘錢二百民項正每人差餘錢八百脚米錢三十文節料逃項



該屬勾稽書記該隊隊長該蔓該源該坊每人錢

二貫前提督兼該合新屬八貫五陌首合鉛匠每員錢

一貫六陌該屬堤堰每員錢一貫次縣長左審府夙錢各一貫

八陌該坊市渡錢一貫將匠鐵匠一貫六陌旃壇源該官

十貫曾東源該官錢五貫五陌茶釘茶雲源該官各錢五

貫五陌娑地源該官錢七貫五陌鳴謙源該官錢六貫

五陌屬藩源該官錢四貫五陌左邦昆螭俱低等源該



廣

總侯夫錢一貫該蔓侯夫錢一貫本府次縣長侯夫錢
 五百祠丞侯夫錢五百守陵次隊長侯夫錢五百將
 臣侯夫五百米十二鉢社長侯夫錢五百米十鉢
 南各府各員始受新憑例該監錢三十貫加芙蓉錢每
 員一百以下葛理錢十貫止副提督每員錢七貫提
 領提記每員錢三貫該府記府晴曉每員錢四貫府
 縣錄吏將臣社長每員錢一貫縣書記該總該案

丁卯年正月

撫邊雜錄

卷三

第一百三十八



提督大明該府從行軍各十五人正七各得錢二十九貫

記錄漕夫十五人正七得錢十五貫五箇

廣南各府各職候夫例勘理候夫錢十六貫加茶甲錢

每員錢一百以下米一色以下提督候夫錢五貫提

領候夫錢五貫府記錄候夫錢二貫米一箕以下該

府候夫錢二貫府書記候夫錢一貫本府次縣長

候夫該知庫錢一貫三百縣書記候夫錢一貫該

CCLXX



得錢三貫五百各各府各祠丞洒夫例道源夫四人壯二得

錢七貫五陌上等神夫三人止人止老得錢二貫七陌中二善軍一

等神夫二人止民一得錢一貫八陌下等神夫一人全得

錢一貫擇三堅一擇五等船次隊長每員夫三人止民

得錢三貫五百從行軍免役并搜例本處官從行

軍三十人勘理官從行軍三十人半正得錢五十貫半客

五百正提督從行軍二十人半正得錢三十五貫半客副

丁卯年歲反

撫邊雜錄

卷三

一百三四



買下行該屬夫九人土宜每錢四貫五百下行書記

夫七人土宜每得錢三貫五百將臣夫二人壯得錢

一貫五百社長夫二人得錢一貫二百

廣南各府守隸夫例府官兼道錄司守隸夫四人壯二得錢

七貫五百府首隸夫十人止民老六錢九貫二百縣

守隸夫升在府官訓導洒夫各六人正民四錢各五貫

五百廣義歸仁富安等府訓導洒夫四人正老一

CCLXVIII



五百舟匠該夫三人壯二錢三貫五百內府該場勾當夫

二人半壯半軍錢二貫五百廣義府該場夫三人壯一錢三貫五

百升莊府商人念薪該蔓夫六人半壯半軍錢七貫五

百莊洲富洲網兒勾當夫三人壯一首岳府商人

該蔓夫五人壯二錢六貫書守史夫一人全軍項錢一貫廣

義府該蔓夫三人壯一錢一貫五百竹源頭官夫八

人主官二項四人各錢二貫外兵四名每各錢五百錢得十貫該社夫三人全軍得錢三

丁卯年記歲反一

撫邊雜錄

卷三

第一百三三版



貫屬府書記夫六人半壯半軍錢七貫五百三屬隊該屬

夫七人壯三軍四錢八貫五百三屬隊屬書記夫三人全得錢

三貫五百該總夫三人壯錢三貫五百三屬社長夫

二人全得錢一貫每匠首合夫四人半壯半軍錢五貫田庄

該寨夫二人全軍錢三貫五百田庄該屬夫四人半壯半軍錢

五貫田庄該總夫三人壯一軍二錢三貫并燕府內府該場

夫四人半壯半軍錢五貫首每府該場夫三人壯一軍二錢三貫



得錢十五貫舟匠該官夫八人半壯半軍得錢十貫舟匠司官

夫六人半壯半軍得錢七貫五百舟匠該府夫六荏洲富洲并

內府該府夫各二十人半壯半軍得錢各十五貫緜戶該府

田庄該府夫各十一人壯五軍五得錢各十三貫五百網兒覽

務使該府夫九人壯四軍五得錢十一貫府書記夫五人全軍得

錢五貫該夫知八人半壯半軍得錢十貫本府勾當書夫九三人壯四軍五

得錢十三貫縣書記舟匠書記夫各三人全軍各錢三

丁卯年記歲反

撫邊雜錄

卷三

一百三十三張



八貫外錢書記夫三人全客得錢三貫本府勾稅官夫三

人正一得錢三貫外錢談縣夫三人正一得錢三貫七百

興守凌正次隊長夫各一人正軍得錢一貫七百談社夫三

人正一得錢六貫外減將臣夫三人正一得錢二貫七百社

長夫二人正另兵頂一得錢一貫八百其新立平花洲富洲

縑戶網兒河海舟匠田庄商人會山田並許客取夫府記

錄夫七人壯三得錢八貫五百縑戶談管官夫二人半壯



順化廣南各項賦取夫許取納錢為寓祿皆有首例廣南

營差正戶誅監島理夫三十人半正軍得錢四十貫五半正戶軍項

誅監夫二十人半正軍得錢三十貫正副提督夫二十人半各軍

半正軍得錢二十七貫提領夫十六人得錢二十一貫六半各軍

百府記錄夫七人正三錢十貫誅府夫十二人半正得錢十半各

五貫外一府書記夫五人全各得錢五貫誅知副將夫

八人半正得錢十貫外增誅知參將夫八人半正得錢十半各

順化廣南各項賦取

撫邊雜錄

卷三

一百三十一



阮

知府知縣訓導可阮阮福淳試戊子科亦然甲午年而
云止此二科茲文亦然

以專用本族本縣及清茲處人掌若奇該奇隊非此

項不得充送其苗裔世世除免順廣又謂之百姓有來乞

為該隊者只許該源頭隊字御雜隊土兵其子孫不除鄭

稅也如文自該簿至府縣與勾稽該合之子孫亦皆出

稅非有賦也者親生子孫仍其族屬則謂之官員亦不然免替另



令考試二處正途士子及在文學生四十年間不取饒學
 一人至子福溱始開其禁既福涸時取饒學試有一科士
 議沸騰福涸令並赴正堂公堂命題覆試士子皆不
 應而出遂盡黜不取一人庚申年無罷試只有秋試
 第一期文三題中者許為饒學送場免五年錢米
 第二日詩賦二題第三日經義二題中者許為饒學
 試中免終身差役第四日策問一道中者為鄉貢補



納阮氏批定三項甲項爲鄉貢補知府知縣乙項爲
生徒補儒學訓導守丙項亦爲生徒或補禮生或許饒
學滿代掛榜於公堂之前謂之收秋園會試益常行
御御園山比三年一開科之制也阮氏又試詩一律以定高
下補賤而人亦呼爲庭試至甲子年阮福涸稱王號
始改誣簿爲戶部記簿爲吏部衙尉爲禮部文職
爲翰林其試法亦因前不改阮福瀕時累期送閱不



知府知縣初考本營記錄覆考取中千名具類姓
 名納在該簿副斷事許為饒學進場免其五年差
 餘錢米謂之天春郡試蓋中興初設進另場試取饒學
 免另之制也九年內各府縣士子齊就富春茗廬試試
 只三日第一日四六文三題第二日詩賦各一題第三日策問
 一題以文賦知府知縣官為初考記錄該簿覆考記
 錄衙尉監西復外左外右監試取中格千名類簿迤



三縣一場在埤塘下處登昌海陵明靈三縣一場康

祿麗水南布政每縣各一場廣南田九府九場差官自擇

善地無定所並限一月內完訖類簿止責人數增減

以收稅非是送另但如另兵有缺則戶部該簿照此簿

以充補

順廣藩鎮自端公沅潢至日新公沅福澍七葉間係五年

間令各縣士人齊就本鎮營應試一日詩一首文一題

CCLVIII



後徵發則併免租賦亦古者寓兵於農之意其另項
 常從應務已餘外不計至如炤丁口第等以差項出賦
 錢亦不至有偏輕偏重披籍一覽民數煥然甚易稽
 覈昔蘇東坡云法相因則事易成如仍其成例就中
 各社量加裁減誅徵員目槩從省約即一方之民已沐
 膏澤而兵財皆足國課亦有餘矣

順廣六年一選場正月差官六月閱選香茶廣田富榮



別者出簿長成至歲者八簿附籍者爲附社類簿四本
一本上奏一本遞戶部官一本送丞司一本送縣官至景治
年間朝廷厭其閱送煩數始差官分行勘寔通併各
社人丁田產量補卒數立爲平例生者不計耗者不除舊
法遂廢阮氏鎮守廣順傳襲世久兵民田數租賦一遵
洪德規例非有異也此法紹軍項送守可謂兵數多矣
唐太尊遣使點中男入軍者亦如此且在家則出錢免



呈面礼并兒子錢三貫一百共錢八十二貫四百三十文
這五名總共錢數一千四百六十六貫三百二十二文

本朝自洪德至中興盛德永壽年間並常攢造戶

籍見載於善政集大槩可攷三年一小造六年一天
脩差官閱選令各總社類開正戶客戶先試士子中
者饒學次者查賊色饒蔭次查民下下分爲壯項軍
項民項老項疾項窮項各色老饒別併漂流逃



貫二百三十文并銀榕銀一兩五錢替錢二貫四陌三十
 文又重斤銀七分五厘替日錢一陌四十五文其餘給內堂
 呈面礼并兒子錢四貫共二百六十五貫二陌十五
 文富川人陳文情為^諫樞^諫吏上礼并精銀二笏五兩替
 錢六十二貫五陌又重斤銀一兩二錢五分替錢三貫
 一百十五文內礼精銀五兩替錢二十貫五陌又重斤
 銀二錢五分替錢六陌十五文并^美錢六陌餘給內堂



又重斤銀錢七分替錢二貫一陌十五文并銀榕銀各一兩
 五錢替錢三貫四陌三十文又重斤銀七分五厘替錢一
 陌四十五文并笑錢各六陌餘給內堂呈面礼并兒子
 錢各五貫二陌共錢各二百七十七貫一陌四十五文明靈
 縣人楊伯陽以官員子陞該總上禮精銀五笏替錢
 一百二十五文貫又重斤銀二兩五分替錢六貫二陌三十文
 內礼精銀一笏替錢二十五貫又重斤銀五錢替錢一



精銀四笏替錢一百二貫五陌又重斤銀二兩五分替

錢五貫一陌十五文并銀榕四兩替錢九貫二陌又重斤

錢^銀二錢替錢四百三十六文并^錢錢六百餘給內堂呈面禮

兒子^錢八貫三陌共錢六百六十四貫三百文六灘川人阮金

珠同春人陳文見淮記錄縣上禮各精銀八笏五兩替

錢二百十二貫五陌又重斤銀四兩二錢五分替錢六十貫

六百十五文內禮各精銀二笏七兩替錢四十二貫五百



順
 廣進場有各人納單場門與納單乞陞賊次收其上
 收納雖社長之微亦有人銀一錢笑三十文諱日亦然
 錢以上至二三笏笑錢自十五文以上至五貫所在公堂官
 祿至於每年正旦生日所謂二處各取一皆有禮銀自一
 重斤銀一笏二錢五分替錢二十五貫六百十二文納禮
 福貼記陞府上禮精銀二十笏兩五替錢五百十五貫又
 禮內禮銀錢所得亦多如丙戌年符離縣人將臣段



船各社各坊有換憑新各一貫一佰有印錢并笑錢	各營該奇該合首合隨與 <small>其</small> 繁 <small>或一貫九陌</small> 簡或一貫五百有印	錢并笑錢各營該奇該合首合或一貫二百或一貫一	佰鎮屬該案該收各一貫六佰鎮巡源該官三貫四	佰該府司官一貫九佰記縣記屬該總該社提吏各	一貫三百祠亟舍吏令吏屬一貫七佰祠堂巡庫次	該隊八佰此為內房侍女與內外左右史禮部官之
----------------------	---	-----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------



簡繁者或錢十三貫榕銀二笏次者錢六貫銀八兩
 間者錢三貫銀一兩五百錢司吏二貫鎮誅案八貫又
 庫提領與鎮巡源誅官錢十四貫庫隊長八貫五
 百司吏八貫五百誅場誅屬各八貫記府十貫記錄
 記屬誅總誅社各四貫五百提吏三貫五百祠堂令吏
 舍吏屬各一貫一百祠堂次隊長巡所庫與土產各隊
 次隊長各二貫通吏祠丞隸吏各一貫五百以至各



分如己丑年升莅府各縣屬一萬四千三百四十九人
收各錢共四百八十三貫三百三十六文米共七百十四
升九合除雇借每百貫四百米每一色錢一百每若
干運納不獨廣南順化亦然鎖細甚矣

順

廣諸營許司吏與許各縣本堂賦色名數眾多
使收了田錢粟其收於各吏者各賦者亦不為輕矣
如有受憑錢并笑錢替銀例各營該合首合隨其繁



陌米各三十鉢守陵隊長祠堂次隊長各一貫米十
 五鉢守陵次隊長六陌米十鉢將臣七陌米八鉢上等
 祠丞八陌米十二鉢中等祠丞七陌下將祠丞六陌
 米八鉢各賦錢共二百七十八人納錢二百十三貫七陌
 米共二千七百二十七鉢其餘給寓祿及別納別載各
 社坊又據見丁數寓祿禮錢每人十二文每百人呈面
 米五升并錢火社一陌中社三十文續錢每人七文二



應務者正以許知押為頭目耳

各錢取有給夫

千人免民丁雜役使其取備錢為寓祿又同納令侯夫
 禮錢侯中禮米雇借隨船載就富春如己丑年升
 荏府知府錢一貫五百米十五鉢知縣訓導各一貫
 七百米十五鉢記府一貫米十五鉢記縣記屬誥總
 誥蔓各八百米各十二鉢誥官正司長各一貫三百
 米十五鉢司官一貫二百米十五鉢首合誥屬各九



順

員亦與各總司有收田租粟有代納錢造簿送丁之
 辰民數可詳財賦亦多以為密矣第不併其賦於
 地方官乃令隸內府多設該知催督百端所以生弊
 廣將臣猶四鎮之者守得司與社長徵督府賦役
 保秦乙巳前阮氏定收禮例將臣納上禮三十貫納
 內禮七貫受憑錢各官寓祿共五貫以故人爭納錢
 准憑示至今有一社至十六七將臣二十餘社長皆得



前
差只查在縣中色目爲法亦好爲善之道在於
周知民數田數知其多寡別其肥饒以制賦役
以起軍旅但不當苛刻煩擾與徵收太重耳務
苟且者每云不必詳核欲以寬民殊不知正開賄貨
隱蔽之端且使有錢者得輕無錢者獨重非均平也
前
沈氏開拓南境建立府縣其近山林沿溪海之處每
立爲屬零散之坊村耨皆蔓隸焉所置道知押人



該屬記錄各一人四百五十人以上許記錄屬一人一百人以至
 十人只許將臣如各稱例如將臣無一人八單許內屬保
 置然通併二處中本堂正額之多餘置之濫與將臣
 社長又倍收不可勝算也然造戶籍類丁口則其記錄
 錄錄吏所計一無隱匿詳核得寔益以民查民有均給
 公田簿可稽又差餘脚米簿可究誰肯受漏名而
 失口分誰可蔽人丁而取錢米故縣官從來既以不



府記錄該府府書記各一員每縣該知一員縣書記
一員每總該總三人各屬每屬提領該屬各一員記
屬二員該總二人錄隸吏二人其提吏領惟花洲富洲
網兒河伯三屬有之各屬傳設七年查廣南各府始
立各縣屬未定賦例者升莊十五坊屬奠盤四屬廣
義四屬歸仁十二屬富安三十八萬屬平康十二屬
延寧十四屬穉平順二十屬坊定付自五百人以上許



員不論也其所謂本堂官督押本縣差餘田租并搜
 役有記府有書記知本府史籍簿督押差餘田租搜
 役有該總押催本總賦役有隸吏押催本縣賦役保
 泰六年乙巳始定本堂賦例以免多官擾民順化處每
 府縣州提督提領府記錄該府書記各一員該知三
 員縣書記三員隸吏四人每總該總三人每屬并拜奉
 總一人該總一人隸吏一人廣南處每府正部理提領



如此之多廣順二鎮耳阮氏署置官吏屬督鄉長
殆以千數冗濫尤甚一切俸祿皆取於民民何以堪以
外各府縣屬之所謂知府者知本府詞訟知縣者知
本縣詞訟日訓縣導日府礼生從本府應祭
文
聖庙及各靈祠

日府史日縣提史知本府本縣諸文案詞訟日府通
吏日縣通吏從知府知縣差查諸詞訟共已有定



一員舍差司該案各一人史司二人將臣勾替人該合二人首
 合一人史司十人定遠州有官鎮守曰龍湖營記錄該案
 知簿各一員舍吏將臣史司名數賦守亦同上六年選
 場期有試蒞文士子取四五六名補八正營三司與內
 令史四司有缺間亦許人納銀補八其各營諸司隨鎮
 任官自擇吏補

陳朝境內分二十四路明尊謂安有一國如掌大而設官



知簿該案各一員所屬有舍差勾稽各一員該合二名	首合三名本司吏二十名將臣吏司員數亦同安祿縣有	鎮守官曰順平營記錄該案各一員所屬有舍差司	勾稽各一員司吏二十名將臣吏司勾稽 <small>一員</small> 吏司十二名	嘉定新平 <small>縣</small> 有鎮守官曰藩鎮營記錄該案知簿各	一員將 <small>司</small> 勾稽 <small>一員</small> 吏司二名該吏三名首合七名司吏十	人福隆縣有官鎮守曰鎮邊營記錄該案知簿各
-----------------------	------------------------	----------------------	--	---------------------------------------	---	---------------------



屬有舍差令吏二司員數亦同並守詞訟文案戶口兵
 卒簿亦各有記錄一員該知分收明靈康祿麗水布
 政等田租勘問兵民詞訟至於廣南營有官鎮守曰
 廣南營在濰川縣勘社所居屬有舍差司勾稽
 三名該合三名首令十名守詞訟文案一記錄該之又將
 臣吏司員數亦同守給另各社給寓祿員子收發差餘
 田租粟一該簿該之康祿縣有官鎮守曰平康營記錄



令史一司勾稽誅合各名首合一名本司吏二十名守詞
訟文案戶口兵卒簿記錄一員書記一員誅之并收
海陵登昌二縣田租勘問二縣兵民詞訟其遣別將
鎮守湛莒稱為廣平營在麗水縣安宅社所屬有舍
差司勾稽一名首合三名本司吏三十人又有將臣史司
令史司其遣別將鎮守沂莒稱為留屯道在康祿縣
武舍社鎮守莒圉稱為布政營在康祿縣土圉社所



合十名本司史四十名諸稅司守廣喇二處錢稅及諸
 務稅左右二邊司守各祠堂臘及分收二處歸隸內府
 各社差餘錢左邊右司同兼守田庄又有令史司圖家其白
 替該合守合各三名本司史二十四名收發鑰鉛鐵塊
 銅器象牙銅錐派送各局修作器械船艘整備垣
 墻堂宇及守油膝木炭湘金等跡與軍器端國公所
 居蒼葛後差鎮官稱為舊營在武昌縣愛子社止有



舍今史吏司謂之三司舍差司勾稽首三名該合七名首合十

員本司吏四十名守詞訟文案將臣史司名數亦同收

順化各社差餘錢田租粟發留屯道廣平步水布政

等營月糧發諸軍錢給各社另及各寓祿員子本

衙令史司名數亦同守各祠禮節發正營軍月糧

收富榮縣差餘錢田租粟及知各官田又有內令史

司兼知諸稅與分左右二邊勾稽首三名該合七名首



百七十四斤例八庫又五百四十七斤一角替錢一百九貫四
 百三十文延慶府三縣平康府二縣平順府二縣嘉定
 府三縣一州並無竹筍例通併二處竹筍例錢共五千
 五百九十五貫七陌十九文

阮氏所居富春稱為正營其妾佗有四柱官曰內左曰內右
 曰外左曰外右皆其公族與列將有功者有都知記錄
 各一員該舍舍該簿一員該將臣史司術尉一員該



二陌安農縣延慶縣二縣收三百八十七斤例八庫五千一
百八十六斤替錢三百三十七貫七陌升荏府正新六縣
收一千二百十一斤例八庫又五千四百四十九斤替錢一千四
十九貫三百三十文廣義府三縣收一千七十二斤例八庫
又五千四百四十九斤替錢一千四十九貫三百三十文歸仁
府三縣收三千二十斤例八庫與爲右侯船寓祿又三千
九十四斤二角替錢六百十八貫一陌富安府二縣收三



十二貫七八百明靈縣收四百五十八斤例八庫又一千四百
 四十斤一每替錢二百八十九貫三百二十二文康祿縣收
 三百四斤例八庫又一千四百二十六斤二角半替錢二百
 八十五貫三百三十文鹿水縣二百七十五斤例八庫又
 六百六十八斤半每替錢二百三十六貫一百四十一文廣南
 處各縣竹筴例奠盤府和榮縣新福縣二縣收二百
 五十一斤列入庫又一千一百八十六斤替錢二百三十六貫



除免給糧田存收一百八十九石例八庫又一千五百九十

七石二角替^納錢三百二十貫八百五十五文富榮縣除

免租給糧田存收三百四十八石例八庫又一千六百八十

八石三角替^納錢五百三十七貫七百五十一文海陵縣除

免租給糧田存餘^收三百五十石例八庫^又五千四百十八

石三角替錢二百八十三貫七百三十文登昌縣收三

百六十二石例八庫^又一千六百二十四石三角替錢三百二

CCXXX



粟一千升納筭五片代納者替錢二百例庫之餘取其錢以為該徵該史本堂寓祿每跡每縣一百片又提領庫官與守兵寓祿各十餘片又俵禮於四柱六部知簿知稅官每員每縣二十片見存之餘又收其入^錢庫大細碎矣查己丑年順化處各縣筭例香茶縣除免給糧田存收二百九十六片列入庫又一^七百六十片半三角半錢^{準納}三百五十二貫三河廣田縣



貯粟米庫有竹筥長八尺橫七尺五寸補於有田人每社

百四十一色二十八鉢一合并米替錢共五十九貫二百五
十二文延慶府三縣田畝供頓米共一百四十色十六
升八合錢四十三貫八百四十四文嘉定府新平縣田
畝供頓米共三百三色三十四升四合錢共十九貫三百
五十六文福隆縣田畝供頓興嘗新白粳各項米共一
百十三色三十二升五合三勺



升茲府正新六縣田畝供頓米一千三百四十二色九升
 四合錢共六百三十九貫一陌四十八文廣義府三縣田
 畝供頓米共五百五十九色二十二升六合錢共一百六十
 七貫七九陌八文歸仁府三縣田畝供頓米共千一百二十八
 色五升三合錢五百二十八貫七陌八文富安府二縣田
 畝一百六色十七升九合供頓米一百色二十八鉢供頓錢
 共八十一貫七陌三十九文平康府二縣田畝供頓米共一



賦稅無不遺漏也科畛言新平福隆歸仁縣屬等處
田有耕而植植粟一斛獲得粟一百斛三漑屬把耕
場定遠州田無耕斬草而植植粟一斛獲得三百斛
其為肥沃之田可知

廣南處各縣屬田租場諸總社村坊并附耕幅有納田
畝供頓錢米已丑年奠盤府四縣田畝供頓米共二
百四十石五十升六合錢三百七十三貫五百四十六



薄憲德侯沅科 計新平縣歸仁 歸化二屬民各 <small>三項中斛</small>	勝三千丁田各 勝五千所每所 稅例一項六斛 二項五斛三	瀝屬民田 <small>勝四千</small> 勝五千所把耕 晏來晏覘三寨 屬民勝四	千丁田勝四千 所每所並稅例 一項六斛二項 三斛三項	二斛福隆縣菅 草場田勝六千 所每所稅例一 項十	斛二項八斛三 項六斛定遠州 民勝七千丁田 勝七千	所每所稅例一 項四斛二項三 斛三項二斛則 每年
---	-------------------------------------	---	------------------------------------	----------------------------------	-----------------------------------	----------------------------------

丁卯年歲反

撫邊雜錄

卷三

第一百二十三張



田畝其山田草_田沼丁出粟別併以上通併一處徵得二十

七萬_畝今年例粟共六百四萬八千五百二十六升八合例

粟_米六萬八千四十升五合半粳_米三百五十七鉢一合半

嘉定府同祝稱第一沃饒之地己丑年稅薄新平縣山田

寔納七百五十二人稅粟一千九百二斛福隆縣山田寔納

二百四十五人稅粟五百七十六斛定遠縣山田草田寔納

二千九百三十七人稅粟六千一百四十四斛查龍湖營該

CCXXIV



各屬無田畝租粟例嘉定府新平縣寔徵田一千四百五
 十二畝二高八尺一寸例粟二萬九千八十五升三合三勺
 桑蓆土并園代納錢各族田祖代納錢各項領耕田代納
 錢不併八其山田炤丁出粟別粟併福隆縣寔徵田七百
 八十七畝六高十一尺七寸例粟一萬五千七百五十六升三
 合八勺桑蓆土并園代納錢各名領耕官屯田代納錢不
 併八其山田各漚炤丁出粟別併定遠州新安屬無



十二萬八千九百四升七合留荒代納錢侵耕始開始徵

桑土浮沙代納不併八平康府廣德新安縣并河伯屬

寔徵田六百四十八畝八尺三寸例粟十六萬一千四百二十一

升土洲留荒代納錢不併八延慶府福田縣永昌縣

花洲縣并河伯屬新寧屬寔徵田五千九百二十畝一

尺一寸例粟四十萬五千九百五十九升六合二勺洲土

留荒并土池錢不併八平順府新安福縣禾多縣并



<p>錢不併八歸仁府蓬山縣符離縣綏遠縣寔徵田七</p>	<p>萬二千六百畝五高及田庄代納不併八吏司收歸</p>	<p>仁府辰秀屬辰慶屬辰和屬并河澆二屬寔徵田二</p>	<p>萬三百四十三畝二高五尺三分四厘半例官米一千五</p>	<p>百二十六色<small>每色十</small>五合半粳米三百二十三色八鉢一</p>	<p>合半<small>每色十</small>綏遠縣通族白粳湯田租代納錢不併</p>	<p>八將臣吏司牧富安縣同春縣綏和縣寔徵田例粟</p>
-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------	-------------------------------	--	--	-----------------------------

Handwritten vertical text on the left margin.

撫遠雜錄

三

第

一百一十五



縣新縣共六縣并各屬寔徵田七萬二千三百五十七畝十	一尺二寸四分例粟一百六十八萬一千二百九十四升其公田草	管代納錢田各庄寨納糯粟并各社田租借耕代納錢	茶亭三寶寨田祖代納各項錢青霞社田祖代納錢	不併八廣義府平山縣 <small>義龍</small> 義龍縣慕花縣寔徵田五萬二	千六百三十九畝二高三尺三寸六分例粟一百二十二萬一千八	百八十二升四合清好社田祖代納錢岫嶂哩坊田祖代納
-------------------------	----------------------------	-----------------------	----------------------	--	----------------------------	-------------------------



數頗多間已有准涂留荒重控水破沙塞鹹水高燥
 林麓與准涂營廠槽場寺廟等類據甲甲丁亥以後
 田簿及租粟簿寔例令史司收奠盤府安農延慶及
 二縣寔徵田二萬三千八百十七畝五高八尺一寸四分例粟五
 十三萬八千十九升和榮新福二縣寔徵田一萬七千一百二十
 五畝十尺四寸例粟三千八萬五千四百三十六升一合富州
 縣無田畝粟例將臣史司收升在府河東灘川醴陽正



也莫不善乎使民輕去其鄉所謂無常產則無常心也
順化廣平府民性朴茂各安田里罕常外出遠涉徃徃
不知傍縣何路徑富春何景色肇豐府多僑寓無
本界妓游食之民然土著社村亦安^生作業不慣至城市
此俗甚好清淨省事慎勿擾之吏民有訟曉喻遣之
則一境皆寧矣

廣南處二十五縣一州其各總社村公田與各族幅私田畝



一凡贖土田夏田以九月十五日秋田以三月十五日為期過期者不咱贖若期內已引贖錢有証見而買者故為牽延以過期失其息錢仍咱贖

一凡男年十六歲女年二十歲以上其田土為宗人耕居經三十年或他耕居經二十年者不得強認若經兵火及漂散始回不拘此律

為治者莫善乎使民各有本業所謂有常產則有常心



一凡將香火奉祀田土並據祖父遺下囑書有著香火
奉祀者方得追贖其祖業已分田斷賣者不得托稱
香火奉祀強贖即伯叔姑舅姊妹之田賣許他人者
亦不得藉親戚來贖

一凡田土斷賣不咱贖如斷賣契內有交年月贖者
咱贖依契過年者不咱即內交後日來贖外已三十年
者不咱若契內交後日來贖已外三十年者亦不咱贖



一凡全社所雇公田自十畝以上數錢未滿限蕪魚折半還
 民以資生業其各社民仍招雇契內引還原銀錢半分
 在買用人若賣有交贖者咱贖其逐人口分公田雇借
 者亦依此例自今以後凡雇^有借定以一年半^或二年為準不
 可過多

一凡各社村多員名有口分公田園宅間或斷與社內人替
 入為口分已結立家居樹植者不得援以公田斷例強贖



從前因被償官逋經朱批許斷賣為私或自寫為私
 田斷賣致民或無田為生其弊所當厘正凡公田斷賣
 不問年月久近輪流買賣并許追契贖田均給生業
 買者不得固執自茲既贖後不得再斷賣違者買賣
 之人各有罪及

一各社公債田從來被雇頗多及又延引年限致社民無以
 為業茲權宜酌量



汲於農也今歸仁穡亂嘉定渴阻人相以乏食為憂故
 王師甫定以來米價貴而田價亦高香茶廣田富榮三縣
 之民以執田贖田生訟不已損錢莫惜丙申四月將出曉條令
 其炤遵自將請說以免訟爭然自四十年前一匹婦斷
 賣私田文契為同社公田而爭贖有十年前一人家斷賣
 私園文契為本族香火而投告其弊猶未止也

丙申年四月二十日鎮撫衙門曉條各社公私田現有見耕藉



荒十一萬二千三百六畝二高十二尺存寔是耕十五萬三千二百八十一畝一高五尺三寸

順化處二百年生聚之餘邑里相望即癸巳年丁簿九縣

州八百六十二社村坊人數共十二萬六千八百五十七人納差餘各錢至十五萬三千六百貫可謂盛矣而寔田不過十五萬三千二百八十一畝豈非人多田少昔辰同祀商販流通富春米十升為一斛僅錢三百可充一人一月之食民未汲



十三畝五高十二尺內除留荒土墓七千八百三十二畝五高
 十尺八寸存寔田土八千十一畝一尺二寸康祿縣田共四萬一千六
 百四畝五高九寸五分內除留荒二萬一千三百三十七畝七高十
 一尺五分存寔田土二萬三百六十六畝七高八尺九寸南布政
 州田共二萬八千一百七十三畝七高三寸內除留荒丘墟林麓
 二萬八百三十一畝三尺存寔田土七千三百四十二畝六高十二
 尺三寸九縣共田二十六萬五千五百七畝四高二尺三寸內除



私宅鮮廡開港一千九百十九畝五高一尺三寸四分存寔田
土一萬四千六百四畝七高六尺八寸八分海陵縣田共二萬六
千八百七十一畝六高七尺二寸內除留荒土墟土墓基水砂沙
塞六千七百六畝六高二尺存寔田土二萬一百六十五畝一尺
二寸明靈縣田共三萬九千八百七畝七高八尺五寸四分內
除留荒林樹鹿一萬五千八百十一畝九高十一尺存寔田土二
萬四千六十五畝十二尺五寸三分麗水縣田共二萬六千六百四



一高三尺六寸廣田縣田共一萬四千二十畝四高一尺一寸內
 除留荒土墓枯田潭池官園市肆版圖共三千六百畝八
 高三尺三寸存寔田土一萬四百十九畝六高九寸富榮縣
 田共三萬九千五百七十四畝六高五尺六寸內除留荒土
 墓一千一千五百四十畝四高四尺八寸一分寔存田土二百八
 千三十四畝七高七寸九分登昌縣田共二百五十五千二十四
 畝二高八尺三寸三分內除留荒丘陵土墓枯田土官潭



甲午年王師定順化免收租稅二年丙申四月令縣官轉

送各總社畧開公私田土三宅田花洲土官田庄官屯田族

幅別徵留荒未墾畝高尺寸姑欲周知大槩不令備

計處所等第二月而完通併一處寔田得十五萬三千

二百八十一畝一高五尺三寸香茶縣田三萬三千二百八十

七畝十三尺四寸內除留荒林麓丘陵土墓一萬三千八

百四十五畝五高八尺八寸寔存田土一萬九千四百四十二畝



十五集登昌縣則五總一百八十社村坊族幅歸為八
 集明靈縣則五總二百二十七社村坊族幅歸為五集康
 祿縣則六總八十三社村坊族幅歸為六集麗水縣則
 五總七十三社村坊族幅歸為四集南布政州則二總五
 十四社村坊族幅歸為一集淮海凌稱舊簿於戊子
 年被洪水流失曾未幾何王師無定所獲各簿在庫
 猶歷可稽自庚寅年至乙未年總六年耳



而內之司史外之本堂侵漁乾沒莫可容核也

順化見耕田籍詳所在處各畝數自景治七年己酉至今

景興三十一年庚寅已一百二載矣紙字蠹毀列不與

理所必然是年三月沅以令各縣縣官與通史撰各社

族幅歸為一集族香茶縣十總二百二十二社村坊族幅

歸為八集廣田縣則八總一百三十七社村坊族幅歸

為四集富榮縣則六總三百五十二社村坊族幅歸為



納廣田各族錢代納三千租共八十七貫又納伊縣各總社村坊并將附耕族幅代納竹筴券庫等錢共三百三十七貫

廣南各社村族幅戊子年舊徵新徵留荒每畝三十六

文并高祿秋田每畝十八文又在司農官別納從來

立法貴簡而備使人貴少而精法簡則易稽人少則無

窮民下中

擾順化課稅法令太煩徵督人員太多常苦倍輸



千色並納八儀米庫亦有社許代納錢廣田縣田
畝米亦以為該徵官庫隊長與差員本堂寓祿存
餘則載納、、、、、、、、、、、、、、、、、、、、、、、、、

順化至收稅期各社村耕公田者並照例粟例米會貯

亭中各將就官庫處田租場其本縣堂官等候於

此招收交在庫提領官付守庫兵奉貯入庫各族幅

有不願納本堂者亦許別於該徵如已丑年占候該徵

CCIV



百七十三色三十五升七合附錢三十四貫六百四十九文
 南布政州田畝米二千八百七十九升三合四勺三抄七撮
 均為七十一色三十九升三合四勺三抄七撮附錢十四貫
 三百五十七文

明靈縣會門客白駒例徵田租例別納替乾魚三百三
 十尾已丑年併寔田與始增留田荒共二千一畝加稅二十
 順化各縣田畝米其押收准發各衙寓祿之餘只存若

丁酉年歲反

撫邊雜錄

卷三

第一百一張



田畝米七千二百四十六升為一百八十一色六升附錢三十六貫二陌十八文登昌縣田畝米八千二百三十一升九合為二百三色十一升七合附錢四十貫六陌三十三文
明靈縣田畝米七千二百六升七合為一百七十二色六升七合附錢三十四貫四陌四十八文
麗水縣田畝米三千七百三十六升八合為九十三色十六升八合附錢十八貫六陌四十八文
康祿縣田畝米六千九百五十五升七合為一



順化各縣田祖場例各總社村坊并附耕族幅有納田畝

錢米據已丑簿香茶縣田畝米九千九百九十六升七合六

勺為二百四十九色十六升七合六勺內四升為一色附錢四十九貫

八百四十八文內一色附錢二百廣田縣田畝米七千一百七十六升二合

三勺為一百七十九色十六升二合三勺附錢三十五貫四十八

文富榮縣田畝米一萬二千四百三十升三合三勺為三百

十色三十升三合六勺附錢六十二貫一百三十文海陵縣

丁卯年

撫遠雜錄

卷三

第一百張



併稅錢一年得一千四百九十七貫一陌二十二文茲期令
各縣令類開花洲香茶縣六十八畝六高九尺廣田縣一百
七十六畝四高一尺富榮縣十畝八高二尺二寸縣武昌縣二
百四畝二高三尺一寸海陵縣一百七十六畝四高十尺六
寸明靈縣三十三畝五高二尺麗水縣七畝八高四寸布
政洲二十五畝一高十二尺九寸以上得六百六十畝四高十
一尺三寸



笏千兩千錢而已丙辰簿亦然內有編谷縣洲稅已經
 准涂存代納併始增例錢之數香茶縣二百八十三貫
 八百十五文廣田縣二百五十三貫四兩六文富榮縣一百
 三十八貫三兩三文武^隆昌縣三百五十二貫五兩四十一文
 又一坊一族別納共一百二貫九兩十五文海陵縣二百八十
 九貫二兩十四文明靈縣五十三貫六兩十八文麗水縣
 十四貫四兩十五文布政州四十八貫七兩四十五文以上共



等第畝徵三百其外錢並收一百

順化花洲稅畝或三貫或三百先併則以銀當錢後收則以錢代銀銀每笏准錢十七貫該州寓祿每貫許外錢二百民有造買甲乙出幅納內禮以每高二百即令親批填^日付^日殊為細碎將^日臣吏守其總簿展轉相交問^日處所畝尺寸則對以不知視其所納戊申年簿則只見編本縣某社某族分銀干

五百三十文或五百

前阮氏始設農使司以典補收新墾之田查甲午年順
化八縣開荒田共八千五百十畝三高九寸內有富榮之
羅山坊官糧田八高十三尺五寸一等每高徵粟十升
二等三等每高徵五升各縣夏田二百四十六畝三高
八尺四寸雖分二三等一槩每畝三十升皆隨年定價收
代納錢秋田枯木一千二百四十九畝三高九尺七寸不分



墓田二畝四高別收稅錢登昌縣屯田所夏田四十八

畝差新一船押獲收粟留植一分調納一分明靈縣

拜總卷二十五坊秋田共五百二十四畝三高一尺四寸內官

田二百六十二畝八高一尺一寸差新一船押獲收糯印

粟糯劬粟糯釋稗釋粟百裡粟留植一分調納四分

深土枯土堰田土枯燥林麓土田二百六十二畝三尺

三寸別收稅每畝或一貫五陌或一貫或七陌或五



三尺內浮沙每畝五陌外浮沙每畝一貫明靈縣九	社夏田二百一畝六高秋田一百四十二畝二高分為三項田	每畝或一貫或九陌以下至五陌深水田則一貫五陌土被	每畝或六陌以下至二陌一畝共七百七十三畝三高十四尺	四寸廣田縣二社一坊夏田共二百一畝十二尺內官用田七	十畝四高差新一船押 <small>留樣</small> 複收糯粟調納三分付借	耕田四十九畝五尺收糯粟一百九十斛二箕 <small>例三斛為一箕</small> 土
----------------------	--------------------------	-------------------------	--------------------------	--------------------------	--	--

丁酉年記

無遺錄

三

九十七



百或二百三十文笑錢並每畝三十文高下不一內有荒
田始開則徵稅每畝三百其茶錢半分八官其半給
給禮部官

順化官田庄分二跡一跡共七百五十畝七高香茶縣二社

夏田四百一畝付民間耕差新一船押播押獲納粟

每畝八斛五升每斛二十
五升又夏田七高一尺內浮沙差每

高錢一百三十文外浮沙錢每高一百秋田五畝一高



十尺無稅明靈縣六社二千四百六畝十尺八寸涂土秧
 涇港水破重控一百十一畝三高七尺無稅康祿縣五
 社一千三百八十四畝六高三尺九寸涂家居涇港沙塞留
 荒二百畝八高一尺八寸無稅共涂五百十四畝二高五寸
 存五千九百八十畝一高三尺四寸其稅例田每畝一貫
 九陌或六陌或五陌或三陌三十文并笑錢並每畝一陌枯
 田或每畝四陌笑一陌又或每畝一陌枯田或三十文或二



納不併入

順化有官屯田六縣社村坊共六千四百九十四畝三高十二

尺九寸香茶縣二社三江田二百八十一畝六高三尺三寸

富榮縣一社八十八畝八高除留荒七十九畝六高八尺

無稅登昌縣九社一千一百四十三畝七尺除土秧象居

留荒四十畝六高六尺無稅海陵縣六社一千一百九十

畝九高二尺九寸除土秧水道沙塞重控八十一畝六高



五千二百七十二升七合除已赦免存寔徵粟十八萬八
 千五百二十七升八合又丙午年始增粟二升庚戌年始
 增粟三十六萬升五合南布政州例粟十六萬三千
 三百八十七升八合除已赦免存寔徵粟十三萬四千八百
 二十三升又庚戌年始增粟七十升以上全年例送徵粟
 共三百六十一萬九千二百八十三升六合半其官屯田官
 田庄與新開荒田及洲土或分給寓祿存餘別徵別



八萬三千四百六十五升六合除已赦免存寔徵粟三

十四萬七千六百九十升三合登昌縣例粟四十二萬八

千一百四十三升二合除已赦免存寔徵粟四十二萬五

千九^百十二升七合明靈縣例粟三十萬八百十六升九

合半田^除經^已增^赦墾^免寔徵粟三十萬六百七升二合康

祿縣例粟四十一萬一千六百七十九升六合除已赦免

寔徵粟三十八萬九千五百升鹿水縣例粟二十二萬

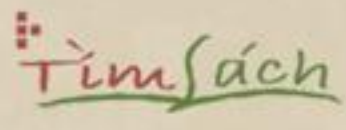
CXC



二合又庚辰年始增粟九十一升海陵縣例粟三十	一合除已赦免存寔徵粟四十七萬九千八百六十升	九十一升七合富榮縣例粟五十八萬二千三百三十升	百七十升一合除已赦免存寔徵粟四十八萬一千五百	十九升九合又粟 <small>徵</small> 五十七升廣田縣例粟四十九萬六千六	七千六百七十升六合除已赦免寔收粟四十六萬四百五	公私并附耕各族幅私田私祖粟寔例香茶縣五十二萬
----------------------	-----------------------	------------------------	------------------------	---	-------------------------	------------------------

丁巳年己亥反

撫遠雜錄 卷三 第九十四張



順化舊法以十撮為一勺十勺為一合十合為一升十升為

一斛十斛為一桶其收稅斛則每斛五十升再加附

二十五升一斛共七十五升以五百升為一桶其發水步

兵糧則每斛三十三升五合又有發內府斛頗小減

於少三軍斛三升內府升亦差減民買賣多用其

大小亦無一定

順化處二府八縣一州自景興癸巳年以前各總社村

三等徵二十升私田亦然舊制例係公粟一升千其該
 徵該吏與候船者量及本堂提督提顏等員各收
 錢二百米半升為寓祿

順化收田畝米與附錢例係田一等每畝受粟四十升徵

米五合二等每畝受粟三十升徵米六合三等每畝
 受粟二十升徵米四合如田租粟五十升徵米一升附
 錢三文粟一千升徵米二十升附錢六十文



民既以全地貢以歛財賦則處處皆可稼穡樹藝人

人皆可使安居食力貢稅從輕無所不可取給又有棠

達天下之道路通其財利如林木從川澤同其理數一其

度量涂其怨惡禁王真家同其好善從此地產交相好善如

此則何民之有貧薄何國之不富饒哉故奠民居因

民俗通民利祛民害乃撫治順廣之首務也

順廣租法公田一等徵粟四十升當官銅鉢二等徵三十升

之四十鉢



所給沅家之世亦止十畝其掌奇每員五畝該奇四畝

田隊長三畝外隊長二畝半甚有限節

周官以土會之法辨五地之物一曰山林二曰山澤三曰丘陵高土曰丘陵大阜

日四曰墳衍水涯曰墳下平日衍五曰原濕高平日原下濕曰濕辨十二壤之物而知

其類以教稼穡樹藝如高田植麥下田播稿麥丘陵阪險播桑之類也是田地不可不

分別名物而知其等第以知高平燥濕之地肥饒美

而復之差也以土均之法辨五物九等制天下之地以杜作

下學已歲反

撫邊雜錄

卷三

第九十二張



有人出力墾作林麓荒閑之處成田類開卽許爲本
幅私田官徵租粟本社不得分爭遂爲永例

前阮氏以谷社公田爲官物炤例出租粟歸貯所在倉

庫無有給許諸員衙寓祿戶部將臣史掌籍簿
收納以官田庄與官屯田爲私物付民耕作及借耕每期
差人押獲遣船運載以充內廚其給親族臣下寓
祿並取於此令史勾稽該合掌簿收納法令畫一且

撫邊雜錄卷之三

奉差順化廣南等道參視參贊軍機順化處協鎮
 撫右勝奇入侍陪從戶部左侍郎穎城侯黎貴博撰
 順廣二處前朝及阮家鎮守只是每年差人招見耕
 徵收租賦景治七年勇國公阮福瀕始分遣官屬
 勘度公私田官徵租粟定為三三等及枯土花洲著
 八簿籍合公田各還本社任其均分耕種納稅若



斗當戶番平口鉢三鉢爲三十官鉢一貫使得三百官
 銅鉢其賤價諸處所未有也糯粒皆白軟魚蝦甚
 肥大不可勝食方民常燂遇酒乾售客

撫邊雜錄卷之二完

南布政州政和村人名全針言舊販嘉定府十餘轉行
 常以九月十月返常以四月五月順風不過十日夜可到每
 行常經日麗門呈鎮官入腰門呈漕運官領付詞出
 洋至嘉定界首濤漕處乃是海島而有民居收船
 即船問何方豐歉知豐處方入上則芹徐海門中八梁
 棍拉海門下八大小海門到處帆檣輻輳商定走成價
 賣人自使僮僕為之擔運下船古錢一佰得粟十六



定府必先開梅欒處次開同統處俾軍民完聚始開
柴棍處是乃以寡攻眾稍稍替蝨食令舊地自梅欒至
柴棍二日程民未盡墾作農守兵未敷况自柴棍至
尋葭六日程地曠田多民數至萬人止兵屯駐尚虞不
足順城步戰長技高綿亦已寒心如以此處降眾使
為制禦以蠻攻蠻亦為得策請觀地勢設壘
分營歸集民兵分田制產別具圖上始立為定遠州

景興癸酉阮居貞參謀嘉定伐高綿國閱三年招安順城
 昆蛮降眾高綿王蠲源走四羅壁獻其尋寢枕櫬二府
 之地居貞受之分兵按據分畫地界馳書於暎國公以為
 自古用兵不過欲誅渠魁開上相字自宜先取此二營自
 屯兵至四羅壁營逆行遙遠千杯萬數不便窮追欲開
 疆宇亦宜先守此二府以固二營後背如舍近取遠恐
 形勢間備兵民不接得之雖易守之寔難昔辰立嘉



子皆香名香覘覘蠻人取蒸遇又取花坎花沐札排雜
八以蘇合酥油和之蕉葉色蒸於糯飯甑上飯蒸取
出香氣朴算鼻置衣廂中一年不歇按事文類聚云
亞濕香出占城國乃土人以十味香搗和而成体濕而黑
氣和而良薰之勝他香也又有塗臙擦手香土人以腦
麝射諸香搗和而成以塗臙以擦手其香經宿不散不知
與此五味香如何



石象石馬上升堂產氏蛮各册約四十个酋長俗曰王廊競來拜
 謁王復回居山下馬仇氏撫治之辰常以五年差富安該
 隊為正副使賚許錦衣帽銅鍋鉄鑼磁碗碟各物徵
 其貢稅令歸仁府廊衝上岩土人引道至富安夾河雷
 源又令氏人引道至蛮上及高蛮各册以到其國伊島
 備珎珎瑯黃蠟鹿茸犀犀雄象熊胆交與使回獻又
 納製作五味香其山有蟻巢在木上子黑如箸頭大



自供一銅鍋一白布一甘蔗一芭蕉取之無洗收過別往二
王面並黑醜妻妾無不美好著占城班爛之服二王在
辰間有小精名曰精揚其光如燭亦有火如匹帛常
直即所或飛上天如匹練其王卒後精入他家諸人
見之共云此天定王位已許此人因尊為王古來如此山上
有白石城廣約一畝內開四門中有卧石象卧由駕號
殿希胡二王不敢居駐新王嗣位之日始上城置坐褥

活号氏為針
人蛮為妹人

九三日又自此遺蛮人賃令引道由山路行十

四日抵南蟠國水火二王之處其国属村可五十餘富有娑

南右音切山甚高大乃一方之鎮木王在山之東火王在山之西各

有地分架木而居部下各数百人刀耕火種正月作而五

月穫不穫而埒不知曆日將埒事軍收稅其王騎象從者

十数人到一蛮村擊鉦三連村人皆出構草廬以居王

益以俗有王八民家不祥之語故不敢入人数多少隨意

下... 記... 反...

無邊雜錄

卷二

八十七張



首拜具稟為上進已丑年禮例各物俯使于左下計年
象躡沙若干

聖尊舊封南躡國在廣南處富安府源頭之西舊該隊

論平侯文世誼貫綏遠縣長我屬伊說常管內府山

場探山取香新諳山凡三隊其隊曾往山頭採琦瑋香自

安樂泉而上往河澆坦棋諸村過羅仁嶺夾富安府地

至墻淹浩煨上茹路處至河潘源乃氏蠻各冊所居



順城鎮封正村巴煦為正忠侯甲申八月封為本鎮王許其

永長侯為該奇其前王子捫涑扶子亮涑扶蚤說粟亮

說扶子四人為該隊又差該案一人以治其詞訟常見其已

丑年朝貢禮例雄象二隻

一隻在平康營中象半象兀
二奇調納一隻替錢二百貫

黃牛

二十隻

替錢六十貫

象牙六枚犀角十座黃瓏五十斤白布中

五百幅魚皮二百片沸油四百婁商蓬葉五百表烏米二

百鉢長鯢一隻長七尋其書曰順城鎮在正村巴煦稽

丁巳歲反

撫邊雜錄

卷二

第八十六張



自源頭聯絡直至海_濱北山獨高於眾山聖尊克占城取其地置廣南處立故王遺裔封以此山以西之地磨石山頂立碑爲界背北面南歲久字跡漫滅前阮氏攻占城開設太康延慶諸府自富安入平康路山領脚山石皆黑辛卯年十二月忽有震烈一聲耳遠望山石一座卓立如石灰阮福淳有命致祭

占城後裔衰弱阮氏削取其地建置府縣改其國爲



只存二名守船狂風斷捉漂入青澗港伊官查寔押送
回籍沅福洞令順化該簿說量候為書以復

歸仁府扶離縣東安坊有一圓潭潭日日常沸水清

徹底熱不可近晴辰烟起兩日雨蒸鬱更甚牛羊或墜

有如湯燭水中亦有魚生其蝦蟹皆赤色富安府浩濃

處亦有潭如此舊該隊文世誼說

富安府石碑山乃先朝與占城分疆界界之處來山甚遠



使駕私小釣船往北海崑崙崙嶠嶠河河仙巖寺處採取
 玳瑁海巴及豚魚力貴魚海參等項亦令伊諛黃沙隊
 并管不過採諸海物金銀重貨罕有所得黃沙渚
 正近海南廉州府船人辰遇北國漁舟洋中相問常
 見瓊州文昌縣正堂官查順化公文田內稱乾隆十八
 年安南廣義府彰義縣割鎌隊安平社軍人十名
 於七月往萬里長沙採拾各物八名登山崖尋覓各物



城板納秤驗定項訖始許私賣文螺海巴海參諸物
 領憑返回其所得多少不定亦有空行者曾查舊該隊
 賧德侯編簿者明原壬午年採得銀三十笏甲申年得錫五千一
 百斤乙酉年者明原得銀一百二十六笏自己丑至癸巳五年間歲
 只得玳瑁海參幾斤并間有錫塊石碗與銅鏡二口而
 已阮氏又置北海隊無定數或平順省府四政村人或景
 陽社人有情願者付示差行免其搜錢與各巡渡錢



採取以石灰擦過去腸洒乾食辰田蟹水浸之刮淨同鯪猪肉

亦好諸蕃舶多遭風壞依於此島前阮氏置黃沙隊

七十率以安永人充之輪番每歲以正月受示行差齋

六月糧駕私小釣船五隻出洋三日三夜始至此島居駐

恣情採取捕魚鳥為食所得罾物馬翎銀花銀錢

銀環銅器錫塊烏鉛鏡口象牙黃躡壇具磁器與採

玳瑁甲海參文螺粒頗多以八月期回入腰門就富春



間有甘泉島之中有黃沙渚長約三十餘里平坦廣大
 水清徹底島傍燕窩無數眾鳥以萬千計見人環集不
 避渚邊奇物甚多其文螺有名沃聰鴛大如席腹有粒
 如指大色濁不及蚌珠其壳可削成碑又可作以泥屋
 有名^沐埤塼可飭器用有名沃^蝦香諸螺皆可醃者玳瑁
 甚大有名海巴俗曰壯菴亦似玳瑁而小甲^薄薄可飭器
 四卵似巨指頭可醃食有名海參俗曰突突游泳渚旁



頂一日共六日程

升莖奠盤二府坊西秋金城蝓三處皆大同田廣義府
 平山縣富春社彰義縣福康社並近江水土平善同
 田廣濶高平各約千餘畝號小同狁前阮氏立七十二寨
 招集山民客戶田作禾穀甚多

廣義平山縣安永社居近海海外之東北有島嶼馬羣
 山零星一百十餘山嶺山間出海相隔或一日或數更山上

館一日程自地施館行經義莊館爐噠館至芒山館一

日程自芒山館經館朝坡塹館有小溪茶約館有泉有竹橋至館

葛一日程自館葛經館處使錦溪館有泉有板橋塢楣館夾渡碼頭真宮

在渡至館頂岩二日程為廣義府與歸仁夾界處共十

二日程此師行之度也至若常人行程則自凡世至旃檀市

一日旃檀市至渡板江一日自渡板至橋炆館一日自橋炆

館至橋檍播又至地施館一日自地施館至渡碼頭岩館

丁卯年九月

撫邊雜錄

卷二

第八十二張



渡板江一日程自渡板行經石杓館全是沙碁又交山林至館屋亦首沙碁

為升在奠盤二府與廣義府夾界處又行至廣義府

持平館路近山館瀉處有泉有板橋路近山瀧三樞至橋炆館一日

程自橋炆館行經行探館麟圖館路交近山橋經行柳

館館厨有泉有竹橋坊醕至茶曲大江一日程茶曲至大江行

經彰義管有小溪巴質館有泉有竹橋羅河館有泉有竹橋路夾林至核

播一日程有泉有橋二所自球核播行經淹術江館落至地施



拖算小江經琅珠館雲窟社有板橋
妃棟江潭芳三板

小橋及茶亭館香比離社香金社館葛館柳地至

荷藍社一日程自荷藍行經棧機館晏司社小長安館

錦屢社有泉有荆川館有泉有茶龍館有泉有爐退館有泉

板館答有板橋至旃檀市一日程自旃檀行經濕石館有泉

有小三岐江富康館至灑灑江一日程自灑灑江行經茶

里館開館市橋公羽簿路邊館趨館葛二處全沙至

丁巳年

無邊雜錄

卷二

八十一



半日沙黃巡上至渡砣岩亦半日再至棹楊館一日棹
楊至今曳公場半日至又全嶽過半日全嶽上行至，株
芫源二日棹楊下行至今嶽北亦二日橋芫至西山一日西山
行夾嶽大路亦一日

順一隊勾稽隆德伯計自廣南營至廣義府軍行日
程自巡溢雲行至廣南營俗號營占在濰川縣勤旭社
不過二日如大軍屯駐營占而人經畧渡河至儿世有小板



烏澆館去暮至茶曲館又至四維河半日四維河去暮至地
 施館又至花山館半日又去暮至館葛又至緡溪半日又
 去暮至渡砢館又至蒲提半日又去暮至府廳館又至
 館權半日再去暮至廊哥館又至館厨半日又至暮_去
 至館買又至更韓館半日再去暮至富平館又至澆樽
 真茗館半日夾地界富安府共十有四日半其陸行上道
 中道至下畔巡各要路自全捕山連舊巡下至渡砢岩



山乃名大崑崙有民居

順化鎮入廣南道路陸行日程自館脩稿至館茶半

日館茶去暮至巡溢館巡溢至館夾半日館夾去暮

清溪館清溪館至錦沙館半日錦沙館去暮至廣

南營廣南營至荷藍館半日再去暮至娑油館娑

油館至壽康半日再去暮至翁部館翁部館至

渡板館半日再去暮至持平館又至烏澆館半日



外有山名劬勞雉廣可三十餘里舊有四政坊居民
 田出海四更可到其外大長沙島舊多海物舶貨立黃
 沙隊以採之行三日夜始到乃近於北海之處歸仁府
 新開辰富浩沈浩漫各海門多有山島多燕窩立清
 洲隊以採之平順府神華名海外有山名崑山富貴廣數里亦
 多燕巢外有山名劬勞芳舊多海門舶貨立海門
 隊以採之嘉定府海門有山名崑山富河仙鎮海外有



扶舍拜答抱富春之後合右澤源下流之富春江下三
江潭之下流以出腰門

順廣各海門之外各有石山湧起海門爲鎮廣狹不

一辰布政州安良社之北邊村有山名劬勞南乾出海四更

可到升菘府大占門外有大山名劬勞針三座對峙二

大而青茂有民居田野相穡生花等物上有甘泉一小

而焦枯出海二更可到廣義府平山縣安永社大海門



蠻居常禮節多用牛猪及打鑼馬銅器此物大佳
 廣田縣山蒲上源頭自寨蠻民至疇山一日疇山至賢
 士至拜答江半日拜答至海門一日廣田江發源在蠻
 洞名右澤源北流下經度度接昭城彬巴金餅裡花
 按托與托濑托節托楊托禮幕托娑娑渡檉戩廟高
 閣樣耕渡徒等處左右皆山至渡柳處左始有平田
 下經訖班托翁巡等處合左右諸派至賢士巡以下



及民其^居上為蠻民溪奠冊砮獸冊右澤源行經安南

坊阮氏先世諸墓^{所在}核坊以上並大山林行過半日到廊

跋冊皆是蠻民自此而上山溪錯雜無有民居一日半

至阮樺冊又一日經溪吐冷以到河蠻格冊此處多

度虜木并雜木又一日到何羅^篤冊以上並皆高

蠻所居諸商客不能到止就罷丁核處販賣買

諸蠻民亦常下此交易貨物亦如左澤源大槩山



安寧知玉坊河陽陵等社冊猶有年民自此冊而上省
 大山林行二日程到下壘廊浩冊以至河雲冊何落
 坊麻黹坊沿途商客間有販賣鹽鹹水牛農器
 馬鑼什物易取鐵_等滕及躡_等密物何落坊而上山多
 虜虜木台拜木諸雜木自麻黹坊而上並是荒壘
 不通言語_十御浩冊之左即為富榮縣與平原自
 三岐巡左行一日半到遠燈坊廊曉始亦是山林有_嶺

Handwritten marginal note on the left side.

撫邊雜錄

卷二

七十七



九頓山爲鎮其長江自源頭經博望以下三江富榮
興平源與諸山連路上自竒苙下至師曾羅港處
突起一大山名洞涑爲一縣之鎮山浮芑源溢上山巔亦
高其長江則自富春笏城之晦宕以下闌能流入
河中太湖

自富春河沂流而上至香茶之平浪江三岐迤處有
二源焉其左曰左澤源其右曰右澤源左澤源行經



在心舉級成雲下級成雨既浸既潤隨辰代序官無滯
 滯之穀民無饑乏之意慮衣食常充倉庫常食寔
 若乃斷過海浦隔截田隈隨潮上下採蝦捕魚鱸
 鮑赤尾鮓比目皆不可勝紀鱠鮓鮓炙鮓鮓燕石
 首耀鱗魚賀魚真東海之俊味穀膳之至妙也富榮
 香茶縣居化社海葛坂有凡頓山九喬山最高大為一
 縣之鎮其長江自源頭經富春以下腰門廣田亦以

丁卯年正月

無邊雜錄

二

第七十六張



為橋通冲沂江岸至一百十間湖畔凹之處各名一潭有曰明

良曰烏茶曰打打歲八稅錢千緡音潢梁陸雲答車茂

安書說勛土地鄭縣之狀云縣去麗治不過一二日直東而西出

水陸並通西有大湖廣縱千頃北有名山南有林澤

東臨巨海往往無涯汎船長驅一舉千里北接青

徐東細交廣海物雜錯不可稱名過長川而為陂

燔茂草而為田火耕水播壽不煩人力蓄泄仁意息高下



一也安農小江二也興平源下流八河中潭三也覆瓶源
 下過海^高堆八河中潭四也象龜岩水流下至景湯渡也^年
 有三重龍砂捍其左落奴橋江之左清河庸一也我巴
 笙小流江上流之左洪福和順等社二也三潭^江下流之左
 平治卻陽等社直至腰門三也
 富榮縣山中湖而下則海河中火湖廣濶無際不能
 量其頃畝各社民居環列四傍鹽場社居在湖中一邊

平治卻陽等社

撫邊雜錄

卷二

第七十五張



天姥官寺皆大名藍各置僧錄又有僧錄司內法錄
司玄法司道士道錄司四季司道士良醫司中象奇
良醫司等司

順化富春鎮城收四大潭水而接四海口蓋其前則河

中大潭流出思客海口

俗名圍翁又
名圍蒲幽

潭泊流出景陽海門

其在後則三江大潭流塹海門俗名闌腰

富春營有五重虎木抱其前左潭源下爲富春江



流市庸聯絡大路中行隣接區分莫非瓦屋喬木清
 蔭左右成行商艇渡船往來如織周度信山銘所云春
 倚春門溝渠交映綠槐棟秋市舟楫相通想景色亦如
 此逸士吳完樸於乙未年過西禪寺有詩云寶閣瓊
 樓半已荒梵宮依舊對斜陽可隣二百餘基業
 不及山僧一夢長

順化鎮有順安官寺金龍官寺河中官寺光春官寺



鋪度度木板滴水簷柱錫以承溜間樹植木優曇
波羅密皆大連抱後苑假山奇石方沼曲池彩橋水
榭內外複牆皆砌厚數尺以石灰磁片作龍虎麟
鳳花卉之形正營之上下流各設軍房井列碁布
諸水軍房屋又在對岸船廠粟庫在河溪壽康
等社對岸之上流其公侯貴臣園宅分列於富春江
上流之兩山尾與府相右小江之兩山尾其正營前之上下



纔九十年上而金莖光莖府祠中而府宅行廊下而府
 泐諸堂宇阮福涸稍王位改名題扁首金莖光莖二殿
 就樂正冠中和怡然等堂賜春臺瑤池閣朝陽閣光
 天閣瑞雲亭同樂軒內院庵絳香亭公堂學場鏡
 場南岸之上流有湯春府耕府又其上習象府又營
 長樂殿閱武軒厦屋巍峩飛臺輝暎遠垣環廡門
 戶四達形刻繪飭窮極人工諸堂室皆窳石平基_基上



灘門五更

此門兩岸皆山波濤甚急

共一日駐自伊門至珠塢五更

兩岸皆山波濤

甚共一日駐其間風色順逆行程早晚過處駐泊均無

一定只記大畧如此

香茶富春乃古之瑞雷社祀福漆稱弘國公始立鎮營

於此大地平鋪如掌可十餘里內正營地高四傍皆下

乃是大坪中之突坐乾向英橫倚龍脊前有羣山

衛從四維列全收虎水財力富威自正和八年丁卯迄今



杼門一更半

此門深

共一日駐自伊門經理和一更

此門最深

至

日麗三更俗號菜門

水除深浪兩岸

共一日駐自伊門至明

靈巫經一日夜

此門最深兩岸平

自伊門至濼門二更

此門深曠

海兩岸皆平沙

自伊門至跋路四更俗曰腰門又曰印陽門

此門伏波

岸平曠

共一日駐自伊門至思客門三更俗曰關戌

此門幽

岸巨兩岸平沙

又二更至汜漾海門俗曰關瀚

此門左平

共一日駐自

伊門至大占門三更

此門波濤甚

共一日駐自伊門至盤

丁亥

撫遠雜錄

二

七十二



經完厚一更半俗號闡權此門深而狹而經青圓半更俗名

闡台此門淺狹右岸石山左岸平沙一望延曠經邁汾一更此門西岸平沙地經賢門半更此門至

狹兩岸皆山至黃羅半更俗號闡廬又名賢世貫此門淺狹右岸大山左岸平曠

至會門一更門外峙立雙魚其門廣大多有休石波濤頗巨共一日駐自伊門至平律五

更半俗曰闡卒此門水深右岸羣峰壁立上有微王祠水下共一日

駐至曠畔三更此門淺狹左岸石山右岸平沙至海門二更此門深而狹左岸石山右岸平沙上有聖

尊神共一日駐自伊門經景陽三更俗名闡躄此門最狹而多伏波



景興甲午王師平順化畧定廣南兵至平山之珠塢樸忠侯丁文

復督運海道畧開路程左有一海自山南處大海門這門外湧起長

沙州沿約三里其門大而淺多有伏沙至神符一更半此門淺且狹右岸群山突起其中一處可

容一千人俗曰桃園左岸共一日駐伊園至秋園外半更俗曰闡潮此門深狹

半沙廣大俗曰礮亭紆行難出入易俗曰此門多伏沙大而淺出入最難至好賢門二更此門多伏沙大而淺出入最難至瑜川二更俗名

闡此門淺狹左岸石右岸尾沙舟行難至沛卞山迄半更此迄去海涯做千里湧出山潭有玉潭上列迄屯往

來依泊無首共一日駐自伊處經乾門一更左山尾石山右岸尾平沙民居深處上有四聖如位神祠

丁卯元歲反

撫邊雜錄

卷二

二十一



社責納券錢二十五貫自使家人開濬導也泥沙填塞仍

然壅滯累期催送開濬民不勝苦丙申三月營葛屯官

珍山顧侯始差名各副會督及二縣民者度乞別開新濬七十九

丈以省勞費以舊濬減二百餘丈端郡公許之委屯官董

其役付二總各起工發民夫開鑿其總長送源頭各坊冊

券錢每民三十貫僕見一坊來鳴票喚總長杖責收

還民錢



鎮營在愛子江西自新營出大路渡愛橋左行片刻
 即到軍房尚在即端國公阮潢初入鎮時也江之東爲
 甕涇花羅二社按明史張輔追敗凍重光帝於愛子
 江即此

乙未年前國老暉公八廣南委督率官端罷公督順化漕運
 端罷公付順化人談留談美掌開館塔翁篤二處河以
 通明靈運道伊送登島

頭下海江



海陵縣石捍江源頭自新安坊下至我邑館一日又有
 一支左源邊頭自碎隈蠻民冊下至我邑館亦一日我
 邑館至牛脚迹一日牛脚至溪湊坊一日溪湊至圓橋迹
 半日圓橋至我邑液一日自枚花坊沿下江源頭左行
 以上隈漏民各冊又左行至巴熙碎蠻民所居又左而上
 至蠻民冊有路入嘉定司坑不過六日山川險峻難於通
 新葛營據福全社山頭乃前韶麗公所始立阮區舊



設營屯六船兵於此兵皆召募號哀牢營召甘露社江
 之右有檣槽巡亦如孝江例歲稅甚多自此以通陸道
 萬象國孝江屯之左有名牛脚巡亦依孝江例歲稅一
 百二十貫孝江以上之左右山崗蠻人居住耕獲甚多
 自甘露社上孝江巡一日自孝江上托麻山源頭一日自甘
 露下我巴渡液一日渡液夜乃下越海門俗曰野渡社半日上下山
 海二日相似

Handwritten marginal notes on the left side.

撫邊雜錄

二

六十九



不敢走八山竄在茹餽之上為屯官碧武侯所擒

登昌縣甘露社居釣江之上流下連海門上接哀牢洒

源諸冊蠻民道路皆出於此遠至樂凡國萬象國鎮守

府歸合州諸牢部皆有路通行出於此最為衝要自

伊社入行至安康坊有巡日巴陵亦曰孝江屯例各商

人領繳就屯往源頭買牛羊粟米及諸貨財物歲

一百十貫自巡行二日半抵哀牢境界大江邊邊阮氏有



進勦僞党綿德侯朱美於海陵縣山林以至甘露乃八
 哀牢山道虜賊越逸欲使二奇官兵張布聲勢遙
 相接應以邀其左即自柴市西南行經安春安平春
 岸甘棠琳瑯亭祖下社又經上都峯江順德鉄撫等
 社路甚險遠路左並大山林踰山涉溪半日至東河社
 始見稠民平地途中周覽山川形勢撫慰所在民居
 又經釣熬社以抵葛營朱美聞兩道兵左右遮截

而來三道下流至明良河方合爲一又爲二支右一支入
時和社涇函名涇巴悉過三江以達富春正一支下從
律海門

源鳥上流自廊鳥冊至鳥江巡一日自鳥江至慈和社
一日自慈和社至湛營一日登昌縣普賴社俗名柴市
乃水陸湊會之際所往返所必經自此由正道行渡釣鰲
口至葛營不過一更丙申三月新到此聞督領額武侯



名隈萬萬之處行可更一半潤效百畝不生草木自此
以入知橈普賴抵萬營出不由此路

自知橈路左行過竹林坊館坊枚舍市安定坊市遠出

拜卷之後過經門社黃舍上村渡西河經水波社以至胡

舍則徑而近乃是出湛營正道但水波社秋潦泥濘難行

亦有一條路自經門市左行循河崖至平舍社渡明良河面

河乃三源所會一支自源台源幾下而河之北一支自源參

撫遠雜錄

六十七



六七重平岡申辰抵來格屯其夕牛車亦到

自明良三岐河津渡河經平舍高禮門等社踰橫土

土崗經香社亭歷遷津坊俗名棊市其山右有路往至拜

至總可一更半其總二十五坊有山田園林肥饒稻米為

一處之冠又出胡椒水油芙蓉菑檳榔自拜至而下至

禮門以至其下數社一片土阜長如連城人民利居阜列

地皆赤土對木茂美過河上社橋以外同田則純白沙其



自農水大江運船入吳江直至土瓦社渡澆舊有粟庫
今為貯糧屯所自渡澆至來格並是長山頗重岡茂林
密樹舊有車道上下山版之間輒迹歷歷阮氏置車一
車二隊每隊五十人取各社情願充補有隊長四人給公車
三十七乘公牛七十五頭令其轉運頗為輕捷曾行自渡
澆令取車二隊牛車輓運一車駕二牛一人驅七車一車
載米一千二百鉢踰十五六橫岡至館棧小憩再行踰



官道濶二丈餘平坦如故路人多不慣行渡明良以上
林市抵知覺

自安宅沿江下心悅社至歸厚江棟其左有古城即烏

州近錄所謂寧遠城在蘊奧社地分平江引前吳

江控後吳江即歸仁厚小江乃自洞海至渡澆水運之道

心悅社有敬天寺安來社有文廟相傳聖尊征占城

還所作內塑坐像



勘詞訟益以去富春遠方民赴候正營君不便

入順化道惟自麗水扶尊以至明靈胡舍沿途有館萬
 館蓮館亭館河淇民居兩旁行客販宿自此以至溢雲
 並無之烏州錄謂千里遠途無一館信矣

湛營平濶依山祀江形勢亦皆佳水路下洞海則近陸
 路與大路頗遠然自湛營出來格胡舍渡小江經水波
 社渡西河經陸田牧舍竹林等社以抵知覺社則舊有



至扶尊三岐路轉西行經土瓦社之林嵐廉愛社之林
吳自此西北行則至安靈社首廣平鎮湛營若自林
吳東南行則經五六重低山渡橋至土瓦社渡甕屯之
又踰十五六橫崗至館棧再踰六七重崗至來格屯舊
有官庫自來格社行出踰三四低崗經檜槎洞出官
道亦抵胡舍社

前阮氏設布政營廣平營各有記錄官該合差司責

C.XXX



麗水縣武舍社舊為阮公留屯營所俗呼營地亦廣潤軍
 房基列瓦屋鱗次右倚沙山左帶平沙安舍石舍波
 月鄧祿之間禾穀千頃極目無際扶尊一社民居最
 稠田木最盛自扶尊社行上官道渡橋經館葛與水
 蓮中社之館蓮渡橋經水蓮上社之亭涉溪經河淇
 之館河淇館茶抵胡舍社此入富春正道館亭館茶大
 道之左為水每社坊四政坊油其俗飯油如自鄧祿行

丁巳年

撫遠雜錄

卷二

六十四



直至明靈海口路程一日有半沙山聯絡掩曖白光重
 疊效層殆同城郭外皆林莽_距扼海洋_津更餘無有路
 徑其中村落連接以百數從來蕃旺皆居沙地背沙
 山而向長江沙脉内注_或甘泉人民取給禾稻仰其灌溉
 收穫甚豐焉_每三教社之間輒有小溪秋滿冬而春
 乾涸大道中沙飛竟日然道傍民往往耒過插_黃杖
 便生芄芄然樹木生白沙中高大蔚然_茂豈不奇哉



江自右來為前堂順姑山一帶沙山為案故人丁火旺至
 千餘人俗慣商販平辰八嘉定造大艤船至百艘每艘
 至千餘貫將回轉販

行廣南清又沿海未見有白沙者順化則北布政州下
 道中和社已起白沙長門夾於杼河東阜安老之間又
 湧白沙長片洞海之左後一帶白沙起長城墨直至
 日麗海門渡江而東為麗水縣則自洞海之風棟村



以為宜分之以^北布政州屬又安處河茲府南布政州屬

順化處廣平府蓋亦因其形^{山川}便也

輪江上舊分界處有隙地名^墘培^墘市^墘禁兩邊^社民

皆不敢耕私草樹成林茲始混一^北布政州諸沿江^社爭

求上將付^詞祠占認開作先者既得後者猶強爭訟^已不

南布政州理和其地自^棣第山下餘氣垂為一片平沙

高起橫宏^象民家橫居向南沙尾自左回抱其順姑



北布政以時邁山為鎮山其長江一道自香山金縷清浪經
 巡培以下屢登出大靈海門又一道自時邁下金銘名瀆
 礪至闡壑與屢登江合亦出大靈海門江源遠而濶南
 布政州以黃山為鎮山其長江則一道自扶林渡洑流下
 輟沙漫終處經瓦然名年自安泉海門又有小江一道自興福
在海濶社安福村理和村以下順姑海門江源近而狹
北州與奇茲接南州與康祿接二州遠合而近分窈

丁卯歲反

撫邊雜錄

卷二

六十二



梯五級象馬通行其上壘土聯絡延廢約三十餘里或
三丈五丈間立砲臺上置拒門銃一口其餘每天柱銃一
口參以挾銃各項藥項碑堆積如山日麗海門與明
靈壘海門並布鐵網鐵鎖橫截海口自以為金城湯
池子孫有萬世之安矣一朝王師南伐兵散不戰墨
關不守乘勝鼓行經至富春雖分合盛衰關乎天效
而孟子有地利不如人和之語為尤信



化兵出拒官軍只與浪戰尋復退還以書誘之是乃本欲
 招懷非欲必行除剪故阮惟辰有啓言太上王數次省方
 視民奈瑞罷非折簡可致蓋中勳興闕兩世姻親朝
 廷義不忍絕至於仁罷則更歷三紀霸基已固遂不可
 圖矣非惟事勢抑亦氣運使然

瑞
 郡公阮福源拒命築長壘上自洞回山至日鹿海門高一
 丈五尺脚濶五丈壘外植柴木鐵林木壘內築為樓



進位大將左相太尉右相東征西討更奏殊勲上深優待命管

河中一府山南上路七縣仍領順廣鎮其初豈常有異

心哉功大自疑聽人離間圖保身計遂陷不義耳七

十六而道歸復留三子為質上書陳謝歲供貢賦

其年又進女為世子妃恭順如此當是辰固難以加兵

也至其子端麗總鎮威信洽氣勢彊顧視山河侈然

有以土地傳子孫之志始不朝貢然大駕累次南巡順



分界之山巔西接洞海江以入康祿農水明靈武昌等
 縣一路左而又左平陽舒放溪山廣濶皆以巔枝脚之
 所垂屐即不渡洞海江而沿海_江崖行石上公翊回長育沿
 山一帶以抵湛岩亦省_借此巔枝脚程泉侯所指端國
 公之橫山當在_不巴苒而不在棣第矣

端

公以帝功臣王元舅兼領順廣四十餘年艱難之功寔
 資藩屏纔聞平莫卒眾來朝七十之年巍然元光



登火號山踰數十重巔至迤岌亭館核結爲布政之
純在社群睦村又踰十數重巔共計一日半程始至橫山
行至館溪凜坦觀之處豁然開朗見南邊馮河一帶
青山橫拆天邊意此即阮秉謙所指順化橫山者及
到館監以下笑留則東向而又東渡湄河踰棧第
經各社至福寺社之福門前方見橫拆者名岫巴莫
右轉而上蒼翠隱然自是上而又上爲順化興哀牢



河至南岷南布政州高牢河津經高牢社踰棣第
 長山十數重可一更半至典福庄號牧養處其庄舊
 納生鐵稅問出何處稱採棣第山一庄五十爐一年
 每爐二梅共一百梅納在瓦營每人費錢陸貫一百人
 費錢陸百貫不勝其苦東南行過安福天祿至梁
 舍之安老山俗名幣頓以迎為義乃是中路上道自高牢
 入下道自理和入皆會於此



至一百擔九十擔從來訟免公私田租積欠因循無欠甚度
土官豪民占濫許買奸賣頑訟牽鳴還次累年相爭不已損
費至以千計

北布政州道中有名舒巴礪者山出生金舊辰開採故名
其金頑惡煮不能成

自祿田屢登等社坊津舟行沿大靈江即桴河之右經
雲雷四維河二社至三岐河乃澆桴澆礪合處上二社居在三江之中渡



守密十瓶蠟十窰瓦特生彆彆七十株象牙替錢三十

貫而別寄買牛羊犀象土物雜貨不與焉官有寄

買土民亦不敢領行往往供納亦有衙役賂以求免

北布政州以水居拋網為業而又慣往上海採船板者有

底網坊甲巴坊剛諫坊中和下甲

各處以

北布政州田土饒沃一畝當各處之四畝蓋周元錢為尺此

獨以康熙大錢為尺故一畝獲禾有至一百二十擔其次亦



下買鹽鹹在此市乃山川之屈曲如此

山流稱源猶下縣稱總北布政州箕沙源七村曰麻泥庄

曰機坊曰卜壽村曰知榜坊曰魯豁坊曰同槎坊曰廊塵

坊金靈源八村曰古廉坊曰歸遠坊曰廊泥庄曰福樂

坊曰褚坊曰林淵村曰駒駒坊曰娑娘村林麓田地甚為

饒廣山民亦多每丁十二歲受民役歲二十為老其丁田

並無稅例不入戶籍又安鎮守官別差管收歲納鎮

社之山南嶺中丹塔在武昌縣中丹社高可百尺陽麗
塔在海陵縣陽農社

自汝又安清漳縣而下即為香山沿山長嶺一帶以下

石河支為奇花^英之橫山至於河中社為又安鎮所以是

最下自又安南行踰橫山過布政州純長芙蓉等社

東行以至屢登社臨大靈江則此江上流乃由香山長

嶺而來其香山福一隊清浪^浪冊金^{屢登}纓社民乃常行舟



驛在丹田縣近幽芹社地面引一帶水液控三岐山自茶舊
 以達船自臨場亦由木行往來合翕集賓客如歸祿烏
 州第一驛野渡在廣陵縣符花社圓橋杲江源頭
 所注最為深廣大江魚潛烏化寺在康祿縣近有補社
 其外四面波澤中有一堆基趾尖突敬天寺在慶水縣近
 平江驛大福寺在慶水縣大福綏福祿二社祈福禱雨有
 驗崇化寺在思榮縣賴思思社天姥寺在金茶縣河溪

丁巳年己亥反

撫邊雜錄

卷二

第五十六張



縣蘊社前引平江後控吳江二水西北復合為一其城三而
披河一面帶山鎮平衙門居焉南有石刻寧遠城字順
州城在海陵縣西南帶長江外為縣衙內積倉庫海
雲閣在思榮縣上凌霄漢下亘滄溟順廣咽喉之地
有巡守司上自腰緣下至烏嚙皆譏察云日麗驛在
康祿縣日麗海門背山臨流滿目江山風月平江驛在
麗水縣安宅社自明靈由陸行白日麗由水行靈江



源江圓橋二江源所出思榮縣有思容海門近榮懷社南接

蒼山東連遘山西北波澤汪洋千頃乃金茶古農興平

高堆諸源所注金茶縣有堧海門其江乃金茶丹田諸

源所注自越門海至思容海門號大長沙此海門號小長

沙化州城在丹田縣丹田社大江在其西有一小江經城中有聲

豐府春都學承衙門在焉金茶注其南四面眾水環繞望

於內百雉屹然百雉字出春秋左傳古者大夫無百雉之戒即夫子之言寧遠城在麗水

丁巳年歲反

撫邊雜錄

卷二

第五十五張



吉貝布布政州有布政海門橫其社江自箕江明靈諸
源而下水東流勞近有禮山遠有石砬山有瀾綸海門橫山
鎮其西石砬山擎其北塩頗佳康祿縣有日麗海門
其江自土哩安代諸源而下水勢北流海口有三崖浮
水中明靈州有明靈海門東有草浮山西有古茶山
有開守禦乃衝要處自日麗海門行二日至此水陸二道
長遠相當號為大長沙武昌縣有越海門其江乃梟

大城在下流箕沙源在布政州出象牙牙花唯花梳生絹
 白密黃躡橄欖脂缺林黃心木青皮竹安代源在康祿
 縣出沉香速香黃檀生香密躡黃藤雉毛硝硝金
 茶源在香茶縣近岐江出山柰藤席雀舌茶圓橋源
 在海陵縣源頭乃順平州各庄冊出象牙馬花唯生
 麻皮白花棉棉白吉貝頭果源在武昌縣源頭乃沙盃州
 各庄冊出象牙馬花唯沉香白香木生花皮花棉棉

丁卯年歲反

撫邊雜錄

卷二

第五十四張



水縣馬鞍山西池左有山山起小峯前有重山平江在
農水縣水味平淡農水康祿二縣人民村市分居江
之東西自土哩源所注中間濶大下流窄狹僅通一舟
泄爲大波以下海口海陵江在海陵縣近緣生社東
帶長港西被連山靈江乃香茶丹田二源所注最深
廣西南南有四位祠東有崇化寺憲司及衙所皆在
江之左右丹田在江源最遠江之南北皆居民順化

淺海

俗名破
三江也

在麗水縣自安生淵錦里諸源所注百川

聚會號曰潤海東北沙堆重疊西南山障橫拆大海

萬頃濛濛互深互淺中有一道最深船艘往來植

木為花標按安南誌云蒲苕江自老撾猴源經蒲

苕縣東分流入淺海又入化坵州三岐江深可通舟即

此也安生淵源在猴麗水縣按接明靈州胡大中開港

沙土噴起用工不成中有水溪水最清冷蓮池在麗

下

無邊雜錄

卷二

第五十三張



處諸在山西北重重疊疊龍行虎伏直至大江滄源
而上湧出一峯圓正如盤海雲山在思榮縣海雲閣下
臨海際上插雲端乃順化廣南二處界限有閩隘設兵
守備自此沿江路行一日餘卽廣南地分龜山在思榮縣
近懷柔社大海色其東淺海抱其西南卽思容門山
上有石塔日麗坡在康祿縣日麗海_門汪洋千頃大海
在其東北衆山拱其西南坡之西北最險有蛟龍潛焉



廣觀者乘燭沿陸而八行約百里有口八其中則天地日
 月雲霞花草宛然一世界大石平坦如棋秤有棋子四
 圓如室如玉刻成景物奇秀中多題詠馬鞍山在廣
 水縣源頭高大而宛轉頓起望之似馬鞍然蓬山在麗
 水縣有港沿港有大路林樹交加景致殊絕靈山在明
 靈州近紗龍社四面平洋一峯圓秀養山在金山茶縣
 源頭最高山嶺有井頗清洌香盤山在金茶縣梅葛



而來重關疊障橫亘至海隱若長城兜鍪金山在康祿
 縣近遠館社最尖從耳又名顯年山其岩下即大江產
 石蟹神丁山在康祿縣石江處衆山皆向服獨此山背之
 故又名不義山烏雷山在布政州近瀾綸海山橫山一帶
 或如鳳舞延袤層層至是山而止烏樽枕其西山山岾屹
 其北此山與峙傍左右相對有澗水頗平淡真靈洞
 在布政州真靈源背山向水岾口狹僅容一艇中漸寬



撫邊雜錄卷之二

奉差順化廣南等道參視參贊軍機順化協鎮鎮
 撫右勝奇八侍陪從戶部左侍郎潁城侯黎貴博撰
 昔人有云自有天地即有山河城闕雖有殊而山河不改
 省偽莫辰都給事中楊文撰烏州近錄所載順化
 處山河海口今則依然而城池驛渡寺塔較異昔辰矣
 今畧錄之橫山在布政州近山焦社接安界自遠迢迢



今紹沅氏所據分設二處府縣總屬社村坊甲邑州名號	備錄于左					
------------------------	------	--	--	--	--	--

撫邊雜錄卷之一完



南收兵取麥至渡板丈岳借以為辭出兵攻鎮武別一支
 兵出邀其歸路鎮武敗走回文岳遂使偽鎮守璿據廣
 南營列屯大占泔漾俱低谷海門沅福淳既敗走娑地
 處召其將制敬慎侯宋福合尊祿自平康回擊于文岳兵復取鎮
 邊營壁方將東山兵復取藩鎮營文岳兵三戰皆敗
 驅掠人民載粟三百艘回歸仁廣南之民饑饉而躬困
 皆望王師朝廷以順化新附方務綏寧未暇遠畧也



大司徒春罷公阮儼欲留兵廣南營鎮守不咱遂棄
升花黃大盤二府還駐富春以疾乞回京道卒因命端
郡公代為兼領鎮撫三十七年丙申正月設衙修城壘門
又乞重兵以臨制一方福溥獨據嘉定平康平順三府
二月文岳遣其弟以船攻平順不克三月攻破闌粒泳
漕入前除海門取藩鎮鎮邊龍湖三營四月端罷公
所差屯隘雲山廣一奇鎮武侯張公奉渡隘雲入廣

四月與阮文岳戰於錦麗侯河偽集亭侯皆殊死突陣官軍
 深入力戰大破之追至清河社復收廣南鎮營文岳乞進
 象馬金玉獻廣義歸仁富安三府請為大軍前驅勦
 除嘉定暉公受之便宜授西山校寨長壯節將軍七月進攻
 平山之珠塢文岳附委差申謝迺進奏啓暉公復許以
 戰盃戰袍授其弟文平後為光中為先鋒將軍十月班師
 隨宜差阮令賓為與穎武侯阮廷棟留屯珠塢協贊

丁卯年九月

撫遠雜錄

卷一

四十九



漕運米粟由海港道以給軍禁戢掠奪寬免祖稅
訪問疾苦收秣才望暫以順化人為縣令阮氏與諸降
將降臣並慰勞使安居二月御駕班師還京令暉公
進取廣南三月暉公留端艷公按取守富春分兵兩
道踰隘雲攻破俱低屯獲福淳母妻淳已於二月航
海奔嘉定僅得達龍湖其殺者阮有猷十六舟皆
溺死官軍攻破中山屯敗其大將李興阮福賜

淳之姪也



正月初三日入城阮族霑罷昇罷百餘人皆歸順文
 武將吏並迎降暉公宣言意撫勞出榜招安官吏士民
 案堵如故市不易肆一方感悅曰不圖二百年來復覩
 朝廷衣冠遣廷休等追福淳及之淳棄舟走踰隘雲
 山隱寺中三日諸從者皆散官軍爭取金玉不復窮追
 淳奔廣南之俱低就其左將軍名阮有猷王上命暉公
 兼領順化處鎮撫開通驛路削平布政康祿舊壘



等社暉公令珍山頽侯阮廷寬率後軍頽武侯黃
馮基爲先鋒迎擊大破之斬俘無算獲象三十
餘隻馬二百餘隻其水兵出戰於獨江亦大敗暉公進
師循山路行政掠托府托沉地面造浮橋渡拜答江
上流福淳不復出軍二十八日去其官府載其金銀貨
寶下船獨與親兵百餘走思容暉公部分諸將差先
鋒黃廷体先往按守富春城四門封其府庫三十六年

阮族城罷阮貺等共謀執獻福峦以舒難順化軍民
 皆歛喜相率破掠其家又殺福峦兄生德侯福淳遣
 其參謀黎公評送福峦由水道行營并奏奉啓進黃
 金八百兩遺暉公二百兩無_之納版籍奉賦貢未得報
 其諛隊名蘇濶言此來官軍在行者不多統將青
 布袍兵士衣服弊陋必非大軍蓋其俗慣浮靡以是
 輕敵遂出兵拒戰十二月初七日濟獨江至良福延生



民將^相率納款留屯道鎮守長祿侯廣平鎮守兼明侯
皆哀老所屬兵前已調赴廣南存者^皆不能成軍亦
兼^並降附^公循長育壘西南行至湛官獲倉粟一
百四十萬鉢其葛營將士亦出輸款自康祿至海陵
五六縣大小官民拜謁軍門者如市無一人敢拒命者
公隨方鎮撫禁戢虜掠軍令嚴肅人人歡呼相慶
各安生業大軍駐明靈縣湖舍社津遣人入諭福溥



久淪異域百有餘年乃上穹闕必合之期而祖尊錫
 敕寧之慶當使軍聲所至山崖谷壑皆春夾路簞壺
 金湯失險四山羅網梟獍窮途震武烈於敷天暢
 仁聲於溥海即阮氏遺裔就擒亦軫世勲不追往
 咎再加存撫用錫生全遂進次秣營指授方畧馳命
 暉公進兵渡湄江至高宰其屯將趨正侯迎命布政
 鎮守捷才候棄城遁之



苛賦重累叛親離蠻寇侵凌生民困擾正攻弱兼誅
取亂侮亡之會特命將士行邊邊猶復文告弘
敷諄勤開諭冀其改悟便卽矜容務宣柔遠之
懷用洽好生之德彼執迷不悟障蔽彌深變詐
百端罪無可赦是用親董師徒冀行天罰分命諸
將直抵烏州隨勢應機宣布威德誅強梁之逆
豎蘇顛俟之殘氓准此二處諸府縣原屬版章



五年甲午又安鎮守端郡公裴世達啓迺布政屯將峯武
伯詞畧言廣南有亂狀時朝廷已定興化克鎮寧
國都甚感令王上灼知阮氏衰弱有釁勢可乘決策
討之即命大司徒國老暉公黃五福爲兼統率平南
上將軍端郡公爲兼督率平南大將軍先往經畧
暉公率師三萬次棟營後書諭以朝廷急援意福
淳未肯輸款亦不爲戰備不一月王上奏知皇上



文岳稱亂驅民爲兵據歸仁廣義二處久承平將
 士坐食不經戰陣聞差擊賊多股慄求克福畵每
 納賄改差後差者求替不得皆怨憤每戰輒走又
 不能繩之以法由是累敗文岳遂破廣南營諸無賴
 商客並起應之境內騷動福畵又誣淳兄文德侯謀反
 數月逃去至南布政州捕獲調回沉於三江人皆冤
 之時順化連年饑饉調發不息軍民離貳三十五



左懃德侯保養且使嘗與諸將會議事務欲立
為嗣澗卒太監褚德侯與國傅外左達罷公張福
忝陰謀矯遺囑立其季子福淳執掌瑤遂囚之而
殺懃德侯福淳母阮氏玉秣乃福忝叔胤罷公之女也
福淳十二歲襲衣位自號慶曠音府道人又名福斯童年
好逐戲歌舞專仁福忝賣官鬻鬻獄頌刑重斂
其叔常為福忝所惡誣以私造兵器囚之時西山阮



聲走尋治為秋沃秋牙注所殺乃進沂尋治龍合螭尊撫
 署高綿國事秋沃秋注牙等獻南榮之地為謝遂還師
 屯龍湖營以鎮之二十五年甲甲偽樞據鎮寧令人至
 哀牢通求道潤福潤潤拒不受賂其銀二十兩而遣之二十
 六年乙酉福潤卒莅事二十七年壽五十一私謚乾剛威
 斷神毅聖猷仁慈睿智孝武王其長子福日昇早
 卒福賜皇孫尚幼次子名掌瑀年二十餘以囑內

撫遠雜錄 卷一 四十三



郭夫賜

何請謝罪十七年丙子 蜀源以尋夜柳梳二府之地請

封貢及補三年前所欠貢例請謝福潤潤不咱責以於

獻亂臣昭錘蝥與塵平高綿晉已伏法報若拒命從不使執送

其孥高綿亦以遠遣道為辭十年丁丑 蜀源卒族叔

蜀潤權其國諸將乞因立之福潤潤不之許款再得其茶榮

巴志之地慕師連年俄而蜀潤潤壻蜀馨爭立請

封蜀尊乃奔河僊猷正侯等分七道兵進擊蜀



城蠻兵卒車乘自哥機援下屯平清丁壯萬餘至無
 斜息處高綿萬眾來追崑蠻行疲結車為墨以
 拒之居貞自平五隊馳援高綿不敢擊手遂得迎崑
 蠻男女三萬餘人駐柁娑丁山下統平馳援抵梧
 之狀善政侯先已馳言居貞拉行福潤怒召回查問
 差猷正侯代將黜善政侯為諛隊崑蠻既附遂攻
 取巴朶南榮殺高綿沃才教其王震驚辰河仙鎮時貞總兵

平定縣志

撫邊雜錄

四十二



淹處遣別將震龍侯往尋治遲府招諭順城崑

蛮為應高綿喻源道八尋治秋府時 堯聖毅祖

思王臨御方討平偽末諸叛宇內畧定威聲遠

震阮福潤潤聞高綿乞援火入安恐朝廷因此動兵

遣報武昌歸洽洽源諸沙槎長等處以山路通高綿

應差蛮人探哨或京中有發兵救助與哀牢國有

援兵急以寔報十六年乙亥善政侯退屯美秋令順



妾御之長者稱左行廊眾妾稱右行廊長子仍稱大
 公子餘以次第二三四五六公子稱雖備置六部令其臣分
 管卒後只贈詹事與參政亦修循舊例十四年癸酉冬
 遣該隊善政侯為總統率記錄儀表侯阮居貞為
 參謀伐高綿十五年甲戌冬分為二道居貞率奇
 兵由八東江進所向風靡其欽隴尋獲巴求南榮四
 府皆降又由秦黎北出大江南與善政侯兵會屯瀘

丁未年

撫遠雜錄

甲子



公至是福澗始僭稱王遂鑄國王之印尊祖阮淦王
 號阮潢為嘉裕大王福源為孝文王福澗為孝昭
 王福瀕為孝哲王福濤為孝義王福澗為孝明王
 福澗為孝寧王改申為奏改府為殿封其親族為
 麗公改記錄為吏部衛尉為禮部都知為刑部
 該簿副斷事為戶部又置兵部工部改文既為翰
 林院然猶用示付字或令傳字亦不立妃與世子其



令臣民呼爲王。繼寵之始，止自稱太保。罷公教。年居
 下，推尊爲太傅。國公褒封百神，用節制各處水步
 諸營。劄付字，其下左右劄付某位。准此用總鎮將軍之印。臣
 民有所闕，白申用字。朱批付施行。所居曰府，祀其先
 祖曰祠堂。卒後始追贈王号。妻稱正夫人。卒贈太
 夫人。子皆稱公子。大公子止封侯。其族姓官屬雖
 極信用，生前只掌營。若掌奇儀，則卒後贈武職郡



航道人衣服男女並從北國體制令

皇土景興五年甲子福洞洞聞中朝連歲兵革偃然自

大時有優曇開花之瑞諷其臣香名侯沅登盛率

群下奉冊勸進僭號稱王其勸進冊有云正名分

于一國維新之始興禮樂于百年積德之基餘又云以

七十里之疆宇自開玄鳥之基矧三千里之輿圖尚

踐桓圭之位益極其尊藥云前此阮氏世為功臣累代



十六人長子福澍繼襲自稱節制水步諸營太傅封國
公別號雲泉道人七年丙午令其正營記錄和德侯阮
登第巡撫廣南諸府

純尊龍德元年季遣將伐高綿取采棍之地立為定

遠州龍湖營懿尊永祐四年丙午福澍平莅事

十二年壽四十三私謚大元帥總國政宣達王長子福
澗繼襲自稱節制水步諸營太傅號國公別號慈



服遂寢謀十五年^{乙亥}三月親率兵南行視廣南鎮營
 整飭士馬保泰元年^{庚子}遣文職延祥男往廣南自
 廣義至富安分立屯屬二年^{辛丑}四月試選場取中格七
 十七人士議沸騰福^潤令正^堂親試詩^賦四六三題士子皆不
 應而出遂並黜之不取饒學一人三年^{壬寅}命延祥男為
 內贊總知諸軍^事申定條例六年^{乙巳}四月卒莅事三年十
 四年壽五十一私謚大元帥總國政靜淵王有子^{凡四}



密無詣鎮司給身詔者不能入布政州九月復回京
 由諒山舊路北歸廣東再踰由白海道入富春以丁酉二
 月至具言中朝王上明斷重用儒臣如鄧廷相正直為少
 傅沆邁英雄為鎮守又親閱步陣練習銳兵水兵有
 法在京寧郡公提督侍馬侍衛軍數之多東西南北四大
 鎮與清花各有官庫入安屯營十八郡公諸提督兵七八千
 與布政三大營兵三千以至戰船兵糧之數二具說福洞具



部回置置於寺院中時年方壯恃富彊有窺伺中朝之
志時禧祖仁王臨御忠艷公黎辰寮以老將鎮乂安守
備精嚴無從知虛寔乃密令福建商人名客平客貴
等自廣西踰諒山開南入問京師及各鎮事情平等
以永盛十二年丙申閏三月至京駐橋東市因通事僞以
至延慶公家以善醫齋得歡留復與北客地學子陳性遠
訪知軍國官民大旣居二月由山南往乂安辰寮法禁示



二處者盡收之二十三年壬午乃大清康熙四十二年遣人附暹
 國貢船齎禮物詣廣東求進貢總督官爲之請大清
 聖祖不許

裕

尊永盛九年癸巳福潤親率兵北行視廣平留屯布
 政諸營名田豐而還十年甲午重修天姥寺極其宏麗閱
 歲方成自作鐘銘稱大越國王居於寺內昆耶園一月遣
 人齎黃金往北國浙江府購有大藏經與律令千餘



工書有文武才畧自號天縱道人十五年甲戌其公孫名惠
 名通謀亂捕誅之十八年丁丑遣將伐占城其國王乞降服
 歲輸貢賦回取其潘哩陽番潮以西之地置為平順府安為
 福禾多二縣改占城為順城鎮封五子為該奇侯爵十
 九年戊寅合掌奇成禮侯將兵伐高綿取同祝肥饒之
 地置為嘉定府福隆新平二縣立鎮邊藩鎮二爰
 闕地千里獲戶踰四萬二十年乙卯查捕茫郎道在



鎮浮槎橫截海口造戰船鑄大礮遏止高旅慮嫩
馳報十一月令鎮邊茅莊營副將萬龍侯為統兵勝
龍侯新禮侯為左右衛將軍正營首文派為參謀
黃進為先鋒以伐之八美湫門屯瀝峰遣遣人誘進會
江中發伏兵合圍攻破其壘黃進走死乘勝破漚碧石
圓南築城慮秋令使出降之許置禮以獻萬龍退兵
退待報逾年不進軍士疾疫耗損諸屬將連名密

漆繼襲自稱節制水步諸營兼總內外平章軍國
 重事太傅弘國公寬和好士其年七月令留舊府爲
 前勇公祠宇移作新府隔舊府百餘里以高正凡漢
 山爲前案種樹培基築墻治路瓦店磚城金營寶
 閣極其在侈即今之富春營也以石修順安寺龍門
 屬將黃進秋楊彥迪於美秋海門移屯瀝灘險處
 劫掠高綿王慝秋亦築南榮堰碧成巴橋南壘鉄



湫海門結為兄弟每年貢獻六年三月其留屯道
 將昭武阮有鑑卒年七十八福瀕悼惜追贈郡公五月
 築官道自萬春至射場清偈館及築戲馬臺二處
 為省閱馳馬之所正和五年甲子冬其世子福義侯福
 演卒其妻宋氏亦卒贈贊國大夫六年乙丑秋其子綱
 領侯阮福濂卒八年丁卯福瀕亦卒在事三十九年壽
 六十八私謚大元帥總國政勇哲王第三子弘恩侯福

熙

城匿菩走死匿秋出降六月還兵立匿秋為正國王

治高綿匿嫩為次國王駐柴棍年年朝貢以楊林

侯為泰康鎮守二年乙卯六月其子協德侯卒

尊永治四年乙未五月大明通臣龍門將軍楊彥迪率

戰船五十餘艘兵三千餘人泊思睿沱漾海門外畏順

化兵不敢入思睿守將令出問之彥乃迪樹白旗出降福

瀕即令往居高綿國界命高綿王分地許彥迪駐美



縻爛城中危急昭武力戰固守夜憲不能克乃撤兵還
大駕亦班師命官鎮守又安處兼布政州督率駐株
營分兵列屯札布政水城庄蘇舍社嚴設守備以大
靈江(卽神河)爲界南北休兵

德

元元年 甲寅 二月高綿國_二憲_一菩_二逐_一其主_二憲_一嫩福瀕遣

芽庄營將楊林侯伐之以首合延派子爲參謀四月分

兵二道夜龍峽破墟珀石壘斷其浮筏鉄鎖直進南榮



戰船屯明靈海門盡起五縣鄉兵列屯長沙海渚而
 進屯武昌縣全勝寨自為聲援加兵守鎮寧城十月車
 駕進屯正始社別將攻拔密結山屯破走其將雲長十一
 月攻鎮寧城填壕穿壘城將陷其守將欲走昭武引兵
 助守官軍盡力攻之不下兩軍損傷甚眾十二月車駕還
 屯布政州永安社扶靈殿命豪魁公黎辰憲留屯正始
 社攻鎮寧城發火破陣一母千子聲如巨雷所射皆摧折



陽德元年 壬子 六月弘祖徵兵十八萬奉車駕南征盡

徵西洋和蘭諸鏡手火器水陸並進順廣震駭福

瀕先使協德侯其子防守昭武守葛田聖與沙場海岸美

勝守正壘純德守柁桐德兼守寧城鎮順忠守海為耐橋秀

愛才禮率戰船列木植捍營以守日麗海門朝信守洞

海壘福瀕恐王師起八諸海門又令三水奇右柄隊戰

船屯思容海門中水營三隊戰船屯越海門後水隊



豐府各縣鄉官以四月於府泐浮墟點閱軍器戰具

廣平屯布政等營與廣平府布政諸縣鄉官待行正

差驗又令官各將器馬射法其秋闈天下等四年丙午迄

思容海門修通山和榮寺極為宏麗六年以甲申開麗

水縣運港水道總通不復壅塞易行七年己酉分差

度三處田定為三等及在州枝各土各項徵收稅粟公

田許本社分耕納稅各族私田許其族連耕別徵嘉尊

撫邊雜錄 卷一一 第三十二張



義奔保日麗壘昭武奔保嘉設社四年辛丑福瀕令昭武

鎮守南布政州屯福祿社築壘上自岩罅島下至長安

裊依江為固十一月昭祖統大兵南伐萬慶元年壬寅遣

陶光競渡河屯福寺利村福瀕遣子協德侯禦之令昭武

退入洞海大壘固守乘官軍少懈夜出劫寨破黎辰

憲兵官軍乃還其冬築鎮寧田壘對同為犄角之勢

玄尊景治三年乙巳令正營舊平康營君文武三司及摩

LXIV



及獲象馬軍器送廣平營福瀕釋德禎還國時順
 化兵久住思歸新脇取大安兵並怒憤不為用相聚語
 欲道去逃歸三年庚子順義侵三利黃星我膠擊破之大安兵
 或發射無彈或揮劍不斫去者將羊逃回越營因退歸
 南布政州道見黃蜂無數亂來相咬徒眾皆蔽首遮
 目而走不敢返顧大安降兵逃竄散回多為所殺號
 泣滿路昭武亦棄獨江奔回橫山大軍乘勝長驅近至順



軍而自還廣平是時弘祖陽王已正位昭祖康王總兵權
次于林營規議恢復軍政嚴肅屬將黎辰憲黃義膠
皆勇敢福瀕不敢北窺相守連年藉大安南河七郡民
兵收丁傭括田租甚於騷動永壽元年戊戌九月以高綿
國匡禎主侵境差鎮邊營副將燕武侯諺隊春勝侯
明祿侯參謀白執旨文山嶺伯率兵三千南伐以初九日發兵
至二十九日至高綿城大破數陣生擒匡禎王并其酋部落

猗猗四年丙申五月為寧魏公榘所破大敗於大奈瀕始阻
 瀕先聞順義累勝自將率布政扶路二枝兵欲接應經
 掩梳至茄墟處見舍人名富惶惶走入報謂掌事奇朝康
 鎮守扶陽兵已敗走寧郡公追至掩齒其兵已近請速退
 之福瀕大驚即退南布政州及聞順義昭武兵回屯林營
 寧郡不遂追斬舍富回住廣平縣安宅營五年丁酉
 五月復出石河縣令築壘南邊沿江自源頭至海口以御官



叔忠信侯為淫婦宋氏所誘謀作亂事覺收捕四能還
第令兵民破宋氏家仁取財物尋殺之福瀕卒恨率又安
邊兵遇河侵掠欲謀北伐夢神人發片紙有詩云先結
人心順後施德化昭枝葉雖摧落根本也難搖知終不
能敵王師然軍以順義昭武為將三年乙未二月水陸並
發攻北布政州夜龍襲破奇苴鎮營大安鎮守鄭檣敗
之寧郡公鄭欉伏兵於樂川侵據奇苴石河等縣勢甚



侵擾富安差雄祿侯為總兵舍人昭武為參謀率兵
 三千伐之至富安即以四月初三日乘夜逾石碑山布楊山嶺馳
 至娑^杜秘^杜王寨縱火急攻大破之長驅至安潮江娑^杜秘^杜遣子
 壳娑^杜懸納禮乞降福瀕許之合為^分疆界取其地自江之
 東邊至富安立為秦康^延寧^二府設秦康鎮守營江
 之西為占城國其年六月羣下推為節制各處水步諸
 營兼總內外平章軍國重事太傅勇麗公二年^{甲午}其



卒莅事十三年壽四十八私謚大元帥順廣等處仁昭王世子勇禮侯福瀕繼襲自稱督領水步諸營兼各處內外總國政太保勇麗公剛猛有斷嘗得大安妓陶承極其嬖愛因讀書見吳王寵西施事即悟令陶承遮衣賜其將義山寫密旨於衣帶令義山鵠殺之神尊盛德元年癸巳令諸將校整修器械藥礮軍需戰具糧三月就安舊社點閱以詳足欠堅弊定賞罰占城

饑流餓甚眾八年壬午令香茶廣田富榮三縣兵民築作
 習水兵場一座於洪福社築土山一嶺高三十餘丈以七月期
 操練水軍飛射大礮真尊福泰元年戊子正月上命大安
 鎮守進郡公鄭檇率諸軍南伐差嘉麗公率水軍越海入
 日麗海門攻破廣平營屯於武舍福瀕禦之駐武昌縣全
 勝寨遣福瀕送雄象百餘疾馳龍衣破嘉麗營書盡俘其
 眾檇走於是留兵屯武舍号留屯營以防軍官福瀨還而



自稱節制水步諸營兼總內外平章軍國事太保仁麗

公福瑛亂作葉俱低壘列水軍於沾瀑海門福瀾遣將擊

之步軍到俱低水軍出山茶萊泳交戰朱隊宣隊祿先侯也驅過隘

上直到廣南焚營柵於福瑛田誅之以掌營雄良代鎮移作營

府于香茶縣金龍社二年丙子告訃於朝差官吊慰六年

朝廷誅托布政州鎮守賢麗公阮克將阮福瀾以為去

其所忌且喜興甚嫂宋氏通恣荒淫妄行殺戮境內旱



廣南鎮守楊義侯福瑛密啓其父哀老恐後不免賦
 臣之名乞官軍進入率眾來降文祖納之奉神尊南巡次
 日麗海門福源令其將^美淡勝侯^昭武侯與廣林侯拒守某馮
 江沙墨植木捍海口王師久駐不見福瑛來降遂班師命
 賢俊侯沅克將鎮守北布政以備之六年^{甲戌}冬陶維慈卒
 陽和元年^{乙亥}十月福源卒莅事二十二年壽七十三私謚大
 都統領南方總國政瑞陽王第二子仁祿侯沅福瀾維龍衣



專地抗命引其壻玉山雲齋人順義阮有進為將其徒
 宋山嘉苗外寨人昭武阮有鑑為督戰隆德二年庚午春
 築壘上自長育山下至郊野夾于海涸沙渚九月奪據南
 布政州教州官取庫錢盡以藉民為兵三年辛未冬築銅
 海壘依山傍澗上自兜鑿山下至日麗海門四年壬戌壘成遂
 不供貢賦又不待欽命自立二處逆陽閔定壯項軍項民
 項以增兵數及額添兵丁稅兵財有餘五年癸酉其子



之福源知其謀捕於文右并誅其黨啓至日麗聞之而還兵
 福源遂怨侮朝廷三年辛酉將使部將和罷公破哀牢
 樂凡五年成祖薨文祖議王定內難福源上啓進賻并稱
 賀未幾陶維慈逃入勸福源勿輸貢賦反謀遂決維
 慈玉山莊齊人永祚乙丑試士有司以倡家子例斥不許登
 價遂入廣南順化因其甚理貢郡公薦于福源自比諸
 葛一見相合私署內贊大理寺卿祿溪侯於是日夜謀議



錦麗公等三人邀王師道旁謝罪因留為質是年十月進其女為王世子清麗公正夫人弘定三年壬寅使福源鎮廣南十四年癸丑卒前後撫治五十六年壽八十九冊贈謹義公謚恭懿命福源繼為順廣兼鎮守加太保時年五十一後官廣田縣福安博望等社

神尊永祚二年庚申其弟文麗右麗密啓言福源不臣乞官

軍致討已為內應事平乞分鎮二處上命登麗公沆啓迎



京城十六年癸巳車駕還京五月潢入朝年已七十矣留爲太尉
右相進封國公仍領順廣道扈駕諒山攻海陽討宣光有功

敬尊慎德元年庚子五月端國公沆潢謀使水軍潘彥吳廷

義反於大安海口乃請自討至則佯爲不勝由海道還順化

成祖念至親遺書撫慰責以大義潢乞留鎮許之是爲阮
氏專地之始潢初入特營于武昌縣愛子社浮沙樞處至
是復回舊鎮有子十八人携第六人瑞麗公福源從行令子



以撫其眾洪福元年壬申偽先罷公乃布政人為莫氏白道

引偽立罷公自海陽率水軍六十艘寇順化廣南土人多降

潢分道拒守誘至偽將立斬之于瓜瓜地名海陵縣水永淵先兵潰走

共溺死立罷公走布政得免自是不敢順窺廣潢有威

畧密察並嚴明人不能欺為政寬和馭軍並嚴肅二處兵

民親愛信服歲輸稅賦以佐軍國朝廷賴之

世尊光興十五年壬辰成祖哲王大舉東討於莫茂洽克復



守順化以防東寇與廣南鎮守鎮罷公相為救援地方事
 無大小一切委之十一年戊辰鎮罷公卒以元罷公阮伯駟代之
 十三年庚午世祖召伯駟還命阮潢兼行順廣二處統率
 兵象船艘鎮撫方民阮氏遂兼有二處之地

世祖既薨蕭牆兵起清又二處亦皆搖動獨順廣是安牆堵
 十四年辛未康祿縣衡普人失罷公謀圖阮潢降于莫潢
 殺之廣南土司將互相殺掠潢悉誅之委偏將勇罷公留守



王師討平順化乘勝定廣南設兵分兵鎮撫二處偽莫遣

范克寬為順化營參將自京回集徒眾為柳林侯所破

殺其淨川伯黃賢亦為丕承所誅惟黃盃拒守海陵源

頭五年不降其將香陽伯范德中密輸款執殺之二處皆平

諸貢士多越海從莫者朝廷加意撫諭設三司府縣官

以治之人心尚懷反側

英尊正治元年戊午世祖太王阮塗差端罷公阮潢將本營兵鎮



破走正中於山南論功以奠盤人阮礼爲同春侯金茶人黃
 廷顯爲桂林伯海陵人黃孟爲圓潭伯胡遍爲延長
 伯布政人范克寬爲岐江伯明靈人胡公卿爲柳渚伯
 其中場貢士以堅守忠義亦銓序取用以悅人心時

本朝已中興 世祖太王尊扶莊尊裕皇帝於西都奄有愛
 驩境土元和季年使西郡公黎丕承收兵攻掠順化各縣土
 豪及偽官相繼歸順中尊順平四年 壬子 乃偽景歷五年



眾互相交攻聞莫登庸篡位差官^撫擄寧亦稍自戡副將
黃公珠相率朝賀受偽朝東伯偽信王將往經畧公珠
拒命作大帆船西復以卷蓬自頭至尾蓬上設梯道通行
以五六大艘橫塞日麗海門戰敗被擒送京斬之偽大正
五年^{甲午}楊璉復謀反與土及日互相仇殺亦敗死順化稍
安二十年有偽弘王莫正中之亂與莫福海子福源爭
國莫敬典阮敬等召順化諸將赴京差從各營進討



除中尉新進出身除武尉分各衛文屬有出身除知縣丞
 無出身并軍色人民除副衛尉是辰紀綱紊亂盜賊群
 起朝廷不能制五年曠順化土首明伯光子弟憤總兵范
 文訓殺伯光率本處四千餘人逼城逐之文訓棄妻子奔
 新平承宣使范謙柄憲察吳光祖皆乘船逃順化掠文
 訓妻子財物固要承憲官速任朝廷不暇問也偽莫既篡
 使其弟偽信王莫檄領化道特地方擾亂土豪各擁兵



三社平山縣六總七十社暮花縣六總五十三社懷仁府三

縣蓬山縣七總三十二社符離縣六十一社綏遠縣六總二十社

中興弘定初改新平府為先平府既正改為廣平府取摩封府之奠盤縣
建為府管五縣隸廣南改打拉府為黎江縣為醴陽縣熙江縣為濰川縣

改思美為廣義府依仁府為歸仁府又仗取占城高綿國地建富安平原
平順延慶嘉定五府及河仙鎮立藩鎮鎮邊龍湖等處其拓地為甚廣

憲尊景純中設順化守禦所威穆帝端慶四年命黎子

雲等經理廣南盡誅在京占人昭統光紹二年丁丑定今元

順化漕運軍粟二遭並勒官陞一級賞三司前武士已身



府八縣四州新平府二縣二州康祿縣四總八十社七村四庄
 慶水縣六總二十八社二州南布政十二總六十社二庄明靈
 縣^州八總六十三社肇封府六縣三州金茶縣八總七十二社
 丹田縣八總六十五社海陵縣七總五十五社沙孟州十總
 六十八社順平縣六總二十六社廣南承宣使司管三府九
 縣升在府三縣黎江縣九總七十三社熙江縣八總五十八
 社河東縣八總四十六社思義府三縣義江縣十二總九十



民生男十五歲以上俊秀好學至鄉試日公同選取充本府生
徒二十一年庚戌四月定天下版圖承宣十三處府五十二縣一百
七十八州五十鄉二十坊三十六社六千八百五十一村三百二十二庄三
六百三十七柵四十洞四十源三十場三十自此永世遵守各處
社村庄冊辰有分合鎮府縣州迨今無改惟順廣二處阮氏
相繼鎮守間有開拓增添見載於後

按本朝天南餘暇集載洪德中定版圖順化承宣使司管二



鎮守敢有不從殺然後奏又命杜子歸為同知州知太占
 軍民事蔡倚阡為古壘州知州知軍民事占人敢有悖亂
 殺然後奏六月以占城地置為廣南承宣使司及升在術又
 設總兵集察為司順化廣南二處並設三司寔設始於此洪德十
 二年辛丑四月以廣南無船軍民逐年江稅常有損失勅自
 今每至納稅期許廣南承司移詞順化三司交付稅物差
 人轉遞上達納十九年庚申十月命廣南參政范伯尊以軍



二年辛卯正月命鎮兵出海試舟師又令土酋阮武圖蝨占城
山川除易以進沙盃土酋續琴順平土酋道二皆來朝貢行在
猴順城倉粟舂米漕赴軍前二月破閣槃城順化軍生擒
茶全其將逋特走至藩籠據其地稱王得國土五分之一使
人入貢乃封為占城王又封翠英梟王南蟠王凡三國而取其太
占古壘之地以洛人巴太為太占同知府多水為僉知州王
諭之曰太古古壘舊為我境近代淪於占國今盡復之特命

使聞知

聖尊光順七年丙戌二月置各道宣政使司以阮特達為順

化政宣撫使六月設立十三道承宣曰清苞又安順化天長南

策國威北江安邦興化宣光太原諒山寧朔中間改路為府改

鎮為州八年丁亥六月令十二承宣勘管內山川險易古今事

跡益圖詳註工戶部化州參議鄧帖疏興便五條一曰保

守思客二曰塞澳海門三曰開蓮渠四曰罷源頭稅五曰招



邊圉逮我太祖高皇帝立國之初以爾盡力備禦始終
 如一世守忠義厚加恩爵頃者占主率領兵衆攻圍時援
 兵未至事勢危急爾又能踴躍奮不顧身出於萬死以
 一敵萬卒殲強虜保孤城使皇威遠賜皆爾等之力也
 今遣政事院密參謀正殿子傑翰林院待制黃筆夫賚
 捧勅諭往慰勞其民諸邑有戰功及陣亡之家令守關
 開奏旌賞其被賊燒掠聽復三年租稅故茲詔諭咸



公領兵赴援一鼓大破明年命將出師公又以安兵應先
啓行既渡海臨境賊守將見我師約束嚴明部分整
肅知爲公軍傳呼曰將軍者非司馬公乎公免胄示之賊
皆羅拜趨餽方物不敢爭鋒自後公之所向賊望風必
奔潰曾無堅敵卒能用長綏繫降王振旅而還

別錄載太和甲子年八月初七日詔書勅諭化州將士軍民等

曰爾等地接占城累被叛掠乃祖乃父能竭力攻守以固



攀木緣山僅以身免隻又分軍渡海擣攻俘馘無算丙寅春
 問罪占城隻領前鋒擊賊於升菴思義等處與諸將計
 議得王尊孫左貴來徑入闕槩遂於責諄又按阮如堵瑛黎
 料廟碑文言順天三年帝以化州舊壤畀於占國宜有重臣
 制問命公以行軍總管鎮其地公既至招流移勸農桑
 練士卒固封守政嚴而和民敬畏之占人畏威慕義還所掠
 人口四年召還仁尊太和元年命知又安三年占人叛化州



命知二府軍民事甲子夏占主親率兵象海船圍化州連隻
日夜固守闕連城出戰身先士卒賊潰縱兵追擊以水軍
潛伏於其大將賊又以水軍來龍襲隻先知之潛伏水軍於
其將盡獲賊船詔書褒美以為萬里長城乙丑夏占主復
入寇其夜暴風雨江水溢隻以水軍大鏖戰之獲賊船二
千餘艘賁諒宵遁隻分軍以宣撫使沅遠守城自追之
獲王舶戰船不可勝紀占人大潰長驅追至顧唯賁諒



大敗而還四年丙寅大舉伐占城二月黎受等諸軍至離
 江靈郎古壘等處開通水路築立城壘與占人戰大破
 之乘勝直抵施耐海口四月攻破闍槃城於其王賁諺送
 京師立賁來為王按阮夢浪^首撰黎隻神道碑文言隻
 於紹平中鎮新平順化練習士卒兵象海船其地接連占
 城而守備廢弛壁壘傾頽下車之初整搆器械深築城
 池練習士卒畜積糧儲縱使間諜措置得宜太和元年



州為重鎮每命重臣守之設路總管路知府

太尊紹平元年甲寅占城掠化州又命司馬黎列總督大安

新平順化諸軍就新平順化地分迤省又命少尉黎軒

總管黎隻同督新平順化軍隨之軍至占人已退化州

蛮道成爲道論禍所攻乞援列等引兵助擊得人口千餘

象數十以歸

仁尊太和二年甲子占城寇化州三年乙丑又寇化州安客城會



人曰昔者占城逆命侵我邊疆乃祖乃父能輸誠助順
 圖報國家殺敗賊徒復我境土芳名偉績簡冊昭垂今
 者明人不道上逆天心黷武窮兵務開土地生民塗炭二十
 餘年凡我京路未見披忠効力樹立功勳而爾等以藩屏
 之臣克念祖父之力盡忠王家先軼有功若斯忠誠良可褒
 獎特升爾爵爲亞大僚班爾其勛哉時布政州人沈子驥
 獻策稱旨授軍師戊申年明師退還海內大定帝以化



隆州乙巳年圍大安城其秋七月遣陳杆將軍千餘象一
隻攻新平順化等城收復人民至布政江遇明兵杆等列
兵入徐伏於河羗與明將戰佯托明兵追之伏兵夾擊大
破之帝又命黎銀將戰船七十艘浮海宜抵其地人民
咸來歸順於是收其精銳分設軍校出圍東都連戰
克捷丁未年遣降人領馬三百五十七匹往化州牧養
又分所獲托人令往於新平其夏諭新平順化將校軍

秋糧二百七十三石二斗九升九合其升花府不載幾社戶口止
 云領州四縣十一升州三縣黎江都知安備花竹三縣萬寧
 具熙禮第思州三縣持平白鳥義州三縣義純鵝丕
 溪綿益升花府為占人所據州縣徒建空名而已明人
 於新平順化各設守舶提舉司順化又有抽分場益海
 道商販所聚因征其稅

本朝太祖高皇帝於戊戌年起兵藍山壬寅趨大安克茶



城未暇問也按明志永樂時設文趾新平府社三十七頃化府

社七十九新平府戶二千二百三十二口四千一百三十八頃化府戶二千

四百七口三千六百六十三新平府直隸縣二衙儀福康領州

二縣一政平州南靈州左平縣民田地二十七頃五十六畝七高

夏秋糧米二百三十三石絲九斤十三兩四錢官房租什貨寶

紗十貫順化領州府二縣十一頃州四縣利頰調石蘭巴蘭安

仁化州七縣茶陽頰利蓬乍合思客蒲朗士榮民田七十二頃夏



攻取之計晟曰化州山高海濶未易圖也輔曰生我是化州作
 鬼也是化州化州未平何面目見主上自發每師凡二千一曰犯化
 州城破阮景畧各師於蔡茹港獲阮景畧異鄧容重光帝
 奔光槩被執化人皆降而後陳亡矣張輔始至又安得陳
 降臣潘僚訪知相將之賢否兵數之多少山川之險易於
 是決計入順州甲年春輔晟招新平順化人分處治官
 與土官同辦事助勘人口募造戶籍七然升花府猶陷於占



悉大破范世矜於日麗海門安代山獲之十月順化新平人安

演州清花五路兵進討東都大破沐晟於通姑軍聲大振其

明年己丑簡定帝以說殺悉及參謀阮景興真悉子容

景真子景畧異以順化軍回清花立陳季曠擴為帝改元重

光簡定帝為張輔所執重光帝退保人安相拒數年新

平順化二路軍宣力為多四年壬辰張輔侵人安陷演州五

年癸巳四月帝為明師所迫幸化州六月輔與沐晟會議



世矜為心腹二胡既敗占人舉兵欲收故地殺古壘縣上侯
 制麻奴晦卿走還化州土官土噶與鄧悉亦回噶領遷民
 陸行差遲悉本行先至順化路鎮撫使阮豐拒不納悉
 力戰殺豐遂入城拒噶噶不勝奔占城復據弁花占人因叛
 化州鄧悉降於明將張輔輔遣官軍助之占人引還
 范世矜軍降於輔授新平知府其冬簡定帝起兵建元
 興慶駐兵又安悉即眾領來降共圖恢復二年戊子宵



還自并此花府為內地八我版籍與新平順化遂為三府
各屯內地以控制占人二年甲申漢倉令開運花港自新平
至順化泥沙噴起不成而止化州海腰門決以京軍填塞
之四年丙戌將有明師來戰漢倉以義州安撫使蔡光祖
行并花安撫使召宣撫使阮參光還命黃悔卿以行
遣領并花太守新寧鎮節制其年明師破東都
次年丁亥二胡被執悔卿到并花郡以土官鄧悉范



布冬之言胡漢倉紹成二年^{辛巳}三月修治道路自西都城
 至化州沿途至浦舍傳書謂之千里衢六月大舉伐占城
 其王巴的史獻占洞古壘洞地季犛年自分為升花思義
 四州置升花路安撫使以治之又以源顯為新寧鎮起狻
 無田而貧財者遷居升花編為軍伍募民納牛賜爵以
 給遷民開大元年^{癸未}再伐占城預分思義以南至暹羅
 界版達即黑白及沙離等地為州縣圍固樂城不克而



陳渴真所破敗死於海潮江其餘眾歸國二路王真豪潘
 猛范矜始率眾歸順猛邀擊占城奔卒有功命管二
 路聖翊軍順尊光泰^{辛未}命黎季犛領兵巡化州閱
 定軍伍脩造城池占人多有才智者是時嘗獲其將布
 冬使為將後胡時使守多邦城乞送精兵就境上逆
 戰不宜縱北寇入平地使得恃其長兵通其脉絡諸將不
 從迨明將張輔與沐晟合兵來攻國遂不支始悔不用



直犯京圻焚掠而歸葢舊其常許由海道朝貢燕知
 遠近也睿尊隆慶三年乙卯改臨平為新平府督清化
 又安新平人治之道路自九真至河茲將有征占之役又命
 黎貴季聳督又安新平順化漕運是時新平順化二路
 與清化又安瀟三路並稱重鎮占人西由海道入犯京畿
 其主制蓬莪又潛行山路由廣威鎮出美良縣孔目冊水軍
 由海門入黃江勢力甚猖蹶新平順化人多叛從之蓬莪為



遼人侵掠命杜天觀遼為大安臨平經畧使裕尊紹豐十三年

癸巳大舉伐占城步軍至古壘水軍不克進乃還占城邊

叛化州命張漢超領神策諸鎮大治四年辛丑以范河窗

為臨平府知府臨平州設為府不知何時又命杜子平補臨平順化軍及

繕完化州城九年丙午占人叛臨平阿窗擊破之命為

大知府行軍守禦使十年丁未使陳世興伐占城敗役沒

藝尊紹慶二年辛未閏三月占人遂入叛船入大安海門



款又安真臘國即今之高綿國也

陳英尊興隆十四年丙午嫁玄珍公主于占城主制是占城

以烏里二州為納徵物十五年丁未以羅木作紅色蓬村人

不服命行遣殷汝詔往宣德意改烏里二州為順廣二

州簡迪其眾授之以官仍給土田免租稅三年二十年帝征親

占城至臨平分軍三道一軍由山道一軍由海道一軍由法道

俱至占寨諭降其王制封其弟為侯二十一年癸丑占城為

一

撫邊雜錄

卷一

第九張



制矩請以地理麻令布政三州贖罪許之放制矩還國仁尊

太寧四年^{乙卯}命李常傑行邊益二州山河形勢為圖改

地理為臨平州麻令為明靈州招民以居之自此奇花以南

橫山一帶之外始歸我國越版圖至龍符三年^{癸亥}占城

王制麻那八寇復取三州^{甲子}李常傑討破之麻那

復納其地朝貢相繼神尊天順五年^{壬子}占國人具船

逃歸至日麗為寨人執送京師占城遂與真臘連兵入



編縣豈非以今本國都城為中正之地四方之所湊會乎

漢縣極大如順廣二處乃宋時之占城國晉唐時之林邑國而在漢只為象州一縣地耳唐書地理志安南道靜海軍節度管十二州曰交曰陸曰峯曰愛曰驩曰長曰福曰祿曰芝曰武曰潢曰安此時占城國初號林邑復號圜國不知分界在何處但志中又有甲州橫山麗五縣或即今順化之地李聖尊天既寶象二年配親征占城擒其主制矩以歸

麗涂在海外珠崖儋耳三麗今其瓊崖等州漢辰已
罷班志不載戶口不入只以三麗言漢戶不過五萬九千三百
九十口不過三十一萬八千五百十一廣西省在漢時為鬱林一
麗戶不過一萬二千四百十五口不過七萬一千一百六十一通併
今之西省在漢戶僅七萬一千八百五十口僅三十八萬九千六百
七十三是國地在漢倍其半口三分幾倍二况孫吳未分交
廣為二州之前在西漢時交趾刺史兼統兩廣治在龍



撫邊雜錄卷之一

奉差順化廣南等道參視參贊軍機順化處協鎮
撫右勝奇人侍陪從戶部左侍郎穎城侯黎貴惇撰

漢武帝平南粵以其地分置九郡今兩廣東西本國只得其
三似乎不侔然以漢志戶口數較之本國得交趾九真日南
三郡二十餘縣在漢辰戶共十四萬三千七百四十三口共九十八
萬一千八百二十八而廣東省在漢時為南海蒼梧合浦三

丁巳年陽曆本

--	--	--	--	--	--	--



順化廣南二處公私田庄花洲數徵收粟米舊例總數

順化廣南二處鎮營諸司官屬戍守兵士舊例

順化廣南二處人丁數額調送各項揀送別數分設軍

校舊例總數 卷四 順化廣南二處 源頭遠司渡河市渡稅例 金銀銅鐵稅船運例

卷五

人才詩文

卷六



撫邊目錄

卷一

順化廣南二處開設恢復事蹟

順化廣南二處府縣總社村庄寨名數

卷二

順化廣南二處山河形勢城壘治所道路站驛

卷三

丁未年記

撫邊雜錄

卷一

第五張



--	--	--	--	--	--	--



亦可備一覽云

景興三十七年八月之望

奉差順化廣南等道參視參贊軍機順化鎮協鎮
 撫右勝奇八侍陪從戶部左侍郎潁城侯延河桂堂
 黎貴惇允厚書于富春城之朝陽闕



九重宵旰者未免不夙夜思慮尤類同僚大將官怡和贊
理督視二三大夫交相孚勸得以輕裘緩帶嘯傲於河漢
天姥之間豈敢以政通人和自詫哉治以無事不生事亦不
廢事則民自稱便民旣安利則亦無事也問因經歷山川
詢訪遺跡尋閱舊例蒐訪人才隨筆記之遂成卷帙因
名曰撫邊雜錄影鴻一爪姑以畱誌當年耳然在朝之君
子有或查考南陔諸事迹欲不出戶庭而坐知千里則以錄



獲只誅其裨教人党羽百餘並從寬釋不曾張皇賊勢啓
 言於朝以冒功賞阮族與舊臣來見者稱旨撫慰禮道重
 貨一切不取飲食雜餉亦時受之對他共嘗以示無間仍給
 阮族公田有差俾有生業其詣京者奉給盤纏之外別
 加贈贖丁祭親詣學宮貼札諸生就學數百人時與請學
 論文獎惜訓諭諄諄為僕不敏不敢希古人所謂忠信之長
 慈惠之師然自莅任以來思所以撫循百姓安集一方仰觀



者給付、或依例、或減一分、從所乞、招舊鹽場村、坊、給憑、
關、碓、順、情、補、稅、前、阮、氏、所、職、也、一、切、依、舊、官、吏、軍、民、許、
租、田、伍、相、均、給、宣、布、晚、條、申、定、執、田、贖、田、律、限、社、其、爭、訟、革、
異、樣、衣、冠、俾、遵、國、朝、制、度、念、錢、輕、物、貴、許、以、寬、限、改、制、
又、以、丁、田、未、經、開、類、令、縣、官、屯、官、送、下、各、縣、總、長、列、式、標、網、
令、其、類、簿、一、月、完、納、丁、數、之、多、少、田、數、之、高、低、荒、依、簿、收、進、
不、加、駁、移、所、以、寧、初、付、之、心、也、偽、綿、德、侯、作、亂、海、陵、遣、使、勅、

雜居裨校倚勢竊據撤舊軍房爲新列屯專行勾勘
鉛錢不行粟米踴貴鹽鹵廢業舊官與土人相爭田土並覓
生誥訐吏民衣服殊別悍者罵弱者鬱僕與同僚規議
區處事宜始權署題吏定訟例禁屯官勘訟縣勘鎮勘
各有常式飭將校戡本兵脇奪令軍人往工流允執士採
薪芻禁括入民家使民間鉛錢用三當一通甘露江源頭之粟
逸舊巡渡市稅之苛細者一百四十所其餘有民社願坐收



以庸才幸逢仁聖甲午秋奉侍政府值有南征之役命將出
師繼而六飛整駕十一冬克平順化乙未夏官軍定畧廣
南謀謨指畫幸得參預是冬設鎮撫衙門於富春春端
郡公以督率兼領丙申叨膺簡陶命參視軍務協鎮斯
土八其境吏民案堵田野墾闢耕鑿皆安喁喁向化
聖主征討綏懷之威德有以致然上將前倅公軍令嚴肅到
處招集之功亦不誣已顧鎮司新設百事草創于辰兵民



撫邊雜錄序

士君子之莅官從政也豈惟雍容廊廟談文雅稱德望
 辰而巡歷邊遠闔有方面之責亦思所以撫恤兵農興使除
 害宣條布教移風易俗盡其心力之所及循其職分之當
 為以副宸誥加惠元元之意雖辰有難易勢有可否隨
 辰而劑量之自無不調適也宋歐陽公云治民者不問史才
 能否但民稱便即良吏為政而至使民稱不便其可哉僕



丁學陽雅志

--	--	--	--	--	--	--	--

Tim Jách



丁卯年歲反

無邊雜錄

卷一

第

張

--	--	--	--	--	--	--	--





無
邊
雜
錄

QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

XUẤT BẢN 1972

TỦ SÁCH CỔ VĂN
ỦY BAN DỊCH THUẬT

Giá : 750 đ.

